ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Bát Thập Lục Niên

TÒA THÁNH TÂY NINH



CHÂN DUNG
HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Soạn giả: HT.Trần Văn Rạng

Kiểm duyệt Kinh Sách Đạo
Số 102-KD/TT ngày 23-07-1974

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Tái bản lần thứ nhứt
Hoa Kỳ 2011

Chân Dung
HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Soạn giả: HT. Trần Văn Rạng
Cao Học Sử - Giáo sư Sử Học

SÁCH BIẾU - KHÔNG BÁN

Thực hiện:
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547
Fax: 408-440-1372
Web: www.banthedao.org

Xuất Bản
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
2011

ISBN # 978-0-9825307-3-3



MỤC LỤC

Chương I : Giáng Sinh vào Tiết Đoan Ngọ

01 Một thiếu niên diệu thường 11
02 Một thanh niên Ái Dân. 19

Chương II : Thiên phong Hộ Pháp

01 Ngộ Đạo Cao Đài. 22
02 Tiêu ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ 45
03 Tân pháp tu tịnh 51
04 Mười hai vị cao đồ đầu tiên 55
05 Thiên phong Hộ Pháp và khai Tịch Đạo 58
06 Thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo 70
07 Phá phép ếm Long Tuyền Kiếm 79
08 Quyền năng Đấng Tạo Hóa 84

Chương III : Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài

01 Bát Đạo Nghị Định: Quyền Chí Tôn nơi Giáo Tông và Hộ Pháp. 91
02 Ba Hội lập Quyền Vạn Linh. 100
03 Ngài Lê Văn Trung đăng Tiên 104

Chương IV : Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài

01 Nắm quyền Chánh Trị Đạo 110
02 Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới 118
03 Qui định về Lễ Sĩ, Giáo Nhi và Bộ Nhạc 119
04 Kinh Thiên Đạo Thế Đạo. 123
05 Lời Cảnh cáo không cần thiết 128
06 Pháp đàn áp Đạo. 130
07 Việc xây dựng Đền Thánh 141
08 Bộ Đạo Luật Năm Mậu Dần và Cơ Quan Phước Thiện 150
09 Việc mặc Đạo phục đi hành Đạo. 158

Chương V : Mã Đảo Pháp nạn

01 Trấn Thánh Phi Châu 163

02 Hết mùa Pháp nạn 173

Chương VI : Vai trò của Đức Hộ Pháp trong Thể Pháp và Bí Pháp

01 Phương Luyện Kỷ - Phép trị Tâm 181
02 Cao Đài Quốc Đạo 185
03 Đức Hộ Pháp tái thủ quyền Đạo 191
04 Đức Hộ Pháp thuyết Đạo về quyền năng tôn giáo 198
05 Đức Hộ Pháp ân xá các Chi phái 202
06 Những chuyến đi thăm thiện chí 206
07 Đức Hộ Pháp nhập Tịnh Thất 209
08 Vai trò Đức Hộ Pháp với Bí Pháp. 213
09 Người ươm mầm Đạo Dịch. 215

Chương VII : Đạo Cao Đài ra mặt Quốc Tế

01 Đức Hộ Pháp lập Long Hoa Thị 222
02 Việc lập các Phủ Từ và Ngọc Xá Lợi. 225
03 Xây dựng nơi thờ Diêu Trì Cung 229
04 Đức Hộ Pháp Âu Du. 230
05 Lễ Khánh Thành Tòa Thánh 239

Chương VIII : Những Hoạt Động cuối Đời

01 Một chuyến đi. 246
02 Những hoạt động cuối Đời 254
03 Triều Thiên trên xứ Chùa Tháp. 261
04 Bát Thiên tính của Đức Hộ Pháp 274

Chương IX : Giản Lược Chân Dung Phạm Hộ Pháp

01 Nguơn linh Phạm Hộ Pháp 288
02 Văn thi của Ái Dân Phạm Công Tắc 292
03 Lược sử Chân Dung Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc 301
04 Thư Mục 309
05 Phụ Chú 316
06 Phụ Lục (Hình ảnh). 323



Từ Bạch Ngọc Cung: "Ta truyền lệnh xuống cho loài người qua Con của Ta".

LỜI GIỚI THIỆU
Của

Ngài Chưởng Ấn Hiệp Thiên Đài
NGUYỄN VĂN HỘI
Bộ Pháp Chánh - Tòa Thánh Tây Ninh

Kính thưa quí Chư tôn liệt vị,

Người ta thường nói: "Hùm chết để da, người ta chết để tiếng". Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là người tiền bối đứng vào bậc tam đại vĩ nhân cùng Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh đầu công khai sáng nền Đạo Cao Đài.

Quyển Tiểu sử Đức Hộ Pháp được ông Hiền Tài Trần Văn Rạng, Trưởng Nhiệm Giáo Lý Ban Thế Đạo soạn thảo rất công phu.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là một đấng siêu phàm được Đức Chí Tôn thâu dụng đứng hàng đầu trong Hiệp Thiên Đài. Đức Ngài rất dày công khai Cơ Phổ độ, lập Đạo từ lúc sơ khai, là một ân nhân của toàn Đạo, khai mở ngôi Thánh Địa ngày nay trở thành Tổ Đình của Cao Đài Giáo lưu truyền vạn đại.

Tôi xin có lời giới thiệu với toàn quý Đạo tâm có lòng hoài cổ ân sâu của Bậc Tiền Hiền khai Cơ lập Đạo cho chúng ta và chúng sanh đời đời sùng ngưỡng.

Tòa Thánh, ngày 9 tháng Giêng năm Giáp Tý.
(DL. ngày 23-02-1972)
CHƯỞNG ẤN HIỆP THIÊN ĐÀI
(Ấn ký)
NGUYỄN VĂN HỘI

LỜI TỰA

Đạo Cao Đài từ thuở manh nha đã thể hiện nguyên lý Âm (Khôn) Dương (Càn). Từ năm 1920, Đức Cao Đài (phần Dương) đến dạy Đạo ông Ngô văn Chiêu, đến năm 1925, Đức Phật Mẫu (phần Âm) đến lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với nhóm Cao Phạm, phù hợp với truyền thống trọng Âm của các nước Đông Á.

Trong đó, vị Thiên sứ Phạm Công Tắc, về thế tục, từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành đã phản ảnh đầy đủ Tam Giáo và dung hợp cả Ki Tô Giáo và Hồi Giáo. Thuở nhỏ, Ngài đi học chữ Nho tại chợ Tây Ninh và đã từng tham quan chùa Chàm Hồi Giáo bên cạnh chợ này. Trong thời gian học chữ Nho, Ngài được cụ Đồ dạy Đạo Trung Dung của Đức Khổng Tử. Khi lớn lên Ngài học trường Chasseloup Laubat tại Sài gòn và đã rửa tội theo Ki Tô Giáo với tên Thánh Phêrô. (cả gia đình Ngài đều theo Công Giáo thuộc họ Đạo Tha La).

Vào những năm 1906 - 1908 phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu, Trần Chánh Chiếu lên cao, Ngài bỏ học theo phong trào yêu nước xuất ngoại này. Chánh quyền thực dân Pháp phát hiện, đàn áp, Ngài trở lại quê cha, sống cuộc đời Từ bi theo các Sư ông niệm Phật.

Năm 1910, vì gia cảnh thanh bạch, Ngài vào làm thư ký Sở Thương Chánh Sài Gòn. Đời sống công chức không làm cho Ngài thích thú, nên họp cùng các bạn làm thơ, xây bàn thỉnh Tiên. Nhờ đó Ngài tiếp cận với Đức Phật Mẫu dạy việc vọng Thiên cầu Đạo Cao Đài (1925). Vô hình trung trong bản thân của Ngài tích hợp các Đạo Nho, Phật, Lão, Thiên Chúa Giáo và cả Hồi Giáo kết thành "Vạn Giáo Nhất Lý".

Sự dung hợp linh hoạt đó là một dạng tiếp biến văn hóa truyền thống nhằm đối phó với môi trường xã hội. Từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần nhiều nhà Sư đồng thời là Đạo sĩ, Thiền sư muốn đọc được kinh Phật phải biết chữ Hán, mà chữ Hán thì phải học

sách của Nho Giáo. Thế nên, Tam Giáo mới thoáng nhìn tưởng khác nhau, nhưng nghiên cứu kỹ thì thấy chỉ là những cách nói khác nhau.

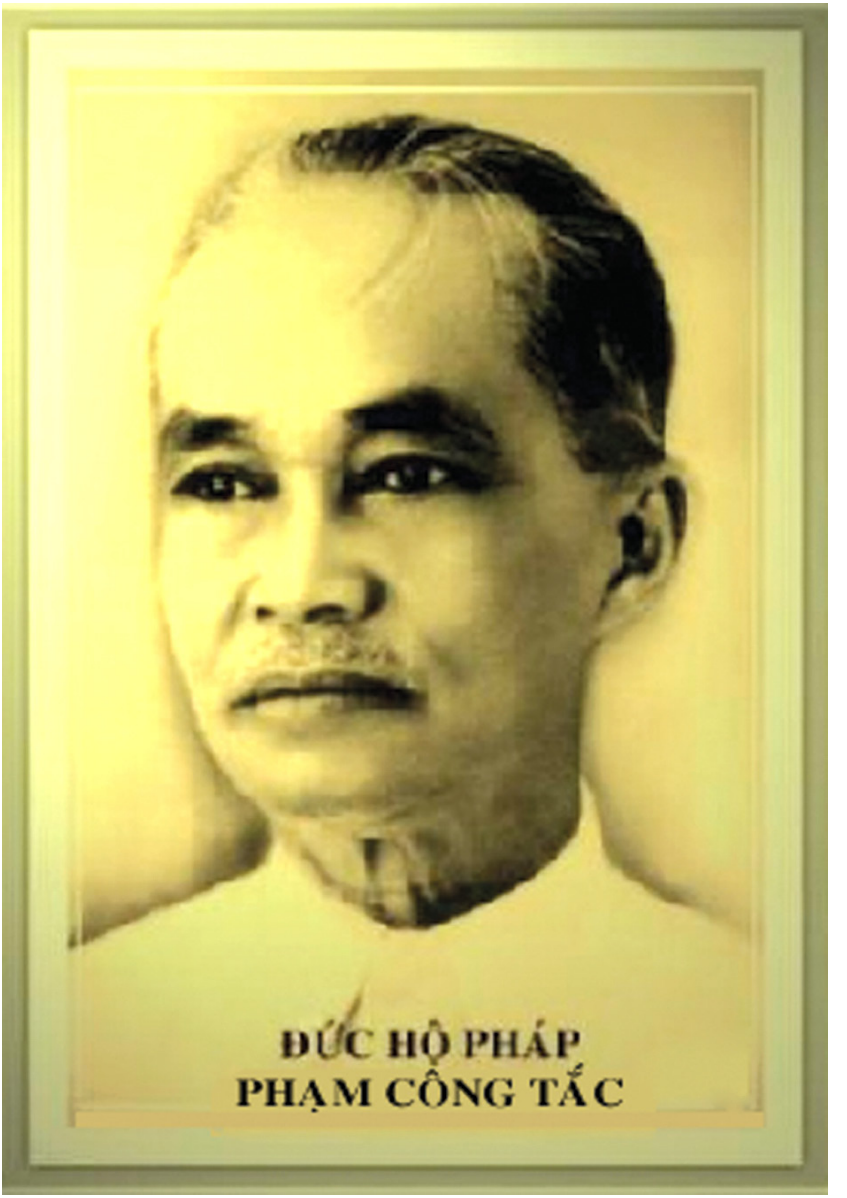
Vua Trần Thái Tôn (1217 - 1277) nói rằng: "Sách Nho thì dạy thi Nhân bố Đức; Kinh Đạo Đức dạy yêu vật, quí sự sống; còn Phật chủ trương giữ Giới, cấm sát sanh".
Tiến sĩ Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) lại giải rằng: "Phật Giáo Chủ trương Từ Bi, Đạo Giáo ưa thanh tịnh, Nho Giáo lấy thuyết Nhân Nghĩa, Trung Chính, mở cương thường của Trời để dựng nên một trật tự cho Người. Nhập thế và xuất thế, dụng thì khác nhau mà thể thì như nhau".
Vua Trần Thái Tôn kết rằng: "Khi chưa tỏ thì người đời còn lầm lẫn phân biệt Tam Giáo, lúc đạt tới gốc rồi thì cùng ngộ một Tâm".

Ngài Phạm Công Tắc đã tiếp thu truyền thống đó trong nội tạng. Ngài nhận mảnh đất Việt Nam làm vườn ương Quốc Đạo để làm sức bật thành Đại Đạo hòa đồng các Tôn Giáo hoàn cầu, thể hiện "Vạn Giáo nhất lý". Hãy nhìn Tòa Thánh Tây Ninh do chính Ngài xây dựng để thấy được sự dung hòa tích hợp Đông Tây, Kim Cổ.
Thêm vào đó, đời hành Đạo của Ngài lắm nỗi thăng trầm như các hàng Giáo lãnh khác khi phát biểu triết thuyết mới chưa thuận hợp với đời thường. Bao nhiêu đó cũng đủ tôn vinh Ngài là Đấng Cứu Thế đứng đầu trong Cơ Phổ Độ nền Đạo Cao Đài.

Thế giới ca ngợi Đức Ngài, Hội Thông Thiên Học tôn vinh Đức Ngài, Đồng Đạo sùng ngưỡng Đức Ngài. Đức Ngài về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống là sự mất mát to lớn, không gì có thể đền bù được. Cơ Đạo sau thời Đức Ngài cứ nghiêng dần, khiến cho bao người muốn Đức Ngài giáng linh trở lại.
Vinh diệu thay!

Kỷ niệm ngày Triều Thiên lần thứ ba
của ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP

TRẦN VĂN RẠNG


ĐỨC HỘ PHÁP
PHẠM CÔNG TẮC

CHƯƠNG I
GIÁNG SINH VÀO TIẾT ĐOAN NGỌ
(1890 - 1924)

1. Một Thiếu Niên Diệu Thường.
2. Một Thanh Niên Ái Dân.

I. MỘT THIẾU NIÊN DIỆU THƯỜNG

Vào tiết Đoan Ngọ (5-5) năm Canh Dần (21-6-1890), bên bờ sông Vàm Cỏ Tây, thuộc làng Bình Lập, tại tỉnh lỵ Tân An (nay là Long An), một Chơn linh giáng lâm trong gia đình ông Phạm Công Thiện, một công chức. Đó là Phạm Công Tắc.[1]


PHẠM CÔNG TẮC

Ngài sanh nhằm năm Thành Thái thứ hai; lúc bấy giờ, Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp cai trị. Vì thế Nam Kỳ coi như một phần lãnh thổ của Pháp. Phủ Thống Đốc Nam Kỳ đặt tại Sài gòn.

Ông Phạm Công Thiện kết hôn với bà La thị Đường, sanh được tám người con mà Ngài Phạm Công Tắc là người con thứ tám. Song thân Ngài trước ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vì là công chức, ông Phạm Công Thiện được đổi đến Long An.

Thuở thiếu thời, Ngài Phạm Công Tắc là một thiếu niên khỏe mạnh, tư chất thông minh đĩnh ngộ. Có điều lạ, vì sanh nhằm ngày Khuất Nguyên trầm mình xuống sông Mịch La, cũng

1-Theo giấy tờ hộ tịch thì Ngài sanh tại Bình Lập; và cũng được xác nhận trong quyển "Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc", xuất bản năm 1954 lúc Ngài còn sanh tiền.

là ngày Lưu Thần, Nguyễn Triệu nhập Thiên thai, nên thỉnh thoảng Ngài ngủ thiếp đi như người chết, linh hồn lạc khuất đâu đâu, khiến cho huyên đường âu lo; nhất là bà cụ Cố tỏ vẻ buồn rầu sợ Ngài mệnh bạc.

Cảnh trạng Ngài chết đi sống lại như thế, cả làng xã đều biết. Người ta cố gắng lo thuốc thang cho Ngài, nhưng vốn tiền định, lâu lâu Ngài ngủ lịm đi đôi ba giờ, có khi kéo dài nửa ngày.[1]

Năm 1896, đến tuổi cắp sách đến trường tiểu học, có lúc học chữ Nho, rồi sau theo học trường Chasseloup-Laubat (nay là trường Jean-Jacques Rousseau, đường Hồng Thập Tự, Sài gòn). Bằng hữu ai cũng thích Ngài vì tính tình khoan hòa, ưa hoạt động, nhất là nhiều sáng kiến, bày biện các cuộc chơi, hay đánh đổ một vài nhân vật trong lịch sử nước Pháp. Việc này khiến cho các bạn ái ngại xa lánh Ngài.

Phong trào Đông Du (1904 - 1907) do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm Minh Chủ và hai nhà cách mạng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng để nâng cao dân trí, bằng cách gởi các thanh niên du học ngoại quốc nhất là Nhật Bản.

Tại Sài gòn, phong trào Đông Du do hai ông Gilbert Chiếu (tức Trần Chánh Chiếu) và Dương Khắc Ninh lãnh đạo. Các ông thành lập các Kinh Thương Hội như: "Minh Tân công nghệ" và khách sạn "Nam Trung" làm nơi lưu trú hội họp cho đảng viên. Ngài Phạm Công Tắc dù đang theo học năm thứ hai trường Chasseloup-Laubat, cũng lén bỏ học đến họp với anh em.
Hai ông Gilbert Chiếu và Dương Khắc Ninh tập họp các đảng viên chia nhiều nhóm để xuất dương. Ba nhóm đã tới Nhật.

1- *Nhật báo Điện Tín số ra ngày 9/9/1911 có đăng tin "Một thiếu niên 19 tuổi sau khi đỗ Tú Tài thì đôi mắt tự nhiên lòa hẳn đi, kéo dài trong 1 tháng thì thiếu niên lâm trọng bịnh. Trong lúc mê sảng thiếu niên cho cha già biết là anh được Thiên Tướng xuống đưa về Thiên đình chữa bịnh. Anh sẽ chết rồi 15 ngày sau mới sống dậy, miễn đừng đem xác chôn và ngày ngày vẫn cho anh uống 3 lần nước lạnh vào 6 giờ sáng, 12 giờ trưa và 8 giờ tối". Dẫn chuyện xảy ra ở Tân Châu (Châu Đốc) này để chứng tỏ chuyện thiếp đi của Ngài Phạm Công Tắc là chuyện thật.*

Ngài được ghi tên vào nhóm thứ tư. Lòng Ngài như mở hội, bao nhiêu mộng hải hồ viễn phương kéo lũ lượt qua võng mô Ngài. Bút nghiên tạm xếp, hành trang sẵn sàng chờ ngày lên đường.

Đùng một tiếng, phong trào bị khám phá. Mật thám Pháp đến tra xét cơ sở Minh Tân công nghệ. Ông Dương Khắc Ninh đã lẹ tay hành động, tiêu hủy tất cả hồ sơ và tài liệu nên không ai bị lôi thôi gì cả. Tuy nhiên mật thám vẫn chú ý, luôn luôn theo dõi, dò xét các nhà lãnh đạo và chính Ngài cũng bị chúng để ý và nhà trường lưu tâm. Buộc lòng Ngài phải nghỉ học về làng An Hòa (Tây Ninh) tạm tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp.

Khi tình hình êm dịu, Ngài lại lăn mình vào trường tranh đấu. Lần này Ngài hoạt động cẩn thận hơn, rồi tham gia viết báo như: Công luận, La Cloche Fêlée (Chuông Rè) của Nguyễn An Ninh, La Voix Libre (Tiếng nói Tự do) v.v.. Tờ Lục Tỉnh Tân Văn của ông Pierre Jeantet, ông Gilbert Chiếu làm Chủ bút. Ngài cộng tác thường xuyên với tờ này vì là đồng chí. Hơn nữa, ông Chiếu ngấm ngầm làm Cơ quan tuyên truyền chống Pháp và khích động lòng yêu nước của nhân dân rất đắc lực.

Các bài "Thượng bất chánh, hạ tắc loạn" đăng ngày 12/12/1907), bài "Dân tộc đoàn kết và thời đàm" (đăng ngày 23/01/1908) là những lời thẳng thắn cảnh cáo nhà cầm quyền Pháp. Khi ông Chiếu bị bắt, tờ báo đình bản, Ngài lại về quê.

Vì ảnh hưởng cách mạng và các tiên Vương, về sau Ngài lập Báo Quốc Từ thờ Tổ Hùng Vương, bôn ba sang Nhật rước tro Cường Để, về Sài Gòn rước linh vị Thành Thái và Duy Tân đem thờ nơi Báo Quốc Từ (gần chợ Long Hoa). Tất cả các sự việc đó để cho tấm lòng nuôi dưỡng ý chí các liệt sĩ bất khuất và di dưỡng vang bóng một thời của tuổi trẻ hào hùng.

Âu cũng là thiên thơ dĩ định, mộng Đông Du không thành, bạn bè cùng chí hướng mỗi người mỗi ngã, Ngài chẳng lẽ ngồi đây nhìn quê hương mỗi ngày một thêm tan nát, hay chỉ còn biết làm bạn cùng cây cỏ gió trăng. Đêm Rằm tháng Giêng năm Đinh Mùi, Ngài nằm trên sập kê trước nhà nhìn vầng trăng hư ảo mà khẽ ngâm bài "Nhân nguyệt vấn đáp", rồi tâm thần dần

dần tê mê theo cơn gió nhẹ ru. Khi mở mắt ra, Ngài thấy chan hòa một thứ ánh sáng huyền diệu mà Ngài đang lửng thửng đi trên đường bằng phẳng sạch sẽ và trắng như tuyết.

Bỗng thấp thoáng đằng xa đi lại một vị Sư già, mặc áo cà sa vàng, nét mặt Từ bi và cất tiếng hỏi: "Em có nhớ qua không?". Ngài nhìn vị Sư, chợt nhớ ra vội đáp: "Dạ nhớ".
Vì năm lên mười tuổi theo học chữ Nho, thường hầu Thầy đi cân thuốc ở tiệm Đức Vọng, chợ Tây Ninh, Ngài đã gặp vị Sư này bàn với thầy Ngài về tương lai Ngài như vầy: "Cậu bé này vào bậc siêu phàm, sự nghiệp vô cùng cao cả".

Vị Sư già đưa Ngài đến một tòa lâu đài, một màu trắng tinh "Một tòa Thiên các ngọc làu làu" và bảo Ngài: "Em chờ ngoài này Qua vào trong một chút nhé". Ngài chờ lâu quá không thấy vị Sư trở lại, bèn vừa kêu vừa gõ cửa, vẫn không thấy ai trả lời. Ngài mới đi vòng quanh thấy nhà có tám góc và tám cửa đều giống nhau và đóng kín. Nhìn kỹ, Ngài mới nhận ra mỗi cửa đều có một con đường trắng chạy về phía chân trời xa.

Trong lúc băn khoăn chưa biết chọn con đường nào, bỗng thấy phía có bóng đèn loé sáng, Ngài liền phăng tới, gặp một tòa nhà mà cửa vẫn đóng. Ngài gõ liên tiếp mấy tiếng, không thấy ai trả lời. Ngài bấn loạn, muốn thối lui thì một tiểu đồng xuất hiện và chỉ tay vào Ngài mà hỏi:

"Anh có phải là anh Tắc không?".

"Sao em biết Qua?".

Cậu bé mĩm cười: "Sao tôi lại không biết".

Nói xong tiểu đồng tiếp: "Thầy gọi anh trong nhà".

Ngài ngạc nhiên hỏi: "Thầy là ai hở em ?".

Tiểu đồng đáp: "Rồi anh sẽ biết".

Nói xong tiểu đồng bước vào nhà. Ngài bước theo gặp "con chó lông vàng" nằm chặn ngang đường, Ngài ngần ngại nên tiểu đồng giục: "Có gì mà sợ, nó không phải là chó nên chẳng cắn đâu. Anh cứ theo tôi đừng sợ gì cả".

Ngài vừa bước qua, cửa từ từ đóng lại. Ngài và chú tiểu đứng

trong hành lang rộng mênh mông. Theo chiều dài hành lang có năm phòng lớn, mỗi phòng có một cửa đều đóng.

Chú tiểu đưa Ngài đến cuối phòng và dặn: "Anh chờ đây. Lúc nào Thầy kêu tôi sẽ cho anh hay". Chờ lâu quá sốt ruột, phần vì sợ con Kim Mao Hẩu (tức là con chó lông vàng), nên Ngài bạo dạn gõ cửa. Chú tiểu nghe tiếng gõ cửa gắt gỏng: "Anh làm gì rối thế? Anh nhát quá, thôi ở đấy mà chờ Thầy".

Ngài ngắm xung quanh phòng, thấy dài đến 20 thước, rộng 10 thước, bốn mặt tường và nền nhà là một khối cẩm thạch phẳng liền cực đẹp. Từ ngoài một ông già cao lớn, mặc áo xanh, râu tóc bạc trắng bước vào, Ngài chấp tay xá. Nhìn kỹ, Ngài nhớ ra, ông già này là người đi với nhà Sư mà Ngài đã gặp trong tiệm Đức Vọng độ nào. Ông đi thẳng lại chiếc ghế bành ung dung ngồi xuống và bảo Ngài: "Con ngồi xuống đi". Trước nhất, ông già hỏi thăm về gia đình, nhưng trừ người chị thứ tư đã mất thì không hỏi, làm Ngài ngạc nhiên vô cùng.

Sau lúc phê phán từng người trong gia đình, ông già gọi tiểu đồng: "Con đem bánh cho anh con ăn".

Tiểu đồng mang vào đặt trước mặt Ngài một đĩa bạc lớn, trên đựng đầy bánh bốc hơi thơm phức. Các bánh trong ngần như bột lọc, hình tròn, nửa đỏ nửa trắng, sắp theo hình nón. Ngài được ông già mời ăn và uống nước bằng tô lớn vàng ròng.

Đợi Ngài ăn xong, ông già trầm ngâm nói:

"Hôm nay con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành Đạo của con sau này".

Ngài tạ từ ông già, nhưng nhớ đến con Kim Mao Hẩu, Ngài vái xin con vật đó. Ông già tỏ vẻ ưng lòng và đáp: "Con cứ về đi, sau này nó sẽ xuống với con".

Khi trở ra, Ngài bước lên lưng con Kim Mao Hẩu và đạp lên mông thì cánh cửa tự mở. Lúc đến tòa lâu Đài tám góc, tiểu đồng ra từ tạ: "Bây giờ em chưa thể cùng đi với anh được. Sau này Thầy sẽ cho em xuống với anh. Thôi anh về đi".

Ngài sực nhớ đi chơi lâu quá, vội chạy nhanh về, vô ý vấp phải

mô đất, té lộn đi một vòng. Ngài giựt mình tỉnh dậy, thoang thoáng bên tai tiếng kêu khóc vang vầy, mở mắt ra thấy mọi người tấp nập chung quanh mình. Kẻ thì kéo tóc, người thì giật tay, gọi tên ầm ĩ. Ngài chờn vờn ngồi dậy nói như trong mơ: "Con chó của tôi đâu rồi?".



Người người ngơ ngác, nhưng Ngài lại nhớ đến con Kim Mao Hẩu trong giấc mộng dài diện kiến Thiên Cung. Thật ra, đây không phải là một giấc mộng mà là một cuộc xuất hồn của một Chơn linh hiển Đạo.

Cuộc vân du này, năm 1927, Đức Ngài viết thành quyển "Thiên Thai Kiến Diện" đúng hơn là "Tam thập lục Thiên hồi ký" mà bài số 75 gần như gom ý cuộc hội kiến với Đức phân thân Đức Cao Đài mặc áo xanh nói trên:

Bài 75

Xa trông cảnh vật đã xây tròn,
Bát hướng Đài ngưng thấy nước non.
Động cũ Thần Tiên còn để dấu,
Chùa xưa Phật Tích nát hư mòn.
Chấp Kinh Khổng sĩ nho phong dõi,
Nắm nghiệp Đào quân nhấp thuốc khôn.
Nẻo Thánh tuy quên tay đẩy cỏ,
Nền Văn miếu thấy khói hương còn.

Trong cuộc vân du kể trên, trước hết Ngài gặp vị sư già mặc áo vàng (biểu tượng Đạo Phật), ông già mặc áo xanh (biểu tượng Đạo Lão) đó là nhân vật chính Đức Hồng Quân Lão Tổ phân thân của Đức Cao Đài. Đĩa bánh bạc màu trắng (màu Đạo Cao Đài) đựng những chiếc bánh hình tròn (biểu tượng Trời hay Thái Cực) có hai màu đỏ và trắng (biểu tượng Âm Dương) tức Thái Cực sanh Lưỡng Nghi. Âm Dương hay Khôn Càn là đầu mối biến sinh ra vạn vật. "Đạo vốn chỉ một Âm một Dương mà

thôi..., có cái gì thích hợp mà chẳng một Âm một Dương.[1]

Ngài được uống một tô nước Cam lồ. Theo Dịch lý, mọi việc khởi đầu ở cung Tý (Thủy) tức Thiên khai ư Tý, 12 giờ đêm thuộc Thiếu Dương số một, ứng vào quẻ Phục (biểu tượng phục hưng nền Đạo mới).

Thật sự, Ngài chỉ ăn có hai cái bánh, cái bánh thứ ba chỉ ăn nhưn mà bỏ vỏ, hàm ý chỉ gom lấy cái tinh hoa của các Đạo mà bỏ những điều cặn bã, phản tiến hóa. Ông già áo xanh nói:

"Con ăn hai cái bánh rưỡi và uống một tô nước. Những thứ đó sẽ ám hợp vào đời hành Đạo của con sau này".

Nếu Ngài ăn đủ ba cái thì xong không còn gì để nói. Như vậy không phù hợp với Đạo Âm Dương: "Sinh rồi lại sinh". Thế nên Ngài chỉ ăn có hai cái rưỡi mà lại "ám hợp vào đời hành Đạo sau này", tức là chưa xong. Cuộc đời, trường đời, việc Đạo là Hỏa, Thủy vị tế (quẻ Ly trên, quẻ Khảm dưới). Đó là quẻ thứ 64 trong Kinh Dịch, quẻ 63 ký tế mà quẻ 64 lại bắt đầu biến hóa. Trường đời, việc Đạo biến hóa vô thường, Ngự Mã Thiên Quân phải đối phó để giữ vững thuyền Đạo lướt qua những cơn sóng dữ và đá ngầm của biển cả.

Đó là lời tiên tri của ơn Trên:

> "Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
> Cái của cái công phải trả đồng".

Sau đây, chính Đức Ngài kể lại về thời thanh thiếu niên của mình:

"Bần Đạo thứ tám, còn con em thứ chín ở trong cái ổ nghèo, ổ rách. Mấy anh chị họ lớn hơn, lập nên danh. Kẻ có chồng, người có vợ chỉ có Bần Đạo chưa biết gì hết chỉ biết thương nhau mà thôi, thương Cha có công sanh dưỡng, thương Mẹ bảo trọng gia đình lo tảo tần nuôi con, thương anh em trong gia đình, duy có biết thương mà lo học, sợ không học ông bà buồn rầu..".."Cha đã chết hồi Bần Đạo mới 12 tuổi, chỉ ở với Mẹ.

1-Trần Thúc Lượng,Tống nguyên Học án Học án. Q3, trang 643.

Thương Mẹ sợ Mẹ chết nữa không biết ở với ai? Ở tỉnh Tây Ninh, người ta thường chôn đám xác vào ban đêm. Khi ngủ nghe họ hò giựt mình dậy mò kiếm bà già. Bà già hỏi con làm gì vậy? Con nghe người ta đưa đám xác, con sợ Mẹ chết quá. Cũng vì sự thương yêu, được 17 tuổi quyết định ra làm việc để trả hiếu cho Mẹ".

"Lúc ấy Bần Đạo đã thi đậu, nếu ra làm việc với hãng buôn ăn lương lớn mà không biết nuôi Mẹ được không? Người anh rể nói "Em làm việc hãng buôn tư không có danh dự gì hết". Bần Đạo nghe lời nên xin làm việc ở sở Nhà nước, làm việc mỗi tháng lương 70-80 đồng, ăn xài cũng còn dư một đôi chục bạc để nuôi Mẹ. Đến chừng lương còn 20 đồng một tháng, lúc đó thiếu nợ lại thêm một bà vợ nữa, công việc bối rối không biết bao nhiêu, tới chừng đó không còn lo cho Mẹ nữa. Trong gia đình, khi đó chưa tạo được hạnh phúc thì bà Mẹ đã chết".

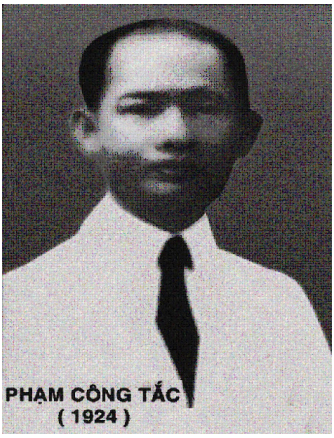
"Năm Bần Đạo được 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết lo một điều là lo lập thân danh đặng nuôi Mẹ bảo trọng anh em. Đến chừng thành danh rồi khổ đáo để, Cha Mẹ đã khuất hết, dẫu thương bao nhiêu cũng không còn, lại tai ác nữa là vợ con gia đình sanh đẻ mãi, đâu có lo bên ngoài được nữa, khởi thống khổ tâm hồn. Tới chừng cao sang sung sướng ngó lụng lại không thấy Cha Mẹ. Hai Đấng ấy đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em. Em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái cũng đều chết hết. Bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột. Người em thứ chín là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần Đạo mà đã qui liễu. Tới chừng ấy tâm hồn ngơ ngẩn, xác thịt bơ thờ, nghe tiếng chim, tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy không buổi nào vui chỉ muốn tu, muốn tìm cảnh tu. Hễ biết tu, thì biết Đạo rồi biết dìu dắt anh chị em tới tình yêu thương nồng nàn". [1]

1-*Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Tây Ninh 1970, trang 76-77.*

II. MỘT THANH NIÊN ÁI DÂN

Xem thế, Ông là một người con hiếu thảo với Cha Mẹ, rất thương yêu và tôn kính anh chị và nhường nhịn các em.

Năm 1910, lúc đó, ông đã hai mươi tuổi. Gia đình lâm vào cảnh quẩn bách, túng thiếu. Ông xin làm Sở Thương Chánh ở Sài gòn. Năm sau, ông vâng lệnh Cha Mẹ thành lập gia đình với bà Nguyễn thị Nhiều. Bà là phụ nữ theo luật Tam Tòng, rất hiếu lễ tần tảo thờ phụng Cha Mẹ chồng hết lòng. Bà sanh được ba người con. Trai đầu lòng tên Phạm Công Huyền, gái thứ ba tên Phạm Hồ Cầm và gái thứ tư tên Phạm Tần Tranh. Đó là tên ba loại đàn cổ truyền.


PHẠM CÔNG TẮC
(1924)

Người trưởng nam Phạm Công Huyền sinh ra để báo hiệu huyền cơ của Tạo Hóa có Dương có Âm sắp ra đời. Thế nên lên bốn thì Huyền trở lại cõi trên: "Quản Huyền đâu đã giục người sinh ly".

Dù chỉ còn hai người con gái, ông thấy không cần thiết phải sinh thêm trai vì trai gái ngang nhau. Sanh con trai mà nó không nên mặt một đàn ông, không đáng mặt đấng trượng phu để người đời trông gương thì thà không đẻ thêm còn hơn. Vả lại lúc đó ông đang theo đuổi làm việc từ thiện giúp nhân quần xã hội.

Đời sống công chức không làm cho ông thích thú, còn nếp sống gia đình đều đều buồn chán không trói buộc được Ngài. Ngài đâm ra mê lý tưởng hướng về Đạo, "làm những việc thiện hàng ngày để giúp đỡ những kẻ cô đơn xung quanh. Ngài giàu tình thương đời, nhất là thương kẻ cô đơn trụy lạc. Ngài đã làm một cử chỉ rất ý nghĩa. Đang là công chức Sở Thương Chánh, đồng tiền chẳng được dồi dào chi lắm, vậy mà Ngài dám vay nợ để giải phóng một đoàn nhi nữ ra khỏi chốn thanh lâu, cho họ thoát vòng nhục nhã, được trở về đời sống lương thiện, hưởng hạnh

phúc gia đình".[1]

Thật ra, Ông có người bạn tên Trần Thành Chơn cho Ông biết có một gia đình nghèo khổ có hai đứa con gái bị tú bà gạt gẫm bán cho lầu xanh. Ông Chơn nhờ Ông giúp đỡ gia đình ấy. Ông dùng tiền dành dụm của mình chuộc cô Nguyễn thị Cẩm và Nguyễn thị Hồng trở về hoàn lương.

Người Pháp thấy Ông có hành động khác thường, họ liệt Ông vào hàng có tâm huyết, nên họ tìm cách đổi Ông đi Cái Nhum (Hậu Giang), sau đổi ra Qui Nhơn (Trung Phần); rốt cùng lại đổi về Sài gòn, để rồi những ngày sẽ tới, Ông hiến trọn cuộc đời cho Đạo pháp.

Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong Chương này hé lộ cho ta thấy, từ thuở thanh thiếu niên, Đức Ngài đã là người yêu nước thương người. Trong cơ thể đã kết hợp Tam Giáo và nhất là Thiên Chúa Giáo. Những vốn sống ấy được nuôi dưỡng ra nụ, đơm hoa rồi sẽ kết trái trong những Chương kế tiếp.

1-*Theo Tiểu Sử Hộ Pháp Phạm Công Tắc, 1954.*



Sa Sainteté Hô-Phàp Pham-Công-Tac, le chef actuel du Caodaïsme ou Bouddhisme rénové; photographié le 20 Janvier 1935. lors de sa visite à la Mission Etrangère du Caodaïsme, à Phnom Penh.

CHƯƠNG II
THIÊN PHONG HỘ PHÁP
(1925 - 1930)

1. Ngộ Đạo Cao Đài (1925)
2. Tiêu Ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
3. Tân Pháp Tu Tịnh.
4. Mười hai (12) Vị Cao Đồ đầu tiên.
5. Thiên phong Hộ Pháp và khai Tịch Đạo.
6. Thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo.
7. Phá phép ếm Long Tuyền Kiếm.
8. Quyền năng Đấng Tạo Hóa.

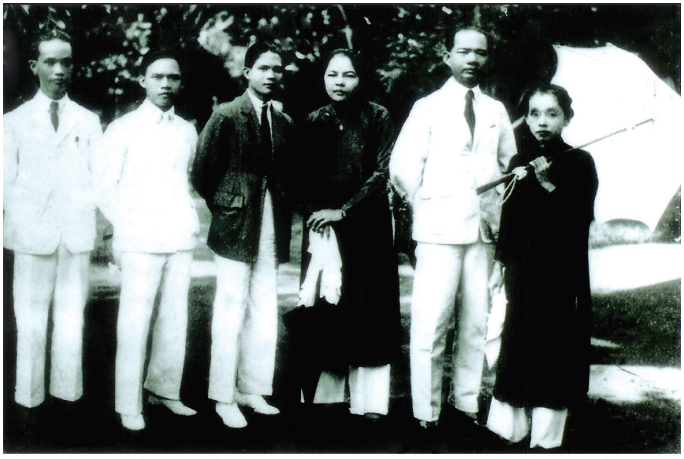
I. NGỘ ĐẠO CAO ĐÀI



Ngài có một nỗi băn khoăn lớn lao là tầm Đạo để giải thoát cho cả loài người khổ ải. Ngài sinh ra trong một gia đình Công Giáo, nhưng Đạo cứu thế với lòng Bác Ái của Đức Giêsu chưa chiếm hết lòng tin của Ngài.

Ngài có óc phán đoán và nhận thấy rằng Đạo Phật khuyên người Từ Bi, Hỉ Xả; Đạo Lão đặt nền tảng dưỡng Tính tồn Chân; Đạo Khổng dìu dắt người trên con đường Trung Dung, dầu có những ưu điểm nhưng chưa thấy có cùng chung cội nguồn. Vì vậy Ngài đêm ngày suy nghĩ, muốn tổng hợp cả bốn Đạo lớn hiện có trên thế gian, và hòa hợp giữa hai nền văn minh Đông Tây. Việc đó không phải là không tưởng, vì tất cả các vị Tổ sư của các môn phái đều hướng tư tưởng về một hướng chung: Thiện và Mỹ. Như vậy, tư tưởng đó rất có thể hợp nhất được.

Để đạt mục đích trên, Ngài cùng mấy người bạn thân nghiên cứu và so sánh đối chiếu những Giáo lý của bốn Đạo. Một nhận xét chung được nêu lên: cứu cánh chỉ có một, còn phương tiện khác nhau, và một hoài bão chung được phát biểu; kết tinh cả bốn Đạo thành một Đạo lớn duy nhất cả về tín ngưỡng lẫn phương tiện thực hành.



Ô. Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang...., Bà Lâm Hương Thanh, Ô. Cao Quỳnh Cư, Bà Nguyễn Thị Hiếu

Nhưng hành động như thế nào để thực hiện sự kết tinh đó? Thật là một công cuộc khó khăn vượt sức lực con người trần gian.

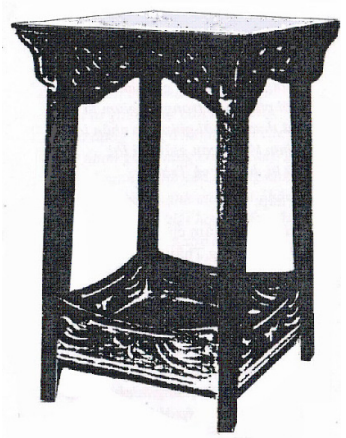
Khi đó, Đại úy P. Monet (Thần linh học), một người bạn của Ngài ở Pháp sang. Ông là một con đồng vẫn thường ngồi cảm thông với các Thần linh trong các cuộc giáng thần. Ông rất chú ý đến sự nghiên cứu của nhóm Ngài, nhưng ông cũng không quan niệm nổi là có thể tổng hợp những phương tiện thực hành của các Đạo. Ông khuyên nên cầu xin các Đấng Thần linh chỉ giáo. Và một đàn Cơ được tổ chức. Những lời khuyên của Đấng Thần linh sau đây đã cho Ngài cái chìa khoá mở cửa bí mật để thông hiểu vấn đề khó khăn huyền diệu kia:

"Tín ngưỡng bắt nguồn từ lương tâm. Lương tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi con người. Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, bởi vì nó phát sinh ra

từ nơi Thượng Đế. Vậy tự do tín ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi người; nhưng sự hòa hợp trong tinh thần: Chân, Thiện, Mỹ phải là một nhiệm vụ bắt buộc". [1]

Để theo đuổi những ý niệm trên, Đức Ngài hay lui tới nhà ông Cao Quỳnh Cư, người gốc ở Tây Ninh, xuống làm việc tại Sở Hỏa Xa Sài gòn. Ông Cư mướn phố ở tại đường Bourdais (số 134). Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết là ông Phạm Công Tắc, nguyên làm việc tại Sở Thương Chánh Sài gòn, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại Sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử".[2]

Năm Ất Sửu (1925) là năm việc xây bàn hay "sai ma" rất thịnh hành trong các giới tại miền Nam Việt Nam, nhất là tại Đô thành Sài gòn.



Cái bàn để Xây Bàn – năm 1925

Trước hết, vì sự hiếu kỳ mà quý ông bạn chí sĩ Cao Quỳnh Cư (sau đắc phong Thượng Phẩm), Phạm Công Tắc (sau đắc phong Hộ Pháp) và Cao Hoài Sang (sau đắc phong Thượng Sanh) mới nghĩ ra việc xây bàn để tiếp chuyện với người khuất mặt ở thế giới bên kia.[3]

Do đó, vào ngày 25-07-1925 (ngày mồng 5 tháng 6 năm Ất Sửu), hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang bên cạnh chợ Thái Bình (Sài gòn) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya, vì Thần Linh thúc giục, các ông mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba ông đem ra trước hiên nhà

1-Theo Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

2-Theo Đại Đạo Căn nguyên của Nguyễn Bảo Pháp.

3-Theo Đạo Sử Cơ bút của Trương Hiến Pháp.

một cái bàn tròn ba chân [1], kê một chân hỏng đất rồi đồng để tay lên bàn khấn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khấn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm, có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ, cũng có một vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ.

Cái bàn gõ khi chững chạc, khi lựng khựng dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó, các ông nãn lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với các Đấng vô hình trong vần quốc ngữ. Như nhịp một lần là "A", hai lần là "Ă" và ba lần là "Â" v..v... Khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép lại thành một tiếng; nhiều tiếng mới ghép lại thành lời văn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng Liêng càng mau lẹ và dễ dàng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925), ba ông lại xây bàn đúng 24 giờ, có một vong linh nhập bàn, gỏ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật như sau:

THI

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mến lời khuyên bền mộ chép,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thảnh thơi.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,
Gặp nhau nhắn nhủ một đôi lời.

Ký tên Cao Quỳnh Tuân

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư, qua đời đã 25 năm, đắc vị Xuất Bộ Tinh Quân, đọc tới câu thứ 7, các Ngài quá ngậm ngùi. Cả ba cảm phục ý tứ của bài thơ.

Đến đêm 30-7-1925 (10-6-Ất Sửu), ba Ngài lại họp nhau tại

1-Bàn này hiện để ở Thảo Xá Hiền Cung (tu chỉnh của tác giả).

nhà Ngài Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm ấy có một nữ vong linh giáng bàn cho thi:

THI

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn xuân uổng sắc tài.
Những ngỡ trao duyên vào Ngọc Các,
Nào dè phủi nợ xuống Tuyền Đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Dồn dập tương tư oằn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?

Ký tên Đoàn Ngọc Quế

- Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi: "Hồi tại thế xứ ở đâu?".



- Cô Đoàn Ngọc Quế đáp: "Ở Chợ Lớn".
- Ngài Phạm Công Tắc hỏi: "Cô học ở đâu?".
- Cô gõ bàn đáp: "Học trường đầm".

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh), tên thật của cô là Vương thị Lễ, cháu ông Vương Quan Kỳ [1]. Nhưng tầm nguyên còn bí hiểm hơn nữa. Kiếp trước cô là công chúa, con một vị vua bên Tàu, nhưng vì "ngỡ trao duyên vào Ngọc Các, nào dè phủi nợ xuống Tuyền Đài". Thế nên còn vương vấn bụi hồng trần phải tái sanh vào gia đình Tổng Đốc họ Vương ở Việt Nam, nhưng vẫn không tròn câu tình ái.

Khi cô mang bịnh nặng, gia đình rước bác sĩ thuốc thang cho

1-Theo "Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống", Tây Ninh 1970, trang 76-77.

cô và hứa: nếu ai trị lành bịnh thì sẽ gã cô cho bác sĩ. Nhưng vì không phải duyên nợ, cô biết rõ lời hứa của song thân, nên lúc bác sĩ đến tận tình săn sóc cho cô, cô uất lên mà chết [1].

Ba Ngài đều có họa bài thi trên, riêng bài của Ngài Phạm Công Tắc họa như vầy:

HỌA VẬN

Ngẩn bút hòa thi tủi phận ai,
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.
Tình thâm một gánh còn dương thế,
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.
Để thảm thung đường như ác xế,
Gieo thương lữ khách ngóng tin mai.
Hiềm vì chưa rõ đầu đuôi thế,
Ngẩn bút hòa thi tủi phận ai.

Cũng đêm đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi cô bệnh chi mà chết, cô đáp bằng hai bài thơ như vầy:

THI

Trời già đành đoạn nợ ba sinh,
Bèo nước xẻ hai một mãnh tình.
Mấy bữa nhăn mày lâm chước quỉ,
Khiến ôm mối thảm lại Diêm Đình.
Người thời Ngọc Mã với Kim Đàng,
Quên kẻ dạ đài mối thảm mang.
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.

Hôm sau, Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua nhà mình xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi [2].

1-Theo Đại Đạo Bí Sử, Trần văn Rạng.
2-Lúc này dùng cái bàn 4 chân, hiện để ở Nữ Đầu Sư Đường. Rõ ràng Thiên cơ chuyển hóa, trời tròn đất vuông đủ Âm Dương, nên từ lúc đó chỉ dùng một cây Ngọc Cơ "Âm Dương hiệp nhứt".

Nhân tiện ba Ngài hỏi cô Quế về việc Thượng Giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các Ngài càng thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi Ngài Cao Quỳnh Cư là Trưởng ca, Ngài Phạm Công Tắc là Nhị ca, Ngài Cao Hoài Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội.

Đến ngày 03-08-1925 (15-07-Ất Sửu), thiết đàn xây bàn, các Ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc với ba Ngài.

THI

Ớt cay cay ớt gẫm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lúi đi chơi nên tấp lại,
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

A - Ă - Â

Ngài Phạm Công Tắc nghe thi lạ lùng có ý hơi khó chịu, liền đó Đấng này cho thêm bài thi:

THI

Đời hiếp lẫn nhau nỡ chẳng thương,
Thương đời nên mới đến đem đường.
Đường dài vó ngựa tua bền sức,
Sức yếu lòng người khó để gương.
Gương Đạo noi theo đường Thuấn Đế,
Đế dân vẹn giữ lối Văn Vương.
Vương hầu lê thứ ai là chí,
Chí quyết làm cho thế khác thường.

A - Ă - Â

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ă-Â mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng.

Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu thì được cho bài thi:

THI

Tròi trọi mình không mới thiệt bần,
Một nhành sen trắng náu nương thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,

Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần.
Bố hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền Nhân.
Chừng nào đất dậy Trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.

Đến ngày 18-8-1925 (01-08-Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giáng bàn, các Ngài hỏi rằng: "Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em Qua làm thi".

Cô Đoàn Ngọc Quế trả lời: "Có chị Hớn Liên Bạch, Lục Nương với Nhứt Nương làm thi hay lắm".

Và cô lại thêm: "Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, cầu mới được [1] ". Ba Ngài vâng ý cô Đoàn Ngọc Quế, ngày cầu, ba Ngài ăn chay.

Đến 25-08-1925 (08-08-Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giáng dạy ba Ông, vào Rằm tháng tám năm đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đến 14 Âm lịch thì Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng giáng cho thơ mời các Ngài họa.

THI

Rừng tòng ngày tháng thú quen chừng,
Nhướng mắt dòm coi thế chuyển luân.
Rượu cúc một bầu trăng gió hứng,
Non sông dạo khắp lối đêm Xuân.

Bài họa của Ngài Phạm Công Tắc như vầy:

HỌA VẬN

Cuộc thế lầm than đã quá chừng,
Ai là những bậc vẹn Thường Luân?
Thiều quang nhặc thúc không chờ đợi,
Tế thế an bang phỉ kiếp xuân.

Đến 01-09-1925 (15-08-Ất Sửu), tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư số 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài gòn), giữa nhà lập bàn

---

1-Những lời đối thoại trên đây đều trích trong sách "Đạo Sử Xây Bàn" của Bà Đầu Sư Hương Hiếu.

hương án, chưng các hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Các Ngài mặc quốc phục quì trước hương án cầu nguyện các Tiên Nương dự tiệc. Lễ bái xong, các Ngài cũng ngồi vào bàn tiệc.

Bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu) gắp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là Thể Pháp tượng trưng cho Bí Pháp của Đạo Cao Đài, mà hàng năm về sau đến ngày tháng này đều tổ chức Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung do Hiệp Thiên Đài chủ trì.

Sau đó các Ngài xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng cho bài thi và Đức Phật Mẫu cùng Cửu vị Tiên Nương mỗi vị đều giáng cho một bài, mà ngày nay hàng năm thài để hiến lễ [1].

PHẬT MẪU

Cửu kiếp Hiên Viên thọ sắc thiên,
Thiên thiên cửu phẩm đắc cao huyền,
Huyền hư tác thế Thần Tiên nữ,
Nữ hảo thiện căn đoạt Cửu Thiên**.**

NHỨT NƯƠNG

Hoa thu ủ như màu thẹn nguyệt,
Giữa thu ba e tuyết Đông về.
Non sông trải cánh Tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui đề chào nhau.

NHỊ NƯƠNG

Cẩm tú văn chương hà khách đạo?
Thi Thần, tửu Thánh vấn thùy nhân?
Tuy mang lấy tiếng hồng quần,
Cảnh Tiên còn mến, cõi trần anh thư.

TAM NƯƠNG

Tuyến Đức năng hành Đạo,
Quãng trí đắc cao quyền.
Biển mê lắc lẻo con thuyền,

1-Xem Công Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật cùng soạn giả.

Chở che khách tục Cửu tuyền ngăn sông.

TỨ NƯƠNG

Gấm lót ngõ chưa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa,
Đợi trang nho sĩ tài vừa,
Đằng giao khởi phụng chẳng ngừa Tiên thi.

NGŨ NƯƠNG

Liễu yểu điệu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngần khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.

LỤC NƯƠNG

Huệ ngào ngạt đưa hơi vò diệu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu diêu phất phướn cõi tòng đưa Tiên.

THẤT NƯƠNG

Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi,
Nhân từ tái thế tử vô ưu.
Ngày Xuân gọi thế hảo cừu,
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.

BÁT NƯƠNG

Hồ Hớn hoa sen trắng nở ngày,
Càng gần hương đẹp lại càng say.
Trêu trăng bằng thói dấu mày,
Cợt mây tranh chức Phật Đài thêm hoa.

CỬU NƯƠNG

Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc liêu ngôi cũ còn lời.
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi Đạo, Phật Trời cũng thương.

Nhờ mười bài thi trên mà ta biết tên, phong cách và việc làm của Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương [1].

Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, ngày Rằm tháng 8, là ngày các con nhớ ơn báo hiếu Đức Mẹ, biểu tượng cho Nguồn Sống (vườn đào là sự trường tồn) và Nguồn Vui (ngày lễ anh em tứ phương về sum họp). Ngày 16-8 â.l. là ngày Đức Mẹ đãi yến các con (giờ phát quà cho nhi đồng tại Trai đường).

Đức Phạm Hộ Pháp giải rõ (15-8 Kỷ Sửu) như sau:

"Cổ pháp định cho các chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung hưởng được Hội Yến Bàn Đào, uống được Tiên tửu, mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống".

Khi tái cầu, cô Lục Nương (tức Jeanne d'Arc) giáng cho thêm bài [2] và mời Ngài làm thi liên ngâm. Bà xướng:

1- Liên ngâm I

Trót đã đa mang cái nợ đời,
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.

Lục Nương

Oằn vai Thần Đạo non sông vác,
Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.

Cao Quỳnh Cư

Thương hải tang điền xem lắm lúc,
Công danh phú quí nhắm trò chơi.

Phạm Công Tắc

Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đôi năm dễ khó đời.

Cao Hoài Sang

2. Liên ngâm II

Ở thế sao chê tiếng thế buồn,
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong.

Lục Nương

1-Xem Công Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật cùng Soạn giả.
2-Xem Đại Đạo Sử Cương, Q.I.

Cân đai tuế nguyệt trêu hồn bướm,
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.

Cao Quỳnh Cư

Chiếc bách dập dồn dòng bích thủy,
Phồn hoa mờ mịt giấc Huỳnh lương.

Phạm Công Tắc

Bờ dương chừ đặng phong trần rảnh,
Quảy gánh thơ đờn dạo bốn phương.

Cao Hoài Sang

(Đạo Sử Xây Bàn Tây Ninh 1967, trang 16)

THU

Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ mịt vườn xuân điểm sắc thu.
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
Sương lồng ướt đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruỗi vó thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương đậm vẽ làu.
Non nước đìu hiu Xuân vắng chúa,
Nhìn quê cảnh úa giục cơn sầu.

Lục Nương

Nhờ tình thân mật đó, Lục Nương cho biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì Cung.

Đêm 14-9-1925 (29-8-Ất Sửu), khi xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng, ba vị hỏi sao lâu quá không đến. Ngài đáp rằng vì tiết lộ Thiên Cơ cho ba vị, nên bị Ngọc Hư bắt tội.

Ba Ngài phải lập hương án giữa Trời để chịu tội thay cho Đấng A-Ă-Â. Đến ngày Rằm tháng 9 năm đó, Đấng A-Ă-Â giáng cho một bài thi:

THI

Một tòa Thiên các ngọc làu làu,
Liền bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then cài ngăn Bắc đẩu,

Muôn trùng nhịp khảm hiệp Nam Tào.
Chư Thần lóa mắt màu thường đổi,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời đổi chớp giăng đoanh đỡ nỗi,
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.

Qua đến 04-11-1925 (18-9-Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du đến thăm Ngài Phạm Công Tắc, nhân đó quí Ngài xây bàn hỏi các Đấng về tương lai tổ quốc, được Đức Nhàn Âm giáng cho bài Thập thủ liên hoàn, mà bốn câu nhập đề, bài đầu và bài cuối như sau:

NHẬP ĐỀ

Thi họa vừa khi bước hứng nhàn,
Vòng trần luân chuyển luống lo toan.
Cày mây cuốc nguyệt, chờ Thang Võ,
Rằng biết cho dân chịu buộc ràng.

BÀI ĐẦU

Buộc ràng túng thiếu cả năm châu,
Trị loạn vần xây cuộc bể dâu.
Phép nước đòi cơn mây gió thảm,
Nghiệp nhà lắm lúc nước non sầu.
Thương nhân để dấu noi người trước,
Hiệp chủng làm gương dắt lũ nhau.
Cá chậu chim lồng chi dễ chịu,
Rừng xưa bến cũ thảnh thơi đâu?

BÀI CUỐI

Ăn nằm nín nẩm đợi Chơn Quân,
Ta quyết sẽ cho kẻ hạ trần.
Nắm mối xa thơ ra sức gánh,
Thâu giềng xã tắc sửa đầu cân.
Thái bình trăm họ nhìn chơn Chúa,
Thạnh trị năm châu trổ trí thần.
Độc lập gần ngày vui sắp đến,

Bỏ cơn đất Việt chịu tam phân.

Nhàn Âm Đạo Trưởng

Mười bài thập thủ liên hoàn này gây xôn xao trong giới cách mạng lúc bấy giờ. Một số nhà ái quốc đến nhờ ba Ngài xây bàn để hỏi việc nước, được Tả Quân Lê Văn Duyệt giáng bàn cho thi:

1. Đã ghe phen phấn khởi can qua,
Thuộc địa trách ai nhượng nghiệp nhà.
Trăm họ than van nòi bọc lại,
Ba Kỳ uất ức phép Tây tà.
Xa thơ biếng trẩy rời vương thất,
Nam đảnh hầu thay sáng quốc gia.
Ách nước nạn dân gần muốn mãn,
Hết hồi áp chế tới khi hòa.

2. Khi hòa tùy có chí đồng thinh,
Vận nước nên hư cũng bởi mình.
Tôi giặc lắm người xô vũ trụ,
Lòng trung mấy kẻ xót sanh linh.
Đường dài chớ nệ ngàn công gắng,
Bước nhọc đừng nao một dạ thìn.
Đồ sộ giang sơn xưa phủi sạch,
Trông vào tua vẹn nỗi đinh ninh.

Tả Quân Lê Văn Duyệt

Ngài Cao Hoài Sang bạch với Đức Ngài: "Trong tình thế hiện tại, các nhóm Cần Vương đất Việt có nên họp nhau đứng dậy làm cách mạng để thoát ách nô lệ chăng?".

Đức Ngài Lê Văn Duyệt trả lời bằng bài thi:

Mạnh yếu hai đàng đã hiển nhiên,
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên.
Dằn lòng ẩn nhẫn xem thời thế,
Đừng vội gây nên cuộc đảo huyền.

Việc xây bàn của các Ngài lan rộng trong quần chúng, kẻ hiếu kỳ đến xem cho biết, người không tin muốn đến thử coi chân giả. Một Phật tử hỏi Đấng A-Ă-Â làm thế nào để phân biệt

thiệt giả. Đấng A-Ă-Â nhịp bàn cho thi:

Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường,
Chẳng để mũi gần chẳng biết hương.
Hiền ngõ rủi sinh đời bạo ngược,
Dầu trong Thánh đức cũng ra thường.

Ngài Phật tử đó hỏi tiếp: "Làm sao biết được Chánh Tà?". Đấng A-Ă-Â đáp:

Lẽ Chánh tự nhiên có lẽ Tà,
Chánh Tà hai lẽ đoán sao ra?
Sao ra Tiên Phật người trần tục,
Trần tục muốn thành phải đến Ta.

Cũng hôm ấy (14-11-1925), ông Nguyễn Trung Hậu (sau đắc phong Bảo Pháp) đến hầu đàn được Đấng A-Ă-Â cho thi:

THUẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Gặp thời búa Việt, giục cờ Mao.

Và cho ông Phạm Minh Kiên cùng ông Lê Thế Vĩnh (sau đắc phong Tiếp Thế) chung một bài như vầy:

THI

Một viết với thân giữa diễn đàn,
Bằng xưa trước giặc vạn binh lang.
Đạo Đời ví biết Đời là trọng,
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.

A - Ă - Â

Nhờ điểm danh đúng bút hiệu Thuần Đức của ông Nguyễn Trung Hậu và chỉ đúng nghề nghiệp của hai ký giả Lê Thế Vĩnh và Phạm Minh Kiên, các ông mới chịu làm môn đệ Đấng A-Ă-Â.

Về sau có người hỏi ông Nguyễn Trung Hậu rằng: "Các ông đều học khá hơn ông Phạm Công Tắc, sao mà phục ổng dữ vậy, tôi tiếp chuyện ổng thấy ổng đâu có gì xuất sắc?".

Ông Nguyễn Trung Hậu đáp: "Ông nói có phần đúng. Lúc bình

thường, con người ấy cũng mang thi phàm xác thịt như chúng ta. Có điều con người ấy khi nguơn linh Hộ Pháp nhập vào ông ta rồi, không ai có thể sánh nổi. Tôi đâu phải là kẻ cả tin hay mê tín. Một lần đã chứng kiến ông chấp bút viết một mạch 24 trang giấy mà không sửa một chữ nào. Là một nhà thơ mà tôi cũng không làm được việc ấy, hỏi sao tôi không tin có Thần Linh nhập điển quang cho ông Phạm Công Tắc".

Đến 27-11-1925 (12-10-Ất Sửu), một người bạn trong phong trào Đông Du bị bắt, Ngài Phạm Công Tắc lo cho số mạng của ông ấy nên xây bàn hỏi các Đấng. Ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quí Cao, bạn văn thơ thuở còn sinh tiền với thi sĩ Thuần Đức, giáng bàn cho biết:

Tử sanh dĩ định tự thiên kỳ,
Tái ngộ đồng hoan hội nhứt chi.
Bắc Ngụy Quan Vân tâm mộ hữu,
Giang Đông kháng thụ lụy triêm y.

Quí Cao

Đến 12-12-1925 (27-10-Ất Sửu), Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng dạy: "Mùng 1 tháng 11 này, tam vị Đạo hữu vọng Thiên cầu Đạo".

Các Ngài không biết phải làm thế nào. Ngày hôm sau ba Ngài cầu Thất Nương để hỏi:"Thất Nương dạy dùm cầu Đạo là gì ?".

Thất Nương đáp: "Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A-Ă-Â".

Ngày sau nữa, các Đấng có giáng bàn, ba Ngài hỏi thì cũng được đáp: "Không phải phận sự của tôi, xin hỏi ông A-Ă-Â".
Ngày 30-10-Ất Sửu (15-12-1925) tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo, tắm gội cho tinh khiết ra quì giữa trời cầm chín cây nhang mà vái rằng: "Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế ban ơn giũ phúc lành cho ba tôi cải Tà qui Chánh".

Tịnh tâm quì tàn hết ba cây nhang mới vào, rồi đến nhà ông Tý mượn Đại Ngọc Cơ, Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng cho bài thi nhiều ẩn ngữ:

THI

Vọng niệm phân thùy sự sự phi,
Cá lý thiên tâm thường thế nhẫn.
Thiên tâm tu hướng cá trung cầu,
Quân vấn thiên tâm mạc tri tường.

Các Ngài không rõ nghĩa, nên cầu Đức A-Ă-Â giải nghĩa. Đức A-Ă-Â giải thông như vầy: "Đức Cao Đài Thượng Đế muốn nói tam vị chưa đủ Đức Tin về Ngài, nên hỏi gạn lại, Tam vị phải nghĩ cho thấu".

Đức A-Ă-Â cho thi dạy Đạo:

Cứ níu theo chân Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy cành dương hưởng đạo nhàn.

Thế là việc xây bàn đến đây chấm dứt và việc cầu Cơ bắt đầu để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là thời dẫn dắt vào đường Đạo đã hết.

Khi ba Ngài vọng Thiên cầu Đạo ngoài đường kẻ qua người lại dập đìu, nào xe cộ lượn qua, nào người đi coi hát về, họ hiếu kỳ dừng chân lại coi ba Ngài cúng vái ai mà quì ngoài sân. Bỗng đâu có thi sĩ Bồng Dinh (tức Giáo Sỏi) đến vịn cái bàn chỗ ba Ngài quì mà ngâm thi. Mọi người càng đến coi đông hơn. Nhưng các Ngài cũng tâm nguyện chờ cho 9 cây nhang tàn mới vào nhà, đoạn thiết đàn cầu Cơ.
Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng viết:

"Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương".

THI

Thiên đàng nhứt thế biến Lôi âm,
Tận độ nhơn sanh thoát tục phàm.
Chánh Giáo phát khai thiên thế mỹ,
Thâu hồi hiệp nhứt Đạo kỳ tam.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Các Ngài không thông suốt được bài thi nên thỉnh Đấng A-Ă-Â xin giải nghĩa, được giải như vầy:

"Ngọc Hoàng Thượng Đế là Trời, viết là dạy rằng, Cao Đài chỉ Nho Giáo, Tiên Ông chỉ Đạo Giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ Thích Giáo, giáo Đạo Nam phương là dạy Đạo ở phương Nam".

Việc Cao Đài Thượng Đế giáng Cơ lập Đạo qui Tam Giáo làm cho bậc tri thức và giới tu sĩ bàn tán. Cụ Yết Ma Luật quyết đến đàn Cơ thử coi hư thực. Cụ viết sẵn một bài thơ ở trong túi áo và xin họa vận như vầy:

Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùng, Tiên Phật giáng phàm gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,
Chính thật ta đây Đấng Ngọc Hoàng.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Cụ Yết Ma Luật bái phục, xin theo Đạo và đưa bài thi mà ông đã viết như sau:

Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giáng phàm gian.
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.

Yết Ma Luật

Ông Phan Khắc Sửu tuy có dự đàn, nhưng vẫn không tin, nên làm một bài thơ rồi đốt mà không khấn vái gì cả. Dù đang giảng dạy chư môn đệ, Đấng Cao Đài ngưng Cơ họa liền:

Cơ Trời khó tỏ hởi con ơi,
Nghiệp quả tiền khiên của giống nòi.
Bởi luyến mồi thơm cam cá chậu,
Vì ganh tiếng gáy chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,
Đất dậy phong ba cứ vững lòng.
Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Nhận được bài họa, chánh khách Phan Khắc Sửu chịu làm đệ tử và đọc lại bài của ông, hai câu đầu cố ý gieo lạc vần như vầy:

Cao Đài Tiên Trưởng hỡi ông ơi,
Linh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điêu linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi nòi diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt não lòng.
Ách nước nạn dân như thế đấy,
Ngồi mà đạo đức có yên không?

Phan Khắc Sửu

Ngày 19-12-1925 (4-11-Ất Sửu), sau khi thiết bàn, Đức A-Ă-Â giáng cho một bài thi:

Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài,
Bởi đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc,
Giữ lòng tu tánh chớ đơn sai.

Đức Minh Nguyệt Tiên Ông dạy tiếp:

Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa.

Minh Nguyệt Tiên Ông

Đêm 20-12-1925, Đấng A-Ă-Â giáng dạy:

THI

Hảo Nam bang, hảo Nam bang,
Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi ân tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.
Chí bửu nhơn sanh vô giá định,
Năng tri giác thế sắc cao ban.

Cơ gõ cho tiếp bài:

Có cơ, có thế, có tinh thần,
Từ đấy Thần Tiên dễ đặng gần.
Dưỡng Tánh tu Tâm tua gắng sức,
Ngày sau toại hưởng trọn Thiên ân.

Ông Phan Khắc Sửu hỏi: "Thưa Ngài, Đấng Cao Đài Thượng Đế có dạy: Tu mà cứu thế dễ như không, nhưng trước sự lầm than của dân tộc, xin Ngài dạy phương pháp dứt khổ".

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thay Thầy giáng cho mười bài Thập thủ liên hoàn mà bài chót như vầy:

Nhà ta có tiếng giống anh phong,
Vẻ đẹp trời đông sắc Lạc Hồng.
Nam hải trổ nhiều tay Thánh đức,
Giao Châu sanh lắm mặt anh hùng.
Tinh trung lửa thét thành Bình Định,
Khí liệt gươm đề tỉnh Quảng Đông.
Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,
Chi cần dị chủng đến dâng công.

Thanh Sơn Đạo Sĩ

Đến ngày 21-12-1925 (6-11-Ất Sửu), nhân Thất Nương giáng đàn, một người hỏi rằng: "Thưa Tiên Nương, mấy năm qua buôn bán lỗ lã, tôi định đổi nghề, xin Tiên Nương chỉ giúp".

Thất Nương giáng dạy rằng:

THI

Hồ thỉ vẫy vùng đáng phận trai,
Trời chiều nay đã rạng cân đai.
Cành Nam mến đặng người tên tuổi,
Đất Bắc mừng an bước lạc loài.
Lộc nước gắng đền ơn chín tháng,
Nợ nhà tua vẹn gánh hai vai.
Qui điền có lúc phong trần rãnh,
Đinh sắc một lòng chí chớ lay.

THẤT NƯƠNG

Người thương khách giả ấy được thơ vội chắp tay xá, vì ông ấy vốn là một cựu thần nhà Nguyễn đang đi bôn ba kết nạp Cần Vương.

Cũng nên biết, không phải người ngoài nghi ngờ lòng tin mà ngay cả Ngài Cao Hoài Sang lúc đầu cũng rất thận trọng. Ngài có làm một bài thi tự thuật cho các thi hữu họa chơi. Rồi cũng xây bàn thỉnh Tiên, vong linh cụ Cao Hoài Ân (thân sinh ông Sang) giáng đàn.

Ngài Cao Quỳnh Cư thưa rằng: "Sẵn dịp anh về đây có bài thơ của Sang, cậy mấy anh em tôi họa. Vậy anh họa chơi luôn thể". Ông Cao Quỳnh Diêu tiếp lời mà nói rằng: "Anh đề thi mà khuyên dạy nó và lấy vận voi, mòi, còi, roi, thoi của bài Từ Thứ Qui Tào mà họa lại".

Chơn linh cụ Cao Hoài Ân cho thi:

Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thới hầu nên đã thấy mòi.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm nở,
Rừng tòng buổi trước một cây còi.
Hồng nương dặm gió chi sờn cánh,
Ngựa ruỗi đường mây khó nhọc roi.
Nín nẩm chờ qua cơn bỉ cực,
Thìn lòng chứng có lượn đôi thoi.

Vì có nhiều vị chưa vững Đức Tin, đêm mùng 8-11-Ất Sửu (23-12-1925) Lục Nương giáng giải đáp thắc mắc cho các Ngài. Sở dĩ chỉ có Thất Nương, Lục Nương và Bát Nương thường giáng đàn là vì các Tiên Nương khác có nhiệm vụ riêng. Sau có Huệ Mạng Trường Phan (thầy tu trên núi Bà Đen) giáng:

1. Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vầy,
Nào dè có đặng buổi hôm nay.
Gìn lòng tu niệm cho bền chí,
Bồng Đảo ngày mai đặng hiệp vầy.

2. Tây Ninh tu luyện động Linh sơn,
Chẳng quản mùi trần thiệt với hơn.
Trăm đắng ngàn cay đành một kiếp,

Công hầu vương bá dám đâu hơn.

"Xin chư vị gắng tu, thấp thỏi như tôi, nhờ trọn tin Trời Phật, còn được ân hưởng Huệ Mạng Kim Tiên; huống hồ chơn linh cao trọng như quí vị, nếu chịu tu ngày sau phẩm vị nơi Thiên đình còn đến mức nào".

Lời báo tin may của Huệ Mạng làm cho các ông nửa mừng nửa sợ, nên đêm sau thiết đàn để thỉnh Đấng A-Ă-Â về giáng dạy. Lục Nương giáng đàn báo phải chỉnh đàn nghiêm để rước Đấng Cao Đài Thượng Đế.

BÀI I

Trước vốn thương sau cũng thương,
Một lòng nhơn đức giữ cho thường.
Trông ơn Thượng Đế trên cao rộng,
Sum hiệp ngày sau cũng một trường.

BÀI II

Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên**.**

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

"Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây" (Europe).
"Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà này (nhà ông Cư) sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa".

Nên biết thuở đầu, việc xây bàn cầu Cơ phần lớn thiết lập ở nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, vì thế khi đi làm việc về, Ngài Phạm Công Tắc thường ghé luôn ở đây ăn cơm xong rồi cầu Cơ thỉnh Tiên. Các Ngài muốn mau biết việc Thượng giới nên đi làm việc chỉ mong mau tối để về thiết đàn.

Cũng đêm hôm ấy Đức Lý Thái Bạch giáng đàn:

THI

Đường trào hạ thế hưởng tam quan,
Chẳng vị công khanh chỉ hưởng nhàn.
Chén rượu trăm thi đời vẫn nhắc,
Non Tiên vạn kiếp thế chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thơ văn đổ chứa chan.
Bồng đảo còn mơ khi múa bút,
Tả lòng thế sự vẽ giang san.

Tiên ông Đỗ Mục gõ Cơ họa lại:

Chẳng kể công danh bỏ ấn quan,
Bồng lai vui Đạo hưởng thanh nhàn.
Thi Thần vui hứng ngoài rừng trước,
Rượu Thánh buồn sang dưới cội tàng.
Nồng hạ Trời thương đưa gió quạt,
Nắng thu đất cảm đổ mưa chan.
Vân du thế giới vui mùi Đạo,
Mơi viếng Kỳ Sơn, tối Cẩm San.

Bà Lục Nương Diêu Trì Cung mừng tam vị:

Vui nhơn, vui Đạo, lại vui Thiền,
Vui một bước đường, một bước yên.
Vui bóng Cao Đài che khắp chốn,
Vui gương Ngọc Đế thấy như nhiên.
Vui ngàn thế giới răn nhơn tự,
Vui một màu thiên đóng cửu tuyền.
Vui vớt sanh linh nơi bể khổ,
Vui Trời rưới khắp đủ ân Thiên.

Cuối cùng Đức A-Ă-Â dạy tam vị:

"Hay lắm! Chỉ trông cho ba vị đi càng ngày càng vững trên đường Đạo".



II. TIÊU NGỮ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đêm 31-12-1925 (15-11-Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giáng dạy:

"Ba con thương Thầy lắm há?

Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ă-Â như thế nào chưa? Con có thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế lớn nhất như vậy có thể hạ mình bằng A-Ă-Â?. A-Ă-Â là Thầy. Thầy đến với các con thế ấy, con thương Thầy không?"

Cao Quỳnh Cư bạch: Thấy nhơn sanh chưa rõ sự huyền diệu của Thầy, họ nói phạm thượng, ba con binh vực Thầy, ba con cãi vả với họ.

"Thầy biết ... Cười ...
Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mảy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.

Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mảy mún gì chưa? Học hỏi sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Nhất Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học sự nhân đức của Nhất Nương.

Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.

Phải học tình nhân ái, trung tín, cứu giúp. Ba con có đặng như Cửu Thiên Nương Nương (tức Đức Phật Mẫu) chăng? Phải học gương.

Sự kính nhường, ba con bằng Cửu Nương chăng? Phải học.

Hạ nguơn tận diệt, Thầy sai Thần, Thánh, Tiên, Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đùa giỡn với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh".

Tuyên ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến nay mới được khải chúng. Năm 1920, Đấng Thượng Đế đến dạy Đạo Ngài Ngô Văn Chiêu ở Phú Quốc chỉ xưng là Cao Đài Ngọc Đế, nhiều người lầm tưởng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát xuất từ Phú

Quốc.

Trong "Đại Đạo Căn Nguyên" của Nguyễn Bảo Pháp xác định rõ ràng: "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Sài gòn. Trước kỳ Khai Đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng Cơ nhiều chỗ đặng cảnh tỉnh nhơn tâm, cùng để lời tiên tri rằng Đại Đạo hoằng khai. Như đàn tại Miễu Nổi (Bến Cát, Gò Vấp, Gia Định) đêm 17-6 năm Quí Hợi (30-7-1923), Tào Quốc Cựu Đại Tiên giáng Cơ dạy như vầy:

"Khá rán luyện Đạo kẻo uổng, vì Đạo là món báu trong trời nên mới gặp Đạo mở kỳ ba. Hữu duyên đắc ngộ Tam kỳ độ".

Đàn tại Đất Hộ (chùa Ngọc Hoàng Đa Kao), đêm 22-7 năm Quí Hợi (02-10-1923), Huê Quang Đại Đế giáng Cơ như vầy:

HUÊ phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,
QUANG minh từ hướng thượng Tam Tài.
ĐẠI phước Kim đơn thần đắc ngộ,
ĐẾ quân giáng hạ nhữ vô tai.

Xem thế, "TAM KỲ PHỔ ĐỘ" lập giữa chợ Sài gòn. Đó là lối tu chợ hay tu tâm. Tu giữa chợ mới gọi là "đại ẩn ẩn thành thị" hay "Nhất tu thị, nhị tu sơn".

Cách tu, lối tu theo thời cuộc mà biến đổi cho phù hợp với đời.

"Thời còn ăn lông ở lỗ, hang núi là nơi ở thiên nhiên nên con người chọn lối tu núi tức tu tiên (Đức Ngô Minh Chiêu hành Đạo Vô vi ở núi Phú Quốc). Khi con người biết quần tụ cất nhà để ở thì nảy ra lối tu chùa. Người sanh đẻ càng ngày càng đông giành giựt nhau từ miếng ăn manh áo. Khổng Tử kêu gọi con người phải giữ Bát Điều Mục, sinh ra lối Tu Tề của Nho Giáo.

Xã hội ngày càng tiến bộ, chỗ nào cũng có người, chỗ nào cũng có chợ thì có lối tu chợ tức tu tâm (Đạo Tâm). Xét qua quá trình các phương pháp tu: từ tu núi, tu chùa, tu tề, tu chợ, chắc chắn tu chợ là lối tu khổ luyện nhất" [1].

Những điều vừa trình bày trên, không thể nào nói Cơ Phổ Độ

1-Xem "Ngôi Thờ Đức Chí Tôn" cùng người viết.

thoát thai từ bên Vô vi. Và cũng không thể nói: "Một Thánh Thất [1] thuộc phần Phổ Độ để các môn đệ bên Vô vi ngữa Thánh ý truyền Bí Pháp lại cho hàng đệ tử thiện căn" [2].

Vì chính Thánh Thất này khai sinh quyển Đại Thừa Chơn Giáo (1936), sau khi Đức Ngô Minh Chiêu qui vị ba năm. Thế thường người ta phân biệt Vô vi, Phổ Độ là hai mà quên lời dạy của Đức Chí Tôn "Cùng nhau một Đạo tức một Cha".

Chẳng lẽ Vô vi mà không Phổ Độ, Phổ Độ theo kiểu Vô vi chớ! Còn Phổ Độ chẳng lẽ không tịnh luyện (xem đoạn sau, Đức Chí Tôn dạy các ông Cư, Tắc ... tịnh luyện) nhưng phần phổ độ chúng sanh theo tuyên ngữ "Đại Ân Xá" vượt trội hơn mà thôi.

Vô vi và Phổ Độ song hành như lẽ trời đất phải có Dương Âm: "Thầy lập Bát Quái (có quả Càn Khôn ở trên) mà tác thành Càn Khôn thế giới" [3]. Có Âm Dương mới sanh sanh hóa hóa. Nhờ đó mà Đạo mới truyền tới thất ức niên đặng".

Đức Cao Đài Tiên Ông (biểu tượng phần Dương) dìu dẫn Đức Ngô Minh Chiêu thờ Thiên Nhãn. Đức Phật Mẫu và Cửu Nương (biểu tượng phần Âm) độ dẫn nhóm Cao Phạm vào Đạo. Điều đó là một tiên triệu quá hiển nhiên. Nói theo Dịch Lý, trong Âm có Dương và trong Dương có Âm. Khi gọi là Dương vì Dương trổi hơn Âm và khi gọi là Âm vì Âm nhiều hơn Dương có thế thôi.

Nói rõ hơn, khi gọi là Vô vi vì lo Vô vi nhiều hơn Phổ Độ và khi gọi là Phổ Độ vì lo việc hoằng Đạo nhiều hơn tịnh luyện, chớ không phải không có tịnh luyện. Đạo Cao Đài là bao la Đại Đồng, nếu không thấy được Đại Đồng mà chỉ thấy tiểu dị thì làm sao gọi là Đại Đạo. Đạo đã truyền bao nhiêu thập niên mà người Đạo lẽ nào chưa thông lý tưởng Đại Đồng?

Các Ngài lúc bấy giờ, chưa rõ mối Đạo lớn là thế nào và Giáo

1-Tức Trước Lý Minh Đài, nhà của Chưởng Nghiêm Pháp Quân Nguyễn Phát Trước.

2-Đồng Tân, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Sai Gòn, Cao Hiên 1972, trang 113.

3-Xin xem "Lý Giải Quả Càn Khôn" cùng người viết.

lý ra sao hay lấy Giáo lý các Tôn Giáo đã có.

Thế nên, đêm 02-01-1926 (18-11-Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng dạy:

"Cư Tắc hai con đừng lấy làm việc chơi nhé. Thầy dặn hai con một điều: nhứt nhứt phải đợi lịnh Thầy, chẳng nên lấy ý tứ riêng mà phán đoán nghe.

Phận sự hai con, trách nhiệm hai con Thầy đã định trước, song ngày giờ chưa đến, phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo".



Ngày 02-01-1926 là ngày lịch sử trong khoảng đời tâm linh của Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư, vì từ đây Đức Chí Tôn mới thật sự dạy Đạo cho các Ngài. Vì vậy các Ngài gặp điều gì khó khăn thì triệu thỉnh các Đấng Thiêng Liêng. Đêm mồng 4 tháng đó, Đức Chí Tôn giáng Cơ quở rằng:

"Thầy đã nói A-Ă-Â là Thầy, Diêu Trì Cung là cung Diêu Trì, các Thánh đều có quả đó là những Đấng Thầy lựa sai đến dạy dỗ mấy con, đừng triệu thường vì mỗi vị đều có phận sự riêng. Chư Tiên và chư Thánh đều có quả, song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều gì học hỏi".

Đến ngày 9-1-1926 (25-11-Ất Sửu), Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng dạy các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến đường Quai Testard (Chợ Lớn) độ ông Lê Văn Trung, Ngài Phạm Công Tắc có vẻ không bằng lòng vì :

"Buổi nọ, ông Lê Văn Trung đang làm Thượng Nghị Viên, Hội Đồng Thượng Nghị Viện thời Pháp lớn lắm. Ông là người Nam duy nhất làm đến bậc đó thôi. Ông là người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm (tức ông Cao Quỳnh Cư) không hạp

chút nào. Tôi kỵ hơn hết, nhứt định không làm điều đó được. Một ông quan trong thời mất nước không thể tả hết".

"Khi chúng tôi ôm cái Cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ, mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà chúng tôi thú thật với Ngài rằng: "Chúng tôi được lịnh Đức Chí Tôn đến nhà anh phò loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo".

Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi vì vào khoảng tháng 5 - Ất Sửu (tháng 6 - 1925), tại chợ Gạo (Chợ Lớn) nơi nhà Nguyễn Bá Vân có thiết đàn thỉnh Tiên, ông Nguyễn Hữu Đắc có đưa ông Lê văn Trung đến hầu đàn nhiều lần. Khi Đức Lý độ ông Trung ngộ Đạo thì mắt ông sáng lại. Đàn Chợ Gạo từ đó bị bế. Nghĩa là dù ai có cầu các Đấng vẫn không giáng. Lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi phò loan, rồi bắt ông nhập môn.

"Trong nhà có một người con nuôi tên là Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi. Hai cha con kiếm được Cơ đâu không biết, vái rồi cầu Cơ. Khi phò loan thằng nhỏ ngủ, ông thì thức. Cơ chạy hoài. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin có Đức Chí Tôn.[1]

Thật ra, nội dung của đàn Cơ là Đức Cao Đài cho Ngài Lê Văn Trung biết chính Ngài đã truyền lịnh cho Đức Lý độ dẫn ông nơi Đàn Chợ Gạo. Đức Chí Tôn dặn rằng: "Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy và thác cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy".[2]

Dù đã theo học Đạo với Thầy Trời, nhưng tấm lòng thương dân yêu nước vẫn chưa nguôi. Khi chính quyền Pháp đàn áp các phần tử ái quốc, dòng máu cách mạng của Ngài lại bừng sôi. Bà Thất Nương giáng Cơ đêm 27-01-1926 (13-12-Ất Sửu) khuyên:

"Em xin quí anh coi lại đời là thế nào? Bông phù dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con người. Vì nó sống ngắn ngủi nhường ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc; chớ đời người sanh ra chỉ

1-Theo bài thuyết Đạo đêm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp.
2-Theo Đại Đạo Căn Nguyên của Nguyễn Bảo Pháp, 1930.

để khổ mà thôi, dù sống trăm tuổi chưa một điều đắc chí, rồi chết. Cái đời đúng là một khổ hải.

Em xin quí anh coi sự trường sanh của mình làm trọng, người không có phải kiếm, mình có sẵn nỡ bỏ đi. Em tiếc dùm đó thôi. Đã vào đường chánh, cứ dò theo đó bước tới hoài thì trở về cựu vị đặng".

Từ lúc chấm dứt việc xây bàn thay vào phò Cơ thì hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc làm đồng tử, nên tất cả những bài từ trước của các Đấng giáng cho đều do cặp Cơ nguyên thủy này viết ra. Vì vậy Ngài Cao Hoài Sang thấy mình hơi thừa, rồi lần lần ít chịu đi hầu đàn. Các Ngài mới xin Đấng Cao Đài để lời dạy bảo.

Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng rằng:

"Nó thật thà, vã lại nó còn mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn, các con chỉ cho Thầy coi ?".

Các Ngài đã thọ làm môn đệ Đấng Cao Đài đã lâu nhưng chưa thờ vì chưa biết cách thức thờ thế nào, nên mới xin dạy cách thức để thờ, thì Đấng Cao Đài Thượng Đế dạy: "Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con".

Vâng lệnh Đấng Cao Đài, các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến nhà ông Ngô Văn Chiêu ở số 110 đường Bonnard (nay là Lê Lợi, Sài gòn) để quan sát cách thờ. Ngài Ngô Văn Chiêu thờ Thầy rất kỹ, tận trên cao và ngay chính giữa nhà thật kín đáo. Có ai đến chơi nhà, khó mà biết được vì ông là người rất dè dặt, không phải là bạn tu thì không bao giờ chỉ dẫn.

Vào năm 1921 lúc làm chủ quận Phú Quốc, một buổi sáng lối 8 giờ, Đức Chí Tôn đã hiện con mắt "Thiên Nhãn" nhiều lần và dạy Ngài cách thờ. Năm 1924, Ngài đổi về Sài gòn thì cũng tiếp tục thờ Thầy (Thiên Nhãn) và tu đơn như trước. Kịp đến khi Đức Chí Tôn chuyển Cơ Phổ Độ cho nhóm Ngài Phạm Công Tắc thì các Ngài đến đây để xem cách thờ phượng về truyền bá trong Đạo hữu.

Vì nhà Ngài Lê Văn Trung rộng rãi, ngày 15-12-Ất Sửu, Ngài thượng Thánh Tượng Thiên Nhãn có mời các ông Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quí, Lê Thế Vĩnh v.v. .

Đấng Cao Đài giáng Cơ dạy:

"Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trang trọng.

Chẳng quản đồng Tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức cùng Cha.
Nghĩa nhân đành gửi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau một chữ hòa.

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG

III. TÂN PHÁP TU TỊNH

Ngày 18-12-Ất Sửu (31-01-1926), Đức Chí Tôn dạy Ngài Phạm Công Tắc nghỉ việc đời mà lo hành Đạo: "Tắc! Có tuân mạng lệnh Thầy chăng? Con sắp đặt hoàn thành rồi thối chức?" [1]

Ngày 14-01-1926 (01-12-Ất Sửu), Đức Chí Tôn dạy hai vị Cư, Tắc về nội giáo tâm truyền hay thiền định như sau:

Thành tâm niệm Phật,
Tịnh, tịnh, tịnh, tĩnh, tĩnh.
Tịnh là vô nhứt vật,
Thành tâm hành Đạo (Pháp).

Bà Thất Nương khuyến khích: "Em xin hai anh gắng công học Đạo, dưỡng luyện tinh thần, ắt ngày sau đắc Đạo. Coi Bửu vị làm trọng đừng ham luyến hồng trần mà phải đọa".

Chỉ bốn câu đã nêu rõ cách tịnh luyện theo Đạo mới: tâm thiện niệm, tĩnh lặng, vô nhứt vật và tự hành pháp:

Câu 1- Tâm thiện niệm: Sau khi dâng Tam Bửu trong tứ thời

1-Đạo Sử, Q I, trang 46.

thì niệm danh Thầy (Phật trên các Phật) là đủ. Vì danh Thầy có đủ Tam Giáo [1].

Câu 2- Tĩnh lặng: Tĩnh là tâm bên ngoài không xao động, bên trong chẳng so hơn tính thiệt, tức bên trong bên ngoài chẳng loạn là Tịnh. Khi tịnh giác quan ta vẫn nghe vẫn thấy nhưng phải tĩnh táo để tâm khỏi bị ngoại vật lôi cuốn, mà nghe như không nghe, thấy như không thấy. Nếu tịnh mà tâm viên ý mã là sai.

Câu 3- Tâm vô nhứt vật: Nguyên văn câu mà Lục Tổ Huệ Năng được truyền y bát là "bản lai vô nhứt vật". Ngài nói "Tâm vốn là vọng dấy khởi phân biệt là hư giả, nên tịnh chỉ cần không vọng là đủ; không vọng thì động tự lắng xuống, tâm an nhiên tự tánh thanh tịnh".

Câu 4- Tự hành pháp: Tu chơn là tự tịnh luyện một mình sau khi được Chơn sư chỉ dẫn. Hành pháp tự tu, tự thành. Biết được tánh giác thường hằn là sắp có ấn chứng Thiêng Liêng.

Ngày 16-01-1926, Quí Cao giáng đàn và cho hai vị Cư, Tắc biết: "Đã từ lâu không dám nói vì em còn phải tu như hai anh vậy. Không dám nói vì hai anh có Thầy, em không dám lộng quyền".

Rồi Ngài Quí Cao tặng hai Ngài bài thơ khuyến tu:

Tu như cỏ úa gặp mù sương,
Đạo vốn cây che mát mẻ đường.
Một kiếp muối dưa, muôn kiếp hưởng,
Đôi năm mệt nhọc, vạn năm bường.
Có Thần nuôi nấng Thần càng mạnh,
Luyện khí thông thương khí mới tường.
Nhập thể lòng trong gìn tịnh mẫn,
Nguồn Tiên ngọn Phật mới nhằm phương.

Ngày 27-1-1926, khai đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, Thất Nương giáng dạy tam vị Thiên sứ: "Em xin quí anh coi lại đời là thế nào? Bông phù dung sớm còn tối mất, còn hơn kiếp con

---

1-Xem chương VI, mục 1 và VI.

người. Vì nó sống ngắn ngủi nhường ấy nhưng mà lúc sống còn có cái sắc; chớ đời người sanh ra chỉ để thụ khổ mà thôi. Chung qui, dù sống trăm tuổi chưa một điều đắc chí. Chết là hết. Cái đời tạm này sách Phật gọi là khổ hải. Em xin quí anh coi sự trường sanh của mình làm trọng...Đã vào đường chánh, cứ do đó mà bước tới hoài thì trở về cựu vị đặng".

Ngài Lê Văn Trung còn nghi ngờ nên hỏi Thất Nương: "Có duyên luyện Đạo cùng chăng? Xin em mách dùm!".

Bà Thất Nương đáp: "Đã gặp đạo đức tức có duyên phần. Rán tu luyện, siêng thì thành, biếng thì đọa. Liệu lấy răn mình".

Đức Lý Thái Bạch cảm ứng khát vọng của Ngài Lê Văn Trung giáng dạy về tân pháp như sau:

Có công phải biết gắng nên công (PHU),
Tu tánh đã xong tới luyện lòng (TÂM).
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,
Đơn tâm khó (THIỀN) định lấy chi mong?.

Hôm sau Đức Chí Tôn dạy thêm nhóm Phổ Độ:

Một ngày thỏn mỏn một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa.
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ,
Cửa Thiên xuất nhập cũng như nhà.

Cương tỏa đương thời đã giải vây,
Đừng mơ oan nghiệt một đời này.
Hữu duyên độ thấu nguồn Chơn Đạo,
Tu niệm khuyên bền chí chớ lay.

Những lời dạy về Tân pháp tu chơn của các Đấng nêu trên đã đánh tan dư luận cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh không có tịnh luyện. Ta có thể kể các Tịnh thất: Thảo Xá Hiền Cung (1927), Trí Huệ Cung (1950), Trí Giác Cung (1948), Vạn Pháp Cung (1963), rất nhiều vị tu thành chánh quả. Sở dĩ phần Phổ Độ lấn hơn phần Vô vi là theo Thánh ý "Đại Ân Xá", phải độ dẫn nhơn sanh trước, có nhơn sanh mới có người tịnh luyện, lần bước vào thời kỳ Đạo tâm như Đức Cao Đài đã tiền khải.

Nếu xét về bình diện lịch sử, Tôn Giáo Cao Đài là Đạo trong nước, nên đã mang đậm sắc thái truyền thống Việt Nam về y phục, về nhạc lễ, nhất là Tam Giáo đồng nguyên của thời đại Lý, Trần.

"Tinh thần dân tộc phát triển trong thế kỷ 13 đã góp phần hình thành tư tưởng Thiền Việt Nam biến chuyển thành Thiền Trúc Lâm". Tuệ Trung Thượng Sĩ phản đối tọa thiền. "Tư tưởng thân dân đời Trần là muốn giảm nhẹ sự đau khổ của con người trong đời sống thực. Thiền Trúc Lâm tô đậm nét nhân ái, không dẫn đến yếm thế, xa lánh cuộc đời. Đó là Thiền Nhập Thế, điểm rất nổi bậc của Thiền Trúc Lâm". [1]

Bài Thất ngôn Bát cú trên do Đức Chí Tôn ban cho, phản ảnh đầy truyền thống Thiền Trúc Lâm. Đức Chí Tôn còn nhấn mạnh "Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa". Như vậy Thiền trong Đạo Cao Đài là Thiền Nhập Thế, Thiền Cơ Phổ Độ. Nếu cưỡng chế ra ngoài Thiền Nhập Thế có nghĩa là ra ngoài truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

Vả lại, trong LUẬT TAM THỂ, bà Bát Nương giảng dạy khá rõ ràng về phép tịnh như vầy: "Đừng lầm tưởng là phải yên tịnh một nơi mới thâu nên kết quả. Mấy em tập thế nào mà tầm cho được cái tịnh ở trong cái động thì mới nên đó, bằng chẳng vậy quỉ mị sẽ vùa theo nơi an tịnh riêng mình. Nói rõ cho dễ hiểu hơn là Chơn Thần muốn tịnh lúc nào cũng được, chẳng nệ đông, tiếng ồn ào, việc làm bề bộn". Rõ ràng bà Bát Nương dạy nhơn sanh về Thiền Nhập Thế. [2]

Đêm 30-12-Ất Sửu (12-12-1926) theo lời dạy của Đức Cao Đài, Quan phủ Ngô Văn Chiêu đi với hai Ngài Cư, Tắc đến nhà mỗi vị để mừng xuân. Đến nhà ai thì cặp Cơ Cư, Tắc phò loan, trước hết là nhà ông phán Võ Văn Sang, sau cùng là Ngài Lê Văn Trung, mỗi người đều được một bài thơ tứ tuyệt, mà bài

---

1-Hà Văn Tấn, Thiền Trúc Lâm, Tạp chí Quê Hương số 11, trang 20, 21.

2-Xem Lịch sử dòng Thiền Phổ Độ cùng người viết.

của Ngài Phạm Công Tắc như vầy:

Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,
Thấy thằng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.

Khuya mồng một Tết, Đấng Cao Đài giáng dạy: "Hôm nay là ngày trọng đại, Thầy chính thức khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cứu vớt 92 ức Nguyên nhân đang bị đọa trầm luân":

Phụng gáy non Nam Đạo trổ mòi,
Trổ mòi nhân vật bốn phương trời.
Trời Âu, biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

IV. MƯỜI HAI VỊ CAO ĐỒ ĐẦU TIÊN

Qua đến mùng 9-1 nhằm vía Đức Chí Tôn, ông Vương Quan Kỳ thiết đàn tại nhà riêng ở số 80 đường Lagrandière (nay là đường Gia Long), Đức Thượng Đế giáng Cơ:

Bửu tòa thơ thới trổ thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rán vun nền Đạo đức,
Bền lòng son sắc đến cùng Ta.

Quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà cho một bài thi. Đức Thượng Đế thuận cho:

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn **HOÀI** sanh,
BẢN đạo khai **SANG QUÍ GIẢNG** thành.

HẬU ĐỨC TẮC CƯ thiên địa cảnh,
Huờn Minh Mân đáo thủ Đài danh.

Bài tứ tuyệt điểm danh 12 vị cao đồ là: Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Lê Văn Trung, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quí, Lê Văn Giảng, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư.

Thực tế, lúc đó Đức Cao Đài có tới 13 môn đệ. Trong "Tiểu sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu" chép là "hai tên Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang, Thầy điểm chung một tên". [1]

Nếu là 12 thì Đạo đã thành. Chính cái chưa xong số 13 mới biến dịch Đạo truyền tới thất ức niên, giống như trong Kinh Dịch quẻ 63, là Ký Tế (đã xong) nhưng đến quẻ cuối 64 là Vị Tế *(chưa xong)*.

Đạo đã được Đức Cao Đài lập ra (câu 1, 2, 3) là để cứu đời, (câu 4) vì các ông Huờn, Minh, Mân là người chưa vào Đạo, nhưng Đức Chí Tôn tiên tri "đáo thủ Đài danh", tức sẽ theo Đạo. Đạo lập ra để tận độ chúng sanh và độ đời từ lúc còn "hoài sanh" (trong bụng mẹ).



ĐỨC HỘ PHÁP- ĐỨC THƯỢNG SANH VÀ CÁC VỊ THỜI QUÂN

Trong bài thi có 12 vị cao đồ (phần Dương) cộng ba vị hầu đàn (phần Âm) là 15. Số 15 là số đặc biệt của Lạc Thư, cộng chiều ngang, chiều dọc và đường chéo đều là 15. Người Tây phương gọi là Ma Phương (Carré magique).

Số 15 là số đồng tử Hiệp Thiên Đài, số đặc biệt vật phẩm dâng cúng Đức Phật Mẫu và số Thái Cực vì số 5 là số sinh cộng với

1-Tiểu Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, Sai gòn 1962, trang 41.

số 10 là số thành thuộc thổ ở trung ương. Xem thế, số 15 là ám chỉ Đạo Cao Đài thờ phần Dương Chí Tôn và phần Âm Phật Mẫu. Đức Cao Đài hàm ý đặt tư tưởng Đạo trên Kinh Dịch. Vì thế, kiến trúc thờ phượng nơi Tòa Thánh, Thánh Thất đều thể hiện Dịch Lý bên trong.

Tuy theo Đạo nhưng các ông vẫn còn ngỡ ngàng trước cách lễ bái, đạo phục, nhất là cách thờ Thiên Nhãn. Ngày 12-01-Bính Dần (24-02-1926), Đấng Cao Đài giáng dạy:

"Thập nhị khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn Khôn thế giái, nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy.

"Chưa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng "CON MẮT" mà thờ Thầy. Song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

Nhãn thị chủ Tâm,
Lưỡng quang Chủ tể,
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả.

Thần là khiếm khuyết của Cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho "Thần" hiệp "Tinh, Khí" đặng hiệp đủ "Tam Bửu" là Cơ mầu nhiệm siêu phàm nhập Thánh".

Lần lần khách bàng quang hiểu được chủ đích của Cao Đài Giáo là qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi. Người ta trích điểm lập chi Đạo mới cho thêm khó khăn phiền toái.

Đức Cao Đài giáng dạy:

"Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gầy Chánh Giáo, là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì nhơn loại duy có hành Đạo nơi tư phương mà thôi.

"Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại bị nghịch lẫn nhau nên Thầy mới qui nguyên phục nhứt. Lại nữa Thầy giao Thánh

Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà lập ra Phàm Giáo".

V. THIÊN PHONG HỘ PHÁP VÀ KHAI TỊCH ĐẠO

Đến ngày 22 rạng 23.04.1926 (11&12 tháng 3, Bính Dần) thì thiết lễ Thiên phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, Thầy dạy:

"Cư nghe dặn: con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón ...

"Cười...

"Đáng lẽ nó phải sắm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo nên Thầy không bảo. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt ngay vô ngôi Giáo Tông, lấy 9 tấc vải điều đắp mặt nó lại.
"Lịch, con viết một lá phù (Gián Ma Xử) đưa cho nó cầm. . . .
. . . . . .

"Cả thảy Môn đệ phân làm ba ban, đều quì xuống, biểu T. . leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt T . ., đặng Thầy trục xuất Chơn Thần nó ra, nhớ biểu Đức, Hậu xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ. . ."

Nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện mà là một cuộc hành pháp trục Chơn thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Từ đó Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Đạo Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như chơn linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo (Nguyệt Tâm Chơn Nhơn). Ngài được Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài thông

công với các Đấng và chịu trách nhiệm về Chơn thần của toàn thể Đạo hữu.

Hôm ấy có các vị được thọ phong là:
Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp.
Ngài Cao Quỳnh Cư được phong Thượng Phẩm.
Ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.
Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Ngài Cao Hoài Sang thọ phong Thượng Sanh.



Các vị sau đây được phong vị để phò Cơ:
Đức, Hậu phong Tiên Đạo phò Cơ Đạo sĩ.
Cư phong Tá Cơ Tiên hạc Đạo sĩ.
Tắc phong Hộ giá Tiên đồng tá Cơ Đạo sĩ.

Hai Ông Thượng Phẩm và Hộ Pháp hợp thành một cặp đồng tử chấp Cơ phong Thánh, truyền giáo lập Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, tức là Hiến Chương của nền Đại Đạo lúc bấy giờ.

"Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai Ông này vào bực nhứt, trước hết và trên hết, Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai Ông này mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai Ông thì:

- Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Đâu có Chức sắc Thiên phong nam nữ.
- Đâu có Hội Thánh và các Cơ quan trong Đạo.
- Đâu có Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.

-Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng"[1].

Ngoài cặp Cơ Cư, Tắc còn có các cặp Cơ : Sang- Diêu, Hậu-Đức, Nghĩa-Tràng, Tươi- Chương, Kim- Đãi, Mai- Nguyên, Mạnh- Phước, Thâu- Vĩnh.

Cầu Cơ là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ Cơ, tay cầm vào miệng Cơ. Một lát sau điển các Đấng giáng nội rồi Ngọc Cơ tự động viết ra. Chính vì đó, người ta có thể nghi ngờ người bên trái và bên phải viết ra. Thế nên, Cơ bút có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được điều đó.

Nhằm chặn đứng sự lợi dụng Cơ bút, Chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập "Hiến Pháp Cơ Bút" chỉ chấp nhận và thừa nhận cầu Cơ nơi Cung Đạo Đền Thánh tại Tòa Thánh.

Khi cầm quyền Chưởng Quản Nhị hữu hình Đài, Đức Phạm Hộ Pháp có ra Thánh Lịnh số 21 ngày 22-02-Tân Mão (29-03-1951) có đoạn: "Cơ bút vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ sự chi mà có tánh phàm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít. Cơ bút đủ quyền tạo Đạo đặng, thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng. Vì cớ mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Phổ Độ".

Dưới đây là danh tánh các Đấng giáng Cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ năm Ất Sửu đến khi Ngài Phạm Công Tắc được phong Hộ Pháp:

1) Xuất Bộ Tinh Quân.
2) A-Ă-Â.
3) Cửu Vị Tiên Nương.
4) Cửu Thiên Huyền Nữ.
5) Thiên Hậu.
6) Liên Huệ Tiên.
7) Đại Tiên Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký.
8) Nhàn Âm Đạo Trưởng.
9) Quan Thánh Đế Quân.
10) Thần sơn quan Diệu Võ Tiên Ông.

1-Theo "Đạo Sử Cơ Bút" của Ngài Trương Hiến Pháp.

11) Đỗ Mục Tiên.
12) Minh Nguyệt Tiên Ông.
13) Bách Nhẫn Đại Tiên.
14) Thánh Pierre.
15) Huệ Mạng Trường Phan.
16) Tả Quân Lê Văn Duyệt.
17) Quí Cao.
18) Thổ Địa Tài Thần.
19) Lý Thái Bạch.
20) Ông Môn.
21) Cao Xuân Lộc.
22) Cao Quỳnh Tuân.
23) Cao Hoài Ân (tức Xuyên Quan Tư bộ). [1]

Đàn Cầu Kho không đủ cung ứng cho hoàn cảnh, nên có 5 đàn nữa là Chợ Lớn, Tân Kim (Cần Giuộc), Lộc Giang, Thủ Đức và Tân Định mà cặp Cơ Cư-Tắc phò loan ở đây. Chính đàn này đã thâu được ông Lê Thiện Phước (sau đắc phong Bảo Thế).

Để việc phổ độ chúng sanh khỏi bị ngăn trở, các Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc...tất cả 28 vị đứng tên đưa tờ Khai Tịch Đạo lên Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (nhằm triều đại Bảo Đại) vào ngày 7-10-1926.

TỜ KHAI TỊCH ĐẠO

Saigon, le 7 Octobre 1926

Monsieur le Gouverneur,

Les Soussignés, ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaitre ce qui suit:

Il existait en Indochine trois Religions (Boudhisme, Taoisme et

---

1-Thân sinh của 3 Thiên sứ đắc vị Đại ân xá là: Xuất Bộ Tinh Quân Cao Quỳnh Tuân (thân sinh của ông Cao Quỳnh Cư), Ngân hà công bộ Phạm Công Thiện (thân sinh ông Phạm Công Tắc), và Xuyên quan Tư bộ Cao Hoài Ân (thân sinh ông Cao Hoài Sang) thờ ở Thảo Xá Hiền Cung .

Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureusement en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramassser les objets tombés dans la rue (gia vô bế hộ, lộ bất thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales).

Hélas! Ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se deviser, tandis que le but de toutes les religions est le même: Faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps. Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.

Le nom "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", qui signifie la troisième Amnistie Générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de Ngọc Hoàng Thượng Đế dit Cao Đài ou "Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT".

Par l'intermédiare de médiums écrivants, NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius;
2. Les vertus dictées dans les religions boudhique et

taoique. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissention et la guerre.

Les sousignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du receuil de " Saintes Paroles" de Ngọc Hoàng Thượng Đế, paroles estimées plus précieuses que tout ce qui existe ici-bas.

2. La tradition de quelques passages du livre de prières que Ngọc Hoàng Thượng Đế nous a enseignées.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et don't la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'il vous propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine. Persuadés d'avance que cette Nouvelle Religion apportera à nous tous la Paix et la Concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués". [1]
Ont signé:
-Mme. Lâm Ngọc Thanh,…..
-Mr. Lê văn Trung,….
. . . . . .

Tờ Khai Tịch Đạo

Nguyên văn bằng tiếng Pháp như trên
xin tạm dịch như sau:

Sài gòn, ngày 07 tháng 10 năm 1926

1-Pierre Bernardini, Le Caodaisme au Cambodge, Universite' de Paris VII, trang 282-284.

Kính ông Thống Đốc,
Những người ký tên dưới đây, hân hạnh kính báo đến ông biết những điều sau: Từ trước ở Đông Dương đã có ba Tôn Giáo (Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo). Tổ tiên chúng tôi đã tu theo giáo lý Tam Giáo và sống hạnh phúc nhờ thuận tùng nghiêm khắc những lời dạy tốt đẹp của các vị Chưởng Giáo của các Tôn Giáo ấy. Vào thời xưa, người ta sống vô tư đến độ có thể ngủ mà không cần đóng cửa và ra đường chẳng thèm lượm của rơi (Gia vô bế hộ, lộ bất thập di là câu nói đã được sử sách ghi lại).

Buồn thay! Thời kỳ tốt đẹp đó không còn vì những lý do sau đây:

1. Tín hữu của các Tôn Giáo ấy tìm cách chia rẽ nhau, trong khi mục đích của tất cả các Tôn Giáo đều như nhau: làm lành lánh dữ, lòng thành thờ kính Đấng Tạo Hóa.

2. Họ làm lệch lạc hoàn toàn ý nghĩa của các Giáo lý thánh thiện và quý giá đó.

3. Sự chạy theo vinh hoa phú quý, tính tham vọng của con người là những nguyên nhân chính của các bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam hôm nay đã từ bỏ hoàn toàn những mỹ tục và truyền thống cổ xưa.

Đau lòng trước tình huống này, một nhóm người Việt Nam nhiệt tâm với truyền thống và đạo hạnh đã nghiên cứu canh tân tất cả các Tôn Giáo này mà hợp nhứt lại với tên gọi là Đạo Cao Đài hay Đại Đạo.

Danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có nghĩa là Đại Ân Xá kỳ ba đã do Đức Chí Tôn ban bố. Ngài đã giáng trần với danh hiệu Ngọc Hoàng Thượng Đế tức Đức Cao Đài hay là "Đấng Tối Cao, Thượng Đế toàn năng".

Qua trung gian đồng tử, Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cho những người ký tên dưới đây Thánh Giáo có mục đích tập trung giảng dạy những lời giáo huấn tốt lành của Tam Giáo cổ xưa. Nền tân Giáo lý sẽ dạy nhơn sanh:

1. Luân lý cao siêu của Đức Khổng Phu Tử;

2. Những đức hạnh được dạy trong Phật Giáo và Lão Giáo. Những đức hạnh này bao gồm việc làm lành lánh dữ, yêu thương nhân loại, sống hòa hợp, tránh mọi sự chia rẻ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh gửi đến Ông:

1. Một vài đoạn trích lục trong những "Thánh Ngôn" của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, những lời dạy quí báu hơn tất cả mọi cái hiện hữu trên đời này . . . . . .

Mục đích của những người ký tên dưới đây theo đuổi là nhằm đưa nhân sanh trở lại thời cổ xưa hòa bình và hòa hợp. Được vậy, con người sẽ hướng về một kỷ nguyên mới hạnh phúc khôn tả.

Nhân danh rất nhiều người Việt nam đã đồng ý hoàn toàn những điều nghiên cứu này và đính kèm danh sách dưới đây, những người ký tên hân hạnh tuyên cáo cho Ông biết là chúng tôi sẽ truyền bá cho toàn thể loài người nền Giáo lý thánh thiện này. Tin rằng nền Tân Tôn Giáo này sẽ đem đến cho tất cả chúng ta sự hòa bình và hòa hợp, những người ký tên thỉnh cầu Ông chính thức tiếp nhận Tuyên ngôn của chúng tôi.

Kính Thống Đốc, những người ký tên dưới đây xin Ông nhận những tình cảm trân trọng và thành kính của chúng tôi. [1]

Hai mươi tám Đệ tử Cao Đài ký tên vào Tờ Khai Tịch Đạo [2] là:

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, Nghiệp chủ, Vũng Liêm.

2. Ông Lê Văn Trung, cựu Thượng Nghị Viên, Ngũ đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, Chợ Lớn.

3. Ông Lê Văn Lịch, Thầy Tu làng Long An, Chợ Lớn.

4. Ông Trần Đạo Quang, Thầy Tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định.

5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, Tri Phủ, Chủ Quận Cần

1-Bản dịch của Hiền Tài Nguyễn Kim Anh, Giáo sư Pháp Văn Trung Học Tây Ninh.

2-Tiểu sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 24.

Giuộc.

6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, Nghiệp chủ, Sài Gòn.

7. Ông Lê Bá Trang, Đốc Phủ Sứ, Chợ Lớn.

8. Ông Vương Quan Kỳ, Tri Phủ, Sở Thuế Thân, Sài Gòn.

9. Ông Nguyễn Văn Kinh, Thầy Tu, Bình Lý thôn, Gia Định.

10. Ông Ngô Tường Vân, Thông Phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn.

11. Ông Nguyễn Văn Đạt, Nghiệp chủ, Sài Gòn.

12. Ông Ngô Văn Kim, Điền chủ, Đại Hương Cả, Cần Giuộc.

13. Ông Đoàn Văn Bản, Đốc Học trường Cầu Kho, Sài Gòn.

14. Ông Lê Văn Giảng, Thơ ký Kế Toán hảng Ippolito, Sài Gòn.

15. Ông Huỳnh Văn Giỏi, Thông Phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn.

16. Ông Nguyễn Văn Tường, Thông Ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn.

17. Ông Cao Quỳnh Cư, Thơ Ký Sở Hỏa Xa, Sài Gòn.

18. Ông Phạm Công Tắc, Thơ Ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.

19. Ông Cao Hoài Sang, Thơ Ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn.

20. Ông Nguyễn Trung Hậu, Đốc Học trường Tư Thục Đakao, Sài Gòn.

21. Ông Trương Hữu Đức, Thơ Ký Sở Hỏa xa, Sài Gòn.

22. Ông Huỳnh Trung Tuất, Nghiệp chủ, Chợ Đủi, Sài Gòn.

23. Ông Nguyễn Văn Chức, Cai Tổng, Chợ Lớn.

24. Ông Lại Văn Hành, Hương Cả, Chợ Lớn.

25. Ông Nguyễn Văn Trò, Giáo Viên, Sài Gòn.

26. Ông Nguyễn Văn Hương, Giáo Viên, Đakao.

27. Ông Võ Văn Kinh, Giáo Tập, Cần Giuộc.

28. Ông Phạm Văn Tỷ, Giáo Tập, Cần Giuộc.

Vì Nam Việt lúc ấy nằm dưới chế độ thuộc địa của Chính quyền Pháp, nên tờ Khai Tịch Đạo coi như thông báo chính thức rồi hành Đạo và truyền giáo chớ không đợi phúc văn của Pháp. Thế nên, không có bản văn kiện nào trả lời hoặc cho phép về Tờ Khai Tịch Đạo trên cả.

Trong Luận văn Tiến sĩ Đệ Tam Cấp nhan đề "Le Caodaisme au Cambodge" [1], Pierre Bernadini cũng thấy thực chất như vậy. Ông viết: "Déclaration officielle adressée par les fondateurs du Caodaisme à M. Le Fol, Gouverneur de la Cochinchine" (trg. 282).

Giáo sư Gustave Meillon cũng viết: "Gouverneur de la Cochinchine recoit la déclaration officielle de la fondation du Caodaisme. Prudent il se contente d'en prendre acte, sans fois s'engager formellement à le reconnaitre". [2]

Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol, một viên chức dày dặn kinh nghiệm không thể ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động, vì chỉ là Tờ Khai Tịch Đạo quá khôn khéo của quí Ông Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc mà không có ai xin phép. Thanh tra Pháp Lalaurette trong "Le Caodaisme" đã khẳng định như vậy. Đó là bằng chứng hùng hồn để trả lời cho những ai đã từng nói "Pháp ký giấy phép cho Đạo Cao Đài hoạt động", hay "Đạo Cao Đài do Pháp lập nên", đều là những lời nói suông vô căn cứ.

Mặt khác, Lalaurette cho rằng người Cao Đài đã lợi dụng chữ Pháp, các phương thức, phép xử thế, những tiến bộ, cùng cách tổ chức xã hội và kinh tế của người Pháp không phải để Pháp hóa Nam kỳ mà để cho người Nam kỳ chống lại Pháp. [3]

Các nhà Tiền khai Đạo đã tiếp nối truyền thống của sĩ phu Nam kỳ đối mặt với chính quyền thực dân: Tuyên ngôn khai Đạo phá tung mọi ràng buộc. Trong Tân Luật còn ghi rõ: "Bực Thượng Thừa tu theo Đại Đạo buộc phải để râu tóc". Điều mà thực dân Pháp ngăn cấm khiến đất Quảng Nam nổi loạn (loạn Đầu bào) mà Trần Quí Cáp phải bị xử chém. Từ đó các nhà Tiền khai Đại Đạo đã đưa Đạo và Dân tộc bước vào trang sử mới: "Nam phong thử nhựt biến nhơn phong".

1-Đại Học Paris VII, năm 1974.

2-Thống Đốc Nam Kỳ nhận đơn Khai Đạo Cao Đài. Ông khéo léo tiếp nhận, nhưng không bày tỏ việc công nhận nền Đạo.

3-Lalaurette et Vilmnt, sách đã dẫn, trang 3.

Sau đó, các Ngài chia nhau thành ba nhóm để đi phổ độ Lục Tỉnh. Ngài Phạm Công Tắc ở trong nhóm thứ nhứt đi phổ độ trong các tỉnh Vĩnh long, Trà vinh, Cần thơ, Sóc trăng, Bạc liêu, Long xuyên, Châu đốc, Hà tiên, Rạch giá.

Nhóm thứ hai truyền Đạo trong các tỉnh Tiền giang. Nhóm thứ ba các tỉnh miền Đông.

Ngày mồng 1 tháng mười năm Bính Dần (5-11-1926), tất cả Chức sắc được lịnh tạm ngưng việc truyền giáo, trở về Thánh thất Từ Lâm (Gò Kén) chuẩn bị khai minh Đại Đạo.

Đức Chí Tôn giáng Cơ dạy:

"Các con! Thầy đã lập thành Thánh Thất, nơi ấy là nhà chung của các con. Hiểu à! Thầy qui Tam Giáo, lập Tân Luật trong Rằm tháng 10, có Đại hội cả Tam Giáo nơi Thánh Thất. Các con hay à!

"Sự tế tự sửa theo Tam kỳ Phổ Độ, cũng do nơi ấy mà xuất hiện ra. Rõ à!

"Thầy nhập ba Chi lại làm một, là có ý qui tụ các con trong Đạo Thầy lại một nhà. Thầy là Cha chưởng quản...Hiểu à!

"Từ đây trong nước Việt Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo. Hiểu à!
"Từ đây các con sẽ cực nhọc hơn, vì Thầy phân phát phận sự cho mỗi đứa, vì chẳng vậy các con sanh nạnh nhau, tựa hồ phân phe chia phái là đại tội trước mặt Thầy. Nghe à!

"Các con phải ngưng mọi việc mà chung lo Đại Hội".

Chấp hành lịnh của Đức Chí Tôn, đồng Đạo các nơi lũ lượt kéo về Tây Ninh. Đêm 14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần (18-11-1926) là đêm chánh thức Khai Đạo Cao Đài tại Gò Kén (Tây Ninh) và làm lễ Khánh Thành Thánh Thất Từ Lâm đầu tiên của nền Đại Đạo.

Đêm hôm ấy vì quá đông, nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu Cơ, Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Thừa dịp đó tà quái nhập vào một nam là Lê Thế Vĩnh và một nữ là Vương Thanh Chi mà quấy phá. Họ mạo xưng là Tề Thiên Đại

Thánh và Quan Âm Bồ Tát. [1]

Nên biết, cuộc biến xảy ra trong Lễ tấn phong Chức sắc Cửu Trùng Đài, chớ không phải trong một đàn Cơ. Đó là tham vọng của một số ít người mà tâm sanh ra cuồng vọng, ta sẽ thấy việc đó thường xảy ra dưới nhiều hình thức khác nhau trong tiến trình phát triển Tôn Giáo Cao Đài, nên cũng có Giáo Tông thiệt và Giáo Tông giả.

Sau khi quan khách ra về, Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm lại lập đàn Cơ để hỏi lý do việc tà quái vừa qua.

Đại úy Monet thấy Cơ chuyển liền làm phép cắt điển (basse magnétique) theo phương pháp Thần Linh học để coi phải đúng điển của Tiên Phật không, mà không cắt được.

Đức Chí Tôn giảng dạy: "Các con chớ nên phiền hà! Chuyện nơi Thánh Thất xảy ra, ấy cũng là bước trắc trở trong đường Đạo của Thầy, nhưng cũng là do Thiên Cơ vậy ..".
Trong bối cảnh như thế, Đức Chí Tôn vẫn dùng huyền diệu lập Hội Thánh Cửu Trùng Đài (16-10-Bính Dần). Nhất là việc giáng Cơ cho hai câu liễn nêu trước các Thánh Thất:

CAO thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa bình Dân chủ chánh [2].
ĐÀI tiền sùng bái Tam kỳ cộng hưởng Tự do quyền.

Những ngày kế tiếp, Thầy lập Pháp Chánh Truyền (20-11-1926), Tân Luật (6-12-1926), ban Tịch Đạo cho phái Nữ, thành lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài (13-02-1927) [3], còn Tịch Đạo Nam phái đã ban trước kia vào ngày 2-7-Bính Dần (9-8-1926).

Sở dĩ việc thành lập các cơ chế có nhiều khoảng trống thời gian là vì cặp Cư-Tắc còn bận làm việc tại Sài gòn, vào ngày nghỉ cùng nhau lên xe Ngài Lê Văn Trung mới về Gò Kén hành pháp mà nhiều người tưởng bà Hương Hiếu đánh mất tài liệu

---

1-Nên biết lúc đó Lê Thế Vĩnh chưa thọ phong Tiếp Thế nên mới xảy ra cớ sự, còn Vương Thanh Chi là ái nữ của Vương Quang Kỳ, cũng chưa có chức tước gì.
2-Giáo sư De Lapatie ngại nói Đạo lập Chánh quyền, nên đổi chữ CHÁNH thành chữ MỤC.
3-Xin xem trong Tân Luật - Pháp Chánh Truyền.

sử Đạo đoạn này.

Do Hòa Thượng Như Nhãn đòi chùa ngày 20-02 năm đó (23-3-1927, các Ngài mới thỉnh Thánh Tượng dời chư Phật, Tiên về đất mới thuộc làng Long Thành (tức khuôn viên Tòa Thánh hiện nay).

Sau đó Đức Cao Thượng Phẩm bỏ sở, phế đời hành Đạo lo xây cất Tòa Thánh tạm bằng tranh.



Cao Đài Tây Ninh - Thánh thất tạm 1927 (ảnh tài liệu)

VI. THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO Ở NAM VANG

Sự bành trướng mau lẹ của Đạo Cao Đài làm cho nhà cầm quyền Pháp lo ngại. Năm đó, họ đổi Đức Phạm Hộ Pháp sang Nam Vang (Cao Miên). Âu cũng là Thiên Cơ đĩ định.

Khi Đức Ngài sang Cao Miên ở tại nhà Ông Cao Đức Trọng (bào huynh của Ông Cao Hoài Sang) và thường lui tới nhà ông

Huỳnh Hữu Lợi. Xa Tổ đình, Đức Ngài muốn bỏ nhiệm sở trở về làm Đạo như lời dạy của Đức Chí Tôn trước kia. Ngài cầu Cơ xin ý kiến các Đấng. Bà Bát Nương giáng cho thi:

THI

Đường đợi thanh loan đến Hớn Đài,
Tửu Tiên chưa phỉ tỉnh cùng say.
Nghe danh ông Tắc, Y lìa ruộng,
Mến đức ông Nghiêu, Thuấn bỏ cày.
Ái vật Thành Thang quên dở ná,
Yêu dân Hạ Võ mặc hài gai.
Trông mưa đã đợi ba xuân mãn,
Cứu chúng hờn ai chẳng trổ tài.

Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng cũng giáng cho một bài:

THI

Cỡi lưỡi gươm linh tới cõi trần,
Chẳng cần bạch hạc với thanh vân.
Nghe Tây Sơn Đạo [1] nơi Tần quốc,
Nên đến thăm nhau thử một lần.

Sau đó Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng lại giáng Cơ khuyến khích:

THI

Ác xế nâng cao bóng hải đường,
Xa tên nhờ bởi nặng cung thương.
Lòn trôn Hàn Tín nên cơ nghiệp,
Dâng dép Trương Lương mở miếu đường.
Khương Thượng đi câu ra trí Chúa,
Văn Vương ngồi ngục mới đồ Vương.
Trượng phu phải mặt không nao chí,
Xung đột quyết hơn chốn chiến trường.

Thời gian sau, Đức Hộ Pháp vãng cảnh Đế Thiên, mở rộng tầm nhìn để xây dựng Đền Thánh, vừa đặt Cơ, một cổ Vương giáng đàn:

1-Tây Sơn Đạo là Bút Hiệu viết báo của Đức Hộ Pháp.

THI

Mưa chầy gió lụn cảnh riêng gìn,
Tạc để nền Tiên rạng trước Minh [1]
Trời hỡi gượng soi gương viễn đại,
Đất còn chặt giữ dấu anh linh [2] .
Rừng tòng hạc lánh muôn năm khuất,
Chùa đá đời lưu một thuở nhìn.
Dâu bể tan tành non nước cũ,
Dóng chuông cảnh tỉnh vẽ nên tranh.

Bakhanayouk

Trên đất chùa Tháp, đêm đêm Đức Hộ Pháp cùng Ông Cao Đức Trọng thường cầu Cơ học Đạo. Từ Victor Hugo, La Fontaine, Tôn Trung Sơn, Léon Tolstoi, Shakespeare, Aristide Briand v.v.. giáng đàn dạy nhiều điều mới lạ. Nhất là đại văn hào Pháp Victor Hugo, Ông cho biết đã cầu Cơ từ năm 1853 ở đảo Jersey, thuộc Anh qua đồng tử Vacquerie, do sự chỉ dẫn của bà Delphine de Girardin và Ông đã hiểu rõ Đức Thượng Đế.

Victor Hugo rất tin tưởng vào Thần Linh, cho đồng tử Vacquerie chụp một bức hình với tư thế xuất thần. Ông ghi hàng chữ dưới tấm hình: "Victor Hugo nghe tiếng gọi của Thượng Đế".[3]

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn G. Gobron có ghi lại một đoạn cầu Cơ ở đảo Jersey vào năm 1855 như sau [4] :

"Sache que tout connait sa loi, son but, sa route,
Que de l'astre au ciron, l'immensité s'écoute,
Que tout a conscience en la création;
Et l'oreille pourrait avoir sa vision,
Car les chises et l'être ont un grand dialogue".

1-Trước đời nhà Minh, quân Mông Cổ tàn phá Đế Thiên vào thế kỷ XIII.

2-Người Miên chôn báu vật dưới đền giấu giặc Mông, ánh sáng tỏa lên.

3-Nguyễn Hiến Lê, Các Cuộc Đời Ngoại Hạng.

4-G. Gorbron, Histoire et philosophie du Caodaisme, Paris 1949, trg. 61.

Ce que dit la Bouche d'Ombre

Victor Hugo

Trong "Những phút trầm tư" (Les Contemplations) [1] , Victor Hugo có quan niệm về vũ trụ rất phù hợp với Giáo lý Cao Đài "Chỉ Một" (Unité): "Vạn vật đồng nhất thể" hay "Thiên nhơn hợp nhất"; nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Thế nên bất cứ ở đâu cũng có Đạo, chỉ cần tâm ta hòa vào hồn Vũ trụ.

UNITÉ

Par dessus l'horizon aux collines brunies,
Le soleil, cette fleur des splendeurs infinies,
Se penchait sur la terre, à l'heure du couchant;
Un humble marguerite éclose au bord d'un champ,
Sur un mur gris croulant parmi l'avoine folle
Blanche épanouissait sa candide auréole;
Et la petite fleur, par dessus le vieux mur,
Regardait fixement dans l'eternel azur.
Le grand astre épanchant sa lumière immortelle.
Et moi, j'ai des rayons aussi, lui disait - elle.

Victor Hugo

(Les Contemplations)

CHỈ MỘT [2]

Chân trời xa lộng bóng triền đồi,
Bất tận chói chan hoa mặt trời,
Nghiêng chiếu trần gian, giờ cúi lặn,
Ven đồng cúc dại nở gương soi.
Tường lam đổ giữa lúa hoang điên,
Nở trắng trinh nguyên ánh hiển vinh.
Hoa nhỏ vươn cao trên vách cũ,
Ngắm nhìn bầu vĩnh cửu thanh thiên.
Mặt Trời luôn tỏa hào quang xuống.

1-"Les contemplations", Morceaux choisis de Victor Hugo, Paris 1929, trang 249.

2-Hiền Tài Nguyễn Kim Anh dịch.

Hoa nhủ: lòng tôi có ánh linh.

Cũng nên nhắc lại vào ngày Khai Đạo: Thanh Sơn Đạo sĩ, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (tức Victor Hugo) và Tôn Trung Sơn xưng là Tam Thánh Bạch Vân Động, đứng đầu là Sư phó Nguyễn Bỉnh Khiêm (Thanh Sơn) thay mặt nhân loại ký Đệ Tam Hòa Ước (tức Thiên Nhơn Hợp nhất) mà khai Đạo mới.

Vào trung tuần tháng 5-1927, dưới sự dìu dắt của Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (tức đại văn hào Pháp Victor Hugo) và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp, Hội Thánh Ngoại Giáo được thành lập. [1]

Đêm 27-07-1927 một đàn Cơ do Đức Hộ Pháp cầu, các vị sau đây được tấn phong:

- Nam phái: Giáo hữu Thượng Bảy Thanh, Thượng Lắm Thanh, Thái Của Thanh. Lễ sanh: Thượng Chữ Thanh, Thượng Vinh Thanh.
- Nữ phái: Giáo hữu Hương Phụng, Hương Huê.
- Hiệp Thiên Đài: Tiếp Đạo Cao Đức Trọng (bào huynh của ông Cao Hoài Sang).

Vào ngày 2-6-1927, Sở Tuần Cảnh Pháp báo cáo với nhà đương cuộc là có 5.000 người Cao Miên, hậu quả của Hội Thánh Ngoại Giáo, đến lễ bái trước Chánh Điện Tòa Thánh Tây Ninh và lễ bái trước Đức Phật Thích Ca cỡi ngựa tầm Đạo nơi Đại Đồng Xã.

Khi số người tăng lên 30.000 thì Chánh Tham biện Tây Ninh sợ biến báo cáo với Chánh quyền Pháp. Bộ trưởng Tôn giáo ra Thông tri ngày 23-05-1927 như sau:

"Sau khi nghiên cứu tận nơi, ta phải nhận định rằng Giáo phái nầy đã dựng lên trong mục đích bất chánh, đáng trách vì họ lấy tôn giáo làm phương tiện lường gạt lợi dụng lòng tín ngưỡng của dân chúng thật thà, để đem quyền lợi về cho nhóm họ.

"Nay giáo lý Đạo Phật mà dân Miên đã thấm nhuần đang dẫn

1-G. Gobron, Histoire et Philosophie du Caodaisme, Paris Devry 1949, trang 88.

ta đến Chân Thiện và Liêm khiết. Ngoài ra không một tôn giáo nào khác đến choán chỗ trên các địa phương của ta".

Tháng sau các sư sãi Cao Miên được chỉ thị rõ ràng là họ có bổn phận đẩy lui giáo lý Cao Đài và định hình phạt đối với người Cao Miên nào nhập môn theo Đạo Cao Đài. Vì thế, người Kampuchia bớt theo Đạo và vắng bóng họ trên đường về Tòa Thánh. Đức Ngài bèn chú trọng vào Việt kiều và Hoa kiều. Nhờ đó việc truyền Đạo không bị gián đoạn.

Bỗng một hôm, khi đi làm về, Đức Ngài nói với ông Huỳnh Hữu Lợi (là Giám Đạo): "Ngày mai qua về Sài gòn". Ông Huỳnh Hữu Lợi hết sức ngạc nhiên, vì Đức Ngài đang là công chức mà muốn về Sài gòn ngang sao được. Hôm sau, quả Đức Ngài được lịnh đổi về Sài gòn vì họ không chịu được các hoạt động truyền giáo của Ngài ở Cao Miên mà họ cho là "phá rối trị an".

Thời gian ở tại Cao Miên tuy ngắn ngủi chỉ có 7 tháng, Đức Ngài đã kiện toàn cơ chế tổ chức Hội Thánh Ngoại Giáo (La Mission Étrangère) đặt tại đường Lalande Calan (Phnom Penh). Từ đó, bổ Chức sắc đi truyền giáo ở Hải Ngoại: Trung Hoa, Pháp, Nhật, Thái, Lào v.v..

Qua Cơ bút do chính Đức Ngài phò loan, Ban Truyền Giáo Hải Ngoại đã thành hình, gồm có:

- Jean De La Fontaine (1621-1695): thi sĩ Pháp, sinh ở Château-Thierry. Thơ ngụ ngôn (Fables) của ông mang tính chất luân lý khuyên răn đời. Ông giáng Cơ tại Tòa Thánh đêm 25-8-1934 có câu: "Notre Maitre [1] vient d'avoir un entretien intime avec le Pape sur notre avenir apostolique. Il a lavé un échec sur notre avancement". Ông phụ trách phổ độ dân chúng Châu Âu với sự trợ lực của bà Jeanne d'Arc.

- Tôn Trung Sơn (1866-1925): tên thật là Tôn Văn, tự Dật Tiên, người Quảng Đông, một trong ba vị Thánh Bạch Vân Động. Gia đình theo Đạo Phật. Ông theo Đạo Thiên Chúa, đỗ Bác sĩ

1-Tức Maitre de La Loge Blanche (Bạch vân Động) là Thanh Sơn Đạo Sĩ.

Y khoa. Sau cuộc vận động Duy Tân thất bại, năm 1984, ông lập Trung Hưng Hội ở Honolulu lấy Dân tộc, Dân sinh, Dân quyền làm chủ nghĩa Tam Dân.

Ông đứng đầu trong cuộc cách mạng Tân Hợi (10-10-1911) ở Trung Hoa và được bầu làm Tổng Thống. Viên Thế Khải phản bội nên loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để tránh nội chiến, năm 1925, ông lên Bắc Kinh để sắp xếp mọi việc, nhưng việc chưa thành ông bị bệnh mà mất (12-3-1925).

Ông hiển Thánh và giáng Cơ xưng là một trong Tam Thánh Bạch Vân Động. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Á với sự trợ lực của bà Bát Nương Hớn Liên Bạch.

- William Shakespeare (1564-1616): nhà đại thi hào Anh quốc sinh ở Stratford-sur-Avon. Ông được dân chúng thế giới hoan nghinh thi tài kiệt liệt.

Ông giáng Cơ [1] đêm 29-12-1935 cho bài thi mà bốn câu chót là:

> "Oh! Humain, je te plains et souffre
> Sans pouvoir arrêter ta marche vers le gouffre.
> La morte de Sodome et Gomorthe en athée.
> Tu l'as donc bel et bien mérité"

Ông phụ trách phổ độ dân chúng Anh và các nước trong Liên Hiệp Anh.

- Léon Tolstoi (1828-1910): tiểu thuyết gia người Nga, sinh ở Iasnaia-Poliana nổi danh về hai quyển: Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karénina. Ông phụ trách phổ độ dân Âu-Á (Eurasie).[2]

- Aristide Briand (1862-1932): nhà chính trị Pháp, sinh ở Nantes, từng làm Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp. Ông giáng Cơ tại Tòa Thánh đêm 29-08-1934 có câu: "Soyez fidèle à votre

---

1-Les Messages Spirites, Taây Ninh 1962, trang 108.
2-Nguyễn Hiến Lê, Bảy ngày Trong Đồng Tháp Mười, Sài Gòn 1971, trang 145.

tâche, elle est complex mais non irréalisables... Je demande à collaborer spirituellement avec vous, c'est continuer mes desseins pacifiques". Ông phụ trách phổ độ dân Châu Phi.

- Pearl Buck: tiểu thuyết gia Hoa Kỳ, sinh ở Hillsboro vào năm 1892, tác giả nhiều sách về Trung Hoa. Bà được giải thưởng Nobel 1938 với tác phẩm "The Living Reed" (Nỗi buồn nhược tiểu).

Bà có khuynh hướng tìm hiểu văn hóa phương Đông để tiến đến hòa hợp chung sống. Bà phụ trách phổ độ dân Châu Mỹ.

Vì những hoạt động truyền giáo mà chính quyền Pháp đổi Đức Ngài về Việt Nam rồi định đổi ra miền Trung. Ngài được tin đưa đơn từ việc mà không đợi phép nghỉ. Ngài bỏ việc về Tây Ninh hành Đạo từ đó.

Với nhiệm vụ Tư pháp, Ngài tương đối được rỗi rãnh để thì giờ viết truyện Thiên Thai Kiến Diện gồm 77 bài thơ Đường. Sách chia làm hai phần:

1)- Thiên Thai Kiến Diện chỉ có 07 bài;

2)- Tam Thập Lục Thiên ký bút có 70 bài, mà bài đầu như vầy:

Xăm xăm năm ngựa gió mây đưa,
Ba bực vừa lên có kẻ ngừa.
Con gậy tay cầm râu tóc bạc,
Cái nhà lá lợp cửa song thưa.
Cờ vàng quấn mũ mang y đạo,
Nai trắng nương lưng gót võ lừa.
Rằng chiếu Ngọc Hư sai mở ngõ,
Địa thần chầu chực tiếp người xưa.

Năm 1928 thì Ngài viết quyển "Phương Tu Đại Đạo" gồm văn xuôi, biền ngẫu lẫn thơ thất ngôn tràng thiên, có các tiết mục sau: luật đời, phận anh, phận chị, phận làm em trai, phận em gái, phận chồng, làm rễ, làm vợ, (làm dâu), làm cha.

Cứ vào hai quyển sách này mà so sánh lời văn ý tứ các Thánh Ngôn do Ngài phò Cơ viết ra, ta cũng tin tưởng lời lẽ trong

Thánh Ngôn là do các Đấng viết ra.

Sau đó, Ngài được lịnh Đức Chí Tôn đi Thủ Đức. Đêm 16 tháng 10 năm Mậu Thìn (17-11-1928), bà Bát Nương giáng đàn tại tiểu Thánh Thất Long Vân Thủ Đức báo tin cho Đức Hộ Pháp biết là vào năm 1914, Thầy Lỗ Ban bên Trung Hoa đột nhập vào nước Việt Nam, đem theo một cây Long Tuyền Kiếm trù ếm ở Mỹ Tho để triệt hạ nhân tài.

Đức Hộ Pháp hỏi cách giải ếm thế nào đều được bà Bát Nương chỉ phép hóa giải. Việc này chưa thực hiện thì Đức Ngài nghe tin Đức Cao Thượng Phẩm bịnh nặng phải trở về Tòa Thánh. Đức Ngài yêu cầu Hội Thánh lập một Tịnh Thất nơi cụm rừng Báo Ân Từ để rước Đức Cao Thượng Phẩm từ Thảo Xá Hiền Cung về tịnh luyện thay vì để Đức Cao Thượng Phẩm khổ một mình nơi nhà riêng.

Vào nhà Tịnh một thời gian, bịnh của Đức Cao Thượng Phẩm không thuyên giảm lại biếng ăn mất ngủ. Thế nên vào 18 giờ ngày 26-12-Mậu Thìn (1928) bà Hương Hiếu đưa Đức Ngài về Thảo Xá Hiền Cung mà không cho Hội Thánh hay. Đến 11 giờ ngày 1-3-Kỷ Tị (1929), Đức Ngài cho mời Đức Hộ Pháp, Ngài Cao Bảo Văn, bà Giáo Sư Hương Hiếu và một vài Chức sắc. Đức Cao Thượng Phẩm nhìn Đức Hộ Pháp mà trối rằng:



"Nay qua về chầu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với Chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự".

Kế day qua nói với người bạn đời (bà Hương Hiếu):

"Anh dầu có nhắm mắt thì sự MẤT cũng như sự CÒN".

Rồi Đức Ngài xuất hồn êm ái của một chơn linh đắc Đạo.

Chư Chức sắc có mặt đều bùi ngùi cảm động. Đức Hộ Pháp tỏ tấm lòng thương tiếc "Anh Tư" qua bài thi:

THI

Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!
Chưa xong trách nhiệm đã về Trời.
Bốn năm công quả vun nền Đạo,
Mấy đoạn chông gai chịu nước đời.
Ngọn bút Thần cơ, Trời nỡ đoạn,
Nắm xương Thánh chất lấp chôn vùi.
Mực hòa huyết lệ đề câu điếu,
Thượng Phẩm ôi! Hỡi anh ôi!

VII. PHÁ PHÉP ẾM LONG TUYỀN KIẾM

Vì phải lo đám tang của Đức Cao Thượng Phẩm, mãi tới ngày 28-3-Kỷ Tỵ (1929), Đức Ngài mới đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang (Mỹ Tho) chấp bút thì được chỉ dẫn nơi ếm Long Tuyền Kiếm về phía Tây Nam. Nơi điểm chỉ là một khoảng đồng ruộng có dạng hình núi mé bên kia sông, phải đi ghe chừng năm cây số mới đến. Cánh đồng nước phèn mọc toàn năng. Phía xa xa là rừng đưng và bàng. Đất màu đen chưa trồng lúa được, nên dân cư sống bằng nghề làm đồ gốm lu, hủ, chén...

Đức Ngài và các Tín hữu Minh Thiện Đàn dừng lại trên một khoảng đất vàng, gò cao và rộng độ chừng 700 thước vuông. Đức Ngài lại chấp bút, Lỗ Ban giáng và chỉ vào ngang chót núi Lan sâu xuống chừng 3 tấc tây thì đụng đá. Lỗ Ban cho biết đó là tháp của một Trạng Tàu táng thuở cai trị nước ta. Trạng Tàu biết chỗ này là núi vàng, sợ sau này núi nổi lên thành hình thì nước Việt Nam sẽ có Trạng. Nhân tài đó sẽ phục nghiệp, nên họ quyết chiếm cứ và ếm bằng Long Tuyền Kiếm. Công dụng của kiếm là vớt đứt hết nhân tài.

Khi thế chiến thế giới thứ nhất chấm dứt (1919), Chính Phủ Tàu sai một người Triều Châu giỏi về bói ếm, sang Việt Nam ếm lần nữa ngay nơi cũ. Dân cư quanh vùng, nhất là các vị bô lão

còn sống đều kể như vậy.

Cơ Lỗ Ban cho biết, tại đây có vị thần vàng, lãnh mạng nơi Thượng Đế giữ gìn vật báu, không cho ai lấy, chỉ dành riêng cho Trạng Trời đến lấy mà thôi.

Việc đào thật vất vả. Đồng thì rộng mà mỗi người chỉ có một cái cuốc, dàn hàng ngang mà đào. Tưởng chừng như khó tìm thấy. Bỗng nhiên trực giác giúp suy luận thành công. Thông thường mồ mả ở vùng này đều có nấm ở trên, nhưng đặc biệt có một cái mả không có nấm.

Sau khi hội ý với ông Lê Văn Trung (là Chơn Nhơn, Chưởng Quản Phước Thiện) Đức Ngài cho đào cái mả đó. Đào lên thì được một cái ống ghè, trên có lưỡi dao cùn cấm thẳng xuống, trong đó có sáu con cờ sừng trắng, 6 đồng tiền kẽm thời Minh Mạng. Đào sâu xuống nữa gặp một hộp bao chì dài 09 tấc. Đức Ngài cho biết trong đó có Long Tuyền Kiếm, nhưng cấm không cho xem và gói kín lại.

Đức Ngài cho đào con kinh từ Trảng Sập băng ngang chót lưỡi Long Tuyền Kiếm cho bứt. Đó là phép phản ếm trừ tuyệt việc sát nhân tài. Đức Ngài nói:

"Ngày kỷ niệm nước Việt Nam được Đạo Trời khai mở sẽ gở nạn ách cho nhân loại. Dân tộc xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích lệ thuộc, dân Việt Nam sẽ không còn bị nô lệ nữa. Vào thời điểm 1929 mà Đức Hộ Pháp bình thản tuyên bố:

"Từ đây, dân tộc Việt Nam sẽ có nhiều nhân tài xuất hiện, phá tan xiềng xích, giải ách nô lệ, chẳng còn bị lệ thuộc nữa", biểu hiện lòng yêu nước nồng nàn hiếm có, lòng tự hào dân tộc cao độ và điều khích lệ lớn cho toàn dân đứng lên giành độc lập trong tay thực dân Pháp".

Đêm hôm đó, Đức Phật Mẫu giáng Cơ tại Khổ Hiền Trang lập Thảo Đường.

THI

Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,

Lục ức dư niên vũ trụ hòa.[1]
Cộng hưởng trần gian an lạc nghiệp,
Thế đăng đồng Đạo thịnh âu ca [2]

Việc lấy Long Tuyền Kiếm của Đức Hộ Pháp tiếng lành đồn xa. Kẻ hám vọng cho Ngài là Trạng Trời biết Lỗ Ban Kinh nên Kỳ Hương ở chợ Trảng Bàng đến tìm hiểu ngôi mộ Tổ nhà họ Phạm ở An Hòa.

Vùng Mộ Tổ này tọa lạc trên đồi An Quới, dưới chân đồi có bãi đất uốn cong theo rạch Trảng Bàng. Bên trái có đình An Hòa, Đại Chủng Tự, Phổ Tế Tự; bên phải có nhà thờ Tha La. Ngôi mộ Tổ họ Phạm hướng về Nam (cung Khảm) mở rộng hương điền Lộc Giang xanh ngát, đồi lộng gió quanh năm. Thật nơi phong thủy vượng khí tốt lành.

Sau khi Đức Hộ Pháp rời Tòa Thánh (1956) là cơ hội cho Hoa kiều Kỳ Hương thực hiện khát vọng ôm ấp từ lâu. Hắn thấy thế đất vùng An Quới vượng khí nên nài mua với giá cao phần đất bên phải ngôi mộ tổ đến Cầu Quan.

Soạn giả đi khảo sát ngày 15-6-1974, thấy Kỳ Hương đã cho người đào (năm 1956) cắt long mạch lấy đất đắp núi giả làm bình phong chắn gió, làm ngôi mộ Tổ mất phần Dương (Phong) mà chỉ còn rạch nước (Thủy) phần Âm. Thế nên gia tộc họ Phạm không còn vượng phát được.

Khó khăn lắm, soạn giả mới vẽ được cảnh quanh vùng Mộ Tổ họ Phạm (xem hình).

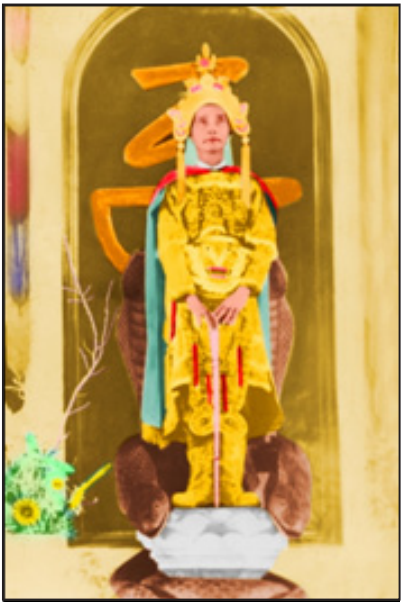


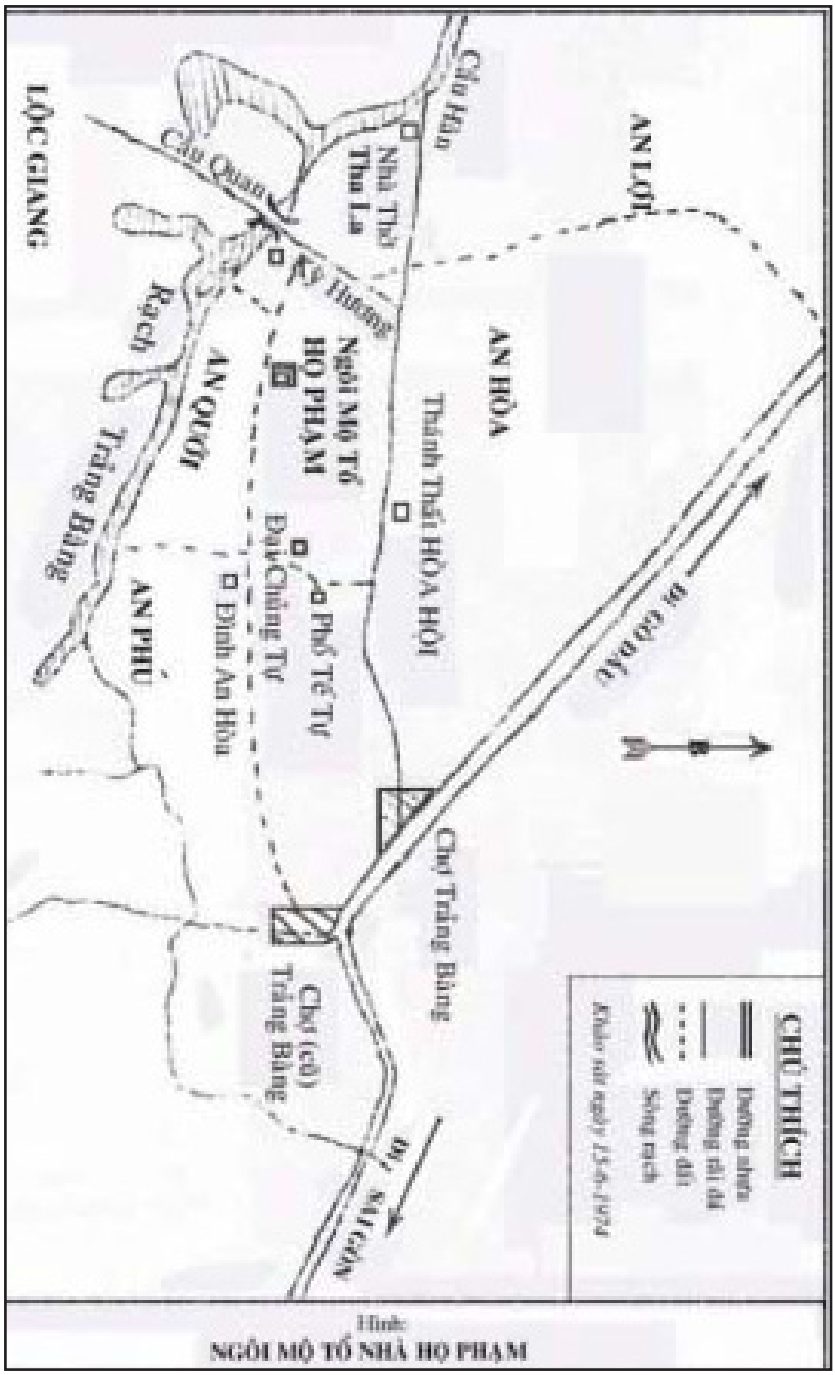
1-Thảo Đường là chùa Phật, là một Phái Đạo từ đời Lý Thánh Tông (1054-1072) về sau.
2-Theo Hoá Giải Long Tuyền Kiếm, của Chơn Nhơn Lê Văn Trung.



ĐHP - THƯỢNG SÁNG - KHAI ĐẠO







Hình:
NGÔI MỘ TỔ NHÀ HỌ PHẠM

VIII. QUYỀN NĂNG ĐẤNG TẠO HÓA

Vào ngày 20-4-1930, Đức Hộ Pháp chấp bút, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng Cơ dạy về quyền lực của Đấng tạo ra Càn Khôn và vạn vật.

Nguyên văn tiếng Pháp đăng trong "Tam Thánh Bạch Vân Động" [1] , dưới đây là bản dịch của Đức Hộ Pháp.

Đức Hộ Pháp hỏi:

"Nhờ Ngài giảng về do lai Đức Chí Tôn và quyền hành người tạo ra Càn Khôn cùng vạn vật".

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đáp:

"Hiểu cho đặng huyền vi khó nổi,
Tra khuôn hồng tỏ mối không minh.
Theo tôi nghĩ thế giới mình,
Ngoài ra còn có lắm hình Càn Khôn.
Nhiều Thế khác, biệt phân lớn nhỏ,
Sinh tồn loài vật nhỏ y nhau.
Một ngôi nào đó trên cao,
Về thần hồn với về loài chúng sinh.
Cũng có lúc giống mình như hệt,
Tiến hóa nâng khí phách nên hiền.
Máy trời đẹp vẻ thiên nhiên,
Vật loài đều hưởng trọn quyền Chí Linh.
Các quả cầu thái bình yên tịnh,
Cả chúng sanh dốt tánh can qua,
Tương đối dứt, tuyệt đối ra,
Chơn hồn tranh đấu về khoa tánh lành.
Sanh chi cũng quang minh cách trí,
Quyền linh hồn chủ quỉ phàm tâm.
Thế hèn luật cũng không cần,
Tương thân chỉ cậy nhờ phần Đức Tin.
Cái chết bị tâm linh đánh bại,

1-Tam Thánh Bạch vân Động, cùng người viết.

Sống chết dường trái phải không phân.
Thương sanh truyền khắp xa gần,
Hồn và người vốn Thánh Thần hiển nhiên.
Như thế giới Càn Khôn ta có,
Sanh hoạt này quả có nên nhiều.
Địa cầu chừng đặng cao siêu
Các Ngài rõ giá những điều phân phô".

Đức Hộ Pháp hỏi:

"Chừng nào địa cầu này hưởng đặng điều ấy?"

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

"Thần linh dụng tiếng giúp Ngài hiểu,
Cho tỏ tường phẩm hiệu dường bao.
Qua luyện tôi, Thánh chất vào,
Còn lâu nữa mới lâm trào Phật Tiên.
Muốn biết đặng căn nguyên từ pháp,
Ở cùng người hoặc đạt hiểu người.
Chẳng hồn nào quyết định bồi,
Thích Ca thì cũng để lời phỏng ngôn.
Chớ coi trọng lời tôi bày tỏ,
Tôi thuật lời tưởng ngỡ chơn linh.
Tỉ như lúc trước Chí Linh,
Có sanh ở một cảnh hình Càn Khôn.
Người cũng đấng phẩm hồn hậu bổ,
Vật nên người, người trở nên hiền.
Lần hồi lên phẩm Thiêng Liêng,
Khai thiên người mới đạt quyền Chí Linh.
Đã chịu lắm sinh sinh tử tử,
Đủ huyền linh làm chủ trí khôn.
Lại thay thâu phục chơn hồn,
Đặng làm thần độ vĩnh tồn triều nghi.
Đài thiên cảnh vừa khi đặng lớn,
Dắt triều đình vào chốn không trung.

Đức Hộ Pháp:

"Vậy khi ấy Người đã có Thiên Cung riêng của Người rồi hay

sao?"

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

"Phải, mỗi đứa riêng trong cảnh giái,
Của chúng ta tạo lại linh hồn.
Hồn người do bởi giác hồn,
Tạo nên cảnh giới cộng làm chánh chung.
Trong các Đấng lòng trung vẫn ít,
Phần đông do kẻ nghịch oan khiên.
Tu chơn bỏ máy diệu huyền,
Thì ta mở lối cảnh thiên quỉ vào.
Quỉ vương hỏi nơi nào mà đến,
Cứ tầm chân đừng tiến giả truyền,
Chắc do trong đám triều thiên,
Chí linh khó sửa cho truyền chánh tâm.
Ta hằng bị tình nhân phản nghịch,
Đố kị cùng vui thích hại ta.

Hộ Pháp tay Ngài tê quá hay là đêm mai tôi tiếp nói qua chuyện này…..".

10 giờ đêm 21-11-1930.

"Lại tiếp chuyện khai thiên tôi nhận,
Cùng kỉnh phương học vấn của Ngài.
Chí Tôn tới chốn Dạ Đài,
Bình an phẳng lặng không loài động sanh.
Trong thứ không danh mây nước,
Vật chất sanh ngũ ước vô chừng.
Hào quang bao phủ mây vầng,
Vật không biến hóa, thú ngừng không sanh".

Đức Hộ Pháp:

"Thưa có phải là hình thức trong Sấm truyền Đạo Thánh đã nói đó không?"

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

"Phải, thứ khí kêu tên thủy khí,
Đông đặc nhiều xem kỹ đứng đầu.

Rằng trời, mặt nước ngự chầu,
Thì nên phải hiểu cao sâu thế này.
Chơn thần người dẫy đầy ánh sáng,
Lấy dương quang ấp đảng vô năng.
Sinh làn hỏa khí bao giăng,
Âm dương tương khắc nổ làn thiên thanh.
Thái cực nổ với hình nguyên thủy,
Hai quyền năng dục khí hóa cơ.
Vật tiêu hóa khí, khí nhơ,
Tiêu thành nguyên khí đến giờ sanh quang.
Khí sanh quang ấy toàn linh cảm,
Định linh hồn sống chết nơi tay.
Dị thường sanh hóa rất hay,
Sau này tôi cũng thấy hoài huyền linh.
Vật chi do tài tình Sư Phụ,
Ta không phương hiểu thấu cho cùng.
Lửa Thái cực lớn vô cùng,
Dẫy cùng thế giới muôn trùng hỏa tinh.
Phân phát hóa nên hình phải tuyệt,
Cùng Càn Khôn rải riết không ngằn.
Hỏa tinh lớn hóa nhựt quang,
Nhựt tinh nguội làm cả tràng thế gian.
Nơi nào ánh dương quang chiếu diệu,
Vạn vật gồm đại tiểu đều thông.
Chí linh tánh đức bao trùm,
Hữu sanh ai cũng dự cùng nhứt linh.
Bán thanh sanh khí, thanh thành hạo nhiên.
Khối linh cảm ban truyền vạn loại,
Tùy theo hàng phẩm lại vừa chừng,
Hồn linh sanh hưởng hồng ân,
Còn bên thể phách về thành sanh quang.
Ngài đã rõ hành tàng sót lại,
Tới đây tôi đành phải ngưng văn".

Đức Hộ Pháp:
"Sự hung ác và sự vô ích của loài người, loài vật và thảo mộc,

cái đức tánh của vật khó lấy trí khôn người mà định mức khen cho đặng".

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

"Không vô ích dữ hiền mặt thế,
Sống phải toan tìm kế nuôi thân.
Chí Tôn con cái đều cân,
Lòng thương kia phải dành phần lợi sanh.
Cho tấn hóa Người hành đau thảm,
Người phải cho mô phạm bảo thân.
Dưới đời mấy mặt hiền nhân,
Với ta gọi dữ họ cần ích riêng.
Sao đặng tiếng Thánh hiền các Đấng,
Sử nhơn gian bằng chứng chép ghi,
Đấu tranh mạnh yếu thường khi,
Xem ra thấy mạnh cũng thì phần hơn.
Lẽ mạnh yếu thiệt hơn chiến đấu,
Năng trí mưu cơ xảo nên hay,
Cảnh phàm tương đối là đây,
Dữ vô dụng ấy là lời bia danh.
Nơi hoàn vũ cá sanh có chỗ,
Các trời kia lớp ngõ học đường,
Càn Khôn thế giới là trường,
Chư hồn đến học cho thường mới hay.
Kẻ nào những bỏ bài trốn mãi,
Không đặng lên học lại bài xưa.
Các hồn ai cũng mến ưa,
Sách Thiêng Liêng đọc mấy tờ vĩnh sanh.
Ai cũng ước công thành danh toại,
Phải nhiều thời, nhiều phép, nhiều kinh.
Vật hèn tối phẩm, tối linh,
Con đường đi biết mấy nghìn thời gian.
Chung cuộc hiểu hành tàng ta đã,
Sau mới tường căn quả Chí linh,
Biệt phân đẳng cấp tánh tình,
Là phương dành để cho mình sánh cân.

Trong học thức Ngài cần quãng đại,
Phân tánh người nơi cái tài ba,
Đem người phàm tách cho ra,
Ngoài vòng Thánh chất chánh tà phân minh.
Lấy gương tốt để dành Hội Thánh,
Năng dạy khuyên các cánh bất trung,
Đừng nên ghét bỏ gian hùng,
Coi phần hồn trọng độ dùm là hay.
Cứ thương mãi giúp cho nhân loại,
Chơn lý kia cạn giải đôi lời,
Từ bi, Bác Ái và Trời".

Đức Hộ Pháp:

"Hễ làm Cha thì làm Cha, còn làm Thầy thì làm Thầy. Cớ sao Đại Từ Phụ lại xưng Thầy rất ư khó hiểu?".

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn:

"Người cũng vốn Cha Thầy luôn một,
Cả chơn linh hài cốt nơi Người.
Nuôi mình dùng vật xanh tươi,
Tạo hồn lấy phép tột rồi Chí linh.
Nơi Người vốn quang minh cách trí,
Tấn hóa hồn phép quí không ngưng,
Vật hèn trước mắt thành trân,
Hồn hèn Người lại dành phần Phật Tiên.
Luật Thương yêu quyền là Công chánh,
Gần thiện căn xa lánh phàm tâm.
Làm Cha nuôi sống âm thầm,
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Thiên".

Chân dung Đức Hộ Pháp trong Chương này, tư tưởng và hành động của Đức Ngài đều thuận chiều để đi tới Đạo cao và đắc vị Vi Đà Hộ Pháp (một trong bốn vị Thiên Vương trấn giữ các Chùa). Đức Vi Đà đã giáng linh ngự thể giúp Đức Ngài biểu hiện dần huyền diệu Bí Pháp của Đạo.

Trích nguyệt san ***MISSI***

1. Đền Thánh của "Giáo Tông" Đạo Cao Đài ở Tây Ninh mà bức ảnh này dựng lại một đền thờ hoành tráng.



Le résidence du « pape » caodaiste est à Tayninh dont cette photo évoque le temple grandiose. (1)

Ci-contre, un dignitaire caodaiste. La secte compte 72 « évêques », 36 « archevêques », 6 « cardinaux »...

Photo Missi Paris

tant leur volonté d'indépendance était
ne voulaient
apparaî

Les caodaistes (2)

Une secte plus importante et plus disséminée dans l'ensemble du sud Viet Nam est celle des caodaistes. La secte est très caractéristique de cette tendance au mélange et au besoin de se regrouper qui donna ... puis la

Missi

MAGAZINE D'INFORMATION SPIRITUELLE ET DE SOLIDARITÉ INTERNATIONALE

clergé.
au 17e parallèle
ns sont restés 461 000. La
(1 276) était partie, et la presque
eux et religieuses. Actuellement les diocèses
reconstitués, on compte 800 000 catholiques avec
10 évêques. Ceux-ci n'ont pas été autorisés à venir au Concile
et peu de nouvelles filtrent au sujet de l'Eglise catholique
du Nord, sauf tel ou tel détail monté en épingle mais qui
n'est pas significatif d'une situation générale dont on ne sait
pas grand-chose

2. Đạo Cao Đài là một phái Đạo rất quan trọng và phổ cập trong toàn miền Nam Việt Nam. Nền Đạo đức rất đặc sắc có khuynh hướng tổng hợp và qui hợp...

CHƯƠNG III
CHƯỞNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI
(1930 - 1934)

1. Bát Đạo Nghị Định, Quyền Chí Tôn nơi Giáo Tông và Hộ Pháp.
2. Ba Hội lập quyền Vạn linh.
3. Ngài Lê Văn Trung đăng Tiên.

I. BÁT ĐẠO NGHỊ ĐỊNH QUYỀN CHÍ TÔN NƠI GIÁO TÔNG VÀ HỘ PHÁP

Kể từ khai Đạo đến nay, thì Đức Hộ Pháp vẫn giữ vị thế của nhà Tư pháp, cầm cân nảy mực và kiêm nhiệm những văn kiện "Lập qui", vì Đức Chí Tôn và các Đấng mượn đôi tay của Ngài để vẽ nên cơ chế của nền Đại Đạo, cùng những luật lệ.



Có lần Đức Chí Tôn hỏi hai ông Cư, Tắc:

"Thầy muốn dùng các con mà hoằng khai nền Đạo, các con dám lãnh trọng trách ấy không?".

Ngài Phạm Công Tắc bạch:

"Thầy dạy thì chúng con tuân lệnh, nhưng chúng con từ nhỏ tới lớn chẳng ai thông Đạo lý, duy nhờ Thầy dạy bảo bấy lâu thì sự hiểu biết e chưa xứng đáng đảm nhận trọng trách lớn lao ấy".

Vào ngày 22-11-1930 (mùng 3-10-Canh Ngọ), Đức Phạm Hộ Pháp thiết lập một đàn Cơ cầu tại nơi Hiệp Thiên Đài (Tòa Thánh Tây Ninh), Đức Lý Giáo Tông giáng Cơ ban phẩm Quyền Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (thế danh Lê Văn Trung).

Đạo Nghị Định thứ hai, ban hành ngày 15-10-Canh Ngọ, Đức

Lý Giáo Tông phán rằng: "Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần Thiêng Liêng có Lão".

Có tất cả tám Đạo Nghị Định do Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập, gồm hai thời gian:

- Ngày 3-10- Canh Ngọ chỉ có sáu Nghị Định và ban hành ngày Rằm tháng 10 năm đó.
- Ngày 15-7- Giáp Tuất (25-8-1934) ban hành hai Nghị Định 7 và 8. Gồm chung gọi là Bát Đạo Nghị Định.

1. Đạo Nghị Định thứ nhất: Buộc các Chức sắc Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải tuân y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền mà hành Đạo, lớn nhỏ giữ phận.

2. Đạo Nghị Định thứ hai: Ban Quyền Giáo Tông cho Thượng Đầu Sư và qui định rõ quyền hạn của Chánh Phối Sư được giao tiếp với Chánh quyền và nhân sanh, tức hành sự về phương diện Chánh trị Đạo.

3. Đạo Nghị Định thứ ba: Nam nữ Chánh Phối Sư phải hành chánh riêng và chia phận sự như sau:

- Phối Sư phải ở tại Tòa Thánh.
- Giáo Sư làm đầu một Tỉnh.
- Giáo Hữu làm đầu một Họ.
- Lễ Sanh làm đầu một Quận.
- Chánh Trị Sự làm đầu một làng.
- Phó Trị Sự và Thông Sự làm đầu một xóm.

Từ ban hành Đạo Nghị Định này thì việc phân nhiệm vùng mới rõ rệt và Chức sắc mới được tuyển bổ đi khắp nơi.
Ba phẩm Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự gọi chung là Bàn Trị Sự. Vốn buổi ban đầu, Pháp Chánh Truyền chỉ định đến phẩm Lễ Sanh mà thôi.

Về sau nền Đạo mỗi ngày một thêm phổ thông, người theo Đạo mỗi ngày một nhiều, Đức Lý Giáo Tông đặt thêm hai phẩm Chức việc là Chánh Trị Sự và Phó Trị Sự; Đức Hộ Pháp đặt thêm phẩm Thông Sự. Họ trông coi trực tiếp các Đạo hữu. Họ



là người sở tại, là cơ cấu hạ tầng kiên trì và hiệu năng nhất của Đạo, quen gọi là Hội Thánh em.

Thông Sự là Chức việc của Đức Lý Giáo Tông khuyên Hộ Pháp thành lập, như vậy là người của Hiệp Thiên Đài để tùng quyền của Chánh Trị Sự (gọi là Đầu Sư Em) mà hành Đạo, đồng thể cùng Phó Trị Sự (gọi là Giáo Tông em vì do Giáo Tông lập thành) trong một ấp Đạo. Song có quyền về Luật lệ chứ không có quyền về Chánh trị, nên được gọi là Hộ Pháp em, để giữ lẽ Công Bình trong địa phận của Phó Trị Sự cai quản.

4. Đạo Nghị Định thứ tư: Phân rõ quyền hạn của ba vị Chánh Phối Sư.

5. Đạo Nghị Định thứ năm: Buộc tất cả Chức sắc phải phế đời hành Đạo, còn những người ngoài vòng chẳng đặng dự vào việc Chánh Trị Đạo.

Từ đây các Chức sắc có áo tràng y chín nút cho Cửu Trùng Đài và sáu nút cho Hiệp Thiên Đài.

6. Đạo Nghị Định thứ sáu: Chỉ định Đức Giáo Tông và Hộ Pháp chú giải Pháp Chánh Truyền.
Nhờ vậy Pháp Chánh Truyền từ đây mới được chú giải rõ ràng

như ngày nay.

7. Đạo Nghị Định thứ bảy: Tất cả nam nữ Chức sắc Cửu Trùng Đài được trọn hiến thân hành Đạo buổi sơ khai đều thăng nhứt cấp, trừ những người phạm tội hoặc phế phận sự hoặc mới được thăng.

8. Đạo Nghị Định thứ tám: Qui định những Chi phái không tùng mạng lịnh Hội Thánh (Tòa Thánh Tây Ninh) đều coi là bàng môn tả đạo.

Nghị định này ban hành, bị nhiều chi phái đả kích và tình trạng phân chia vẫn không bớt. Nhân lễ Triều Thiên của Ngài năm Giáp Thìn, Ngài giáng Cơ có khoản như vầy: "Bần Đạo để lời khuyên Chức sắc và toàn Đạo rán thống nhứt nền Đạo cho được mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc".

Từ khi Đạo Nghị Định thứ hai ban Quyền Giáo Tông cho Ngài Lê Văn Trung, nhiều kẻ đố kỵ, nhưng quyền Thiêng Liêng đã định vị, lòng phàm ganh hiền ghét ngỏ cũng chỉ tự hoại thân danh. Thánh Giáo ngày 23-12-1931, Đức Chí Tôn giáng Cơ nơi Thảo Xá Hiền Cung ban quyền Chí Tôn tại thế nơi Hộ Pháp và Quyền Giáo Tông. Nội dung:

"Các con hãy nhớ rằng: toàn Thế giới Càn khôn chính có hai quyền: quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền của sanh chúng. Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy là Hội Thánh của Đại Đạo, rồi Thầy cũng ban quyền trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặng đủ phương tiện tận độ chúng sanh. Còn các con cả thảy đều đứng vào hàng chúng sanh, dưới quyền hành chuyển thế của Đời, nghĩa là toàn thể nhân loại đồng quyền cùng Thầy. Mà tạo hóa Vạn linh vốn con cái của Thầy. Vậy thì, Vạn linh cũng có thể đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đặng. Thầy nói rõ: quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn linh là sanh chúng. Ngày nào quyền lực Chí Tôn đặng hiệp cùng Vạn linh thì Đạo mới ra thiệt tướng.

Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông và Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặng trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp

hiệp một. Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy chỉ có quyền hành Vạn linh đối phó mà thôi".

Vì Thánh Ngôn này mà Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung đã thống nhất tạo Luật, đôi khi không thông qua Ban Nội Luật và ba Hội lập quyền Vạn linh, như chương trình hành Đạo sau:

"Chương trình hành Đạo đáng lẽ phải đem ra cho Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh phê chuẩn, nhưng vì các khoản định trong chương trình đều không trái với Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và Đạo Nghị Định và nhất là cần phải thi hành lập tức; cho nên chúng tôi nhất định dùng quyền Chí Tôn giúp cho ba vị Chánh Phối Sư đủ quyền thi hành chương trình hành Đạo ấy, khỏi đem ra ba Hội phê chuẩn" [1]

Vịn vào đó, vào ngày 19-5-Quí Dậu (dl.11-6-1933) một số Chức sắc và một ít Đạo hữu các nơi, do sự triệu của nhà báo Nguyễn Phan Long về Tòa Thánh, họ lập Hội Vạn linh (?) trong nội điện Tòa Thánh.

Họ đề cử các thành phần sau đây điều khiển buổi hội để vấn nạn Đức Quyền Giáo Tông và cũng lộ vẻ trích điểm Đức Hộ Pháp:

- Ông Nguyễn Phan Long . . Nghị Trưởng.
- Ông Trương Duy Toản . . . Phó Nghị Trưởng.
- Ông Tuyết Tấn Than . . . . . Từ Hàn.

Phiên họp chỉ có một ngày, vào khoảng một ngàn người tham dự, buổi chiều vắng bớt vài trăm vì họ cảm thấy phiên họp có tính cách đả phá hơn là xây dựng. Bị cáo không có người biện hộ. Cử ai đại diện, Đại hội cũng viện lý lẽ từ chối.

Xin trích một vài đoạn trong phiên họp buổi chiều:
"Mấy ông Phái viên an vị rồi, ông Diệp Văn Kỳ thay mặt cho ông Hộ Pháp để biện luận trong buổi nhóm này. Câu chót có mấy lời như vầy: "Tôi sở dĩ chọn ông Diệp Văn Kỳ thay mặt là vì trong buổi nhóm này, chẳng những Hội viên mà ngay trong

1-*Tờ Châu Tri số 1 ngày 7-3- Quí Dậu (1-4-1933) Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông ký ban hành.*

Ban Ủy viên cũng có người ngoại Đạo dự vào".

Đọc xong ông Nghị Trưởng liền nói:

"Buổi nhóm họp này để vấn nạn ông Quyền Giáo Tông, chớ không phải vấn nạn ông Hộ Pháp, thì chỉ có Quyền Giáo Tông phái người thay mặt của Ngài mà thôi. Vả lại, hội nhóm này để bàn tính việc Đạo, mà ông Diệp Văn Kỳ không phải là người trong Đạo, chỉ được dự thính mà thôi, đâu có quyền tranh luận. "Còn câu chót chắc ông Hộ Pháp nhắc xéo tôi. Ông Hộ Pháp tưởng như thế là lầm. Tôi đã vào Đạo ba năm nay, được ban chức Giáo Sư; song ít khi đến đặng Tòa Thánh, nên người trong Đạo không rõ".

Diệp Văn Kỳ: "Việc thay mặt được cùng không tưởng cũng không quan hệ. Tôi chỉ xin cho Hội biết rằng, tôi đến đây không có ý định binh ai bỏ ai, hay xu phụ theo phe đảng nào. Ông Hộ Pháp cậy tôi thay mặt là cốt giải bày một ít Đạo Luật cho Hội biết mà thôi.

Chỉ như nói ông Hộ Pháp là người không dính dấp đến Hội này, tôi e chẳng đúng. Hội đã công khai giữa Bửu Điện, thì bất kỳ Tín đồ nhỏ nhen cũng được quyền tranh luận, phương chi Hộ Pháp là người giữ Pháp Luật Đạo, trên hết chư Chức sắc.

Còn nói như Quyền Giáo Tông sai người đến thay mặt, tức nhìn nhận buổi nhóm này đúng luật lệ là một cách buộc Ngài chạy chung quanh cái đường tròn chẳng có đường ra. Không đến, mấy ông trách, sai người thay mặt, mấy ông bảo nhìn nhận buổi họp này".

Ông Nguyễn Trung Hậu: "Ông Diệp Văn Kỳ vừa nói rằng ông Hộ Pháp ủy quyền biện giải luật Đạo giữa Hội, vì Hộ Pháp chưởng quản về phần Luật, không Luật nào qua khỏi tay Ngài được, nhưng Ngài ủy quyền cho ông Diệp Văn Kỳ, lại là một điều sái luật đó".

Giáo Sư Thượng Chữ Thanh: "Tôi xin trả lời cho ông Hậu. Ông Hộ Pháp có phái ông Tiếp Thế thay mặt cho Ngài, song vì tình anh em không thể nhóm được, nên ông Tiếp Thế phải về. Tôi xin hỏi bên Hiệp Thiên Đài, nay quyền Chưởng Pháp bảo giữ

luật lệ của Đạo, tôi không công nhận ông Diệp Văn Kỳ được quyền dự Hội hôm nay".

Diệp Văn Kỳ: "Vậy xin mấy ông nán đợi tôi về trả lời với ông Hộ Pháp coi Ngài có phái ai đi thế quyền của Ngài nữa chăng?".

. . . . . .

Ông Tiếp Thế và ông Diệp Văn Kỳ trở vào Bửu Điện.

Ông Tiếp Thế trình thư; ông Nghị Trưởng xem rồi nói rằng: "Buổi sớm mai, ông Tiếp Thế đã từ hội về, thì hai cái giấy của Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp ủy quyền cho ông Tiếp Thế kể như đã hủy rồi. Chiều nay ông trở lại, chỉ cần thơ này là thơ riêng của Hộ Pháp gởi cho ông, chẳng phải là giấy của Quyền Giáo Tông phái đến thay mặt vậy ông nên về xin Quyền Giáo Tông ký vào bức thơ này, đặng chứng tỏ Ngài còn giao quyền cho ông hôm nay nữa".

Đến đây ông Thượng Bảy Thanh đứng dậy lên tay nói lớn: "Xin lỗi ông, tôi thuở nay vẫn kính trọng ông là người hữu tâm với Đạo, nhưng cứ chỉ ông ngày hôm nay thật là bất minh. Ông lấy quyền nào chủ tọa Hội này; còn Hội này là Hội gì? Vả lại ông vào Đạo hồi nào không ai biết?".

Nghị Trưởng: "Tuy việc đời ràng buộc, tôi ít đến đây chớ tôi thường hầu đàn nơi khác. Tôi thọ chức Giáo Sư; ông không biết thì thôi tôi biết làm sao được".

Ông Thượng Bảy Thanh lại nói thêm rằng: "Nhà Thờ này lập ra, nay thành ra trường diễn thuyết, chớ không phải chỗ thờ phượng", nói rồi ông ngó ngay Quyền Ngọc Đầu Sư (Ngọc Trang Thanh) mà nói lớn rằng: "Hiền Huynh Ngọc Trang Thanh, tôi cùng hiền huynh sẽ đối diện ngày về cùng Thầy, hiền huynh thọ Thiên điều đừng trách".

Sau khi ông Thượng Bảy Thanh, ông Diệp Văn Kỳ và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh rời khỏi nơi họp, thì ông Nghị Trưởng đọc Vi bằng có 12 khoản cáo trạng, mà khoản thứ năm có đoạn như vầy:

"Sau khi hội viên bàn tính thì Thượng Hội quyết định:
A- Hủy bài giáng Cơ ngày 14 Février 1933 vì không y theo thể

lệ cầu Cơ đã lập ra rồi.

B- Hủy bài chấp bút của Hộ Pháp ngày 10 Mars 1933 tại Hộ Pháp hay Giáo Tông Đường. Chấp bút dùng để học hỏi cho mình, không được đem ra ban hành.

C- Bài giáng Cơ ngày 23 Décembre 1931 tại Thảo Xá Hiền Cung thì phải giao cho Ban kiểm duyệt xem xét trước rồi mới ban hành.

D- Hủy tờ Châu Tri số.., ngày 1 Avril 1933 (ngày 7 tháng 3 năm Quí Dậu) vì Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp lấy ý riêng mà đặt ra".

Về việc Hội Vạn linh (?) có hợp lẽ Đạo không, ông Nguyễn Văn Lịch (không phải ông Lê Văn Lịch Đầu Sư) có tội không, ông Nguyễn Phan Long có xứng đáng ngồi ghế chủ tọa không, xin đọc một khoản trong ba Vi bằng thì rõ:

"Thượng Chữ Thanh: "Xin hãy kể tội của Đạo hữu Lịch cho công chúng rõ".

Nghị Trưởng: "Trong Vi bằng chả có nói Đạo hữu Lịch có tội hay là không tội".

Khi ấy một nữ Giáo Sư hỏi lớn lên rằng: "Ông Nghị Trưởng chủ tọa trước Bửu Điện sao không mặc Thiên phục?"

Lê Kim Tỵ: "Mặc Thiên phục cùng không, ấy là điều không quan hệ chi cho mấy".

Nghị Trưởng: "Trình cùng chư hội viên, tôi mới được giấy ông Diệp Văn Kỳ, xin Hội cho phép ông hỏi vài câu trong luật lệ Đạo".

Chư hội viên đều cho phép.

Ông Diệp Văn Kỳ liền đứng dậy nói:
"Thưa quí Ngài, trước khi xin hỏi việc vài câu, tôi xin tỏ trước cho quí Ngài biết rằng tôi là người ngoại Đạo. Song tôi thấy suốt trong bổn Đạo dự nhóm đây, chọn cử ông bạn đồng nghiệp Nguyễn Phan Long lên làm Nghị Trưởng chứng buổi hội nghị này; và cũng nhờ đó mà tôi được biết rằng ông bạn đồng nghiệp đã vào Đạo lâu rồi, lại được Ơn Trên ban Thiên chức, thì tôi lấy

làm mừng dùm cho Đạo.

"Tôi sở dĩ muốn hỏi vài điều là cốt cho thấu hiểu pháp luật của Đạo, chớ chẳng phải lãnh thay mặt ai cùng binh vực ai. "Theo như Tân Luật mà tôi được thấy, thì có một khoản nói về Giáo Tông như vầy: "Chưởng Pháp phải can gián, sửa lỗi của Giáo Tông, nếu cả ba thấy lẽ vô Đạo của Giáo Tông có quyền đem đơn kiện nơi Tòa Thánh".

"Một việc rất quan trọng là đem ông Giáo Tông ra xử, mà luật lệ nói tóm tắt như vậy thì tôi sợ chưa hoàn toàn.

Còn quyền Vạn linh là gì?

"Có phải là quyền gồm cả cơ quan trọng yếu: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh chăng?

"Ngày hội hôm nay có phải là ngày Hội Vạn linh chăng?

"Tôi xin hỏi rõ: thế nào là Thượng Hội, thế nào là Hội Thánh, thế nào là Hội Nhơn Sanh? "Ấy vậy mà hôm nay, Thượng Hội thời như tuồng sáu vị, sáu vị là người đứng buộc tội Giáo Tông; thì bữa nay là ngày xử, tôi e cái quyền hành của sáu vị ấy phải ở trong phạm vi rất hẹp hòi: vừa buộc tội, vừa xử cũng hơi khó liệu.

"Còn Hội Thánh, Hội Thánh hôm nay có những ai hiện diện. Theo số Chức sắc mặc Thiên phục mà tôi thấy đây, thì tôi tưởng e về phương diện Hội Thánh cũng còn thiếu nhiều lắm.
"Hội Nhơn Sanh là ai? Cứ theo luật là một cái hội gồm đủ các Chức sắc trong các địa phận, trong các Thánh Thất, các Phái Viên của các Tín đồ nam nữ...

"Số Thánh Thất của Đạo thì là 130 cái. Số Tín đồ theo thống kê lấy số triệu mà kể. Ấy vậy, mà quí Ngài hãy nhìn thử chung quanh mấy Ngài, tính luôn cả mấy đứa trẻ em nhỏ dại đương ngồi ngó, không hiểu chi hết, cũng chưa lên số vài trăm người, thì sao gọi là nhơn sanh?".

Ông Nguyễn Trung Hậu: "Nếu mấy kỳ nhóm trước không có số quyết định thì bây giờ không thể bắt chặt về số bổn Đạo nhiều hay ít".

Ông Kỳ cười, đoạn cùng với ông Phương kiếu hội ra về" [1].

Xem như thế, thì việc đem xử Đức Quyền Giáo Tông có định kiến rồi. Dù Đức Hộ Pháp có cử thêm ai thì cũng không biện biệt gì hơn. Cuộc hội nghị một ngày đó, chẳng khác gì lửa rơm bạo phát bạo tàn. Rồi không còn ai để ý gì. Nhưng nếu phải đưa ra một nhận xét, thì phiên hội đó đã không hợp luật pháp (tức Tân Luật và Pháp Chánh Truyền) và truyền thống nghi lễ Cao Đài Giáo không chấp nhận bất cứ ai ngồi chủ tọa một phiên hội mà mặc thường phục, chưa kể một hội nghị tối cao như Thượng Hội hay Hội Nhơn Sanh.

II. BA HỘI LẬP QUYỀN VẠN LINH

Đạo Nghị Định thứ năm buộc tất cả Chức sắc phải phế đời hành Đạo, còn người ngoài vòng chưa hiến thân chẳng được dự vào Chánh Trị Đạo. Về hình thức ắt có và đủ của ba Hội lập quyền Vạn linh, thì phải theo Nội luật ngày 22-1-Nhâm Thân (dl.17-12-1932) do Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông đồng ký và ban hành như sau:

1. Thượng Hội gồm có:

- Giáo Tông . . . . . .Nghị Trưởng
- Hộ Pháp. . . . . .Phó Nghị Trưởng
- Thượng Phẩm . . . . . .Nghị Viên
- Thượng Sanh . . . . . .Nghị Viên
- (03) ba vị Chưởng Pháp . . . . . Nghị Viên
- (03) ba vị Đầu Sư Nam Phái . . . . Nghị Viên
- Đầu Sư Nữ Phái . . . . . Nghị Viên
- Giáo Sư (trở lên) . . . . . Từ Hàn

Mục đích của Thượng Hội là xem xét và phê chuẩn.

- Các điều của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh bàn luận về việc Đạo.
- Các điều ước của Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh. Trừ các điều nào do Hội Nhơn Sanh mà Hội Thánh để thì không được phép đưa vào Thượng Hội, nếu không có đơn của hai ông Chủ tọa

1-Ban Đạo Sử, Tài liệu lưu trử.

kêu nài.

- Thượng Hội bàn luận và định đoạt các việc cần gấp hoặc yếu trọng phải ban hành trong Đạo.

2. Hội Thánh gồm có:

- Thái Chánh Phối Sư . . . . . .Nghị Trưởng
- Nữ Chánh Phối Sư. . . . . .PhóNghị Trưởng
-Từ Giáo Hữu đến Phối Sư Nam Nữ . . Nghị Viên

Hội Thánh xem xét các việc của Hội Nhơn Sanh dâng lên và việc hành chánh trong Đạo, rồi đệ lên Thượng Hội.

3. Hội Nhơn Sanh gồm có:

- Thượng Chánh Phối Sư . . . . . Nghị Trưởng.
- Nữ Chánh Phối Sư . . . . . Phó Nghị Trưởng
- Lễ Sanh, Chánh, Phó Trị Sự và Thông Sự . . . . . Nghị Viên, Phái Viên.
- (01) Nam và Nữ Nghị viên . . . . . Từ Hàn.

Mục đích của Hội Nhơn Sanh là trù tính các việc:
- Giáo hóa nhơn sanh.
- Lo liệu phương hay cho Đạo, đời khỏi điều phản khắc và nâng cao tinh thần trí thức của nhơn sanh.
- Phổ độ nhơn sanh vào cửa Đạo, dìu dắt Tín đồ cho khỏi trái bước, trọn vâng các luật lệ Đạo.
- Sửa sai, thêm bớt hay hủy bỏ những luật lệ của Đạo không phù hạp với trình độ trí thức, tinh thần của nhơn sanh.
- Lo cho nền Đạo được trong ấm ngoài êm và đủ phương tiện đặng phổ thông nền Chơn giáo.
- Xem xét và công nhận về phương diện Chánh Trị Đạo, quan sát sổ sách, phân phát tài sản và nghị sổ.

Khi hành Đạo, Đức Phạm Hộ Pháp phải chấp nhận bao nhiêu khó khăn và trở ngại. Đức Ngài vẫn khăng khăng tiến bước trên con đường đi than lửa. Đức Ngài từng tỏ nỗi ưu tư nghiệp Đạo, kẻ làm thì ít mà người trích điểm thì nhiều:

"Trước khi Đức Chí Tôn đến gieo truyền mối Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem cờ cứu

khổ để tại mặt thế này mà cứu vớt toàn cả cửu nhị ức Nguyên nhân con cái của Ngài. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài, mà trong Chức sắc Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 vị: Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bần Đạo. Trong 15 vị thì chỉ có bốn đến năm vị lãnh lịnh mà thôi… Mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lịnh có bốn, năm vị làm sao lập thành Cơ Cứu khổ được". [1]

Bên trong thì như vậy, bên ngoài, Chính quyền Bảo hộ sợ Đạo bành trướng mạnh mẽ, một mai trở thành một phong trào ái quốc sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách để ly gián, giục loạn dưới mọi hình thức, để tâm lắm mới rõ âm mưu thâm độc của họ.

Nào gây mâu thuẫn trong việc làm, gây ý thức trọng bằng cấp hơn Thiên phẩm giữa các Chức sắc cao cấp. Họ tạo thành một trường đàm tiếu: Đốc phủ sao đi phò tá hạng Thư ký?. Kịp đến khi Ngài Bảo Văn Pháp Quân chấp bút tạo ra bài dâng Tam Bửu mới thay ba bài cũ. Vì trong đó, hai bài dâng rượu và dâng trà cũ giống hệt nhau, chỉ khác năm chữ đầu. Họ vịn vào những sự kiện đó để bày trò chia rẽ.

Khởi đầu là Nguyễn Văn Ca tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập Đạo ở Cầu Vỹ (Mỹ Tho). Thấy cơ Đạo sắp phân chia, nên Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh có ra Châu Tri số 31 ngày 22-9-Tân Mùi (1-11-1931) như sau:

"Ngày nay mối Đạo sắp phân chia, vì có một phần Chức sắc và Tín đồ tự quyền lập Đạo ra nhiều chỗ. Tòa Thánh có khuyên lơn, Tòa Tam Giáo có phán đoán rồi, mà cũng không ai tuân mạng lịnh. Lại cách thi thố, cách hành Đạo của các Chức sắc ấy, nhiều khi không tuân phép nước. Nên xin chư hiền hữu hãy xem xét lại cho kỹ càng, rồi biên tên họ những Chức sắc nào không tuân mạng lệnh Tòa Thánh, gởi về trước cho tôi trong kỳ hạn 10 ngày đặng cho Chính phủ biết rằng các Đạo hữu ấy hết thuộc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và tự hậu, Đạo không còn can

---

1-Lời Đức Hộ Pháp nhân Lễ Khánh Thành các dinh thự ngày 4 tháng 2 năm 1955.

dự chi tới việc hành động của các vị ấy nữa".

Sau đó, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh (tức ông Nguyễn Ngọc Tương) gởi cho ông Nguyễn Văn Ca thơ đề Tây Ninh ngày 1-11-1932 với lời lẽ thống thiết, kêu gọi ông Ca mau trở về Tòa Thánh Tây Ninh để tiếp tục hành Đạo. Nhưng tấm lòng chung thủy của ông Nguyễn Ngọc Tương không được lâu bền.

Vì ảnh hưởng của dư luận bên ngoài quá nặng, nên sau đó ông cùng Lê Bá Trang tách rời Tòa Thánh Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chỉnh Đạo. Đức Hộ Pháp mới ra Đạo Nghị Định số 17 ngày 28-7-1933 không nhận hai ông này nữa.

Châu Tri số 6 ngày 12-6-Ất Hợi (12-7-1935) có ghi:

"Bần Đạo chưa hề đặng lịnh Cơ bút của Đại Từ Phụ hay của Đức Lý định nhượng phẩm ấy (Phẩm Giáo Tông) cho người nào cả.

Sự hành động mê hoặc Tín đồ của Đạo hữu Thượng Tương Thanh đều là giả dối, huống chi sự hám vọng của người đã nảy sinh ra từ khi Đức Quyền Giáo Tông còn tại thế, chỉ cố xô ngã Thượng Trung Nhựt để tìm phương tiếm vị.

Bần Đạo chỉnh nguyện cho Thượng Tương Thanh lấy thủ đoạn thu phục nhân tâm sao cho đặng toàn hết thiên hạ, rồi Bần Đạo sẽ đem hết áo mão Giáo Tông ra quì trước cửa Tòa Thánh đặng dâng cho người, nâng đỡ người lên ngôi báu đặng làm Chúa cả toàn sanh chúng. Hại thay cái sở nguyện ấy e không đắc nguyện đặng vì dưới mắt Bần Đạo thấy, ba tay kiện tướng của người là ông Qui, ông Hậu, ông Kim cũng phản người rồi đó"[1].

Rồi từ đó sự phân chia ngày càng nhiều. Thánh Thất này đôi trăm người lập ra một phái, Thánh Thất kia vài trăm người độc lập không phụ thuộc ai. Chung cuộc vẫn thờ Đấng Cha chung là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

1-Ông Nguyễn Trung Hậu, Nguyễn Văn Kinh sau trở về Tòa Thánh Tây Ninh hành Đạo, ông Cao Quỳnh Diêu cũng rời bỏ Ban Chỉnh Đạo trở về Tây Ninh.

III. NGÀI LÊ VĂN TRUNG ĐĂNG TIÊN

Đức Quyền Giáo Tông rồi cũng theo gót Đức Cao Thượng Phẩm qui Thiên (13-10-Giáp Tuất) để một mình Đức Hộ Pháp chiếc thân lèo lái thuyền Đạo lướt qua bao cơn thử thách nhọc nhằn.

Trong ngày Lễ an táng xác Đức Quyền Giáo Tông (26-10-Giáp Tuất nhằm ngày 2-12-1934), Đức Hộ Pháp đọc Văn Tế có đoạn như sau:



"Giữa thế kỷ 20 này, toàn địa cầu nhơn sanh đều xu hướng về đường vật chất, đua tranh náo nhiệt, mạnh đặng yếu thua, khôn thì còn, dại thì thác, làm cho cá nhân và cả xã hội sanh hoạt khó khăn mà quên cả tinh thần vi chủ.

Đời chẳng khác nào chiếc thuyền chịu sóng gió ba đào lênh đênh khổ hải. Những khách giang hồ của Tạo Công ai lại chẳng phập phồng rơi châu đổ ngọc. Trong cơn khổ não tâm hồn ấy, ngẫu nhiên gặp cứu tinh giải nạn là: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Thượng Đế chấn hưng tôn giáo.

Ngài đến đặng nhìn nhận các Đạo là phương giáo hóa của Ngài và dung hợp các triết lý của đời dưới khuôn phép lương tâm làm chủ.

Từ năm Bính Dần (1926) là năm Đạo mở tại Nam Kỳ đến nay, Anh Cả chúng tôi Lê Văn Trung, Đạo tịch Thượng Trung Nhựt đảm nhiệm vai tuồng rất lớn lao là phổ độ dìu dắt nhơn sanh vào đường chánh giáo.

Một mối Đạo rất cao thâm mầu nhiệm mà chính Đức Thượng Đế gieo truyền trong nước nhỏ Việt Nam, thiết tưởng sự khó khăn mà Anh Cả chúng tôi trọn chịu chín năm, chẳng quản nhọc nhằn một tay chống vững thuyền Đạo, bền chí lướt qua mọi khổ hải.

Đạo mở vào buổi nhơn sanh đương khuynh hướng về đường vật chất thì cái Tôn chỉ Đạo phải có thực lực gì cực kỳ mãnh liệt mới dung hòa nổi hai thuyết Duy tâm và Duy vật; phải hợp thời thì nhơn sanh mới chịu hoan nghênh mà bước vào cửa Đạo. Nếu Đạo không có cái tôn chỉ duy tân cải cách theo trình độ tiến hóa của nhơn sanh thì Đức Thượng Đế chẳng cần nhọc công tái lập vì Đạo đã có sẵn từ tạo Thiên lập địa rồi.

Trong các tôn giáo: Phật Giáo, Lão Giáo, Nho Giáo, Cơ Đốc Giáo cũng có nhiều triết lý cao siêu theo đó mà hành Đạo cũng tiến hóa. Mỗi tôn giáo ấy đều có một tôn chỉ đặc thù phù hợp với phong hóa tùy mỗi thời đại chớ không hợp thời buổi bây giờ. Đạo có những điều tối ưu như thế, tất phải có người tài đức làm hướng đạo mà truyền bá cho nhơn sanh, khỏi lầm đường lạc lối và cũng phải có đại hùng, đại lực mới gánh vác nổi trách nhiệm lớn lao của Đại Đạo.

Anh Cả chúng tôi trước khi vào Đạo vẫn là người duy vật cũng như mọi người ngoài đời; về đường danh lợi Người chẳng nhượng cho ai; kịp khi Đạo mở Đức Thượng Đế kêu đích danh Người mà phó thác Đạo Trời.

Phong trào duy vật [1] đang sôi nổi, Người đương thời phấn đấu mà Người cũng vui lòng phế hết việc đời để hiến thân cho Đạo. Buổi ban sơ chỉ có vài ba anh em theo Đạo, cũng có kẻ trắng người đen, không đồng tâm chí, nghịch lẫn nhau. Nhưng vì lòng háo đức của Người sẵn có, Ngài không chút ngại ngùng bạo gan chí sĩ mà hiến mình trọn vẹn lập Đạo mới thành, công ấy thưởng nầy làm Anh Cả chúng sanh cũng đáng.

Vào Đạo rồi, khi thì lập đàn thương giáo cùng các Đấng Thiêng Liêng, khi đi phổ độ khắp Nam Kỳ. Không nói ra ai ai cũng rõ,

---

1-Đây muốn nói chuộng bả lợi danh, đua đòi vật chất.

những nỗi khó khăn về hiệp hội ở xứ mình. Cho nên lúc khai Đạo gặp nhiều nỗi tân khổ, lại còn nhiều nỗi cam go với Đạo hữu các nơi. Khi Đạo có mòi hoằng hóa. Sau đó, Hội Thánh Ngoại Giáo thành lập ở Kiêm Biên, tuy gặp lắm nỗi truân chuyên mà Người cũng cứ nhứt tâm, nhứt đức theo đường thẳng tiến hành không bao giờ nãn lòng thối chí.

Vì sao Đức Thượng Đế không chọn người nào khác mà đem mối Đạo lớn trao cho Người lúc ban sơ? Có ai dám nói Đức Chí Tôn dùng lầm!

Vậy thì, tôn chỉ của Đại Đạo đã biểu lộ rõ ràng, bí quyết đạt Đạo chẳng phải do một mặt yếm thế để tịnh dưỡng tinh thần, mà phải lịch lãm về nhân sự và phải xuất chúng, rồi lấy đạo đức mà cứu nhơn quần.

Xã hội phải tùy sở nguyện của chúng sanh mà lập phương phổ hóa, thì cái công tu luyện kia mới bổ ích. Vì vậy Anh Cả chúng tôi mới đắc dụng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Anh Cả chúng tôi có nhiều điều kiện hợp lý với tân thời mà cũng không nghịch với phong hóa cũ.

Vậy nên, Đức Chí Tôn mới dùng Người để làm mô phạm cho cả anh em Đạo hữu và cho đời thấy rõ một phần chơn lý trong tôn chỉ Đại Đạo.

Theo thời đại khoa học đang nỗ lực phát dương này, nếu đem cái thuyết duy tâm cực đoan mà phổ hóa chúng sanh không khỏi bĩ hậu; còn nếu chuyên một mặt duy vật mà tiến hành thì xã hội có ngày ắt bị tiêu diệt về nạn cạnh tranh. Vậy phải chiết trung hai thuyết mà dung hòa thì đời mới đặng vừa tấn hóa theo văn minh khoa học, vừa duy trì đặng tâm hồn đạo đức. Nhờ hiểu ý nghĩa cao thâm như vậy mà Anh Cả chúng tôi không vì hoàn cảnh mà quá ư thiên lệch về một mặt nào. [1]

Chúng tôi còn nhớ rất rõ lời tuyên bố của Anh Cả chúng tôi

1-Đạo Cao Đài theo thuyết Trung Dung, không theo Duy tâm mà cũng không theo Duy vật, vì tâm vật đều do khí hóa tạo thành, mất quân bình âm dương sẽ rối loạn, nên Đạo chủ trương Tâm Vật bình hành.

như vầy: "Ngày nào nhơn sanh còn khốn khổ thì chưa phải ngày anh tọa hưởng an nhàn, dầu anh đắc quả mà qui Tiên, anh cũng nguyện tái kiếp để độ tận chúng sanh".

Bác Ái thay lời tuyên bố ấy, không cần khoe khoang bằng văn chương, với những lời chất phác trên kia cũng tả đặng tâm tình của một trang đại đức.

Theo thế thường, người đi tu nào cũng hy vọng thành Tiên, chứ ít ai ở lẫn lộn trong chốn hồng trần. Vậy mà Anh Cả chúng tôi chẳng hề nao núng, thậm chí có người lo sợ khuyên Người giải quyền (tước) nhập tịnh cho yên. Người nói rằng dầu phải tử vì Đạo Người cũng vui lòng, chớ Người không sợ chết mà bỏ quên phận sự. Xem đó, đủ thấy cái đại chí của Người vì Người thấu mục đích tối cao của Đạo. Tôn chỉ của Đạo không dữ mà hùng, hòa mà không nhược.

Cái ý nghĩa đó, Anh Cả chúng tôi hiểu và đã thực hành, nên Đạo mới đứng vững đến ngày nay.

Anh Cả chúng tôi còn hiểu rộng nghĩa chữ "Từ Bi - Bác Ái" nên gặp phải nhiều phản động lực của những người thiển kiến... Anh Cả chúng tôi không vì sự thương thấp thỏi của thường tình mà bỏ cái thương Đại Đồng thế giới cho nên phải gặp nhiều nỗi tân toan…

Ngày nay Anh Cả chúng tôi đã vào cõi hư vô, thiết tưởng những phản động lực kia [1] cũng lần lần giảm bớt…Cái khó nhứt là phải có đủ đức kiên nhẫn để chống lại các phản động lực trong Đạo và ngoài đời. Nhiều lý thuyết tương phản nhau vì trí độ của con người không thể đồng đều nhau: kẻ thì ưa thuyết duy tâm, cứ chuyên chú một mặt tiêu cực; còn người thích duy vật thì chuyên chú một mặt tích cực.

Mỗi phía đều cực đoan, tránh sao khỏi xung đột. Hai phía xung đột nhau mà bắt Đạo ở trung gian là nơi chiến địa thì kẻ cầm

---

1-Dựa vào Châu Tri số 1 ngày 7 - 3 - Quí Dậu. Ông Nguyễn Phan Long (ở đây ghi là nhóm Duy vật) hướng dẫn một số người lên Tòa Thánh mở Hội Vạn Linh bị nhóm Duy tâm của Giáo sư Thượng Chữ Thanh chống lại.

quyền trong Đạo tránh sao khỏi những nỗi khó khăn. Vì vậy Anh Cả chúng tôi chịu nhiều đau đớn.

Ôi! Một đấng anh hùng như thế, một tay kiện tướng của Đạo nay đã ra người thiên cổ. Dẫu gan sắt dạ đồng cũng phải rơi châu mà thương tiếc. Anh Cả ơi!". [1]

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung mất đi để lại trong Đạo một khoảng trống rất lớn. Khi Ngài lên cầm quyền Giáo Tông thì phẩm Đầu Sư khuyết vị nên ba vị Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh lên nắm quyền Đầu Sư. Khi hai ông Tương, Trang về Bến Tre thì Tòa Thánh khuyết vị Đầu Sư. Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng ý đưa ba vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài qua Cửu Trùng Đài cầm quyền Chánh Phối Sư mà lập thành Hội Thánh. Khai Đạo Phạm Tấn Đãi làm Thái Chánh Phối Sư, Khai Pháp Trần Duy Nghĩa là Ngọc Chánh Phối Sư, Khai Thế Thái Văn Thâu là Thượng Chánh Phối Sư. Quyết định này bị một số Chức sắc phản đối, yêu cầu trả các Thời Quân về Hiệp Thiên Đài. Như vậy Cửu Trùng Đài là một ngôi nhà trống không Giáo Tông, không Đầu Sư, không Chánh Phối Sư.

Sau việc qui Thiên của Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp thừa hưởng sự trống vắng như vậy. Sau thời gian dài suy nghĩ, Chức sắc Cửu Trùng Đài, Chức sắc Hiệp Thiên Đài, toàn thể quyết nghị triệu tập Hội Nhơn Sanh vào ngày lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông (8.11.1935) để giải quyết tình hình bức thiết của nền Đạo.

Hội Nhơn Sanh là trí huệ tập thể, là ý dân cao nhứt trong nền Đạo với quan niệm "Thiên Nhân hợp nhất", "Ý dân là ý Trời". Thầy đã dạy: "Việc gì hợp với lòng chư môn đệ là hiệp với ý Thầy".

Thế nên việc đưa Đức Hộ Pháp lên nắm Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài đó là ý muốn của nhơn sanh lúc bấy giờ và được sự đồng tình của Hội Thánh Cao Đài. Quyết định ấy cũng có tính cách giai đoạn đoản kỳ để cứu lấy nền Đạo một khi khống

1-Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 123- 128.

khuyết Chức sắc bên Cửu Trùng Đài.

Chuyện này nổi lên "Hội Vạn Linh?", một đứa con hoang ngoài luật pháp Đạo. Vì chỉ có "Ba Hội lập Quyền Vạn linh" chớ không hề có "Hội Vạn linh". Người ta hiểu mập mờ: lấy quyền Vạn linh mới đánh đổ Đạo quyền Chí Linh. Từ sau khi Bát Đạo Nghị Định ban quyền hành cho Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, kế đến đàn Cơ tại Thảo Xá Hiền Cung ban quyền Chí Tôn tại thế cho nhị vị Quyền Giáo Tông và Hộ Pháp, một số Chức sắc ở Sài gòn lôi kéo thêm một số Tín hữu về Tòa Thánh Tây Ninh mở Hội Vạn linh (?) để chống lại Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và thử sức người cầm Luật là Hộ Pháp (bảo hộ Luật pháp).

Động cơ nào thúc đẩy nhà báo Nguyễn Phan Long mặc âu phục ngồi giữa Đền Thánh chủ tọa một Hội nghị lớn như vậy. Số là thực dân Pháp quá khó chịu trước hành động đưa "Tờ Khai Đạo" rồi ngang nhiên hành Đạo của Đức Quyền Giáo Tông. Thêm vào đó Đức Ngài còn trả Bắc Đẩu Bội Tinh, huy chương cao quí mà Pháp ban tặng. Mặt khác Đức Phạm Hộ Pháp bỏ việc về hành Đạo chỉ vì thực dân Pháp đổi Ngài đi Cái Nhum.

Hai vị ấy, Pháp phải trừng trị qua việc xúi giục nhà báo Nguyễn Phan Long để "bôi bẩn" Đức Quyền Giáo Tông; thuận lợi sẽ lật đổ. Nhưng với sự cương quyết của Đức Hộ Pháp, Đức Ngài thừa hiểu: họ khảo dượt Đức Quyền Giáo Tông nhưng để thử thách "viên thơ ký" cầm luật Đạo. Đức Ngài phải nhờ Luật sư Diệp Văn Kỳ để đối phó luật đời lẫn Luật Đạo. Sở dĩ có hành động như vậy vì nhóm Nguyễn Phan Long am hiểu luật đời nhiều hơn Luật Đạo nên sai lầm mà lập Hội Vạn Linh (?).

Cơn giông bão nào rồi cũng qua đi, để lại những vết hằn cho lời đàm tiếu của nhơn sanh.

CHƯƠNG IV
CHƯỞNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI
(1935 - 1940)

1. Nắm quyền Chánh Trị Đạo.
2. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới.
3. Qui định về Lễ Sĩ, Giáo Nhi và Bộ Nhạc.
4. Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo.
5. Lời Cảnh cáo không cần thiết.
6. Pháp đàn áp Đạo.
7. Việc xây dựng Đền Thánh.
8. Bộ Luật năm Mậu Dần.
9. Việc mặc Đạo phục đi hành Đạo.

I. NẮM QUYỀN CHÁNH TRỊ ĐẠO





Từ khai Đạo đến đây, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn giữ đúng vai trò Tư Pháp và đồng tử trung gian giữa Trời và Người. Có thể nói thời gian trước, Ngài là cái bóng mờ. Năm Ất Sửu (1925), thuở tìm học Đạo thì Ngài chỉ là Nhị ca mà Đức Cao Thượng Phẩm là Đại ca. Khi Đức Chí Tôn dự kiến phong cho Ngài Ngô Văn Chiêu làm Giáo Tông thì Ngài vẫn vào hàng áp út.

Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,
Thấy thằng áp út quá buồn lòng.
Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,
Cái của cái công phải trả đồng.

Khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cầm giềng mối Đạo là Anh Cả, Đức Ngài vẫn là hàng em.[1] Những sự kiện đó đánh tan những ai cho Ngài lập Đạo để làm hậu thuẫn hoặc mưu đồ gì (?). Cao Đài Giáo là do Thiêng Liêng lập ra mà Đức Ngài và Đức Cao Thượng Phẩm chỉ là cặp Cơ phong Thánh đầu tiên để tạo cơ chế Đạo.

Đức Ngài đã chứng kiến ba cơn khảo của ba vị Đại Thiên Phong: Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

1. Vụ Ngài Ngô Minh Chiêu không nhận Thiên Phẩm Giáo Tông chỉ vì quan niệm "Ngô thân bất độ hà nhân độ". Hơn nữa "ông Chiêu vẫn là người dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ ông khuyên tu hành".[2]

Đạo hiệu của Ngài Ngô là Minh Chiêu tức Chiêu Minh Linh Giác. Hai Ngài Ngô, Phạm có huệ nhãn nhìn biết áo Giáo Tông thêu Bát Quái chỉ là áo Tiểu phục, còn Đại phục Giáo Tông là áo tràng trắng có thêu hoa sen vàng, đến khi lập Pháp Chánh Truyền toàn Đạo mới rõ. Việc định ban phẩm Giáo Tông là Thầy thử Ngài có trọn Đạo vô vi và đắc vị tại thế chưa! Một ít suy luận điều này điều nọ làm cho nền Đại Đạo ly tán là trí lực còn hẹp hòi.

1-Xem lại các bài giảng Đạo lúc ấy ta vẫn thấy Đức Ngài xưng Em.

2-Theo "Đại Đạo Căn Nguyên" của Nguyễn Bảo Pháp.

Đức Phạm Hộ Pháp lúc nào cũng xem Ngài Ngô là Anh Cả. Vào ngày vía Đức Phật Mẫu năm 1954, Đức Hộ Pháp giới thiệu Ngô Khai Minh, con trai út của Đức Ngô với Chức sắc tại Tòa Thánh: "Đây là con trai Đức Ngô Minh Chiêu Giáo Chủ Đạo Cao Đài" [1] .

Nhờ sự quan tâm đó của Đức Hộ Pháp mà Ngô Thanh Phong con thứ chín của Đức Ngô dời nhà về Tây Ninh ở gần Mít Một. Chính đồng Đạo Ngô Thanh Phong tặng soạn giả bức hình của Đức Ngô khi nhận thờ Thiên Nhãn. [2]

2. Vụ Đức Cao Thượng Phẩm xảy ra vì sự hiểu lầm của một vài Tín hữu. [3]

Trong khi đó Đức Hộ Pháp phải tịnh pháp ở Thủ Đức. "Cho đến bảy tháng, lúc xuống ở Thủ Đức, năm thiên hạ bị bệnh chướng, khi không khởi phù mình rồi chết, nhứt là ở Thủ Đức lắm bịnh nhân quá chừng. Đức Chí Tôn bảo xuống Thủ Đức cứu bệnh cho họ trong bảy tháng, xuống ở Thánh Thất của Đạo. Nhờ Đức Lý giáng dạy với ngòi bút, trọn bảy tháng trường mới biết Đạo. Cái hay ho hơn hết là những gì Ngài dạy trong Cơ bút là những sở hành trong kiếp sanh của Bần Đạo".[4]

Người gây bệnh khổ cho Đức Cao Thượng Phẩm là Nguyễn Phát Trước. Một tay "anh chị" ở vùng Sài Gòn-Chợ Lớn được Đức Quyền Giáo Tông độ vào Đạo, nên Tư Mắt (tức Nguyễn Phát Trước) chỉ có Ngài Lê Văn Trung nói mới nghe.

Tư Mắt làm chức gì trong Đạo (?) xưa nay ít ai để ý điều này. Trong đàn Cơ ngày 26-10-Bính Dần, ông Trần Văn Tạ được phong Hộ Đàn Pháp Quân (coi trong đàn lễ), và Nguyễn Phát Trước được phong Chưởng Nghiêm Pháp Quân (coi bên ngoài đàn lễ). [5]

1-Tiểu Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, Sài Gòn, 1962

2-Hình này từ trước đến nay chưa được công bố.

3-Xem Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, cùng người viết.

4-Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm 17-8-Quí Tỵ (năm 1953)

5-Theo Nguyễn Hương Hiếu,"Đạo Sử", Q. II, trang 12


ĐỨC HỘ PHÁP VÀ CÁC VỊ THỜI QUÂN CÚNG ĐẠI ĐÀN


Ảnh: Ngọc Cơ/ The Corbaille-à-bec


HỘ PHÁP- TIẾP PHÁP- THÁI BỘ- THƯỢNG SANG
HƯƠNG LỰ- HƯƠNG HIẾU- KHAI ĐẠO

Theo Đạo Sử quyển II, nơi trang 55 ghi:

"Mắt! Thầy dặn con cứ nghe lời Thầy. . . Còn sắc phục, con phải mặc áo nịt một sợi dây lưng ba màu: vàng, xanh, đỏ; có chữ ngay giữa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và một cây Trượng, trên có lá cờ cũng đề như vậy. Bộ y phục như của Tạ, nghe à!"

Nên biết lầu nhà Tư Mắt hiến làm Thánh Thất, sau thành Trước Lý Minh Đài. Chính nơi đây khai sanh quyển Đại Thừa Chơn Giáo, nội giáo tâm truyền của phái Chiêu Minh. Dù ở Thủ Đức, khi hay tin Đức Cao Thượng Phẩm bệnh nặng, Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh ngay. Trước khi lâm chung, Đức Thượng Phẩm chỉ mời Đức Hộ Pháp đến dặn dò thì đủ hiểu tình của Đức Hộ Pháp đối với Đức Cao Thượng Phẩm là thân ái nhường nào!

3. Vụ Đức Quyền Giáo Tông tuy có sơ xuất một vài nguyên tắc hành chánh, nhưng Đức Ngài cũng đưa ông Diệp Văn Kỳ đến bênh vực cho biết phiên họp đó ông Nguyễn Phan Long ngồi ghế Nghị Trưởng không hợp với lẽ Đạo.

Ba vụ trên chứng tỏ được nghĩa khí của Ngài là thế nào đối với người đồng hành. Chưa kể khi Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu bỏ Bến Tre trở về Tòa Thánh; lúc qui vị, Đức Ngài cho hành đại lễ liệm trong Liên đài và táng trước Đại Đồng Xã.

Vào ngày lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông (ngày 8 tháng 11 năm 1935), đồng thời cũng là Đại Hội Đồng gồm tất cả Nhơn Sanh và Hội Thánh nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh vào ba ngày 8, 9, 10 tháng 11 năm 1935, có hàng vạn Tín đồ các nơi về tham dự.

Toàn Đại Hội đã đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị.[1]

Tờ của Hội Nhơn Sanh đã biểu quyết như vầy:

"Nghị viên nam nữ Hội Nhơn Sanh nhóm Đại Hội thường niên tại Tòa Thánh ngày 17-10-Ất Hợi, đồng lòng bỏ thăm tín nhiệm chánh sách độc tài của Đức Hộ Pháp và xin đem hết tâm trí

1-Sài Gòn ngày 8-11-1935.

giúp Ngài đạt thành sở vọng, đưa cả chúng sanh đi tận trên con đường Thánh Đức của Đức Chí Tôn. Thảng như phải dụng hết khổ tâm để làm màu cho Thiên thơ thì chúng tôi cũng đều vui lòng hiến thân cho nên chánh giáo, đặng Hội Thánh cầm giữ quyền hành và nhặc giữ pháp luật".

Và tờ của Hội Thánh như vầy:
"Nghị viên nam nữ Hội Thánh nhóm Đại Hội bất thường tại Tòa Thánh ngày 18-10-Ất Hợi, sau khi Đức Hộ Pháp giải bày về tình hình hiện thời của Đạo, đồng thời bỏ thăm tín nhiệm chánh sách độc tài của Ngài, hầu vùa giúp Ngài có đủ quyền hành giữ nghiêm pháp luật Đạo".

Thế là từ đó về sau, Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng để lo xây dựng Chánh Pháp và Đạo sự đặng bảo tồn chơn truyền, dìu dắt con cái Đức Chí Tôn trên đường Thánh Đức.

Đức Lý Giáo Tông giáng cho bài thi quán thủ:

HỘ giá Chí Tôn trước tới giờ,
PHÁP luân thường chuyển máy Thiên cơ.
CHƯỞNG quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
QUẢN xuất Càn Khôn định cõi bờ.
NHỊ kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
HỮU duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
HÌNH hài Thánh Thể chừ nên tướng,
ĐÀI trọng hồng ân gắng cậy nhờ.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn G. Gobron cũng viết "Sa Sainteté Phạm Công Tắc fut proclamé Supérieur du Caodaisme par le Conseil Populaire et par le Conseil Sacerdotal en remplacement du feu Pape intérimaire M. Lê Văn Trung désincarné en 1934" [1].

Lục Nương Diêu Trì Cung giáng Cơ bày giải việc này như sau: "Em đặng tin lành: Ngọc Hư lo chung giữ Pháp. Cả thiên thơ hủy phá, sửa cải Pháp chơn truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết. Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ vô cùng,

---

1-G. Gobron, Histore et Philosophie du Caodaisme - Paris, Dervis, 1949, trang 85.

ngâm bài:

Vú mẹ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vuông tròn.
Quyền cao Ngự Mã đà vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lợt điểm Thánh tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bợn thế nét dò đon.
Thà xưa ví bẵng nay gìn vậy,
Lòng mẹ ngại ngùng, con hỡi con!

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, các Đấng cho biết: Thiên Thơ cải sửa, để cho Đức Phạm Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài vì Cửu Trùng Đài bất lực.

Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.
Cửu Trùng không kế an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Thành Pháp dìu đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đấy về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì.

Ngày 18-10-Ất Hợi (13-11-1935), Đức Lý giáng Cơ tại Giáo Tông Đường, có đoạn viết:

"Thảng như Lão có muốn làm nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chi đặng với một Hội Thánh hữu hư vô thực như vậy. May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi dời đổi trở ngăn. Từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

"Hộ Pháp bạch: Đệ tử xin giao quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ tài cầm Thiên thơ chặt.

"Cười, Lão cho, không lẽ lấy lại, hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó. Cứ để y.

Nghe thi này và kiếm hiểu.

"Bát Nhã từ đây vững lái thuyền,
Tuông pha khổ hải độ nhơn duyên.

Gay chèo thoát khổ đầy linh cảm,
Rạch nước trừ oan đủ diệu huyền.
Thổi thẳng cánh buồm thì Lão thủ,
Nâng an lòng bảng cậy Thần Tiên.
Phong ba mấy độ đà qua khỏi,
Ném thử Gián Ma đóng Cửu Tuyền".

Ngày 1-12-Quý Tỵ, Đức Lý giáng Cơ cho biết:

"Hiền hữu có nghĩ tại sao Lão phải ban quyền Giáo Tông cho Hiền hữu đặng trọn quyền Chí Tôn hữu hình tại thế chăng?
"Do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão quá chấp nệ phàm tánh, không dung thứ tội cho con cái của Người, nên giao cho Hiền hữu là bạn đồng sanh biết đau đớn, khổ cực với mảnh thi phàm mà rộng dung cho họ.
"Quyền Chí Tôn trong tay Hiền hữu thì cứ tự dụng đặng định vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng can thiệp vào đó".

Tổ chức Đạo Cao Đài quá phân quyền, đó là một điều hay nếu trình độ trí thức của toàn Đạo cao, và mỗi người biết chịu lấy phần trách nhiệm của mình. Nếu không được vậy guồng máy trở nên nặng nề và khó mà đối phó với tình thế dầu sôi lửa bỏng về tình hình trong nước cũng như quốc tế.

Trong bối cảnh lịch sử như thế, quyết định của Hội Thánh và Hội Nhơn Sanh là một quyết định thức thời. Nhờ tập trung quyền hành trong tay mà Đức Hộ Pháp đã lái con thuyền Đạo khỏi bao cơn phong ba bão tố.

Không những Chính phủ Pháp làm khó dễ, mà chính triều đình Huế cũng cấm truyền Đạo: "Bảo Đại tự nhiên cấm bất đắc truyền giáo Trung Kỳ". Chức sắc nào được bổ ra Trung đều bị bắt phóng trục về Nam.

Trong khoảng thời gian này khó khăn nhất cho nền Đạo, bên trong thì chia rẽ Chi phái lũng đoạn tuyên truyền xuyên tạc bôi bẩn các Chức sắc và Hội Thánh. Bên ngoài thì người Pháp hạn chế việc truyền giáo, bí mật lồng người vào Đạo để theo dõi và tìm tài liệu và phóng đại gởi về Chính quốc báo cáo để diệt

Đạo.

II. CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI CẤP DƯỚI

Vì thế, các Chức sắc cao cấp bị Mật thám theo dõi. Hầu hết Thập Nhị Thời Quân rời Tòa Thánh về quê. Không thể để bộ phận Pháp Chánh bị trống vắng, nên Đức Phạm Hộ Pháp cầu xin các Đấng cho thành lập các Chức sắc Hiệp Thiên Đài cấp dưới Thời Quân.

Ngày 16-02-Ất Hợi (20-3-1935), đàn Cơ tại Tòa Thánh Đức Chưởng Đạo dạy như sau:

"Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ou Victor Hugo

Cười...khi nảy có Thượng Phẩm và Quyền Giáo Tông nơi đây, song hai vị mới hộ tiễn Nữ phái...Cười...Quí hóa dữ ha!

Thưa Hộ Pháp, Bần Đạo để lời chia vui cùng Ngài, hôm qua nhờ có Thánh Chỉ Chí Tôn, nên mới đặng rộng đường xuất Thánh...Bần Đạo có để lời trân trọng cầu thưởng cho Học Tu nên mới đặng cao phong phẩm giá.

Cười...Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba Pháp, Đạo, Thế thì sự hiểu biết của Bần Đạo như vầy:

Sĩ Tải là Sécrétaire Archiviste.
Lên phẩm Truyền Trạng là Greffier.
Rồi lên phẩm Thừa Sử là Commissaire de la Justice.
Lên phẩm Cải Trạng là Avocat.
Lên phẩm Chưởng Ấn là Chancelier.

Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên địa vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng Chưởng Ấn phải lên địa vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mà đắc phong phổ thông đặng một nước rồi mới vào Chánh vị".[1]

Ngoài ra, còn thêm phẩm Luật Sự dưới cấp Sĩ Tải được thành lập bởi Sắc lệnh của Đức Phạm Hộ Pháp số 34/SL ngày 23-5-Bính Tý (11-7-1936). Phẩm này do khoa mục tuyển chọn. Theo Sắc Lịnh 34 ký ngày 23-5-Bính Tý (11-7-1936) của Đức Phạm

1-Hương Hiếu, "Đạo Sử II", trang 318.

Hộ Pháp, ngoài các thí sinh có bằng cấp ra, các Chức việc sau đây cũng được dự thi: "Bần Đạo mở khoa mục, tuyển chọn hàng Luật Sự trong Chức việc nam nữ kể ra sau đây:

1. Chánh Trị Sự nam nữ đặng dự thi, khi đã hành Đạo trên ba năm.
2. Thông Sự nam nữ đặng dự thi, khi đã hành Đạo trên năm năm.
3. Tín đồ nam nữ giữ Luật pháp và trọn trung, trọn nghĩa cùng Đạo từ buổi ban sơ.

Chức Luật Sự Hiệp Thiên Đài trấn nhậm một họ Đạo, làm đầu Chánh Trị Sự và Thông Sự về mặt Luật pháp nhưng tùng quyền Sĩ Tải và không được xử đoán".

Theo quyển "Nền Chánh Trị Đạo" của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa soạn dưới sự chỉ đạo của Đức Hộ Pháp, nơi trang 61 viết như sau:

"Chức sắc Hiệp Thiên Đài ngoài Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân, còn có Thập Nhị Bảo Quân là: Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Văn Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Sĩ Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân, Bảo Thương Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Học Quân, Bảo Y Quân, Bảo Cô Quân".

III. QUI ĐỊNH VỀ LỄ SĨ, GIÁO NHI VÀ BỘ NHẠC

Trong thời gian kiêm mhiệm Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Ngài chăm lo mọi mặt không những cho Chức sắc, Chức việc mà còn ưu ái mọi nhân viên công quả.

Dưới đây là Sắc Lịnh 51/SL về Lễ Sĩ và Giáo Nhi và Thánh Lịnh 25 về Bộ Nhạc.

SẮC LỊNH
Số 51/SL

Nghĩ vì Tân Kinh là Kinh Tận độ đã ra nên cần nhất phải có Lễ

Sĩ, Giáo Nhi dạy mấy em Đồng nhi rỗi phần linh hồn cho con cái Đức Chí Tôn khắp cả các nơi mà phướn Đạo đã đủ huyền vi che chở;
Nghĩ vì Hội Thánh mong mỏi mở rộng con đường Thánh Đức cho đoàn hậu tấn bước vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn đặng lập vị;
Nghĩ vì các em Đồng Nhi từ 11 năm mở Đạo đến nay trưởng thành, nên buộc Hội Thánh định phần phong thưởng công nghiệp, nên:

Sắc Lịnh

Từ đây mở Khoa Mục các năm cho LỄ SĨ và GIÁO NHI thi cử.

Lễ Sĩ: Thì mặt Kinh luật của Đạo về phần QUAN HÔN TANG TẾ, nhứt là Lễ Nhạc. Buộc Lễ Sĩ cho biết một món đờn trong mấy món Tam, Tiêu, Tranh, Đản, Kìm, Tỳ, Cò, Độc.

Giáo Nhi: Phải thuộc lòng TÂN KINH và cũng phải thuộc một món âm nhạc như Lễ Sĩ. Những đồng nhi nam nữ có đủ giấy chứng của Tòa Thánh, lớn hơn hai mươi bốn tuổi mới đặng thi Lễ Sĩ và Giáo Nhi và phải biết viết, biết đọc chữ quốc ngữ.

Mỗi năm mở khoa thi ngày 15-10 tại Tòa Thánh. Hội Thánh chia ra hai thứ Lễ Sĩ và Giáo Nhi.

1. Thi đậu Lễ Sĩ và Giáo Nhi hiến thân trọn đời cho Hội Thánh, nhứt là Giáo Nhi đã tuyên thệ thủ trinh hành Đạo, thì sẽ đặng thuyên bổ hành chánh trong các Thánh Thất, bất cứ nơi nào kể năm năm công nghiệp, thì thăng vị khỏi cầu phong.

Lại nữa, Lễ Sĩ và Giáo Nhi nầy trên quyền Chánh Trị Sự và dưới quyền Lễ Sanh, nhưng về mặt Lễ Nhạc Quan, Hôn, Tang, Tế mà thôi, chớ không đặng dự về mặt Chánh trị hay là mặt Luật pháp của Tòa Đạo.

2. Là hàng Lễ Sĩ và Giáo Nhi còn ở lại gia đình, nhứt là Giáo Nhi có chồng con, theo thế không đặng vào Thánh Thất nào mà hành sự hết, duy hành sự nơi xóm làng mình mà thôi, lại buộc mỗi năm phải dạy ít nữa là trên 36 Đồng Nhi, Lễ Sĩ thì dạy nam, còn Giáo Nhi thì dạy nữ, chớ không đặng dạy lộn xộn

nam nữ chung nhau.

Cấm nhặt Lễ Sĩ không đặng dạy Đồng Nhi nữ. Nếu mỗi năm một Chức sắc, Chức việc sở tại nói rằng dạy thiếu, không đi hành Đạo thì ngưng chức liền.

Hội Thánh không cần minh tra lại nữa, hạng này tùng quyền Chánh Trị Sự về Quan, Hôn, Tang, Tế mà thôi, chớ không đặng dự vào Chánh trị và Luật pháp Tòa Đạo, tám năm công nghiệp đổ lên mới đặng cầu phong vào hàng Lễ Sanh, nhưng do nơi tờ yêu cầu của Chức sắc và Chức việc sở tại mới đặng.

Lễ Sĩ ăn mặc: như Lễ Sanh nam phái, nhưng trên mảo ngang trán có tam sắc Đạo và Cổ Pháp của Giáo Tông là: Thư Hùng Kiếm, Long Tu Phiến và cây Phất Chủ thêu trên.

Giáo Nhi ăn mặc: Đại Phục như Lễ Sanh Nữ phái, nhưng không đặng vắt bông sen trên đầu tóc, còn tiểu phục cũng vậy, nhưng trước ngực có choàng một tấm choàng đen.

Kiểu y phục này do nơi sở may Linh Đức may cho các Lễ Sĩ và Giáo Nhi đương thời hành Đạo trong Hội Thánh và có lời yêu cầu công nhận chánh thể rồi.

Hội Thánh cấm nhặt không ai đặng xưng danh Lễ Sĩ và Giáo Nhi nếu không có khoa mục cấp bằng của Toà Thánh ban cho đủ lẽ.

Khai Pháp, Tiếp Đạo, Tiếp Thế Hiệp Thiên Đài, Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư, Nữ Chánh Phối Sư và Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo nên tùy phận sự thi hành Thánh Lịnh này.

Lập tại Tòa Thánh, ngày mồng 9 tháng 11 Bính Tý.
(22 Décembre 1936)

HỘ PHÁP
Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
(Ấn ký)

THÁNH LỊNH
Số 25/TL

HỘ PHÁP
Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,
Chiếu y Đạo Luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) giao quyền thống nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị,
Chiếu y Sắc Lịnh số 51 ngày mùng 9 tháng 11 Bính Tý (22-12-1936) định phần và phong thưởng cho Lễ Sĩ và Giáo Nhi đầy đủ năm năm công nghiệp,
Nghĩ vì Ban Lễ đã định phận thì Bộ Nhạc cũng được hưởng đặc ân của Hội Thánh đặng tiến bước lập vị, nên:

THÁNH LỊNH

Điều thứ nhứt: Trong Bộ Nhạc của Tòa Thánh có chín phẩm ân phong như sau đây:

1- Nhạc Sĩ
2- Bếp Nhạc
3- Cai Nhạc
4- Đội Nhạc
5- Quản Nhạc
6- Lãnh Nhạc
7- Đề Nhạc
8- Đốc Nhạc
9- Nhạc Sư

Điều thứ hai: Bộ Nhạc chuyên chú về tài năng nghệ thuật thì từ hạ phẩm dẫn thượng phẩm mỗi cấp có khoa mục đặng tuyển chọn danh nhơn để điều khiển nội ban.

Trong mỗi kỳ khoa mục, vị nào ứng thi thì xin thi và mỗi khi thi đậu, mỗi lần được thăng phẩm, nhưng không được xin ứng

thi vượt bực.

Điều thứ ba: Nếu thi rớt thì không đủ tài, phải ở lại phẩm cũ cho đủ năm năm công nghiệp mới được cầu ân phong.
Phần Nhạc Sư đủ năm năm công nghiệp thì thăng lên Phối Sư hay là Tiếp Lễ Nhạc Quân, nếu có khuyết.

Điều thứ tư: Chín phẩm trong Bộ Nhạc đối với chín phẩm của Hiệp Thiên Đài hay bậc phẩm khác của Cửu Trùng Đài và Phước Thiện như sau nầy. (Xem Bảng Đối Phẩm).

Điều thứ năm: Chư vị Bảo Thế Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư Thượng Thống Lại Viện, Đạo Nhơn Chưởng Quản Phước Thiện, Nhạc Sư Bộ Nhạc, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lịnh này.

Tòa Thánh, ngày 29 tháng 3 Tân Mão.
(DL 4-5-1951)
HỘ PHÁP
(Ấn ký)

IV. KINH THIÊN ĐẠO, THẾ ĐẠO

Dù hoàn cảnh khó khăn, Đức Ngài cũng cố lướt qua và hằng tâm cầu xin các Đấng ban cho Kinh Tận Độ. Từ 23 tháng 7 đến mồng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 đến 31 tháng 8 năm 1935), các Đấng mới giáng cho Tân Kinh. Phần Kinh Thiên Đạo thì do Đức Ngài và Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trong phò loan, trong đó có Kinh Di Lặc Đức Thích Ca giáng cho đặc sắc nhất. Phần Kinh Thế Đạo thì do Đức Ngài và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh phò loan.

Sau đó Ngài đi Kiêm Biên để được Kinh Phật Mẫu. Đức Ngài cho biết:

"Kinh Phật Mẫu cho tại Kiêm Biên Tông Đạo (Cao Miên quốc), nơi Báo Ân Đường của Thừa Sử Huỳnh Hữu Lợi. Lúc chưa có Kinh này, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu giáng Cơ tại Hiệp Thiên Đài, khai Đạo Cao Đài. Nhờ thi phú văn từ của Cửu Vị





Đức Hộ Pháp Xếp Hàng Vào Cúng Đại Đàn

Tiên Nương cho biết nguyên do Đạo khai.

"Tại Kiêm Biên chư Chức sắc, Hội Thánh Ngoại Giáo cầu xin Kinh Phật Mẫu. Khiến khi đó, Bần Đạo đến nhằm lúc cúng vía, Bát Nương đến cầm Cơ viết, chính mình Bần Đạo phò loan nơi Đại điện.

BẢNG ĐỐI PHẨM (Thánh Lịnh số 25/TL ngày 29-3 Tân Mão (DL. 4-5-1951)			
BỘ NHẠC	**HIỆP THIÊN ĐÀI**	**CỬU TRÙNG ĐÀI**	**PHƯỚC THIỆN**
Nhạc Sĩ	Luật Sự	Chánh Trị Sự	Hành Thiện
Bếp Nhạc Cai Nhạc	Sĩ Tải	Lễ Sanh	Giáo Thiện
Đội Nhạc Quản Nhạc Lãnh Nhạc	Truyền Trạng Thừa Sử Giám Đạo	Giáo Hữu	Chí Thiện
Đề Nhạc Đốc Nhạc	Cải Trạng	Giáo Sư	Đạo Nhơn
Nhạc Sư	Chưởng Ấn	Giáo Sư	Chơn Nhơn
Tiếp Lễ Nhạc Quân	Tiếp Dẫn Đạo Nhơn	Phối Sư *hay* Chánh Phối Sư	Hiền Nhơn Thánh Nhơn
	THẬP NHỊ THỜI QUÂN	**ĐẦU SƯ**	**TIÊN TỬ**

"Trong lúc giáng Cơ, có nhiều Đạo hữu và một người chưa biết Đạo là gì (tức ông Hiếu kêu Bần Đạo bằng chú) ngồi trước sân

chơi, thấy trước Báo Ân Đường đều có hào quang giáng hạ.

"Tới chừng cho trọn bài Kinh rồi, trong nhà mới hay có huyền diệu Thiêng Liêng, thì bổn Kinh này thiệt là Kinh Đức Diêu Trì Kim Mẫu". [1]

Khi ban hành Kinh Thiên Đạo, Thế Đạo [2], Hội Thánh có đề tựa như sau: (theo bản in đầu tiên 1936):

"Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giáng Cơ truyền cho Phật Giáo: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song Kinh Tận Độ vong linh chưa hề giáng Cơ cho nơi nào cả".

Bản Kinh đầu tiên in năm 1928 tại Chợ Lớn có nhan đề là Tứ Thời Nhật Tụng Kinh do nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt phụng soạn và ban hành chỉ có các Kinh chính như: Kinh Ngọc Hoàng và Kinh Tam Giáo mà thôi.

Bài tựa viết tiếp:

"Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp trót mười năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo đã nhiều phen dâng sớ lên Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng đặng xin Kinh Tận Độ nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn chúng sanh.

"Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 au 31 Aout 1935) mới giáng cho Tân Kinh".

Vậy Kinh Lễ gồm hai phần: Kinh Thiên Đạo (tức Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh) và Kinh Thế Đạo (tức Kinh Tận Độ). Đó là cuốn Kinh căn bản nhất của Đạo Cao Đài.

Để trọn nghĩa câu "Tận độ chúng sanh", Đức Phạm Hộ Pháp ra lệnh cho Thập Nhị Thời Quân làm thuyền Bát Nhã theo Thánh giáo Đức Chí Tôn:

Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng tợ kim.

1-Đức Hộ Pháp thuyết Đạo trên Cửu Long Đài ngày 15 tháng 8 năm Đinh Hợi.
2-Còn gọi là Kinh Lễ, bản in ở Paris, 1952.

Có Đạo trăm muôn ngồi cũng đủ,
Vô duyên một đứa cũng là chìm.

Mục đích của thuyền Bát Nhã được Bà Bát Nương giải thích:

Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã,
Phước Từ Bi giải quả trừ căn.
Huờn hồn chuyển đọa vi thăng,
Cửu Tiên hồi phục Kim Bàn chưởng âm.

Đức Di Lạc là vị chủ quyền kêu gọi 92 ức Nguyên nhân thức tỉnh theo Đạo Cao Đài để sớm được Thuyền Bát Nhã đưa về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Nên biết, đời Thượng Ngươn có 100 ức Nguyên nhân xuống trần để độ rỗi chúng sanh nhưng bị mùi trần hãm sát. Phật Tổ chỉ độ được 06 ức, Lão Tử độ được 02 ức, còn lại 92 ức giao cho Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Chí Tôn mới hạ lệnh "Đại Ân Xá" và "Tận độ Chúng sanh" là vậy.

Trong ngày khánh thành Thuyền Bát Nhã (1935), ông Trần Khai Pháp và ông Bảo Văn Pháp Quân có làm tuồng "Chèo thuyền". Ông cho biết ý nghĩa như sau: Các nhân vật trong buổi tối chèo thuyền là:

Tổng Lái là chơn linh Hắc Sát Tinh, tượng trưng cho Bát Quái Đài.

Tổng Mũi là chơn linh Bạch Hổ Tinh, tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.

Tổng Thương là chơn linh Huỳnh Long Tinh tượng trưng cho Cửu Trùng Đài.

Tổng Khậu tượng trưng cho nhơn sanh, buồn vui lẫn lộn.

12 Bá trạo tượng trưng cho 12 con giáp.

Còn ông Nguyễn Bảo Pháp thì đề câu đối trước thuyền là:[1]

"Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh huờn tại thổ,
Thiên niên tự hữu, linh hồn Thiên tứ phản hồi Thiên".

1-Hai câu đối nầy gốc do Ngài Bảo Pháp soạn được Đức Lý chỉnh sửa lại (theo tu chỉnh của tác giả).

V. LỜI CẢNH CÁO KHÔNG CẦN THIẾT

Trước sức bành trướng và lớn mạnh của Đạo Cao Đài, Chánh quyền Pháp sợ Đạo trở thành một phong trào ái quốc, sẽ gây khó khăn cho họ. Họ tìm đủ mọi cách để ly gián làm cho người Đạo nghi kỵ lẫn nhau mà chia rẽ. Từ năm 1931, ông Nguyễn Văn Ca tách khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập Đạo ở Cầu Vỹ (Mỹ Tho), rồi ông Nguyễn Ngọc Tương về Bến Tre lập Ban Chỉnh Đạo; đến năm 1940 thì đủ 12 Chi phái.

Trong tình trạng các nhà hướng Đạo ý hướng bất nhất, Ngài Thượng Sanh tập hợp đa số Thập Nhị Thời Quân để chấn chỉnh và thống nhất lại nền Đạo.

Ngày 16-11-1937, Ngài Thượng Sanh đứng đầu Danh sách ra Tờ Kỉnh Cáo như sau:

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Hiệp Thiên Đài

KỈNH CÁO

"Hiện thời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã sai biệt với Chơn Truyền, bất đồng tín ngưỡng, mất trật tự tôn ti, kém tinh thần liên lạc. Điều ấy dù không giải rõ tưởng chư Đạo hữu cũng chán biết.

"Đem chúng sanh trở về Chánh Giáo, nối chặt dây thân ái đặng cùng chung một tín ngưỡng chơn chánh, một Tôn chỉ Bác Ái, Từ Bi, đó là trách nhiệm hiện thời của Chức sắc Hiệp Thiên Đài do theo mạng lịnh Đức Lý Đại Tiên, Nhứt Trấn Oai Nghiêm ngày 22 Aout 1937.

"Không thái quá mà cũng không bất cập, Chức sắc Hiệp Thiên Đài sẽ cẩn thận từ ly từ bước một trong việc hành Đạo, nguyện đem hết dạ vô tư chí thành liêm khiết đặng bảo thủ Chơn Truyền và nêu cao danh thể Chí Tôn nơi cõi Việt.

"Ngày 2 Novembre 1937, Chức sắc Hiệp Thiên Đài vì muốn giữ trọn nghĩa vụ Chức sắc đối với ông Hộ Pháp Phạm Công

Tắc nơi Tòa Thánh Tây Ninh, nên lần cuối cùng có gửi cho Người một bức thơ. Ông Phạm Công Tắc không lấy chánh danh mình trả lời lại mà để cho một kẻ khác đứng tên trả lời.

"Vậy chiếu theo điều lệ thứ ba trong Hiến Pháp và Nội Luật Hiệp Thiên Đài lập tại Tòa Thánh ngày 21 Mars 1932, Chức sắc Hiệp Thiên Đài không nhìn nhận Ông Phạm Công Tắc là Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài nữa.

Phú Nhuận ngày 18 Novembre 1937
HIỆP THIÊN ĐÀI
Thượng Sanh
Cao Hoài Sang

Hầu hết Thập Nhị Thời Quân đều ký tên vào Tờ Kỉnh Cáo này, trừ có bào huynh của Ngài Cao Thượng Sanh là Tiếp Đạo Cao Đức Trọng và Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

Thật ra, Điều thứ ba Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài ghi như vầy:

"Nếu Hộ Pháp chuyên quyền không do theo phần đông thì phần đông ấy đặng phép không tuân lịnh của Hộ Pháp và công bố cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài biết đặng đợi ngày cầu xin Đức Chí Tôn phán xét".

Đầu xuân năm 1970, tác giả có đến Giáo Tông Đường nơi Ngài Cao Thượng Sanh làm việc để tỏ về việc viết Tiểu sử của Ngài. Ngài rất từ tốn không nói gì nhiều, chỉ cho tôi một ít bài mà trong buổi đầu học Đạo Ngài đã xây bàn với Ngài Bảo Văn Pháp Quân, vì các sách trong Đạo hiện chưa có những bài này[1].

Trong suốt quá trình công phu, công quả, Ngài tùy cho nhơn sanh định lượng, Ngài chỉ nhấn mạnh về Tờ Kỉnh Cáo năm 1937 mà Ngài cho là bị nhiều người trích điểm nhất, nhưng chẳng bao giờ Ngài chính thức biện hộ cho mình, mà để cho công luận và lịch sử soi xét.

Ngài nói:

"Ai có sống trong những ngày nền Đạo suy vi chia rẽ thì mới thấy những nỗi khổ tâm, lo lắng của những người có sứ mạng

1-Xem "Thượng Sanh Cao Hoài Sang" cùng người viết.

lúc bấy giờ. Bao nhiêu Thánh Thất đều thuộc về ông Tương. Các vị Thời Quân thì bấp bênh trước lời kêu gọi của ông Tương đang thiếu có một bộ phận của Hiệp Thiên Đài, chư Đạo hữu chẳng biết ngã về đâu?

Tờ Kỉnh Cáo có tác dụng trấn an các vị Thời Quân và chư Đạo hữu từ vùng Sài gòn trở xuống Hậu Giang. Chư Đạo hữu muốn hỏi điều chi về việc Đạo xin do nơi văn phòng tạm thời ở Từ Vân Tự, Phú Nhuận, Gia Định".

Câu này hàm ý nhằm ngăn chặn không để một ai ngã về Chi phái. Theo Ngài, con đường nào rồi cũng về Tòa Thánh Tây Ninh.

Thật vậy, ngày 7-11-1930, ngày lễ Khai Đạo tại Bến Tre, ông Nguyễn Ngọc Tương có mời Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân đảm nhiệm Cơ quan Hiệp Thiên Đài. Ngài Thượng Sanh và Thập Nhị Thời Quân không ai đến Bến Tre dự lễ cả, nhưng Ngài chỉ gởi Chương Trình hành Đạo, coi như một lời cảnh cáo, một lời khuyên bảo đạo đức, chớ không phải khế ước hợp tác, vì Ngài không có đến dự hội.

Đó chỉ là tấm lòng ưu tư vì nền Đạo phân chia của Đức Cao Thượng Sanh và các vị Thời Quân. Thật ra, sau đó, Thập Nhị Thời Quân đều về Tòa Thánh và làm việc hòa thuận với Đức Phạm Hộ Pháp.

VI. PHÁP ĐÀN ÁP ĐẠO

Vào trung tuần tháng 8 năm 1936, Đức Hộ Pháp nhân danh Hội Thánh Tây Ninh xin phép khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng. Chỉ còn ba ngày tới lễ mới được lệnh Thống Đốc Nam Kỳ là Pagès ra lịnh cấm khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng.

Đức Hộ Pháp cử ban đại diện xuống Sài gòn gặp Thống Đốc Pagès, đồng thời cho người hỏi ý kiến Luật sư Trịnh Đình Thảo. Luật sư Thảo là người có cảm tình và từng biện hộ binh vực cho Đạo Cao Đài, ông đồng ý đánh điện cho Georges Mandel, Tổng Trưởng Bộ Thuộc Địa biết. Bộ Thuộc Địa trả lời:

"Tôi đã ra lịnh để cho Đạo Cao Đài được tự do khánh thành Thánh Thất Trảng Bàng và được tự do tín ngưỡng. Nếu có xảy ra việc gì xin ông lập tức báo tin cho tôi hay". Ký tên G. Mandel.[1]

Trước khi đánh điện cho Trịnh Đình Thảo, ông Mandel chỉ thị cho Toàn Quyền Đông Dương Robin (1934-1936) để ngăn chặn sự tấn công bất thường của Thống Đốc Nam Kỳ. Ông Pagès căm tức ra lệnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tăng cường binh lính vây quanh Thánh Thất Trảng Bàng. Hội Thánh không dám khánh thành. Luật sư Trịnh Đình Thảo phải viết một lá đơn chịu hết trách nhiệm, nhà cầm quyền mới cho làm lễ. Ba chục vạn Tín đồ khắp nơi đổ về Thánh Thất Trảng Bàng. Lễ Khánh thành kết quả tốt đẹp đem lại uy tín lớn cho Hội Thánh Cao Đài nhất là Đức Hộ Pháp.

Thống Đốc Pagès quyết hạ uy tín của Đức Ngài bằng cách mời Ngài xuống dinh Thống Đốc hội kiến. Đức Hộ Pháp và 3 Chức sắc Cửu Trùng Đài đều mặc Đạo phục. Phái đoàn đến dinh lúc 9 giờ sáng mà đến 12 giờ trưa Pagès mới chịu tiếp kiến. Pagès bắt lỗi Đức Hộ Pháp sao ăn mặc "dị kỳ" đến hầu ông.

Đức Hộ Pháp trả lời:
- Chúng tôi mặc sắc phục theo Đạo chúng tôi.

Pagès nổi nóng la lớn:
- Tôi không muốn các ông ăn mặc như hát bội.

Tay đập bàn ông nói tiếp:
- Tôi có thể bỏ tù các ông, hiểu không?

Đức Hộ Pháp nhẹ nhàng đáp:

- Thưa Thống Đốc, nếu phải bị giam, Bần Đạo sẵn sàng vào tù. Lịch sử từng có nhiều người tu hành bị ngược đãi là sự thường. Bần Đạo sẽ là một nạn nhân chớ không sao.[2]

Pagès giận quá đuổi Đức Hộ Pháp và ba vị Chức sắc ra ngoài. Trong lòng Pagès quyết bỏ tù công dân Phạm Công Tắc mà

1-Nguyễn Kỳ Nam, Hồi Ký 1925-1964, Tập II, trang 102.
2-Nguyễn Kỳ Nam, sách đã dẫn, trang 103.

không bị mang tiếng là đàn áp Đạo Cao Đài nên phải chờ dịp.

Đức Hộ Pháp phải chịu đựng trải qua gian khổ của 6 đời Toàn Quyền sau đây: Alexandre Varenne (1925-1928), Pierre Pasquier (1928-1934), Robin (1934-1936), Brévié (1936-1939), Catroux (1939-1940), Decoux (1940-1945) không viên Toàn Quyền nào bỏ lơ việc theo dõi và đàn áp Đạo Cao Đài.

Tháng 11 năm 1937, Tổng Thống Pháp cử Chủ tịch Ủy ban Điều Tra các thuộc địa hải ngoại (Le Président de la Commission d'enquête dans les Territoires d'Outre-Mer) sang Việt Nam, Đức Hộ Pháp phải làm bản Phúc trình nói rõ mọi chi tiết va chạm giữa Đạo Cao Đài và các tôn giáo khác và sự hiểu lầm giữa nhà cầm quyền và Đạo Cao Đài.

Xin lược dịch Tờ Phúc Trình (Rapport) như sau: [1]

TỜ PHÚC TRÌNH
HỘI THÁNH CAO ĐÀI

Kính gởi:
Chủ Tịch Ủy Ban Điều Tra Các Thuộc Địa Hải Ngoại.

Qua lời chất vấn, Hội Thánh Cao Đài xin cáo lỗi ông và chấp nhận bỏ một số điều để hợp với tự do tư tưởng. Mong quí ông nhận cho rằng một Tôn Giáo nào được thành lập mà lại không coi trọng tín ngưỡng.

Để binh vực Đạo, chúng tôi mạn phép nhắc đến những nhân vật mà giá trị tinh thần đã được khẳng định như Allan Kardec, Léon Denis đều tin tưởng những điều bí ẩn của cõi Hư Vô...

Lẽ phải ở đâu khi những kẻ tiểu nhân sống sang trọng vinh hiển còn người quân tử phải chịu khổ não truân chuyên; tưởng rằng sẽ có sự công bằng bồi thường ở kiếp khác hay phải quả báo tiền khiên?

Chúng ta mong có công lý mà công lý không hề hiện hữu... Tin

1-Phạm Công Tắc, Rapport adressé par le Sacerdoce Caodaique à M. Le Président de la Commission d'enquête dans les territores d'outre Mer, Saigon, Tín Đức Thư Xã, 1937.

vào công lý đâu phải là vô lối mà nó sẽ nẩy sanh thêm nhiều điều thiện mỹ; nếu không có công lý thì chúng ta cần gì phải làm lành?

Con người được sống mà chẳng hề không có Đức Tin. Những người không tín ngưỡng, họ có làm theo Đức Tin mình chăng, hay mỗi ngày đọc báo biết tin là đủ?.

Trái lại hạng người dốt nát suốt đời làm theo lòng tin của mình. Bởi những lý do đó, sao lại từ chối lòng tin đạo đức và những điều huyền vi bí ẩn nơi cõi Hư Vô.

Chẳng cần trình bày dông dài, chúng tôi xin khẳng định: Đạo và Đức Tin nơi cõi Hư Vô là một điều cần yếu cho nhơn sanh. Hễ dân tộc nào càng khốn khổ thì họ càng cần được đền bù cho kiếp mai sau.

Sự thất vọng của cá nhân đưa đến tự tử và sự thất vọng tập thể khiến họ làm cách mạng.

Vậy, ông Chủ tịch nên đồng ý với chúng tôi: đối với Dân tộc tự trị, điều hy vọng rất nên hữu dụng, còn đối với Dân tộc bị chinh phục, nó càng yếu trọng hơn...

Sự bất đồng giữa nước Pháp và Việt Nam không hẳn do sự tương tranh giữa hai nền văn hóa mà do sự xung khắc giữa hai tôn giáo: Khổng giáo và Thiên Chúa giáo.

Khổng giáo là một tôn giáo có giáo lý khoan dung, quảng đại đến nỗi tinh thần đạo đức chính nó phải từ bỏ nó... Nó bước đến cảnh nhàn lạc vui hứng của Epicure, không một điều gì không làm cho nó tỉnh mộng mà quay đầu hướng thiện.

Trái lại, Thiên Chúa giáo là một nền tôn giáo sốt sắng, hăng hái, nhiệt huyết, độc quyền, lắm phen tranh cãi, không chịu nhận cái hay của kẻ khác, không có điều gì là chân lý ngoài tôn chỉ của nó, nó còn buộc những ai đã theo Đạo thì phải hành Đạo. Có phải chăng, đó là một tôn giáo chinh phục? Do đó, phát khởi sự xung đột với Khổng giáo.

Người ta có thể chia sự xung đột này thành ra ba thời kỳ:

1. Thời kỳ trước và ngay buổi hỗn độn chinh phục.

2. Thời kỳ trị bình.
3. Thời kỳ hợp tác.

KHOẢN THỨ NHỨT
(Chinh phục)

Chúng tôi đã nói rõ rằng: dân tộc Việt Nam theo Khổng giáo rất quảng đại nên không đủ phương kềm chế sự đàn áp của quan lại. Thiên Chúa giáo ngược lại độc chiếm làm cho vua chúa phải cúi đầu, dưới quyền trục xuất ra khỏi đạo và đã làm cho nước Pháp nhờ cậy.

Chẳng lúc nào Khổng giáo dám bạo hành như thế. Nó chẳng làm chi hơn là kêu gọi nhơn sanh vào đường chí thiện bằng cách khuyên nhủ mà không hù dọa đuổi ra khỏi Đạo Khổng. Kết cuộc, đa số chán ngán với tôn giáo cổ truyền mà nghe các nhà truyền giáo của Đạo Thiên Chúa với giáo lý mới mẻ tốt đẹp. Họ nhân danh Chính phủ Pháp đến tận Triều đình Huế. Nhờ đó các nhà truyền giáo được ân tứ nhiều lợi lộc và Đạo được quảng truyền.

Nhiều Nhà Chung mở ra nhiều nơi. Những cơ sở ấy biến thành Thánh Địa. Nhờ đó, nhiều kẻ tân tòng đến trú ngụ hầu tránh sự đàn áp của quan lại.

Hại thay! Nơi làm chỗ trú thân cho những người Việt Nam bị áp bức, lại cũng là nơi cư ngụ của những kẻ trốn tránh tội đáng nghiêm trị. Thế nên, dân chúng bảo Nhà Chung che chở cho những can phạm bị tập nã. Nhiều cuộc chống đối nổ ra giữa lương dân và giáo sĩ đến lưu huyết. Dựa vào cơ hội ấy, nhà nước chiếm nhiều nơi ở Lục tỉnh và buộc nước Việt Nam chịu sự bảo hộ. [1]

Thật ra, chỉ là trận giặc giữa Thiên Chúa giáo và Khổng giáo, gọi nhục danh là "Bụt Thần" (Paganisme) .[2]

1-Ý nói: việc quân Pháp chiếm ba tỉnh Miền Đông và ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ.
2-Paganisme là Tà giáo.

Trong cuộc chinh phục, nước Pháp nhờ dân chúng bản xứ (indigènes) của Nhà Chung giúp sức.

Thời kỳ Pháp Việt đánh nhau, các người Việt Nam ra giúp Pháp đều là những kẻ tư lợi nên chẳng sợ gì mà không phản Chúa để theo kẻ thù, nên họ chẳng cao thượng gì hơn ai. Đừng tưởng lầm rằng quốc dân Việt Nam không có lòng yêu nước là lầm. Họ đã triển khai những trận đánh theo các anh hùng xưa kia (chỉ Nghĩa Quân đánh du kích).

Tổng kết thời kỳ thứ nhứt đấu tranh giữa Lão giáo, Khổng giáo mỏi mê với Thiên Chúa giáo oanh liệt, những người Việt Nam đứng ra đảm trách lúc ấy không phải là hạng người đúng mức được lựa chọn.

KHOẢN THỨ NHÌ
(Trị Bình)

Chánh quyền Pháp thắng. Quyền hành Nhà Chung tăng thêm hàng ngày; trong lúc đó Khổng giáo thối lui từ từ.

Hại thay, những cổ tục Việt Nam không thay đổi và phần đông dân chúng vẫn còn theo tục lệ cũ.

Thiên Chúa giáo buộc phải từ bỏ những điều tín ngưỡng ngoại đạo. Buộc từ chối nhà thờ Tổ tiên và tế lễ cổ truyền để đến quì lạy trước đền thờ mới. Thực chất những người Việt Nam đến đó chỉ vì mục đích tư danh, tư lợi.

Những kẻ Đạo giả này hy vọng họ đặng miễn thuế, đặng đất đai, mong trở thành địa chủ, còn người khác chỉ làm tá điền hay tôi tớ cho họ.

Khi họ gặp khó khăn, các Cha, Cố Đạo đến gặp viên sứ Pháp thì mọi điều đều êm đẹp như ý muốn. Do đó, sự vào Đạo là căn cứ trên quyền lợi.

Ngược lại, đa số dân chúng chơn chất, trung thành với tục lệ nhà Nam thì chịu khốn khó mà họ vẫn giữ lòng cao đẹp, từ chối mọi điều nghịch lý mà lương tâm họ không cho phép.

Sự tranh đấu trở nên thúc ngặt giữa tôn giáo mới có nhiều đặc ân dù gốc đạo đức chưa rõ ràng [1] với các đảng phái chống báng…

Thế thì, không còn chỗ mà chấn hưng tôn giáo để hạng người chơn thật, hạng lao động không bị phiền phức, không so đo, biết kính trọng cổ tục của tiền nhân lưu lại. Họ sẵn sàng tôn sùng giáo lý chí thiện, bất cứ nơi nào họ gặp, miễn là không bị ép buộc coi Đạo nhà là thô thiển.

Có cần thiết tạo ra một nơi di dưỡng tinh thần mới hợp với tâm đức của người dân? Điều ấy Đạo Cao Đài đã làm thử. Nó khiến những người Thiên Chúa giáo tố cáo, còn quan lại Phật giáo bị nó biếm trách về cách đối xử gian ngược. Những việc ấy chưa vội bàn vì Đạo Cao Đài phát sinh vào thời kỳ sau đó.

KHOẢN THỨ BA
(Hiệp Tác)

Tiếng hiệp tác này là của ông Albert Sarraut, cựu Toàn quyền Đông Dương (1925-1928) đã nêu ra trong một bài diễn thuyết. Người Việt Nam e ngại không tin. Hạt giống ấy mọc lên chậm chạp.

Một Thượng Nghị Viên, ông Lê Văn Trung đã qui vị. Ông Sarraut trước kia, giữa Hạ Nghị Viện Pháp đã gọi là những người bạn thân thiết của ông để chánh sách (hiệp tác) không bị lẻ loi, không ai hưởng ứng.

Việc hiệp tác đó khó thành dù vị Tổng Trưởng Bộ Thuộc địa đã đề ra. Nhưng muốn đạt đích thì phải làm thế nào cho hai nền văn hóa Âu Á hòa hợp, mà muốn hòa hợp thì phải dung hòa hai nền tôn giáo đã xung đột.[2]
Triết lý của Khổng Tử thì ôn hòa và trung dung, còn triết lý của Jésus Christ thì khoan hồng chí mỹ.

Chân tướng của hai tôn giáo ấy chẳng có gì phản khắc. Nhưng

1-Tác giả không ám chỉ Đạo Thiện Chúa đời sau.
2-Đây muốn nói việc cấm Đạo của triều đình Huế, do cách đối xử khác nhau giữa Nho giáo và Thiên Chúa giáo mà ra.

hỡi ôi! Bên nào cũng vậy, tinh thần đạo đức để ở sau, còn lợi lộc đem lên trước. Bởi thế mà bài toán ấy khó giải quyết đến khi nào người môn đệ Khổng giáo nói rằng: "phải theo tinh thần đạo đức của Đấng Christ" (suivez la morale du Christ) và với con chiên Thiên Chúa giáo: "phải đến hợp tác trong điều thiện dưới bóng giáo lý huyền diệu và khoan dung của Đức Khổng Tử" (venez collaborer dans le bien à l'ombre des doctrines douces et tolérantes de Confucius).

Chí Thiện và Chí Mỹ không do có nhãn hiệu, vậy nó không có quê hương, nên không có tôn giáo nào tranh đoạt nó làm của riêng. Nó cũng như ánh sáng mặt trời là của chung nhân loại.

Ngày nào, nhân dân Việt Nam trọn gìn lòng tin và được hành Đạo của tổ tiên đáng kính trọng đáng tôn sùng. Một nền Đạo dù mới mà cho phép họ hành Đạo theo tinh thần của Đấng Christ, với qui hiệp Đại Đồng mà nước Pháp đã kêu gọi bên kia bờ đại dương; ngày nào quân chinh phục hiểu đặng sự quảng đại bao dung của Khổng giáo đối với đồng loại và thôi coi chữ "quyền hành" đồng nghĩa với "Chí Thiện", "Chí Chơn" thì ngày ấy mọi khó khăn sẽ được giải quyết.

Thế thì, chúng ta phải làm thế nào để có sự dung hòa giữa hai nền tôn giáo hầu trở thành một tôn chỉ chấn hưng; đã có sẵn sự quãng đại bao dung của Khổng giáo và lòng tin nhiệt thành của Thiên Chúa giáo thì sự tàn ác muốn tiêu tan, cả hai phải hòa hợp trong tinh thần đạo đức thanh khiết. Nơi mà hai bên đều thấy sự chí mỹ cao thượng và vô tâm (vô tâm Đạo dễ tầm). Dưới quyền năng của Đấng Cứu Thế, cố đô Huế cần chăm sóc hạng bần dân và dưới sự che chở của Đạo Nho, quyền lực của nước Pháp sẽ quảng đại nhân từ mà từ bỏ quyền độc đoán. [1]

Thế nên tôn giáo nào rộng rãi hơn phải nghinh đón giáo lý của Đạo kia. Do đó Đức Khổng Tử phải mở rộng cửa rước Chúa Jésus Christ và mời ngồi đồng bàn. Đó là ngày Đạo Cao Đài

---

1-Tác giả của Tờ Phúc Trình kêu gọi 2 nhà cầm quyền: nhà Nguyễn và Pháp bớt hà khắc và ban các quyền tự do dân chủ cho nhân dân.

xuất hiện.

Ngày nay con đường khá dài đã trải qua.

Từ lâu bị kềm thúc, nhưng chúng tôi cố gắng nhẫn nại, nhìn sang Mẫu quốc (Métropole) và biết chắc rằng điều chí thiện chẳng thể bị chèn ép mãi bao giờ.

Chúng tôi thường liên lạc về ý tưởng với các bạn chúng tôi bên Pháp; chúng tôi cũng báo cho cả Tín đồ của chúng tôi biết về lòng nhân hậu, tính phi phàm của họ; vừa qua chúng tôi hân hạnh nghe đặng chút ít kết quả về sự thực hành tôn chỉ Đạo của họ.

Dân Việt Nam bị tư tưởng Pháp chinh phục. Những Tín đồ Cao Đài chẳng chịu chung hợp vào cách ấy vì họ là người bình tịnh (bất bạo động) nên từ chối tham dự các cuộc biểu tình quốc sự. Những người dường như phản đối đó chẳng phải kẻ nghịch hẳn với các ông. Một ngày kia, các ông có thể thâu phục nhân tâm họ.

Dưới sự đồng hóa của các ông, với ngôn ngữ đặc sắc và đầy quyền lực của Mẫu quốc sẽ làm cho tất cả tùng theo mỗi ngày thêm một ít; hàng quan Pháp và bản xứ sẽ cùng nói một thứ tiếng và dân chúng sẽ trả lời rõ rệt. Chừng ấy, một ai còn phản loạn thì chính các người đồng hương của họ sẽ xử đoán.
Trong thanh niên Việt Nam đã phát sinh ra hạng người có trình độ học vấn theo văn hóa Pháp, họ được cấp bằng tốt nghiệp bên Pháp. Hạng dân trí này [1] không chịu thiệt thòi để một thiểu số ngồi trên an hưởng.

Tín đồ Cao Đài chúng tôi biết điều ấy. Chúng tôi sẽ cho họ hiểu rằng cái gánh của họ đã mang thật ra nhẹ nhàng lắm.

Những điều ước vọng của chúng tôi:
Cái nguyện vọng thiết yếu của chúng tôi là thuộc địa hải ngoại biến thành như Chánh quốc. [2]

1-Tác giả Tờ Phúc Trình muốn nói đến thanh niên trí thức Nguyễn An Ninh, Dương văn Giáo . . .chống Pháp.
2-Đất Nam Kỳ là đất thuộc địa nên luật lệ giống như bên nước Pháp.

Nguyện vọng kế nữa, với tài cảm hóa của chính quyền Pháp giúp chúng tôi khỏi bị thúc phược đối với các tôn giáo khác vì họ tưởng lầm rằng lòng phước thiện của chúng tôi không chơn thật vì nó chưa thể hiện ra đặng.

Trải qua mấy năm rồi, do không am hiểu luật pháp của nhà nước Pháp thi hành ở Đông Dương, chúng tôi nay đã lập một Dưỡng lão đường, một Ấu trĩ đường, một cơ sở công nghệ cho hạng trai tráng thất nghiệp vì họ cần sự giúp đỡ của chúng tôi. Chúng tôi đã bị buộc tội ra trước Tòa án, nhờ bị hại mà chúng tôi hiểu ra rằng: phước thiện là độc chiếm của Nhà Nước hay dành riêng cho một nhóm người nào đó.

Việc áp dụng Luật pháp như vậy phản khắc với tính quảng đại của Nho giáo và cũng là trở lực làm cho chúng tôi không thể tuyên truyền tư tưởng Pháp cho những người chơn chất, họ đến với tấm lòng thành thật và trí ý giản đơn chí thiện. Họ không quen lối Machiavel [1] và họ cũng không hiểu ý định của lẽ quốc chánh (la raison d'état) là sao?

Dưới mắt họ, lắm điều trái với tinh thần công lý; những kẻ theo Gia Tô giáo được lập Cơ quan Phước Thiện và được Chính phủ giúp đỡ; còn Đạo Cao Đài có mục đích Đại Đồng dù việc làm hạn hẹp mà vẫn không đặng lập cơ sở tương trợ lẫn nhau, rất cần yếu cho kẻ nghèo nàn, nhưng Đạo lại thiếu quyền tư cách pháp nhân (personalité civile).

Những hoa lợi của chúng tôi đã bị phá bỏ ngay khi mới tạo dựng, vì Đạo Cao Đài chẳng đặng làm chủ sản nghiệp chi, chưa đặng nhìn nhận là đoàn thể và cũng không lập đặng Giáo Hội. Chúng tôi mong cho điều thúc phược ấy tiêu hủy và xin phép lập một Giáo Hội, nhờ đó đứng làm chủ sản nghiệp để cứu giúp kẻ nghèo.

Chừng đó, chúng tôi sẽ đủ sức nói đến lòng nhân hậu của Chính phủ Pháp và trình bày về tinh thần Thiên Chúa giáo và Nho giáo không hề phản khắc cùng nhau. Nếu thực hành đúng đắn, đường lối nước Pháp giúp hay cho sự mở mang là điều

---

1-Nhà chính trị độc tài Ý

hạnh phúc cho nhân dân Nam Việt. Sự thăng tiến này, dân Nam chẳng hề trông mong nơi Vương quyền bạc nhược [1] .

Chẳng phải nhà Vua không hiểu tôn chỉ Đạo của chúng tôi, mà tại nơi các tham quan ô lại. Họ chỉ trích gây xung đột tranh đấu để ngăn trở tài cảm hóa của Đạo.

Chung quanh chúng tôi, xúm xít những hạng nông dân sống về ruộng đất, hạng buôn bán nhỏ. Họ là những hạng người chân thật chẳng biết mưu chước là gì. Họ chỉ biết làm lành và chỉ trông vào kết quả của sự lao động, "không trông công danh và cũng không trông lợi lộc", (sans espoir de duchés, ni de dotations) theo lời Edmond Rostand. Tuy họ không tìm lấy một đặc ân nào, nhưng muốn bảo vệ những của cải do chính công sức lao động của họ.

Họ vốn là những người không chịu từ bỏ Đức Tin thờ cúng Tổ Tiên dù nhiều quyền lợi của họ có thể bị chiếm dụng. Đó là những người trọng lẽ phải bất cứ từ đâu đến; nếu bảo họ xa lánh một giáo lý cao thâm và thuần khiết để gần gũi cùng Đạo nhà là một điều thất đức.

Muốn thực hiện những cải cách đó, chúng tôi đặt trọn lòng tin nơi Chính phủ Pháp vì văn hóa Pháp có lịch sử hàng đầu. Chúng tôi chờ mong với tất cả tấm lòng nhẫn nại để vượt qua cơn khảo đảo thử thách, và những thành tựu nhiều tốt đẹp không thể trọn khai cho Chánh quyền hiểu hết.

Vậy thì, nước Pháp nên nhận rằng chính Nhà Nước thâu hồi các đặc ân đã ban cho chúng tôi. Trong hành động ấy, nước Pháp sẽ ân hận rằng chính mình đã chậm trễ giang tay rộng mà nâng đỡ chúng tôi.

Làm tại Tòa Thánh, ngày 12 tháng 12 năm 1937
PHẠM CÔNG TẮC
Bề Trên Đạo Cao Đài

Đọc kỹ tờ phúc trình ta thấy Đức Hộ Pháp đã dùng những lời lẽ cao xa và mềm dẻo buộc người đọc phải tìm hiểu cái lý ưng

---

1-Ám chỉ Triều đình Huế.

của nó, và những ý lý cụ thể trong lịch sử nước ta để chứng minh những cuộc đấu tranh giữa quân đội viễn chinh Pháp và quân Nghĩa dũng Việt Nam là không tránh khỏi.

Đức Ngài coi Triều đình Huế là bạc nhược trước cuộc xâm lăng của Pháp và chế dầu thêm vào lửa bằng chánh sách cấm Đạo Thiên Chúa. Đức Ngài kêu gọi Triều đình hãy thay đổi đường lối và chấp nhận Đạo Thiên Chúa để nhân dân được an lạc.

Đối với Pháp, Đức Ngài khẳng định: Đạo Cao Đài không mê tín dù rằng Đạo tin vào cõi Hư Vô bí nhiệm vì đó là bản chất của bất cứ Đạo nào, ngay cả những nhân vật nổi tiếng của Pháp như Allan Kardec, Léon Denis cũng tin vào những điều Thiêng Liêng bí ẩn.

Điều quan tâm hơn hết của Đức Ngài là nhà cầm quyền Pháp phải nới rộng các quyền tự do dân chủ. Dân Việt Nam phải hưởng được tự do như dân Pháp vì Pháp mệnh danh là nước có thiên chức đi khai hóa các dân tộc chậm tiến. Qua đó, Chánh quyền Pháp nên cho phép Đạo Cao Đài lập Giáo hội và ban tư cách pháp nhân cho Đạo.
Bản phúc trình đó không trấn an nhà cầm quyền Pháp đủ lâu để xây dựng Tòa Thánh và các cơ sở Đạo.

VII. VIỆC XÂY DỰNG ĐỀN THÁNH

Việc xây dựng Tòa Thánh cũng bị ảnh hưởng tình hình khó khăn lúc bấy giờ. Đền Thánh đã ba lần khởi công xây cất. Ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (14-12-1936), Đức Hộ Pháp ra lệnh khởi công xây cất lần thứ tư trước sự vui mừng của chư Chức sắc và toàn Đạo.

Điều đáng nói, việc kiến thiết Đền Thánh không có sơ đồ thiết kế trước mà do Đức Lý Thái Bạch giáng bút hướng dẫn cho Đức Hộ Pháp từng phần, sau đó Đức Ngài chỉ vẽ lại cho công thợ.

Không có bài Cơ nào để lại nói về kiến trúc Tòa Thánh, ngoài bài Cơ nói về kích thước tổng quát.



Xây Dựng Tòa Thánh (Ban đầu)

Đức Hộ Pháp lịnh cho Hộ Viện kiểm lại ngân quỹ của Đạo, chỉ còn một đồng sáu mươi bốn xu ($1.64). Trước tình thế đó, Đức Hộ Pháp phải đi Vũng Liêm mượn tiền của bà Lâm Hương Thanh. Bà Hương Thanh không có tiền mặt vì lúa hạ giá chưa bán được. Bà lấy cái hòm đựng đầy vàng và hột xoàn đưa cho Đức Ngài nói đem về cầm lấy tiền cất Đền Thánh. Đức Ngài không dám cầm vì sợ chuộc lại không nỗi. Bà khích lệ Đức Ngài: "…đâu em về cất bướng coi, bắt gió nắn hình là không cần số nữ trang này".

Vì thế, ngày 4-7-1937 (28-5-Đinh Sửu), Hội Thánh mới ra Thông Tri số 39 kêu gọi như sau: "Ai là người tâm Đạo, ai là người có dạ nhiệt thành, biết rằng Trời giáng trần cứu thế, nên đem cả mãnh lực tinh thần, kẻ công người của, kẻ ít người nhiều đặng tô điểm vẽ vời cho cơ thể Đạo trở nên xinh lịch. Ấy là công nghiệp thứ nhứt của chúng ta đối với tương lai Đạo. Giàu nghèo chẳng nệ xin trọn tấc thành cùng Đại Từ Phụ. Buổi này tưởng lại chẳng công quả nào vĩ đại bằng công quả tạo Đền Thờ cho mau thành tựu hầu trụ cả Đức Tin con cái yêu dấu

của Thầy cho ra thiệt tướng".

Nhờ sự hưởng ứng của toàn Đạo và sự chăm sóc từng ly, từng tí và hầu như thường trực hằng ngày của Đức Phạm Hộ Pháp, vừa xây xong năm 1941, chưa kịp tô hồ trang hoàng đắp vẽ thì Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt.

Đến năm 1946, Đức Ngài trở về tiếp tục chỉnh đốn tô điểm Tòa Thánh. Nhưng có điều khó khăn là bức tường ở Hiệp Thiên Đài chắn lối vào Cửu Trùng Đài do Đức Lý dạy xây dựng nhưng chưa chỉ vẽ trang trí hình tượng. Trong một buổi định thần, Đức Ngài được Đức Lý mách sẽ có người đến phát vẽ Thánh Tượng.

Năm 1947, ông Lê Minh Tòng một họa sĩ ở Gia Định bị Pháp tình nghi làm quốc sự, bị Pháp đày ra Côn Đảo rồi được thả chỉ sau ngày hồi loan của Đức Hộ Pháp vài tháng.

Ông Tòng về nhà được đôi ngày dự định đi thăm bạn ở Biên Hòa. Khi ra bến xe Ngã Sáu chư Thần lại xuôi khiến ông Tòng lên xe đi Tây Ninh. Khi đến nơi ông Tòng mới hay mình đã đến chợ Ngã Năm. Ông từng nghe Tòa Thánh cảnh đẹp nên vào thăm. Đến Hộ Pháp Đường, ông lấp ló nhìn vào trong. Bảo Thể vào báo lên Đức Hộ Pháp, Ngài biết ngay là người Đức Lý phái đến.

Khi Đức Ngài trấn Thần tượng Tam Thánh vào 8 giờ sáng ngày 10-7-Mậu Tý (11-8-1948), Luật sư Võ Quang Tâm tường thuật như sau:

"Bức tượng Tam Thánh này do vị Hiền Tài Lê Minh Tòng vâng lịnh Đức Hộ Pháp truyền họa, khuôn khổ: 2,80m X 1,90m.
"Hình tượng bằng người thường. Đức Thanh Sơn cầm bút lông mèo, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cầm bút lông ngỗng và Đức Tôn Trung Sơn cầm nghiêng mực.

Hai Đấng đang viết trên bia đá những chữ:

Hán Văn:

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ - BÁC ÁI CÔNG BÌNH

Pháp văn:

DIEU ET HUMANITÉ - AMOUR ET JUSTICE



“ Đi sau bàn đưa có Đức Hộ Pháp, kế là các Ngài Bảo Thế, Khai Đạo ...

“Đến Đền Thánh, đi vào cửa hông phía Nam, tiến lên Cung Đạo, day mặt tượng ảnh vào Bát Quái Đài. Trước hết Đức Hộ Pháp xông tay vào lư hương và áp vào mặt tượng ba lần, rồi Ngài bước xuống cầm lư hương xông tượng vẽ ba ảnh để khử trược.

“Khi Đức Hộ Pháp trấn Thần tượng ảnh Tam Thánh xong, các nhân viên tùng sự lui theo cửa hông trở ra, vòng tới cửa trước, rồi đi vào Hiệp Thiên Đài, đến thỉnh Thánh Tượng đặt lên vách tường, ngó mặt ra phía trước Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp giải thích :

1- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.
2- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ.
3- Đức Tôn Trung Sơn.

Là đại diện Hội Thánh Ngoại Giáo, các Ngài là những Thiên mạng truyền giáo ngoại quốc, cho nên tượng ảnh để ở Hiệp

Thiên Đài, quay mặt ra ngoài cho thiên hạ đều thấy mà hưởng ứng theo tiếng gọi Thiêng Liêng của các Ngài.

"Cái khuôn xi măng đúc trên vách Hiệp Thiên Đài, từ ngày tạo tác Tổ Đình là để dành đặt tượng ảnh Tam Thánh lên đó. Trước kia Bần Đạo cũng không hiểu để làm gì, chỉ biết tạo theo lịnh của Đức Lý Giáo Tông.

"Ngày nay, vị Hiền Tài ở Hải đảo trở về đây, Đức Lý truyền lịnh cho vẽ tượng ảnh này. Mới hiểu rằng Đức Lý chờ người mà Ngài cần dùng đến.
Trước tượng ảnh không có Bàn thờ chi hết vì chơn linh đã nhập vào đó như người sống vậy. Từ ngày 10-7-Mậu Tý, tượng ảnh Tam Thánh đã đặt lên vách tường Hiệp Thiên Đài, là biểu hiện cho chủ nghĩa Đại Đồng của Đạo Cao Đài". [1]

Xem thế, ông Lê Minh Tòng từ một họa sĩ rồi ngộ Đạo được Đức Hộ Pháp ban cho phẩm Hiền Tài. Mãi đến đêm 17 tháng 10 năm Kỷ Dậu (26-11-1969), Đức Ngài giáng Cơ ban phẩm Bảo Công Quân cho Lê Minh Tòng cùng với hai Hiền Tài khác phẩm Bảo Huyền Linh Quân và Bảo Sĩ Quân, là đủ 12 Bảo Quân.

Đền Thánh dài 96 thước, rộng 22 thước, cao 27 thước về phía tháp chuông trống Hiệp Thiên Đài, 25 thước về nơi Cửu Trùng Đài, 30 thước nơi Bát Quái Đài. Mặt tiền hướng về phía Tây trang hoàng rất mỹ thuật với tất cả biểu hiện của Tam Giáo và Ngũ Chi.

Đền Thánh kiến trúc thật vĩ đại. Không ai có thể tưởng tượng được một công trình đồ sộ như vậy mà Đức Ngài chỉ kêu gọi chư Tín hữu làm công quả và lương thực cùng do hiến dâng của mọi nhà hảo tâm. Bởi Đức Ngài quan niệm rằng Tòa Thánh là chung của nhơn sanh không ai được độc quyền xây cất mà phải do chính Đức Tin của mọi người đóng góp vào không phân biệt lương giáo. Cũng để có bầu khí Thiêng Liêng vĩnh cữu, tất cả thợ hồ phải thủ trinh hạnh và chay lạc trong suốt thời kỳ tạo tác. Thế nên, suốt thời gian xây cất dù độ cao cheo leo khó khăn

---

1-Xem "Tam Thánh Bạch Vân Động", cùng người viết.

không ai phải thiệt mạng, mà được các Đấng hộ trì tai qua nạn khỏi.

Để tôn vinh toàn thể nhân dân lao động, ngoài công trình đắp hình các Thánh, ông Bùi Ái Thoại là người bình dân ít học đã đắp Lao Động Đài ở bao lơn mặt tiền Toà Thánh, chỗ danh dự nhất, tám hạng người lao động: Sĩ, Nông, Công, Thương, Ngư, Tiều, Canh, Mục.







Xây Dựng Tòa Thánh (Ban đầu)

Ông Bùi Ái Thoại được điểm công hàng đầu và đắc phong Thánh nhơn do Đạo Nghị Định số 7/PT, Đức Phạm Hộ Pháp ký ngày 14-2-Mậu Dần (dl 15-3-1938). Hai phẩm Thánh Nhơn và Bảo Quân (Lê Minh Tòng) đều đối phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài.

Xem thế những vị có công xây dựng Tòa Thánh đều được Đạo phong thưởng xứng đáng.

Dưới đây xin trích đoạn đầu và đoạn chót của "Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn cho Hội Thánh":

Tòa Thánh, ngày mùng 3 tháng 1 năm Đinh Hợi.
(Dl. ngày 24-1-1948)

Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là Tổng Giám, Tá Lý, nhân công nam nữ xin dâng 3 bổn này lên Hội Thánh.
Nguyên năm Bính Tý (1936), các con có làm tờ trình nguyện làm Đền Thờ Đức Chí Tôn. Nay các con đã hoàn thành, xin giao lại cho Hội Thánh.

Vi Bằng: Vị Tổng Giám xây Tòa Thánh Lê Văn Bàng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn nhân công nam nữ ra mắt vị Tiền vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức sắc nam nữ vào lạy Chí Tôn ban ân huệ cho cả gia quyến các công thợ và thiện tâm hỷ cúng vào sự tạo tác Toà Thánh.

Khi bái lễ xong, Đức Hộ Pháp nhân danh Hội Thánh để lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung. Kẻ công, người của đã trải qua biết bao thời gian nguy biến, gian lao, gìn giữ Đức Tin, mới lần hồi kiến tạo nên một Đền Thờ vĩ đại, oai nghiêm tráng lệ dường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lời thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bàng đọc lời chúc mừng: "Tòa Thánh là hồn Đạo, là khối Đức Tin lớn xuất hiện tại vùng Á Đông vào cuối kỳ Hạ Ngươn. Nhờ nơi huyền diệu Thiêng Liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng, nhiều Tín đồ đã tùng giáo, nên Đạo phải có Thánh thể của Chí Tôn tại thế mà tụ khối Đức Tin của toàn nhơn loại. Vì lẽ đó Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư thi hành theo tiếng




Quả Càn Khôn với 8 con rồng trắng vây quanh


BÁT QUÁI ĐÀI
CỬU TRÙNG ĐÀI
HIỆP THIÊN ĐÀI
Phía sau tòa thánh có đủ 3 đài

gọi của nhơn sanh để làm Tòa Thánh. Biết bao nhiêu hăng hái vui mừng chung hợp xây Tòa Thánh cho mau rồi..".

Khi vị Tá Lý đọc xong, Đức Hộ Pháp đáp lời:
"Bần Đạo không ngờ mấy em phái nữ đã đạt được kỳ công. Nhớ lại khi mới khởi công, Bần Đạo chỉ chọn phái nam, sau vì nhân công không đủ nên chọn thêm mấy em nữ. Ban đầu trộn hồ, gánh gạch, lần hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến như phần đông nam phái. Mọi việc chi đủ nam nữ, Âm Dương, mới tạo thành lý Đạo. Ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì dè dặt, Bần Đạo mới buộc mấy em phải hồng thệ và thủ trinh cho tinh khiết mà xây Đền Thánh. Ngày nay đặng hoàn thành, Bần Đạo sẽ giải thệ cho mấy em nào muốn ra lập gia đình tùy thích".

Đức Hộ Pháp kêu Tổng Giám Lê Văn Bàng đem Tờ Giao - Lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký với Hội Thánh, Đức Ngài ký tên với danh vị thợ hồ. [1]

Thật vậy chính người thợ hồ Phạm Công Tắc đã hướng dẫn thiết kế dựng và đắp hình trong ngoài Đền Thánh lưu để mai sau.

Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, là mẫu mực cho nhân loại noi theo. Nơi nào muốn tạo dựng Thánh Thất cũng phải lấy họa đồ mà xây cất đủ ba Đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Đức Hộ Pháp cho phép được tiết giảm đắp vẽ hình nơi các Thánh Thất ít hơn ở Tòa Thánh: không đắp hình Tam Giáo, Ngũ Chi, Thất Hiền, Bát Tiên trên các tấm hoành chữ M, không đắp Tứ Linh, các cột rồng trong Cửu Trùng Đài, không đắp hình Đức Quyền Giáo Tông và bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh nơi lầu Hiệp Thiên Đài .v.v..

Tại tư gia, Đức Ngài cho thờ thống nhất tượng Ngũ Chi đặt lên tran thờ tôn nghiêm có ba bực biểu tượng Tam Kỳ, Tam Giáo. Kỹ thuật điêu khắc chạm trổ của các nghệ nhân nơi các khánh

1-Ban Kiến Trúc: Lễ Giao Lãnh Đền Thờ Đức Chí Tôn 1948, ấn hành năm 1971.

thờ mỗi ngày một tinh vi điêu luyện nhưng vẫn giữ nguyên tam cấp như thuở ban đầu.

Nhằm nâng cao nghệ thuật chưng bông, hàng năm vào hai ngày Lễ lớn: Vía Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Cửu Vị Nữ Phật, Long, Lân, Qui, Phụng... đều có thưởng nên ngày càng phát triển. Nghệ nhân các tỉnh phải về Tòa Thánh học hỏi. Về sau, vì hoàn cảnh khó khăn, các cộ bông gom vào triển lãm, long lân... lên Bàn Thờ gia tiên tô điểm cho ngày tân hôn, xuân Tết, v.v..

Các tỉnh có nghệ thuật chưng hình thú là phát xuất từ Tây Ninh.

VIII. BỘ ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN VÀ CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN

Vào ngày 15-7-Mậu Thìn (1928), Đức Lý Giáo Tông lập Minh Thiện Đàn tại nhà ông Đinh Công Trứ ở làng Phú Mỹ. Năm sau, Đức Lý giao Minh Thiện Đàn cho Đức Hộ Pháp để Ngài mở Phạm Môn theo tinh thần của Đức Chí Tôn:

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhựt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc Chánh tôn.

Đêm 22 tháng 2 Kỷ Tỵ, Đức Phạm Hộ Pháp hành Pháp cân thần cho 93 người. Ngài tuyển ra 24 vị để thọ "Đào Viên Pháp". Đến mùng 10 tháng 6 Kỷ Tỵ, Đức Ngài cân thần thêm 48 người, hai kỳ gom lại được 72 vị. Đức Ngài cấp giấy đi hành thiện kêu gọi các Chi phái trở về với Tòa Thánh.

Đến cuối năm 1930, các cơ sở lương điền công nghệ của Phạm Môn được khai mở tại xã Trường Hòa (Tây Ninh). Vào tháng 3 năm 1934 lực lượng các Chi phái kéo về Tòa Thánh nhờ các công quả Phạm Môn chặn đứng tại các cửa vào Nội Ô.

Năm Mậu Dần (1938), Đức Phạm Hộ Pháp chuyển Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện, trực thuộc chi Đạo Hiệp Thiên Đài.

Để hợp nhất các cơ quan Chánh Trị Đạo, Đức Ngài đã ban hành "Bộ Đạo Luật Mậu Dần", do tờ Kiết Chứng ngày mùng 8-1-Mậu Dần (7-2-1938). Nền Chánh Trị Đạo gồm có 4 cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Tòa Đạo và Phổ Tế.

A. Hành Chánh: là cơ quan để thi hành các Luật lệ của Hội Thánh hoặc của Nhơn sanh dâng lên mà đã có quyền Chí Tôn phê chuẩn.

Về Hành Chánh (tức Cửu Trùng Đài) gồm có các phẩm Chức sắc (từ dưới lên trên):

1- Lễ Sanh
2- Giáo Hữu
3- Giáo Sư
4- Phối Sư
5- Đầu Sư
6- Chưởng Pháp
7- Giáo Tông

Theo Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, ngày 14-2-Mậu Thìn (4-4-1948,) Đức Phạm Hộ Pháp giảng về cửu phẩm Cửu Trùng Đài phù hợp với Cửu Thiên như sau:

1)- Thần vị: người không Đạo mà mộ Đạo, lại giữ đặng trọn Đạo, hữu căn hữu kiếp có thể đắc vị đối với Địa Thần, kẻ Tín đồ biết Đạo mà giữ Đạo đối với Nhơn Thần, còn Lễ Sanh đối với Thiên Thần.

2)- Thánh vị:

- Giáo Hữu đối với Địa Thánh
- Giáo Sư đối với Nhơn Thánh
- Phối Sư đối với Thiên Thánh

3)- Tiên vị:

- Đầu Sư đối với Địa Tiên
- Chưởng Pháp đối với Nhơn Tiên
- Giáo Tông đối với Thiên Tiên

B. Phước Thiện: là cơ quan bảo tồn sanh chúng trên đường sanh hoạt nuôi nấng thi hài, tức là Cơ giải khổ cho chúng sanh, tầm phương bảo bọc cho những kẻ tật nguyền, cô độc hoặc

giúp tay cho Hành Chánh thi hành Luật pháp được trọn vẹn. Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng của chư Chức sắc Phước Thiện định như sau (từ dưới lên trên):

1- Minh Đức
2- Tân Dân
3- Thính Thiện
4- Hành Thiện
5- Giáo Thiện
6- Chí Thiện
7- Đạo Nhơn
8- Chơn Nhơn
9- Hiền Nhơn
10- Thánh Nhơn
11- Tiên Tử
12- Phật Tử

Nên biết Phước Thiện là do Đức Phạm Hộ Pháp lập thành. Sau khi ở Mã Đảo hồi loan, Đức Ngài nâng lên hàng Hội Thánh đã giúp Ngài thực thi Cơ Cứu Khổ.

C. Phổ Tế: là Cơ quan để cứu vớt hoặc độ rỗi những người lạc bước thối tâm, cùng khuyên lơn những kẻ đã bị Luật pháp buộc ràng mà phế vong phận sự, hay là độ rỗi những kẻ hữu tâm tầm Đạo.

D. Tòa Đạo: là Cơ quan bảo thủ Chơn Truyền, giữ gìn Luật pháp, chăm nom chư Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu thi hành phận sự; che chở những kẻ yếu, bênh vực người cô thế tức là giữ gìn công bình Luật Đạo, cũng là cơ quan giúp cho Hành Chánh, Phước Thiện và Phổ Tế thêm uy quyền mạnh mẽ và được tôn nghiêm.

Sau đó mấy tháng, để hợp thức hóa Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, Đức Lý giáng Cơ chuẩn y, Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Đạo Nghị Định số 48/PT như sau:

ĐẠO NGHỊ ĐỊNH
Số 48/PT

Chiếu y Pháp Chánh Truyền ban quyền hành cho Giáo Tông và Hộ Pháp,
Chiếu theo Đạo Nghị Định thứ 4/60, phân định quyền hành cho Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài ngày 4-11-Ất Hợi (Dl. 29-11-1935),
Nghĩ vì Hội Thánh có một mà quyền Đạo có bốn phương là: Hành Chánh, Tòa Đạo, Phước Thiện và Phổ Tế,
Nghĩ vì Cơ Quan Phước Thiện cốt để mở đường thánh đức cho toàn sanh chúng, có đủ phương thế nhập vào Thánh Thể, người ngoại giáo có thể nhờ nơi cửa Phước Thiện mà hiệp một cùng Hội Thánh, nên:

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ nhứt: Hội Thánh sẽ tuyển chọn trong hàng Chức sắc Thiên Phong đủ hạnh đức, đủ công nghiệp đặng chiết ra lo khai hóa, giáo hóa cả Cơ Quan Phước Thiện đặng cứu thế độ đời.

Điều thứ hai: Chức sắc Phước Thiện chú trọng nhập vào Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng kể ra sau đây:

1. Minh Đức
2. Tân Dân
3. Thính Thiện
4. Hành Thiện
5. Giáo Thiện
6. Chí Thiện
7. Đạo Nhơn
8. Chơn Nhơn
9. Hiền Nhơn
10. Thánh Nhơn
11. Tiên Tử
12. Phật Tử

Điều thứ ba: Những người ngoại giáo hay chư vị Đạo nhơn các nền tôn giáo khác muốn nhập vào cửa Đạo thì Hội Thánh sẽ do

nơi công nghiệp Phước Thiện của họ mà định vị, tùy theo công nghiệp nhỏ lớn đặng định phẩm từ bậc Minh Đức cho tới Chơn Nhơn mà thôi.

Còn bậc Hiền Nhơn đổ lên thì giúp Hội Thánh giữ gìn Chơn pháp, nên các phẩm vị này phải có Cơ bút giáng phong mới đặng.

Điều thứ tư: Cả cơ quan Phước Thiện đều giao cho Hiệp Thiên Đài chưởng quản.

Điều thứ năm: Chức sắc Phước Thiện không có Đạo phục riêng, duy đặng Hội Thánh ân tứ Lịnh Bài và Sắc Lịnh kể ra sau này:

- MINH ĐỨC và TÂN DÂN có lãnh cấp bằng, mặc áo Đạo phục trắng trơn mà thôi, không có dấu hiệu chi ngoại thể.
Bậc Chức sắc Thiên phong hay là Chức việc thì mặc đồ Đạo phục của mình, những người ngoại giáo thì phải mặc áo dài khăn đen theo quốc phục.

- THÍNH THIỆN, HÀNH THIỆN và GIÁO THIỆN thì lãnh Sắc lịnh phái Ngọc có Lịnh bài của mỗi phẩm vị ấy gắn giữ dây Sắc lịnh ngay ngực.

- CHÍ THIỆN, ĐẠO NHƠN và CHƠN NHƠN mang dây Sắc lịnh phái Thượng có gắn Lịnh bài của mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.

- HIỀN NHƠN, THÁNH NHƠN và TIÊN TỬ thì mang dây Sắc lịnh phái Thái, có gắn Lịnh bài của mỗi phẩm vị của họ ngay ngực.

- Phẩm PHẬT TỬ thì do nơi Cơ bút của Chí Tôn định và mặc sắc phục chi thì Người định đoạt.

Điều thứ sáu: Sắc Lịnh và Lịnh Bài của Phước Thiện duy mặc nơi các Thánh Thất và Tòa Thánh để chầu lễ Đức Chí Tôn mà thôi, không đặng phép dùng theo đồ thường thế.

Điều thứ bảy: Cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài tùy phận sự mình thi hành Đạo Nghị Định này.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 19-10-Mậu Dần
(DL. 10-12-1938)
HỘ PHÁP
Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hiệp Thiên và Cửu Trùng
(ký tên)
Phạm Công Tắc

Đến ngày 12-10-Kỷ Hợi, Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng như sau:

Minh Đức là gì? Là người đã theo đàng Thiên Lý, sửa tánh cho trong sạch đặng qui về với khí hư linh nhẹ nhàng không còn tối tăm nữa, một mảy quấy không dám làm, một lành nhỏ không bỏ qua. Trọng đức hơn trọng tài, Đạo vậy gọi là Minh Đạo.
Minh Đức đứng vào hàng phẩm Trung thừa của Thần vị.

Tân Dân: Là người đã bỏ được các điều nhiễm cũ, xưa nay hư tệ như: cờ bạc, rượu chè, gian tham, trộm cướp. Nói tóm lại là cái gì đồi phong, bại tục đều bỏ hết. Sửa lòng trong sạch, tịnh dưỡng tinh thần hầu noi theo con đường quang minh chánh đại của Trời là con đường hành Thiện gọi là Tân Dân.
Tân Dân đứng vào hàng phẩm Thượng thừa của Thần vị.

Thính Thiện: Là người đã hoán cựu nghinh tân, không còn cái dục tình vật chất nào quyến rũ tinh thần đặng nữa. Sửa lòng cho trong sạch, hầu nghe lành và học lành, cho biết từ cái chi tiết của lành, đặng làm lành.

Thính Thiện đứng vào hàng phẩm Hạ thừa của Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lịnh đỏ đeo khuê bài Thính Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ ba.

Hành Thiện: Là người đã nghe lành và biết việc lành rồi, thì phải làm lành, làm thế nào có thể cho kẻ bịnh hoạn tật nguyền, già cả, góa bụa được hưởng cái lành và được an ủi cõi lòng, hết than thân tủi phận dở dang, khổ não mới gọi là Hành Thiện.

Hành Thiện đứng vào hàng phẩm Trung thừa Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lịnh đỏ đeo khuê bài Hành

Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhì.

Giáo Thiện: Là người đã làm được lành rồi, thì phải đi dạy lành cho nhơn sanh tìm đường Thiên Lý là Đạo Trời.
Giáo Thiện đứng vào hàng phẩm Thượng thừa Thánh vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lịnh đỏ đeo khuê bài Hành Thiện, ở cung Ngọc Thanh làm ông Thánh thứ nhứt.

Chí Thiện: Là người đã được 5 cái bằng cấp: từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện nên được đến lãnh đứng đầu các vị Thánh và Thần. Chí Thiện đứng vào hàng phẩm Hạ thừa Tiên vị, khi đi chầu Chí Tôn được mang dây sắc lịnh xanh, đeo khuê bài Chí Thiện, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ ba.

Đạo Nhơn: Là người đã được trọn lành rồi thì phải về Hội Thánh học Tân Pháp bí truyền để được đắc Pháp. Đạo Nhơn đứng vào hàng phẩm Trung thừa Tiên vị, khi đi chầu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lịnh xanh, đeo khuê bài Đạo Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhì.

Chơn Nhơn: Là người được học Tân Pháp bí truyền, đắc Pháp rồi phải đi ra hành Pháp cứu thế độ nhơn trong một nước.

Chơn Nhơn đứng vào hàng phẩm Thượng thừa Tiên vị, khi đi chầu Chí Tôn được đội khăn đóng trắng, mang dây sắc lịnh xanh, đeo khuê bài Chơn Nhơn, ở cung Thượng Thanh làm ông Tiên thứ nhứt.

Hiền Nhơn: Là người diệt được cả thất tình lục dục rồi, không còn nhiễm một mảy gì của trần thế nữa. Cõi lòng thanh tịnh ta bà thế giới, độ tận chúng sanh, ấy là hạng Hiền Nhơn.

Hiền Nhơn đứng vào hàng phẩm Hạ thừa Phật vị, khi đi chầu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lịnh vàng, đeo khuê bài Hiền Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ ba.

Thánh Nhơn: Là người đã học được thông tri tam giái: Thượng giái, Trung giái, Hạ giái; có thể vâng lịnh Chí Tôn đi khai Đạo một nơi nào để độ rỗi nhơn sanh gọi là Thánh Nhơn.

Thánh Nhơn đứng vào hàng phẩm Trung thừa Phật vị, khi đi

chầu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lịnh vàng, đeo khuê bài Thánh Nhơn, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhì.

Tiên Tử: Là người sáng suốt hoàn toàn, học đủ lục thông: Nhãn thông, Nhĩ thông, Tha tâm thông, tức Mạnh thông, Thần thông, Trí thông, có khi vâng lệnh Đức Chí Tôn làm một vị Giáo Chủ của nhơn loại.

Tiên Tử đứng vào hàng phẩm Thượng thừa Phật vị, khi đi chầu Chí Tôn được đội khăn đóng vàng, mang dây sắc lịnh vàng, đeo khuê bài Tiên Tử, ở cung Thái Thanh làm ông Phật thứ nhứt.

Phật Tử: Được đồng quyền CHÍ TÔN cai quản cả Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Càn Khôn thế giái.

CHÍ TÔN có nói: "Kỳ ba này CHÍ TÔN đến độ rỗi con cái của Ngài, đến ngang bậc cùng Ngài, là ngôi Phật Tử đó vậy".

Sau khi Cơ Quan Phước Thiện ra đời, một ít Chức sắc bên Cửu Trùng Đài bàn tán so sánh cao thấp.

Thế nên, ngày 13-10-Đinh Hợi (26-10-1947), Đức Hộ Pháp ban hành Huấn Lịnh số 551 có đoạn viết:

"Chiếu y Đạo Luật năm Mậu Dần phân định quyền hành của bốn Cơ quan: Hành Chánh, Phước Thiện, Tòa Đạo, Phổ Tế.
"Nghĩ vì theo Hòa ước trên đây, Đức Lý Giáo Tông đã định phép đối phẩm của Chức sắc Cửu Trùng Đài và Phước Thiện như vầy:

- Giáo Thiện đối phẩm Lễ Sanh.
- Chí Thiện đối phẩm Giáo Hữu.
- Đạo Nhơn và Chơn Nhơn đối phẩm Giáo Sư".

Kê cứu thêm trong "Nền tảng Chánh Trị Đạo" trang 95 và các đàn dạy Đạo về sau, đối phẩm các Chức sắc, Chức việc trong Đạo Cao Đài.[1]

1-Xem Thánh Lịnh số 25/ TL ngày 29 tháng 3 Tân Mão (DL 4-5-1951)

IX. VIỆC MẶC SẮC PHỤC KHI ĐI HÀNH ĐẠO

Đức Ngài lại chuyên chú đến cách phục sức của chư Chức sắc, chẳng lẽ khi hành lễ Đức Chí Tôn mặc Đại phục, khi giao tiếp với người đời cũng mặc Đại phục sợ e giảm nghi tiết đặc biệt dành đảnh lễ các Đấng.

Thế nên, Đức Ngài mới xin Ơn Trên ban thêm một bộ Tiểu phục đi đường từ năm 1934; chính quyền Pháp cho phép Cửu Trùng Đài mặc tràng y chín nút, Hiệp Thiên Đài 6 nút và Phước Thiện 12 nút từ tháng 2 năm 1936. Nhưng thỉnh thoảng có Chức sắc bị cưỡng chế mặc thường phục khi tiếp xúc với họ.

Châu Tri số 62 ngày 19 tháng 9 Mậu Dần (7-11-1938) nhắc lại việc này như sau:

"Từ xưa đến nay tôn giáo nào cũng vậy, hễ người tu thì mặc đồ tu theo tôn chỉ Đạo ấy. Đồ mặc là thể Đạo như Phật Giáo, Gia Tô Giáo.

Lúc trước Đức Hộ Pháp đã gửi cho Toàn Quyền ở Hà Nội qua Thống Đốc Nam Kỳ và các quan bảo hộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào, Cao Miên biết, đặng cho lệnh các viên quan của Chính phủ hay rằng Chức sắc Cao Đài kể từ tháng 2 năm 1936 sẽ mặc Đạo phục đi đường và có giao hình Đạo phục của toàn Chức sắc Thiên phong nam nữ Hội Thánh Cao Đài; từ Chức việc Chánh Phó Trị Sự tới Giáo Tông, từ Sĩ Tải đến Hộ Pháp.

Nay lại xẩy ra vụ bất ngờ nói rằng không cho Chức sắc Đạo Cao Đài mặc Đạo phục khi đến hầu chuyện với Quan đời mà phải mặc áo thường phục.

Vậy từ đây cứ y Luật pháp mà hành Đạo, chư Chức sắc nào có việc phải đến Quan làng hầu chuyện thì cứ mặc Đạo phục như thường. Nếu họ không tiếp thì viện đủ lẽ chứng cớ rõ ràng hoặc mời Trưởng Tòa (Thừa Phát lại) nhân chứng, rồi cho Hội Thánh hay".

Việc này, Đức Hộ Pháp chính Ngài về Sài gòn để khiếu nại và Ngài quyết định sẽ làm mạnh nếu nhà cầm quyền còn viện

lẽ quanh co từ chối. Đến ngày 27-12-1938, Toàn Quyền Đông Dương Brévié phúc thư như sau:

"Vì muốn thi hành các sở định của Tổng Trưởng thuộc địa. Vị thượng quan tái truyền lịnh cho Tín đồ trong các Cơ quan dưới quyền của Đạo đặng thờ phượng khỏi điều trở ngại và nhất là không còn buộc họ phải mặc đồ thế phục khi đến trình diện trước quyền hành chánh đời nữa".

Dù vậy, Đạo Cao Đài vẫn bị dòm ngó, nhà cầm quyền không muốn cho nó lớn mạnh. Tỉnh Trưởng Tây Ninh Vilmont và Thanh tra Lalaurette người Pháp đã theo dõi và ghi chú từng hành động và cử chỉ, nhất là chư Chức sắc Đại Thiên Phong. Trong quyển: "Le Caodaisme", trang 15, bằng mật điện số 146C ngày 14-11-1926, Thống Đốc Le Fol đã lưu ý các Chủ Tỉnh phải bí mật theo dõi về hoạt động và truyền Đạo và phải báo cáo ngay cho Le Fol bằng công văn mật.

Đến khi Thế chiến thứ II (1939-1945) bùng nổ giữa Đồng Minh và trục Phát Xít (Đức, Ý, Nhựt), thừa vận hội mới các nhược tiểu nổi dậy chống Đế quốc. Các đảng phái ở Việt Nam cũng nổi lên như: Đại Việt Quốc Dân Đảng, Duy Tân, Phục Việt, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội...

Năm 1940, Nhựt tràn vào lục địa Trung Hoa tiến xuống miền Đông Nam châu Á. Pháp lo sợ, bắt đầu đàn áp các đảng phái. Cao Đài dù muốn dù không cũng phải chịu chung số phận của đất nước. Chữ "VẠN" biểu hiệu của Phật Giáo trên nóc các Thánh thất bị hiểu lầm là dấu hiệu của Đức Quốc Xã, nên Hội Thánh phải ra Thánh huấn ngày 2-4-Canh Thìn (8-5-1940) ra lịnh gỡ các chữ "VẠN".

Phong trào bài Pháp lan rộng trên toàn quốc. Các Tín đồ là con dân trong nước, nên họ nhảy vào vòng tranh đấu. Hội Thánh không thể ngăn được vì nước mất nhà tan, Đạo sự phải suy vi. Nhân cơ hội đó một ít người vô lương, quá thiên về bã lợi danh, dựa theo quyền đời ám hại Đạo. Họ vu cáo phao truyền Đạo Cao Đài lập một nước nhỏ trong một nước lớn. Họ chú giải lệch lạc các danh từ Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, Đạo Nghị Định,

Hội Thánh, Hội Nhơn Sanh, Tòa Đạo, Cửu Viện... ra là Thượng Nghị Viện, Hạ Nghị Viện, Tòa án, Cửu Bộ... rồi cố ý cho Đạo Cao Đài có ý chủ trương Quân Chủ Lập Hiến.

Thống Đốc Nam kỳ Pagès vịn vào đó, mật lịnh cho Đại Tá Gordon, Ủy viên Chánh Phủ của Tòa án Quân sự lập phương án tấn công Tòa Thánh Tây Ninh. Nhờ Ơn Trên chuyển xoay, trong một phiên họp của Tòa án Quân sự, Đại Tá Gordon vô tình tâm sự với một người bạn là ông ta được lịnh thực hiện khám xét một vụ to lớn cần phải xử dụng đến 20 xe cam nhông binh lính để bao vây một khu rừng vào lúc 2 giờ đêm.

Người bạn tò mò hỏi: "Ông khám tổ chức nào mà to tát vậy?". Đại tá Gordon lúc đầu còn chần chừ, sau ông nói thật rằng mai này (23-7-Canh Thìn, 1940) sẽ khám xét Tòa Thánh Cao Đài ở Tây Ninh. Người bạn của Gordon lại đem kể chuyện với một người có cảm tình với Đạo Cao Đài.

Thế là chiều trước hôm đó, Hội Thánh xem xét lại những giấy tờ gì nghi có liên quan tới chánh trị đều đốt hết. Vừa làm xong, lính Pháp cũng vừa đổ quân bao vây chu vi Tòa Thánh chờ sáng là tiến vô khám xét. Chính Đại tá Gordon chỉ huy cuộc khám xét này. Hắn ra lệnh tịch thu hết hồ sơ, giấy tờ của Đạo chất vào 10 cam nhông đem về Sài gòn.

Nhưng một Chức sắc quá chủ quan, lén để lại một tài liệu quan trọng có liên hệ đến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để trong quyển Kinh của mình. Nhân viên Tòa án được lịnh tịch thu hết các hồ sơ chớ không phải coi từng hồ sơ nên tài liệu nói trên cũng được chất lên xe cam nhông số 3. Thế nên Sĩ Tải Huỳnh Hữu Lợi phải hối hả xuống Sài gòn báo tin ấy cho các bạn thân. Các Tín hữu cấp tốc liên lạc với nhân viên làm trong Tòa án Quân sự. Một việc khó khăn như vậy mà chỉ ngày hôm sau, một người trong Tòa án đem tài liệu về trao tận tay cho Sĩ Tải Lợi.

Thế là kế hoạch của Thống Đốc Pagès thất bại. Họ không tìm thấy tài liệu gì trong 10 xe cam nhông có thể buộc tội Đức Hộ Pháp. Họ trù hoạch phương án khác để diệt Đạo.

- Ngày 8-11 năm đó, họ đem 5 xe hơi vào Tòa Thánh bắt các

Chức sắc và Đạo hữu giải ra Tây Ninh.

- Ngày 15-5-Tân Tỵ (1941), Chính phủ Pháp cấm các công quả tạo tác không được xây tiếp Tòa Thánh.

- Ngày 4-6 vào 8 giờ sáng, lính mật thám vào bắt Đức Phạm Hộ Pháp.

- Ngày 9-7, Chủ Quận và lính vào Tòa Thánh xét giấy thuế thân và đuổi tất cả Tín hữu về tỉnh, về xứ, không cho ở trong chu vi Thánh địa.

- Ngày 11-7, lính Pháp lại vào bắt thêm 3 vị Chức sắc, ở Sài gòn một vị và Cao Miên một vị.

- Ngày 7-8, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh.

- Ngày 25-10, lính mật thám vào Tòa Thánh bắt thêm ba vị Chức sắc nữa.

Nhất là nhà cầm quyền Pháp tìm thấy văn bản của ông Godwin, Trưởng Lão của giáo hội Eglise Gnostique Đức quốc liên lạc với Đức Quyền Giáo Tông (13-11-1931), trong có đoạn viết:

"Bức thông điệp của Đức Ngài (Lê Văn Trung) đã tới Trung Âu. Tổng Giáo Hội Eglise Gnostique Đức Quốc mà tôi là Trưởng Lão quyết định liên hợp với Đạo Cao Đài.

Tôi được lãnh nhiệm vụ báo tin cho Đức Ngài biết sự quyết định này và kính xin Đức Ngài thông truyền cho chúng tôi về Lịch sử, Hiến chương, Giáo lý và những Nghi lễ của Đại Đạo[1]".

Trong khi đó, nước Pháp bị Hitler xâm chiếm, ở Đông Dương các đảng phái nổi lên chống ách thống trị của Pháp. Đó là những nguyên nhân mà mật thám Pháp buộc phải bắt Đức Hộ Pháp đưa đi an trí tại Di Linh rồi Sơn La để trừ hậu họa.

Chân dung Đức Phạm Hộ Pháp trong Chương này nổi lên nhiều tiếng xầm xì trong nhà Đạo do chức phẩm Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.

Trong quyển "Lịch sử Cao Đài" (quyển hai), Đồng Tân cho rằng từ khi ban hành Bộ Đạo Luật năm Mậu Dần (1938), Tòa

---

1-Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1972, trang 82.

Thánh trở thành một Chi phái [1]

Trước đó (1949), trong quyển "Histoire et Philosophie du Caodaisme", Gabriel Gobron khi viết về các phái Đạo khác của Đạo Cao Đài [2] chỉ liệt kê 11 phái, người đọc hiểu lầm là G. Gobron coi Tòa Thánh Tây Ninh cũng là một phái cho đủ 12 phái.

Trong Tiểu luận Cao Học Nhân Văn "Đại Lễ vía Đức Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ", trong lời nói đầu Đinh Văn Khá dẫn: "Giáo sư Nghiêm Thẩm cho biết rằng Đạo Cao Đài có rất nhiều Chi phái, nếu muốn nghiên cứu, ta nên chọn Tòa Thánh Tây Ninh, vì nơi đây được xem như là Thánh Địa của Đạo Cao Đài".

Thật vậy, một Giáo sư Nhân Văn, một nhà nghiên cứu thâm sâu về Đạo Cao Đài phát biểu một định đề rất chí lý. Người đời có nói gì đi nữa, các người ngoại quốc, các nhà khảo cứu Đông Tây muốn hiểu về Đạo Cao Đài cũng phải đi Tây Ninh, chớ không thể đến nơi nào khác. Đó là niềm vinh hạnh, điều tự hào cho các Tín hữu Cao Đài Tây Ninh.

Trong báo Văn Nghệ Trẻ số 10 (171) cũng viết:

"Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống dung hợp các luồng văn hóa ngoại nhập, dù đó là văn hóa phương Tây hay phương Đông, là văn hóa Trung Hoa hay là văn hóa Ấn Độ, Đạo Cao Đài ở Việt Nam đầu thế kỷ XX này là một minh chứng điển hình về tính dung hòa văn hóa của người Việt Nam".[3]

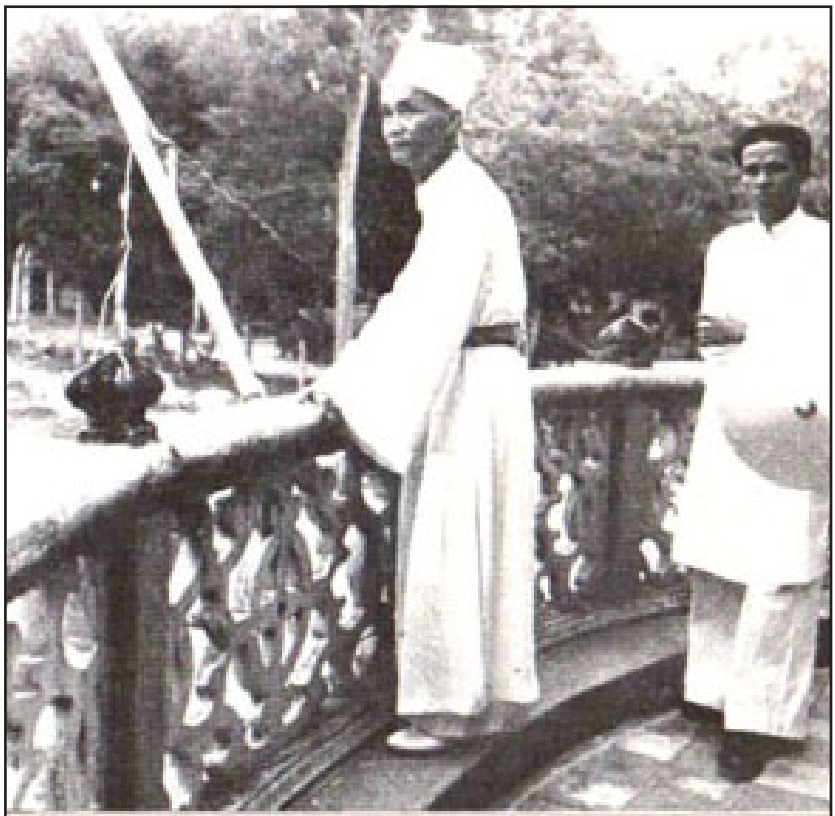
Khách bàng quang nhìn Đạo mỗi người một lối riêng, đó là ý kiến riêng của họ. Còn người Đạo vẫn trụ vững Đức Tin của mình, đó mới là điều đáng lưu tâm và đáng tôn vinh.

1-Đồng Tân, Lịch Sử Cao Đài, Cao Hiên 1972, trang 403.
2-Les diverses sectes du Caodaisme nơi trang 174.
3-Trần Lưu, "Đền Ngọc Sơn với sự dung hợp văn hóa", Văn Nghệ Trẻ số 10, 171.

CHƯƠNG V
MÃ ĐẢO PHÁP NẠN
(1941 - 1946)

1. Trấn Thánh Phi Châu.
2. Hết Mùa Pháp Nạn.

I. TRẤN THÁNH PHI CHÂU



Sa Sainteté PHAM-CONG-TAC assiste au cortège du haut du Temple.

Tin Đức Hộ Pháp bị Pháp bắt và bị đưa đi an trí loang ra làm chấn động cả toàn Đạo. Chức sắc và Đạo hữu xôn xao lo lắng, lại âu lo không rõ rồi đây nghiệp Đạo sẽ ra sao. Chức sắc đương quyền lúc ấy, một số tản cư đi lánh mặt, còn một số quyết chết vì Thầy vì Đạo ở lại làm việc.

Ngày 16.06 năm Tân Tỵ, một phiên nhóm bất thường của các Chức sắc tại Tòa Thánh để giao quyền cho ba vị Chánh Phối Sư, trong lúc Đức Hộ Pháp vắng mặt. Nhưng không biết có điều gì bí ẩn, mà hai vị Luật Sự Hiệp Thiên Đài là Phan hữu Phước và Võ văn Nhơn tranh giành các bổn Vi Bằng trước mặt ba vị Chánh Phối Sư. Thế nên việc cầm quyền thống nhất của ba vị Chánh Phối Sư không thành.

Tòa Thánh lúc ấy do Giáo Sư Thượng Tước Thanh và Giáo Hữu Thượng Chất Thanh điều hành và sắp đặt mọi việc để gìn giữ cơ nghiệp Đạo. Tuy nhiên, hàng tháng hai ông mới đến thăm một lần, chớ không dám ở.

Ngày 01.06 năm Tân Tỵ, Đức Hộ Pháp cùng năm vị Chức sắc: Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Giáo Sư Thái Phấn Thanh (bị bắt ở Cao Miên), Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Quyền Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển bị dẫn giải về giam tại Sàigòn.

Sau đây là vài nét về chư vị Chức sắc trên:

1. Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889-1954) được cầm Quyền Ngọc Chánh Phối Sư (1930), Chưởng Quản Phước Thiện (1937). Năm 1946, Ngài lãnh Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh, rồi qui vị ngày 22- 01 Giáp Ngọ.

2. Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh; từ lúc khai Đạo đã có Ngài, sau ở Mã Đảo về, vẫn tiếp tục làm việc Đạo.

3. Giáo Sư Thái Gấm Thanh, tên họ thật là Thái văn Gấm, ngồi Đầu Tộc Đạo Châu Đốc (1932-1933), Gia Định (1934-1935), Thượng Thống Công Viện (1936-1937), Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo (1938-1939), đi mở Đạo miền Trung (1940) và qui tại Mã Đảo (1943).

4. Giáo Sư Thái Phấn Thanh tức Trần văn Phấn giữ chức Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kiêm Biên (1941), thì bị Pháp bắt lưu đày, khi về nước Ngài sống ở Vũng Tàu, sau về Gò Vấp và từ trần năm 1965 (Gia Định).

5. Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển chết tại Mã Đảo, Phi Châu và về Cơ xưng là Thánh Phi Châu có bài thi như sau:

THI

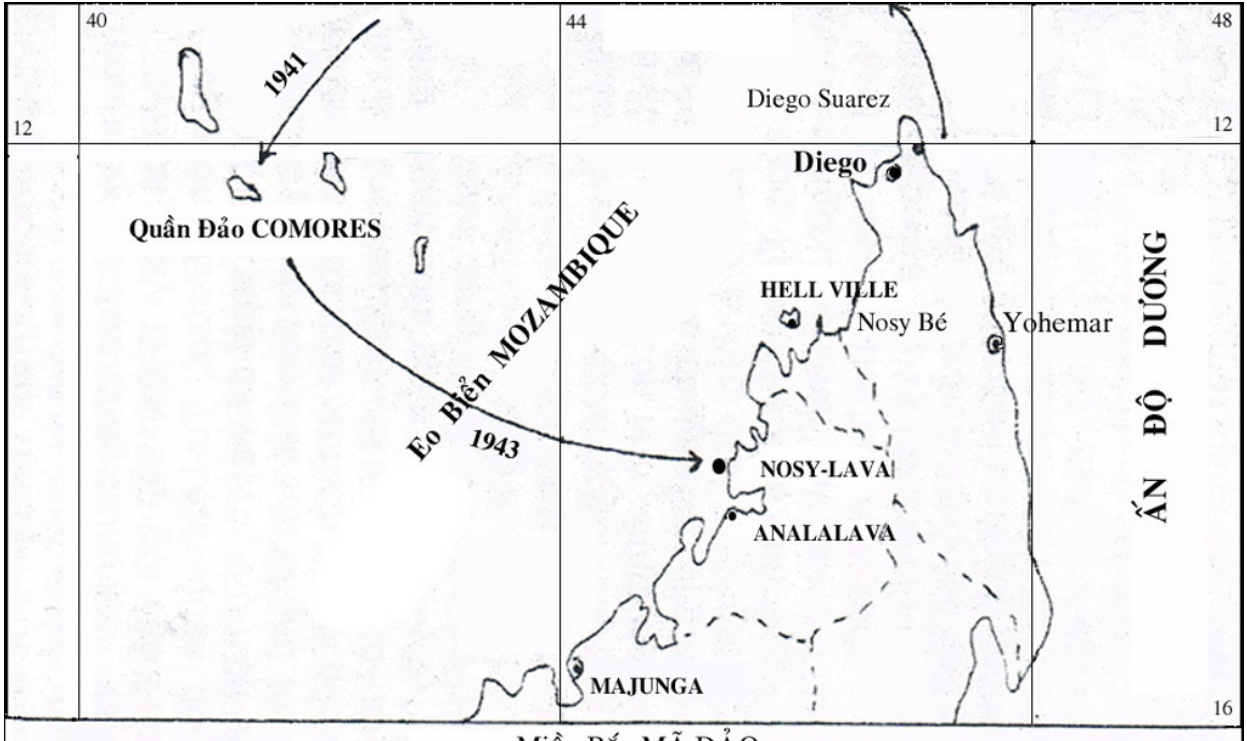
Cuộc đời còn lắm nỗi gay go,
Các Đấng ghe phen đã dặn dò.
Hành Đạo Cao Đài cho phải Đạo,
Học trò Xiển Giáo đáng danh trò.
Lợi quyền chớp nhoáng đừng mơ mộng,
Đạo đức trường tồn gắng chí lo.
Một kiếp phù sanh không mấy lát,
Thật hành cho vẹn Thích, Tiên, Nho.

Ngày 27.07.1941, Đức Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc bị đưa xuống tàu Compiège cùng mười hai chánh trị phạm tại cảng Nhà Rồng đi đến bến Diego Suarez, miền Bắc Madagascar. Tại đây đã có 11 chánh trị phạm người Việt khác đã bị Pháp đưa qua trước, hiệp chung là 29 người. Tất cả đều bị đưa đến quần đảo Comores.[1]

Trong số chính trị phạm gồm có (06) Chức sắc Đạo Cao Đài, (03) ba nhà cách mạng là Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Sang, Ngô văn Phiến, còn lại là Đảng viên Đệ Tam Quốc Tế. Tất cả bị giam tại quần đảo Comores từ tháng 9 đến tháng 11-1941.

Sau khi đày Đức Phạm Hộ Pháp, giữa năm 1942, quân Pháp được lịnh vào đóng quân ngay trên nền Đền Thánh mới xây cất, chưa kịp lót gạch và trang trí. Viên Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho binh lính đào đất dưới nền Hiệp Thiên Đài (vì chúng cho: "Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn, Hiệp Thiên Đài mất, thì Đạo dứt") chôn một trái mìn (mine) một ngàn kí lô.

1-*Xem hình - Miền Bắc Mã Đảo*



Miền Bắc MÃ ĐẢO

(Theo LAROUSSE UNIVERSEL. 2è Volume. Page 121)

Đường Biệt Xứ: CẢNG NHÀ RỒNG------>DIEGO SUAREZ----->COMORES----->NOSY-LAVA. 1946

Thực dân Pháp nghi ngờ Đạo Cao Đài có liên hệ với phát xít Đức vì trên nóc Hiệp Thiên Đài có chữ Vạn, nên chúng nghĩ thế nào phát xít Nhật cũng đến giải vây Tòa Thánh. Viên Tiểu Đoàn Trưởng lúc đó mới châm ngòi nổ, vừa diệt Nhật vừa diệt Đạo. Nhưng Nhật không tới, viên Tiểu Đoàn Trưởng đã được lệnh đổi đi và bàn giao cho Thiếu Tá Rouband. Ơn Trên xui khiến, viên Tiểu Đoàn Trưởng không ghi "Mission Impossible" này trong biên bản, nên Rouband khi được lệnh rút khỏi Tòa Thánh, đã không thi hành "Sứ mạng bất khả thi" này.

Vào Tết Bính Thân (1950), anh Ba Tất (Lê văn Tất) đọc tin này trên báo Paris Match, có trình lên Đức Hộ Pháp. Đức Ngài chỉ cười và bảo: "Nếu không có ai câu điện mà giựt, thì nó sẽ không nổ, để lâu ngày rồi nó cũng sét và trở thành đất mà thôi".

Mới hay, nơi Thầy ngự là Bạch Ngọc Kinh tại Thế, đâu thể phá đổ dễ dàng như ý nông cạn của một ít người.

Để hiểu một ít về Madagascar: nước này lệ thuộc Pháp từ thế kỷ XVII. Năm 1943, thuộc địa này bị Anh chiếm, nhưng Pháp vẫn còn chủ quyền (đây là chiến lược của phe Đồng Minh).

Năm 1946, Madagascar được độc lập, Chính phủ Liên Bang được thành lập, gọi tên mới là Cộng Hòa Malgache.[1]

Năm 1943, tình hình thế giới biến chuyển, Hitler chiếm nước Pháp. Pétain lập Chính phủ Vichy. De Gaulle lập Chính phủ lưu vong ở Anh. Pháp buộc phải dời Đức Hộ Pháp và các chánh trị phạm tới một đảo nhỏ, kín đáo, sát đảo lớn tên Nosy Lava (hay Nosi Lave) ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar. Tất cả bị câu lưu trong trại giam đến ngày 24.11.1944 mới được ra ngoài lao động. Trong những ngày tù đày làm coọc-vê, Đức Ngài được Đức Chí Tôn che chở, khiến cho bao tai nạn đều qua. Một lần xe hơi chở Đức Ngài cùng mấy chục người tù, qua một chiếc cầu bắt ngang sông. Cầu gãy, xe rớt theo, thế mà bao nhiêu người cùng rơi theo, không ai hề hấn gì cả.

Một lần khác, cũng xe chở tù, trong đó có Ngài. Xe đang leo

1- Larousse illustré. Paris 1952, trang 1517.

lên dốc núi thì bị thụt lùi, lăn từ trên cao xuống. May sao chỉ một gốc cây bên bờ vực thẳm mà ngăn được sức xe đang tuột dốc với một tốc độ kỳ dị. Tất cả mọi người đều hồn lìa khỏi xác từ từ tỉnh lại, bình tĩnh nhìn Ngài mà nói rằng: "Chúng ta thoát chết đều là nhờ ông lão nầy". Nhờ đó, từ đấy về sau ai ai cũng có thiện cảm với Đức Ngài.

Đức Ngài quan sát vùng quê Mã Đảo thấy người dân da đen, nơi nào cũng nghèo nàn. Họ làm ruộng theo phương pháp cổ truyền. Họ lùa trâu bò quẩng trên ruộng cho cỏ rạp xuống rồi vạch đất mà cấy, không dùng súc vật cày bừa như ở nước ta. Ngài thấy rõ ràng người Pháp không muốn mở mang nông nghiệp hay bất cứ việc gì, mà để dân ngu hòng dễ cai trị.

Lòng nhân của một Thiên Quân xui khiến Ngài phải hành động cứu nhân độ thế, dù bất cứ sắc dân nào. Ngài cùng Giáo Sư Phấn làm cầy, làm bừa rồi mắc kế bò cày bừa thử nghiệm cho dân Malgache thực hành. Họ tri ân Đức Ngài. Từ đó, phương pháp cày bằng trâu bò của nước ta được truyền rộng rãi trên Mã Đảo.

Dân Malgache cũng chưa biết xay lúa giã gạo, mà chỉ tuốt hột rồi tọt như dân thiểu số ở nước ta. Ngài nhờ ông Trọng làm cối xay, còn chính Ngài đục khoét làm một cái cối giả gạo. Mới được cơm ăn, còn nhà ở của dân đảo hầu hết là tranh lá, Ngài chỉ cho họ cách làm lò nung gạch, in gạch, in ngói. Ngài cho phép dân chúng được phổ biến cách làm gạch để chống lại độc quyền của bọn Pháp.

Cái ăn, cái ở đã có, nhưng đầu óc còn ngu dốt, thì không thể cải hóa dân sinh dân trí một cách hữu hiệu được. Đức Ngài coi dân đảo như đồng bào ruột thịt của mình, cần khai hóa và mở mang trí tuệ họ. Ngài lập một trường tiểu học gần nơi Ngài sinh sống, dạy tiếng địa phương và tiếng Pháp. Vì thế, họ coi Ngài như một Đấng Sư Biểu.

Chưa hết, Ngài còn chỉ họ cách hầm vôi, cách làm vòng vàng, bông tai, cà rá, kiềng vàng..giúp cho đời tươi đẹp hơn lên. Một đệ tử đã cảm khái những hoạt động khai hóa và từ thiện của

Đức Ngài bằng bài thi sau:

THI

Mến ông thợ bạc gốc Thầy tu,
Nuôi cả nhơn sanh bị nhốt tù.
Đẽo mẫu cày, bừa thâu lắm thóc,
Xây lò vôi, gạch, nhận nhiều xu.
Dắt dìu kẻ khó thành Vương Khải,
Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư.
Thầy tớ gặp nhau trên đảo vắng,
Pháo đâu như nổ dưới chân cù.

"Dẫn độ người lành ngự Ngọc Hư". Thật vậy, nhiệm vụ trọng yếu của Thiên Quân là truyền Đạo độ đời. Một hôm, Thiêng Liêng chuyển Đức Ngài đi qua đi lại nhà một cư sĩ trí thức ba lần. Vì được Sư ông báo trước sẽ có vị Phật sống đến độ dẫn, nên vị cư sĩ ra rước Ngài vào nhà, rồi quì xuống xin Ngài truyền tâm pháp Tu chơn. Ngài mở huyền quang khiếu cho cư sĩ được chứng ngộ tại thế.

Một lần khác, cô Marie, sinh viên du học tại Pháp, nằm mộng thấy Thần linh mách bảo: "trong nước xuất hiện vị Phật sống". Cô bỏ học trở về nước dù bị cha mẹ trách mắng, cô kiên trì tìm gặp Đức Ngài. Đức Ngài làm lễ Nhập môn cho cô Marie vào Đạo, rồi cô trở thành thư ký cho ông "thầu khoán bất đắc dĩ" để giúp nhân sanh.

Đức Ngài được cô Marie đưa đi tham quan cảnh hồ "Lac Tinivar". Hồ nầy nằm giữa hai ngọn đồi cao, hình bầu dục, bề ngang độ 300 thước, bề dài 500 thước, chấm dứt bằng một khoé ngắn, bên kia một khoé dài, kết hợp giống như một con mắt, mí dưới thấp, mí trên cao, rặng cây làm viền giống như chân mày. Rõ ràng là con mắt trái: "Thiên Nhãn".
Trong những giờ rỗi rảnh nơi xứ lạ quê người, Đức Ngài không bao giờ không vọng tưởng đến Đấng Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng. Đức Ngài cùng Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển phò loan, được các Đấng giáng an ủi.

Một hôm Đức Tiêu Diêu Đạo Sĩ giáng cho bài thi như vầy:

THI

Lược chiến từng quen đã bấy lâu,
Thiên Cơ đã rõ máy cao sâu.
Dằn lòng nhẫn nại chờ đôi lúc,
Sẽ thấy khuôn linh phép nhiệm mầu.

Chào Thiên Tôn và chư vị Thiên Phong, có Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng đến, để Bần Tăng đi triệu Thần Hoàng Bổn Cảnh tới gìn giữ Cơ.

Nhàn Âm Đạo Sĩ cười ... Bần Tăng lấy làm cảm xúc cho chư vị dường nầy. Hận thay cho giống dã man tàn bạo... Trung Quân là Nam Kinh đó vậy. Nơi ấy là ổ của Việt kiều. Thời cuộc Á Đông sẽ kết cuộc nơi đó.

THI

Quá hải đòi phen đến viếng nhau,
Ngặt không Cơ bút để lời giao.
An nhàn đợi thuở triều linh địa,
Chuyển thế gặp thời phải múa đao.
Cõi Á trở thành nơi chủng quốc,
Phương Âu sẽ diệt tận nô lao.[1]
Lửa hương đất Việt dầu quen nhúm,
Nhờ đám Trung Quân ở nước Tàu.

Ít lâu sau cầu Cơ, một vị (phái nữ) giáng không xưng tên mà cho bài thi sau:

THI

Nô-si-lao tiếng đặt buồn cười,
Mi đã rước ai hỡi hỡi ngươi.
Lượn thảm bủa ghềnh tình ột ạt,
Gió sầu xô đãnh ái tơi bời.
Yên phu điểu gợi thương cành sớm,
Giọng ngạn quyên khêu gọi buổi mai.
Tổ Quốc đón đường bao dặm thẳng,
Xa đưa thăm thẳm một phương trời.

1-Tức Nosi Lave ở về phía Bắc Tây Bắc Madagascar.

Nosy Lava là hòn đảo nhỏ ở phía Tây Bắc quần đảo Madagascar.

Về sau, Vô Danh thị lại giáng Cơ và nhủ: "Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong. Thiếp vì có mạng lịnh đến đây làm bạn bút nghiên trong lúc chư vị mang lịnh Chí Tôn cho ngơi nghỉ nơi đây. Chí Tôn than rằng: Chức sắc Thiên phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài đặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì cớ ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ".

THI

Đã phong trần phải chịu phong trần,
Có thân âu phải biết thương thân.
Nam xa ví chẳng vì đường khó,
Việt đãnh mong chi đượm lửa mừng.
Nặng gánh giang sơn là Thương Trụ,
Nhẹ tay cung kiếm ấy Thường Quân.
Ngũ hồ tứ hải không lưu lạc,
Mặt Địa cầu ta vốn định chừng.

Sau khi giải thích Nam xa, Việt đãnh thế nào, Vô Danh thị lại cho thi:

THI

Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
Mà nay làm khám nhốt Thầy tu.
Quả như oan nghiệt, vay rồi trả,
Thì lũ Tây man, Nhật Bổn trừ.

Những bài thơ trên đây đều có tính chất tiên đoán thời cuộc ở xứ nhà. Vô hình trung tuy xa thiên lý mà gần trong gang tấc. Tuy ít ai tin, nhưng việc gì tới sẽ tới.

Vô Danh thị là ai? Đó là Đức Linh Sơn Thánh Mẫu vâng lịnh Thất Nương Diêu Trì Cung đến viếng các Thánh bị nạn. Dù dấu tên nhưng Đức Hộ Pháp biết được, vì chiếc nhẫn nạm ngọc trên tay Ngài phát hào quang khi Bà thăng.

Hạt ngọc nầy của ông Lễ Sanh Võ văn Đợi tìm được ở Núi Bà, biếu cho Ngài. Nên biết ông Đợi theo Đức Hộ Pháp học tu tịnh,

đã chứng ngộ biết trước được nhiều việc, nên Ngài đổi tên ông Đợi ra Võ Linh Đoán và cho trụ trì ở Vạn Pháp Cung, để rước các Thầy tu ở núi lỡ vận.

Biến cố Núi Điện điêu tàn, một nhóm Chức sắc xin Đức Hộ Pháp cho rước cốt Bà Đen về Đền Thờ Phật Mẫu, Đức Ngài phê: "Bần Đạo vì thạnh tình lúc bị lưu đày, Bà thường đến thăm mà thuận cho".

Trong thời gian bị lưu đày, Đức Hộ Pháp thường cầu Cơ, lúc với Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển, lúc với Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Theo lời kể lại của ông Nguyễn Thế Truyền, vào năm 1965, với ông Hội Trưởng Thánh Thất Bàu Sen, Phạm Duy Tẩy và soạn giả (ông Truyền đến nhà anh Hai Tẩy để chích thuốc. Ở đây bổn Đạo ai cũng biết):

Đêm Noël (1945), [1] Đức Hộ Pháp và Ngài Khai Pháp phò Cơ, ông Nguyễn Thế Truyền làm đọc giả. Đức Lý giáng Cơ cho biết các ông sẽ được thả và đưa về Việt Nam vào cuối năm 1946.

Rồi Đức Lý ân phong cho ba ông:
1. Ông Nguyễn Thế Truyền phẩm Bảo Địa Lý Quân, giữ tròn vẹn lãnh thổ Việt Nam.
2. Ông Nguyễn Thế Song phẩm Bảo Thương Quân áp dụng việc trao đổi và điều hòa hàng hóa trong chúng sanh.
3. Ông Ngô văn Phiến phẩm Bảo Tinh Quân để bảo vệ môi trường và sinh mạng nhân loại.

Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Đức Hộ Pháp và các ông được tự do và trả về Việt Nam. Hai ông thường liên lạc với nhau.

"Tôi (L.H.CH.) thường gặp ông Nguyễn Thế Truyền khi tại Tòa Thánh Tây Ninh, khi ở Văn Phòng liên lạc số 145 đường Lagrandière (nay là đường Lý Tự Trọng) hay địa chỉ của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo Chủ Đạo Cao Đài, người bạn tù với ông ở Madagascar". [2]

1-Theo lời kể của ông Nguyễn Thế Truyền vào năm 1965.
2-Nhân vật Lịch sử - Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & Nay số 60.

II. HẾT MÙA PHÁP NẠN

Một hôm Đức Hộ Pháp nói với Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, người được Pháp cử làm đại diện tù nhơn tại Mã Đảo rằng: "Ba hôm nữa, chúng ta sẽ trở về nước".

Ngài Trần Duy Nghĩa cho là chuyện huyền hoặc, bịa đặt nên đáp: "Ông đã bày đặt Thượng Đế, Tiên, Phật, chớ làm gì có, để ngày nay đến nỗi nầy". Nói rồi hất quần áo của Đức Ngài từ trên phảng rơi xuống đất. Đức Ngài rơi lệ, cúi xuống nhặt và nói: "Thánh Pierre lần nầy là lần thứ ba ngươi phản ta". Nên biết Nguơn linh của Ngài Trần Khai Pháp là Thánh Pierre.

Ba hôm sau, quả như lời, quí vị được trả tự do. Ngài Trần Duy Nghĩa phải lạy Đức Ngài để xin lỗi. Bởi lẽ, sau khi người Pháp trở lại Đông Dương (tháng 9.1945), tình hình Việt Nam lúc bấy giờ thật rối ren, đảng phái nổi dậy nhiều nơi. Người Pháp muốn nắm lấy một vài đoàn thể có tổ chức chặt chẽ, đủ mạnh khả dĩ đương đầu với tình thế lúc bấy giờ.

Ở Việt Nam, ngày 8.04 Bính Tuất (8.05.1946), các cơ sở Đạo tại Sài gòn bị Chính phủ Pháp phong tỏa và bắt giam các người lãnh đạo. Họ hăm dọa đánh khảo và sau cùng yêu cầu hiệp tác. Sau 22 ngày bị bắt, bị đánh đập và sau ba ngày hội đàm, Trần Quang Vinh và Ménage ký Thỏa Ước ngày 9.06.1946, đại để:

- Đối với Pháp: Quân đội Cao Đài ngưng chiến đấu và giải tán tất cả các bộ đội lưu động kháng chiến.

- Đối với Đạo: Quân Pháp ngưng các cuộc khủng bố, không bắt giam Tín hữu, bảo đảm quyền tự do hành giáo và truyền giáo. Mở cửa Tòa Thánh và các Thánh Thất, được tự do tế tự trong phạm vi tôn giáo. Trao trả Đức Hộ Pháp và chư vị Thiên Phong về cố quốc, phục hồi các quyền công dân cho chư vị đó.

Vì các điều khoản đó mà Chính phủ Pháp mới trả tự do cho Đức Hộ Pháp. Khởi đầu Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (tức Trần Quang Vinh), ngày 16.08.1946 đến gặp Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ Cédile và Đổng Lý Văn Phòng Frémolle bàn tính việc rước Đức Hộ Pháp bằng máy bay để tỏ sự kính trọng đối với vị

lãnh đạo một Tôn giáo lớn.

Ngày 20.08.1946, nhà cầm quyền Pháp báo cho Đạo biết chuyền tàu Ile De France cập bến Vũng Tàu, trong đó có Đức Ngài. Giáo Sư Thượng Vinh Thanh vội ra Châu Tri cho toàn Đạo hay đặng chuẩn bị đón rước. Nhưng sau đó được tin mới, trên tàu Ile De France sắp cặp bến, không có Đức Hộ Pháp và chưa rõ ngày nào về. Vì lẽ đó Pháp cho một ít người tuyên truyền rằng: Pháp không biết bao giờ thả Đức Phạm Hộ Pháp. Mục đích của nhà cầm quyền Pháp là tránh dân Đạo tụ tập đông đảo mất an ninh.

Chiều ngày 21.08.1946, được tin chuyến tàu Ile De France đã cập bến Vũng Tàu (Cap Saint Jacques) trong đó có Đức Hộ Pháp. Nhà cầm quyền Pháp chuẩn bị đi rước bằng máy bay từ Cấp về Sàigòn.

09 giờ 20 sáng ngày 22.08.1946, phi cơ cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhứt, phái đoàn gồm có Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, ông Frémolle, Đổng Lý Văn Phòng của ông Cédile, Ủy Viên Cộng Hòa Nam Kỳ, ông Bazin, Sĩ quan Cò Mật thám. Khi đến Cấp, phi cơ bay lượn ba vòng trên chiếc tàu Ile De France rồi mới đáp xuống phi trường.

Nơi đó đã có quan Chủ Tỉnh Cap Saint-Jacques, M. Ropion, chờ tiếp đón. Rồi cả thảy lên xe hơi xuống bến tàu. Khi gặp mặt Đức Phạm Hộ Pháp, ai nấy đều mừng rỡ. Riêng ông Frémolle, thì ôm lấy Đức Ngài mà tỏ tình tri ngộ, vì lúc ở Mã Đảo hai người đã quen biết nhau. Kế đến là quan Tư Pháp Désanges và phu nhơn, người có phận sự đưa Đức Hộ Pháp từ Mã Đảo đến Sàigòn gặp Phái đoàn. Sau khi thủ tục hành chính thông thường xong, thì phái đoàn đưa Đức Ngài xuống tàu nhỏ trở vào đất liền.

Ông Chánh Chủ Tỉnh, M. Ropion rước Đức Ngài và phái đoàn về tư dinh đãi buổi cơm trưa. Sau đó, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh thuật lại giai đoạn mà Đức Ngài bị nạn (1941-1946). Nào là Tòa Thánh bị chiếm, chư Chức sắc phải hành Đạo ở Kiêm Biên (hạ tuần tháng 3 năm Nhâm Ngọ, 1942), hiệp tác

với Nhật Bản (1.12 Nhâm-Ngọ), ở hãng tàu Nitinan và Nội Ứng Nghĩa binh (1.01 Ất Dậu), lập Cao Đài Tham Mưu Quân Sự Vụ, hiệp tác với Mặt Trận Việt Minh, tới Thoả Ước ngày 9.06.1946.

Riêng Thỏa Ước thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: "Luật Công Bình Thiêng Liêng của Tạo Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cải đặng…, còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt Nam dứt đặng…".

Ý Đức Ngài muốn nói: Hoàn cảnh thúc bách đã tạo ra quân đội, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau nầy, nhận thay cái khổ cho nhân sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại Luật Thiên điều.

Tín đồ các nơi tấp nập kéo đến thăm Đức Ngài. Đức Ngài giang tay tiếp từng người để tỏ lòng trìu mến. Đức Ngài ngùi ngùi kể lại những năm dài lao khổ nơi hải ngoại, mà các Đấng lúc nào cũng giáng Cơ an ủi Đức Ngài. Tiếp đó là Giáo Sư Thượng Vinh Thanh và bổn bộ lần lượt kể lại tất cả sự việc 5 năm qua, buồn vui lẫn lộn.

Ngày 30.08.1946, toàn Đạo và Chánh Phủ làm lễ rước Đức Hộ Pháp về Tòa Thánh. Đoàn xe gồm 5 chiếc của Đạo và 7 chiếc của Pháp, nhưng chỉ có 5 chiếc của Đạo mới đưa về tới Tây Ninh.

Khi gần tới Tây Ninh, thì có Chủ Tỉnh Tây Ninh ra nghinh tiếp vào dinh Tỉnh Trưởng đàm luận. Sau đó, đoàn xe tiếp tục về Tòa Thánh đúng 12 giờ trưa. Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài với toàn thể Tín đồ nam nữ đã xếp hàng dày đặc hai bên đường nghênh tiếp Đức Ngài. Xe vừa ngừng, Đức Ngài xuống xe bước vào cửa Đền Thánh, Đức Ngài quá cảm động khi đối diện người xưa cảnh cũ đến nỗi không ngăn được dòng lệ cảm hoài.

Các Chức sắc thấy thế cũng chan hòa đồng nhịp tuông châu thương hận. Tiếng Đại Hồng Chung đổ hồi mừng người xưa trở lại. Người người trật tự đi sau lưng Đức Ngài bước vào Bửu

Điện đảnh lễ Đức Chí Tôn. Sau đó, Đức Ngài qua Giáo Tông Đường làm lễ Đức Quyền Giáo Tông, đoạn xuống phòng khách dự chứng cuộc tiếp nghinh.

Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước đại diện cho Hiệp Thiên Đài, Giáo Sư Thượng Vinh Thanh đại diện cho Cửu Trùng Đài và một Sĩ quan Pháp đại diện cho Chính phủ Bảo hộ, mỗi người đọc một bài diễn văn để chúc mừng. Sau cùng, Đức Ngài đáp từ và tuyên bố về chủ trương của Đạo Cao Đài.

Bữa tiệc mừng ngày hồi loan của Đức Phạm Hộ Pháp bắt đầu trong bầu không khí vui tươi cởi mở. Tất cả đều hướng về Đức Ngài trông đợi những ngày thanh bình thạnh trị.

Sau đó Đức Cao Thượng Sanh đến thăm Đức Ngài, có lưu một bài thơ cảm tác như vầy:

Cảm Tác

Nhành lá rừng tòng đã điểm tươi,
Còn non còn nước lại còn người.
Xa nhà bỏ lúc thương pha hận,
Gặp bạn này khi khóc lộn cười.
Nguồn Đạo xưa trong đôi cảnh nghịch,
Thuyền từ nay lướt một dòng xuôi.
Trời Nam thử điểm trang tân sử,
Đổ lệ cùng nhau gượng để lời.

Cao Thượng Sanh

Họa Vận

Sắc son nhuộm tánh đậm màu tươi,
Hay dở khen chê để miệng người.
Đày đọa xét thân không hổ thẹn,
Sang vinh nghĩ phận quá buồn cười.
Vó kỳ từng trải đường nguy hiểm,
Cánh hạc quen chìu gió ngược xuôi.
Ước trả mảy may ơn xã tắc,
Nợ muôn đền một kể chi lời.

Đức Hộ Pháp

Lại Họa Vận

Màu xe Tây vức ngắm thêm tươi,
Hỏi khách Hỗn nguơn đặng mấy người.
Ly hận ngày qua, non ngó khóc,
Trùng hưng buổi hiện, gió reo cười.
Cơ huyền trí tịnh tan rồi hiệp,
Phép Tạo tay cầm ngược cũng xuôi.
Tỏ đặng nỗi mừng chia hạnh phúc,
Đá kia cũng gật để nên lời.

Cao Tiếp Đạo

Đức Cao Thượng Sanh ở lại để cúng Rằm và dự Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, bà Bát Nương giáng Cơ cho Đức Hộ Pháp thi:

THI

Đào nguyên lại trổ trái hai lần,
Ai ngỡ Việt thường đã thấy Lân.
Cung Đẩu ví xa gươm Xích quỷ,
Thiên Cung mở rộng cửa Hà ngân.
Xuân Thu định vững ngôi lương tể,
Phất Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tắc,
Mở đường quốc thể định Phong vân.

BÁT NƯƠNG

Họa Vận

Chông gai đường Đạo mãng dò lần,
Từ bước ta bà trở cố lân.
Biển Bắc vừa nghe hơi súng nổ,
Gành Nam kế lóng tiếng chuông ngân.
Buồm thuyền tế độ sang mơ mộng,
Gió hạc chiêu Tiên giục định thần.
Cam lộ kìa ai dành để sẵn,
Cành Dương rửa sạch nét phù vân.

Đức Hộ Pháp

Lại Họa Vận

Dựng gầy xã tắc bấy nhiêu lần,
Mong mỏi vùng Nam đặng thấy Lân.
Đãnh Việt Trời che gìn cảnh trí,
Thuyền Nam Đạo vững lướt dòng ngân.
Đài hoa tạc để gương anh kiệt,
Thiên khiển dành riêng đám tội thần.
Gặp phải nước nhà cơn loạn lạc,
Làm trai tua vẹn trí thanh vân.

Cao Thượng Sanh

Sau khi Đức Phạm Hộ Pháp hồi loan, ông Lễ Sanh Thượng Tý Thanh vào viếng Sư Phụ. Đức Ngài nhìn ông rồi hỏi: "Sao mấy em cắt tóc ngắn hết vậy?".

Ông Tý trình rằng: Khi vào làm hãng tàu Nitinan, Nhật buộc phải cắt tóc. Các ông có cầu Cơ được Đức Lý chuẩn thuận. Đức Ngài chuyển sang việc Nội Ứng Nghĩa binh tham gia đảo chánh ngày 9.03.1945. Đức Ngài nói: "Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm".

Ai cũng biết, quân đội Cao Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội Ứng Nghĩa binh (1945), trước khi Đức Hộ Pháp được trả tự do. Thế nên Đức Ngài minh định: "Chỉ có quân đội Cao Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập".

Văn thơ số 115/HP-TTVP đề ngày 17.01.1949 gởi cho Thượng sứ Pháp và Đại Tướng Blaizot, Tư Lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, Đức Ngài đã viết rõ: "Sự hiện diện của những tổ chức quân lực Cao Đài của chúng tôi đã đến giai đoạn không còn cần thiết nữa. Chúng tôi để cho nhà binh Pháp tự do định liệu ngày giờ để chúng tôi giao hồi khí giới, ước mong được sớm ngày nào tốt ngày ấy".

Chân dung Đức Hộ Pháp trong những năm bị lưu đày, thể hiện rõ tư tưởng Đại Đồng, yêu thương nhân loại. Đức Ngài đã giúp

dân Malgache cải thiện cuộc sống và thân hữu với kẻ địch. Ngoài lòng yêu dân (Ngài có bút hiệu là Ái Dân) còn nhớ cố hương trong những lúc rảnh rổi, Đức Ngài trò chuyện với ông Nguyễn Thế Truyền rất là tâm đắc.

Ông Truyền kể cho Đức Ngài về hoạt động của nhóm Ngũ Long (Phan văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh) trong những năm đầu của thế kỷ hai mươi này ở Pháp. Ông Truyền cho biết ông

(Nhân vật lịch sử - Nguyễn Thế Truyền, Tạp Chí Xưa & nay số 60)

Sĩ tải Đỗ Quang Hiển Khai Pháp Trần Duy Nghĩa





Nguyễn Ái Quốc có tình yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, nhất định phải giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của Thực dân Pháp.

Nhờ đó, hai ông thân nhau và lập ra nhóm Ngũ Bạch. Rồi cầu Cơ, Đức Lý giáng Cơ thu nhận ba nhà cách mạng vào hàng Bảo Quân. Xem thế dù hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài luôn Phổ Độ chúng sanh như lời nguyện.



ĐỨC HỘ PHÁP

CHƯƠNG VI
VAI TRÒ CỦA ĐỨC HỘ PHÁP TRONG THỂ PHÁP VÀ BÍ PHÁP
(1947 - 1951)

1. Phương Luyện Kỷ và Pháp trị Tâm.
2. Cao Đài Quốc Đạo.
3. Đức Hộ Pháp tái thủ quyền Đạo.
4. Đức Hộ Pháp thuyết Đạo về quyền năng Tôn giáo.
5. Đức Hộ Pháp ra Châu Tri ân xá các Chi phái.
6. Những chuyến đi thăm thiện chí.
7. Nhập Tịnh Thất Trí Huệ Cung.
8. Vai trò Đức Hộ Pháp với Bí Pháp.
9. Người ươm mầm Đạo Dịch.

I. PHƯƠNG LUYỆN KỶ - PHÉP TRỊ TÂM

Thiên chức của Đức Hộ Pháp là giáo dân qui thiện. Thế nên, trong hoàn cảnh khó khăn nào, Đức Ngài vẫn dành nhiều thời giờ để giáo hóa Tín đồ đạt Pháp.

Ngày 14 tháng giêng năm Đinh Hợi (1947), Đức Ngài đã ban hành Đạo Lịnh 209-HP chỉ dẫn về Phương Luyện Kỷ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo (tức Luyện Kỷ, Tu Đơn, Thiền định).

Nhớ lại từ 14.01.1926, Đức Chí Tôn đã truyền Tân Pháp Tu chơn cho Đức Ngài và nay Ngài truyền lại cho nhơn sanh. Tại vì không tìm hiểu tận nơi mà có người cho là Tòa Thánh Tây Ninh chỉ có Tịnh Thất cho Tín đồ mà không có lý Pháp tu Tịnh cho Chức sắc.[1]

Đức Chí Tôn đã dạy: "Phải bày Bửu pháp ra không đặng dấu

1-Đồng Tân, Lịch Sử Đạo Cao Đài, Quyển II, Sài gòn 1972, trang 402.

nữa". [1] Việc luyện Tinh, Khí, Thần đã truyền ra rồi [2] cứ theo đó mà hành Pháp "Dầu không Thiên Phong hễ gắng tâm thiện niệm cũng đạt hồi đặng". [3]

Dưới đây là Đạo Lịnh 209-HP, Đức Phạm Hộ Pháp đã ban hành công khai:

PHƯƠNG LUYỆN KỶ
Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo

- Phải biết thân thiết cùng cả nhơn vật, tức là tìm nguyên do của Vạn linh cùng Chí Linh.
- Phải ân hậu và khoan hồng.
- Phải thanh nhàn, đừng vị kỷ.
- Phải bình tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh hưởng của họa, phước, buồn, vui (tập Tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào Chơn Tánh).
- Phải độ lượng, khoan dung, tha thứ.
- Phải vui vẻ, điều hòa, tự chủ và quyết đoán.
- Giữ linh tâm làm căn bổn.
- Hiếu hạnh với Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ TÂM
Vì Tâm là hình ảnh của Thiên Lương

1. Đức Tin và khôn ngoan là kho chí bửu, ngoài ra là của bỏ, là đồ vô giá.
2. Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công chánh cho đặng.
3. Ai chẳng oán hận mới thắng đặng kẻ thù nghịch cùng mình.
4. Sự cừu hận là khối thảm khổ đệ nhứt của nhơn sanh, nên người hiền thì không biết đến hay là từ bỏ cừu hận, oán ghét.

1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q. I, trang 13.

2-Xin xem: Trường Dưỡng Tinh Khí Thần, "Quan Niệm Tu Chơn".

3-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển đầu đêm 17-9-1927.

5. Thắng đặng khí nộ mình, thì không chọc ai giận dữ.
6. Lấy Thiện mà trừ Ác.
7. Lấy Nhơn Nghĩa trừ bạo tàn.
8. Lấy lòng quảng đại đặng mở tâm lý hẹp hòi.
9. Lấy Chánh trừ Tà.
Ấy là đường thương Huệ Kiếm.

LUYỆN THÂN, LUYỆN TRÍ

- Ẩm thực tinh khiết.
- Tư tưởng tinh khiết.
- Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đức Chí Tôn, Phật Mẫu.
- Thương yêu vô tận.
Ấy là chìa khóa mở cửa Bát Quái Đài tại thế nầy.

Ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947)
HỘ PHÁP
(Ấn ký)

Phương pháp Trị Tâm của Đức Hộ Pháp nói gọn là Pháp Tâm hay Đạo Tâm. Vào cửa Đạo đi tu là cố gắng tĩnh lặng cái Tâm "Nhân chi sơ, Tánh bản Thiện" của ta.

Bởi lẽ, Tâm dẫn đầu hết thảy mọi hành động. Khi sinh hoạt theo hướng Tham Sân Si, nhỏ mọn, trách cứ, lo âu, sầu muộn ..., đó là Ác Tâm.

Khi lòng ta rộng lượng, vị tha, hoan hỉ, thương người, đó là các Tâm Chơn chánh: Đạo Tâm. Nếu Tâm còn bợn đục, thì phải tẩy Tâm, soi rọi lại lòng mình mà Hồi Quang Phản Chiếu để Minh Tâm Kiến Tánh.

Đức Phật Mẫu đã dạy trong bài Kinh Cửu Cửu:

Cung Trí Giác trụ tinh thần,
Huờn hư mầu nhiệm thoát trần đăng Tiên.

Muốn huờn hư giải thoát đặng đăng Tiên, thì trí tuệ phải giác ngộ nhờ luyện Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Tất cả mọi Tịnh Thất

trong Đạo Cao Đài đều chú trọng đến việc trau giồi cái Tâm: Trí giác, Trí tuệ, vạn Pháp.

Muốn trau giồi cái Tâm, phải tu luyện, đọc sách Thánh Hiền, không đọc sách dễ dẫn ta đến bến mê, sai lầm. Chỉ có bậc thượng căn như Huệ Năng Lục Tổ, không biết chữ mà quán thông Đạo pháp, mới được tôn sùng là bậc Đại Giác Ngộ. Còn kẻ phàm phu phải tẩy Tâm, rửa sạch bợn trần, giúp Tâm thanh tịnh phát Huệ.

Được như thế, mới đáp lại nhận định của một người nước ngoài: "Đạo Cao Đài bao dung mọi tôn giáo, thuận lý với khoa học".

Ta xem "Phương Pháp Trị Tâm" của Đức Phạm Hộ Pháp so sánh thấy phù hợp với "Thập Mục Ngưu Đồ" (Mười bức tranh chăn trâu, ngụ ý dạy về Tu chơn). Mười bức tranh nầy vẽ trong Chánh Điện Chùa Tam Tông Miếu (tức chi Minh Lý trong Ngũ Chi Đại Đạo).

A. Thập Mục Ngưu Đồ (TMNĐ).
B. Phương Pháp Trị Tâm (PPTT).

Ta thấy cả hai đều có 10 câu, 10 đề tài (mười bức họa) như sau:

1. TMNĐ: Tìm trâu (tầm ngưu)
   PPTT: Thanh Tâm Công chánh
2. TMNĐ: Thấy dấu trâu (kiến tích)
   PPTT: Thắng đặng mình
3. TMNĐ: Thấy trâu (kiến ngưu tức thấy Tâm mình)
   PPTT: Từ bỏ cừu hận
4. TMNĐ: Được trâu (đắc ngưu)
   PPTT: Thắng đặng khí nộ (thì được Tâm mình)
5. TMNĐ: Chăn trâu (mục ngưu)
   PPTT: Lấy Thiện mà trừ Ác
6. TMNĐ: Cưỡi trâu về nhà (kỵ ngưu qui gia)
   PPTT: Lấy Nhơn Nghĩa trừ bạo tàn
7. TMNĐ: quên trâu còn người (vong ngưu tồn nhơn)
   PPTT: Đức Tin và khôn ngoan là kho chí bửu
8. TMNĐ: Người trâu đều quên (nhơn ngưu câu vong)
   PPTT: Lấy lòng quảng đại

9. TMNĐ: Buông tay vào chợ.
PPTT: Lấy Chánh trừ Tà
10. TMNĐ: Phản Bổn Hườn Nguyên
PPTT: Ấy là đường thương Huệ Kiếm.

Mười bức tranh vẽ trâu (chỉ cái Tâm), ý nói "Bạch Ngưu Xa" tức Phật Thừa, là cái Đại viên giác, tu Đốn ngộ. Bức tranh 1 "Tìm Trâu", trâu đâu mà tìm? Trong phút giây khác thường nào đó, ta nghi ngờ những điều tai nghe mắt thấy, tức nghi ngờ cái Chánh Tâm ta. Khi ta hỏi Tâm ở đâu, chẳng khác nào ta hỏi trâu ở đâu? Trong khi chính ta đang cưỡi trâu. Ta đi tìm cái Tâm.

Rốt cuộc Tâm ở nơi lòng ta. Ta chỉ cần dừng lại, nó hiện ngay trước mắt ta. Nếu loài người biết dừng lại (định tâm suy nghĩ) trong vài phút thôi, thì thế gian nầy không đến nỗi buồn thảm. Sau giai đoạn ngoại cầu, đến giai đoạn tư tri, tự giác. Khi người và trâu đều quên (nhơn ngưu câu vong), thì nơi chân trời hiện lên mặt Trời huệ, tượng trưng bằng vòng tròn Vô vi Viên Giác. Đó là Tâm Không, đạt Đạo rồi!

Trở về ngôi vị cũ với bức họa 9 nhan đề: Phản Bổn Huờn Nguyên. Vẽ cảnh lá rụng về cội, nước chảy về nguồn. Từ nguyên thủy, con người vốn thanh tịnh, vốn là Không, nên chỉ cần hiểu thấu Tánh mình là Huờn Nguyên.

Mười bức tranh trâu và 10 Phương pháp Trị Tâm có thể tóm gọn một câu: "Vô Tâm, Đạo dễ tầm" (Vô tâm, Đạo dị tầm).[1]

II. CAO ĐÀI QUỐC ĐẠO

Từ ngày 12-08 Bính Dần (18.09.1926), Đức Chí Tôn tiên tri Cao Đài sẽ là Quốc Đạo tại Việt Nam. Nhiều người muốn biết ý nghĩa về hai chữ Quốc Đạo.

Thế nên, ngày 30-07 Đinh Hợi (1947), Đức Hộ Pháp bắt đầu giảng về sự giáng trần của Đức Chí Tôn.

Đức Ngài nói: "Trên Thế giới có ba Đền Thờ Chí Tôn:

1-Xem thêm mục 7 & 8, cùng Chương này.

- Đền Thờ Lama (Tibet).
- Đền Thờ Rome (Vatican).
- Đền Thờ Cao Đài (Tòa Thánh Tây Ninh).[1]

Đêm 30-09 Đinh Hợi (1947), Đức Ngài giảng Quốc Đạo và Đại Đồng Thế giới. Đức Ngài nói:

"Hai chữ Quốc Đạo lần đầu Chí Tôn viết ra làm cho Bần Đạo mờ mịt… Bần Đạo 35 tuổi, Chí Tôn biết Bần Đạo khao khát nên đem cho tinh thần ấy… Vì thiên hạ nói rằng Việt Nam không có Đạo (Từ thuở nước Nam chẳng Đạo nhà).

Nước ta nào là bóng chàng, đồng cốt, ông Tà, ông Địa làm cho nhơ nhuốc tinh thần Đạo giáo. Bần Đạo uất ức về những điều đó. Ngày Chí Tôn tình cờ đến… Ban đầu làm bạn thân, sau xưng thiệt danh, Ngài biểu Bần Đạo phế đời theo Thầy lập Đạo…

Bần Đạo thưa: "Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus, Thích Ca con làm cũng không đặng. Con chỉ làm Phạm Công Tắc mà thôi".

Ngài trả lời: "Tắc, thảng như Thầy lấy tánh Phạm Công Tắc mà lập Giáo con mới nghĩ sao? Bần Đạo liền trả lời: "Nếu đặng vậy…". Ngài liền nói: "Thầy đến lập cho nước Việt Nam nầy một Quốc Đạo".

Được nghe nói một điều mà mình thèm ước, nên Bần Đạo không từ chối…

Ngài cho một bài thi:

"Từ đây nòi giống chẳng chia ba",

Tức không chia ra ba Đạo (Nho, Thích, Lão), chớ không phải ba Kỳ (Nam, Trung, Bắc).

"Thầy hiệp các con lại một nhà".

Thầy nắm chủ quyền hiệp Tam Giáo, nếu nói riêng nòi giống ta là hiệp Nam, Trung, Bắc thì vô lý lắm.

"Nam Bắc cùng rồi ra ngoại quốc",

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I, Tây Ninh, 1970, trang 57-58.

Nền chơn giáo Quốc Đạo không phải của ta thôi mà còn của toàn nhơn loại. Truyền giáo Nam, Bắc thành Tướng rồi ra ngoại quốc, tức là Tôn giáo hoàn cầu vậy.

"Chủ quyền Chơn Đạo một mình Ta".

Ngài vi chủ cả năm châu về tín ngưỡng, qui nhứt Tam Giáo. Chính Chí Tôn là Chúa tể Càn Khôn Thế giới, làm chúa nền Chánh giáo tại nước Nam vi chủ tinh thần loài người tức đủ quyền năng lập Quốc Đạo.

Chí Tôn nói rằng: "Quốc Đạo nầy Ngài qui tụ tinh thần Đạo đức, trí thức toàn nhơn loại… Cả thảy sống đồng sống, chết đồng chết đặng đem Quốc Đạo làm môi giới Đại Đồng thế giới".[1]

"Vậy hai chữ Đại Đồng là gì? Bạn đồng sanh, nhìn nhau hiệp một trong nguyên căn gọi là Đại Đồng. Thuyết Đại Đồng ngày nay thể hiện ra sao? Cung kính, tôn trọng, quý hóa mạng sanh vạn loại. Loài người đứng phẩm tối cao tối trọng, thay thế hình ảnh Chí Tôn, có quyền làm chúa Đại Đồng…

Thuyết Đại Đồng kết quả được là khi nào lấy thuyết hữu thần Duy Tâm làm môi giới chung, trong sự yêu ái tôn trọng nhau trong tình anh em đồng một căn cội, một máu thịt. Vì cớ, các Đấng giáng Cơ bên Âu Châu nói: "Loài người sẽ đạt được địa vị tối cao tối trọng mà họ mong muốn, khi loài người chỉ có một Nòi giống, một Quốc Gia, một Tôn giáo. Ngày nào loài người đạt được ba điều ấy thì Thế giới Đại Đồng".[2]

Kể từ mồng 1 tháng 4 năm Mậu Tý (1948), Đức Hộ Pháp triển khai Thánh Giáo của Đức Cao Đài dạy về "Nam phong, Nhơn phong".

Theo bài thi của Đức Chí Tôn cho Hoàng Đế Bảo Đại, có hai câu yếu trọng: [3]

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I, Tây Ninh 1970, trang 87-88.

2-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển I, Tây Ninh 1970, trang 105-106.

3-Xem "Quốc Đạo Nam Phong".

Quốc Đạo kim triêu thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhựt biến Nhơn phong.

Đức Chí Tôn muốn nói với Bảo Đại về nền Quốc Đạo (Nho, Thích, Lão) ngày nay đã thành Đại Đạo (tức Vạn giáo).

Câu thứ nhì "Nam phong thử nhựt biến Nhơn phong", chữ Phong đây là phong tục. Chí Tôn muốn phong tục nước Nam sẽ làm nền cho phong hóa của loài người.

Chí Tôn vì quá thương mà nói? Chúng ta phải coi nền Quốc Đạo có sẽ trở nên nền tôn giáo của toàn cầu chăng? Và phong hóa của chúng ta có thể thay thế phong hóa của cả nhơn loại chăng?

"…Chúng ta có lịch sử bốn ngàn năm tranh đấu cho tự do, độc lập không chịu tùng mạng lịnh của Trung Hoa…Chúng ta phải chịu ảnh hưởng trọng hệ hơn hết của hai nền Tôn giáo Trung Hoa và Ấn Độ. Hai khối tinh thần ấy hiệp nhau lại làm một nền tôn giáo". [1]

Thật vậy, triết gia Charles Renouvier cũng kêu gọi đồng bào ông hãy quay về tôn thờ Triết học Đông Phương. [2]

Luồng tư tưởng lớn Ấn Độ nằm trong Bà La Môn Giáo và Phật Giáo. Luồng tư tưởng lớn Trung Hoa nằm trong Lão Giáo và Khổng Giáo. Đặc biệt nhứt là cả hai luồng tư tưởng lớn nầy đều hướng về Việt Nam, tập trung nơi đây, thăng hoa và phát triển đến cao độ, khiến nước nầy có cái thế vươn mình xa rộng khắp Đông Nam Á. [3]

"Nước Việt Nam trên mảnh đất phì nhiêu nên Tổ Phụ ta biết trọng sanh mạng con cái của Trời, biết nhận nhơn loại là anh em, là cốt nhục, đồng chủng; biết câu "Tứ hải giai huynh đệ"…

Bất cứ Tôn giáo nào đến nước Việt Nam thì Tổ Phụ ta đều kính

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II, Tây Ninh 1973, trang 44, 49, 50, 53, 55.

2-Dẫn bổ Schawb trong Renaussances Orientales, Paris Payot, trang 104.

3-Helmuth de Glassenapp, les cinq grandes Religions du Monde, Paris 1954, trang 255.

trọng tôn sùng. Lòng mộ Đạo của Tổ Phụ ta do lấy lương thiện làm căn bản, lấy Nhơn Nghĩa làm môi giới, cái sự tôn trọng của Tổ Phụ ta hiển nhiên…Nền Nhơn Nghĩa của chúng ta có thể làm môi giới cho các chủng tộc trên thế giới. Đạo Nhơn Nghĩa của chúng ta là một căn bản của Quốc thể và có thể thành Quốc Đạo được". [1]

Nhân Sinh nhật của Ngài năm đó, Đức Ngài giảng tiếp về Nam Phong "Thời kỳ nầy Chí Tôn đến lấy Nho Tông để chuyển thế và thi thố cho toàn cầu vạn quốc một triết lý tối tân, đặng chỉnh đốn sửa đương những tệ tục đồi phong của nhơn loại mà thay vào Thánh chất ..".(trang 50).

"Đạo Nho có Thất Thập Nhị Hiền và Tam Thập Lục Thiên Đồ đệ. Chí Tôn lập Hội Thánh có nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ đệ. Rõ ràng là Hội Thánh của Đạo Nho đó" (trang 52).

"Chúng ta thấy Đạo Nhơn luân của các sắc dân trên mặt địa cầu buổi nầy đã nghiêng đổ và lung lạc. Nhứt là bên Âu Châu, Đạo Nhơn luân của họ tồi tệ quá thường .. Hại thay! Trải qua tám chục năm nay, những tính yêu nghiệt ấy lại truyền sang nòi giống ta. Đạo Nhơn luân đã vậy, tinh thần con người không còn biết nhơn phẩm, nhơn cách gì nên hạt giống yêu nghiệt biến sanh ra mãi thôi. Thành thử, nhơn loại ngày nay quá bạo ngược tương tàn, tương sát lẫn nhau, người đối với người còn dữ tợn hơn thú đối với thú nữa.

Cha không xứng phận cha, con chẳng biết đạo con, anh chẳng ra anh, em chẳng ra em, chồng không nên chồng, vợ không đáng vợ. Nền luân lý của nhơn loại trên mặt địa cầu nầy không còn khuôn phép gì hết.

"May thay! Đạo nhơn luân của Tổ Phụ chúng ta lưu lại, dầu bị ảnh hưởng văn minh ngoại bang làm ô uế, nhưng nhờ Đức Chí Tôn đến phổ truyền nền Chơn giáo của Ngài có thể sửa đương và làm khuôn mẫu cho toàn các sắc dân trên mặt Địa cầu nầy

---

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II, Tây Ninh 1973, trang 44, 49, 50, 52, 55.

bắt chước nữa".

"Bần Đạo xin nói trước rằng nó tốt đẹp không gì bì đặng. Hại thay! vì Quốc Dân xu hướng theo vào mệnh tân thời, muốn phế bỏ nó, nên đức Thanh Sơn đề thi trị báo rằng: [1]

"Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,
Chi cần dị chủng đến dâng công?".

Nền văn hóa nước ta đạt được trải qua bốn ngàn năm, không cần ai dâng công tạo văn hiến khác".[2] Tinh thần đó đã thể hiện qua việc tôn thờ cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, có Victor Hugo và Tôn Trung Sơn hầu hạ, có thể coi như là một biểu hiện của tinh thần vị quốc trong lãnh vực Tôn giáo".[3]

Thật vậy, Đức Thanh Sơn tiêu biểu cho nhơn cách người Việt Nam, tập trung nơi Người thuyết Tam Giáo Đồng Nguyên, phù hợp với chủ trương Tam Giáo Qui Nguyên của Đạo Cao Đài. Người không màng danh lợi, từ quan về Am Bạch Vân ở ẩn, do ảnh hưởng Lão Giáo; yêu dân, đau nỗi đau của người dân, do ảnh hưởng thuyết Từ Bi của Phật Giáo.

Lý tưởng chánh trị cao nhứt của Nho Giáo là chánh sách "Đức Trị", tương đồng với chủ trương "Trị, Bình" của Nguyễn Bỉnh Khiêm "Cư kính như hành giản" (ăn ở chân chánh, hành động đơn giản).

Tóm lại, nhơn cách của Đức Thanh Sơn tiêu biểu cho Nam Phong. Cái phong hóa mà Đạo Cao Đài đề cao đạt tới Chân, Thiện, Mỹ nhằm thi đua với văn minh cơ giới. Đạo Cao Đài tự chọn cho nước mình (cái điểm tựa đầu tiên của Đạo Cao Đài) một con đường khác hơn những nước phát triển công nghiệp lắm mưu lược và nhiều xô xát.
Đức Hộ Pháp tin rằng một ngày kia loài người hồi đầu hướng Thiện và lúc đó chính là lúc "Nam phong thử nhựt biến Nhơn

---

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II, Tây Ninh 1973, trang 55, 67, 68.

2-Sách đã dẫn, trang 44, 49, 50, 52, 55.

3-Tạp chí Đại Trường, "Vị trí Đại Việt Trong Lịch Sử Việt Nam", Sài gòn, Tập San Sử Địa số 4 - 1966, trang 90.

phong", lấy văn hóa con người Việt Nam làm văn hóa nhơn loại mà Thanh Sơn Đạo Sĩ là tấm gương tiêu biểu. Hiểu được Sư Phó (Le Maitre) Bạch Vân Động là hiểu được giáo thuyết Đạo Cao Đài.

Nó là một thực thể xã hội đề cao tinh thần dân tộc, chớ không phải là một khái niệm không tưởng.

III. TÁI THỦ QUYỀN ĐẠO

Sau khi từ đảo Madagascar về nước, để chuẩn bị tái thủ quyền hành, Đức Hộ Pháp cho triệu tập Hội nghị Nhơn sanh tại Tòa Thánh nhằm chấn chỉnh lại guồng máy của Đạo.
Trong Huấn Từ khai mạc Đại Hội ngày mùng 1 tháng 12 năm Bính Tuất (1946), Đức Ngài nói:

"Đã trót năm năm dư, Bần Đạo bị đồ lưu nơi hải ngoại, đã từng chịu biết bao nhiêu là sự khổ tâm hồn, nỗi lo cho tương lai Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi cái nạn chiến tranh loạn ly.

"Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thảm thiết nơi lòng, tuông châu đổ ngọc, muốn kêu một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm tri kỷ cùng Bần Đạo, ngoài ra chư hiền hữu, hiền muội, tưởng khi các bạn có lẽ tội nghiệp cho con hạc linh nầy mà để tai lóng tiếng.

Vậy Bần Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất thiết yếu là hòa giọng yêu thương cùng con hạc lạc nầy, đặng giục lòng Bác Ái đến cảnh an nhơn Thiêng Liêng cho toàn sanh chúng. Vừa để gót về Tổ Đình thì đã quên mảnh thân tiều tụy hao mòn, vội cầu Đạo đặng sửa đương cho đẹp vẻ chân truyền, nên tức cấp mở Hội nghị Nhơn Sanh đặng phục vụ quyền Vạn linh như trước".

Mười lăm ngày sau (ngày 15 tháng 12 năm Bính Tuất), khai mạc Đại Hội Phước Thiện, Đức Ngài nói:

"Hội Thánh có hai cơ quan Hành Chánh và Phước Thiện thường tương khắc nhau, song chưa tìm được chơn lý hòa nhau. Ngày

nào chưa hòa nhau là còn thất sách, bất lực, thì không thi thố phận sự cho ra thiệt tướng. Ấy vậy, mấy em phải rán sức định tâm, lấy tinh thần vi chủ, nêu gương cho mấy em sau nầy đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đạt mục đích tối cao tối trọng, phải có khối óc Thiêng Liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn, đối với con cái Ngài là quần linh…".

Đức Ngài thêm rằng:
"Mỗi Tín đồ đều có cái mão của Giáo Tông và Hộ Pháp đội trên đầu, chẳng lẽ chỉ có một người mà người đó chết rồi là tiêu nền Đạo?".[1]

Như vậy, vừa khai Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện, vừa thông báo chánh thức cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn hay rằng Đức Ngài tái thủ quyền hành, đồng thời khuyên toàn Đạo chung lưng đâu cật xây dựng Tổ Đình và xiển dương Chánh giáo.

Nhơn dịp Tết Đinh Hợi, vào ngày mồng 6 tháng Giêng (17.01.1947), Đức Phạm Hộ Pháp đến làm Lễ Trấn Thần Đền Thánh.

Cũng nên nhắc lại Đền Thánh khởi công xây năm 1933, sau đó bị ngưng trệ vì nội bộ lủng củng. Năm 1936, Đức Hộ Pháp ra lịnh khởi công tái tạo lại. Năm 1942 bị quân đội Pháp chiếm đóng. Mãi đến ngày mồng 3 tháng Giêng năm Đinh Hợi, các công thợ hồ làm Lễ Bàn giao Đền Thánh cất xong cho Hội Thánh.

Đúng 9 giờ ngày mồng 6 tháng Giêng năm Đinh Hợi, Đức Hộ Pháp mặc tiểu phục, dạy Thừa sử Huỳnh Hữu Lợi và Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn theo Đức Ngài đến Báo Ân Từ, Đức Phạm Hộ Pháp vào Điện làm lễ xong thỉnh nước Âm Dương giao cho Thừa sử Lợi. Đức Ngài dùng ba bó nhang hành Pháp xong thì lại giao cho Truyền Trạng Trấn.

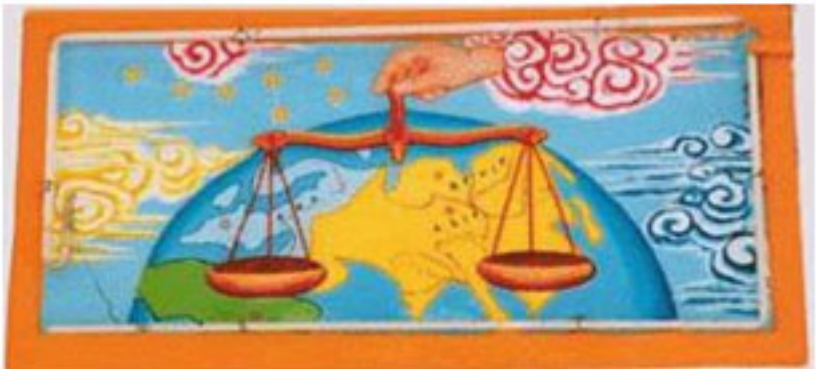
Khi đến Đền Thánh, Đức Ngài ngó ngay Thiên Nhãn trước Phi

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q II, Tây Ninh 1973, trang 122.

Tưởng Đài rảy Cam Lồ Thủy và cầm nhang làm phép Trấn Thần. Kế tiếp đến tượng Phật Di Lạc, tượng Đức Quyền Giáo Tông, Bà Nữ Đầu Sư đến tượng Ông Thiện, Ông Ác.

Sau đó Đức Ngài vào cửa Đền Thánh, đứng ngó vào Tịnh Tâm Điện trấn Thần cái Cân Công Bình trên ngưỡng cửa. Đức Ngài nói: "Kể từ đây, cái Cân Công Bình Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn đã biểu tượng thiệt hiện ở thế gian nầy, để phân công chiết tội và định phẩm vị tòa sen của toàn con cái Ngài".

Đức Ngài sang phía trái Đền Thánh, đứng ngang Cửu Trùng Đài, cách 12 thước, trấn Thần con Long Mã. Trên lưng Long Mã có bộ Hà Đồ Bát Quái và Cây Kiếm, nên có câu "Long Mã



phụ Hà Đồ". Long Mã chạy về phía Tây mà đầu quay về phía Đông. Ý nghĩa Đạo xuất từ phương Đông, đem từ Phương Đông sang phương Tây để cứu vớt chúng sanh.

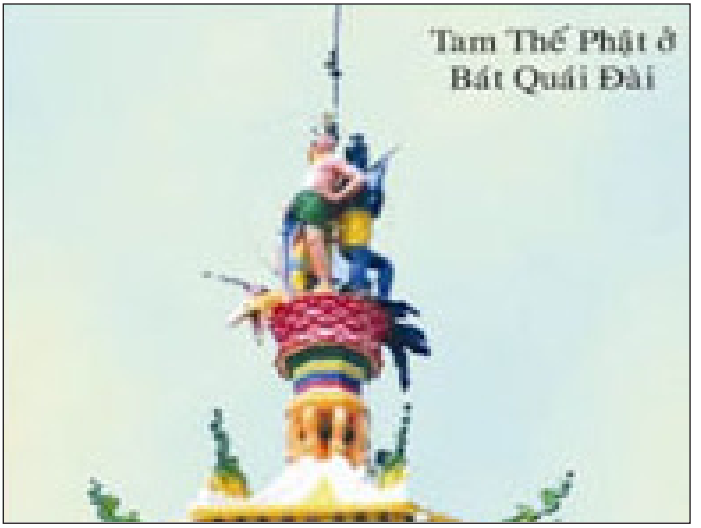
Kế Đức Ngài đến Bát Quái Đài ngó lên trấn Thần Tam Thế Phật: [1]

1. Phật Brahma đứng trên con Thiên Nga, nhìn thẳng về phía Tây, đó là ngôi thứ nhứt tượng trưng đời Thánh Đức thuộc Cơ Sanh Hóa.

2. Phật Shiva (Civa) đứng trên Thất Đầu Xà, nhìn thẳng về phía Bắc. Đó là ngôi hai, có sanh có diệt. Đời tái tạo thuộc cơ Tranh Đấu.

1-Có tu chỉnh của soạn giả.

3. Phật Christna (hay Vishnou) đứng trên con Giao Long, nhìn thẳng về phía Nam. Đó là ngôi thứ ba, tượng trưng phần trí não thuộc Cơ Bảo Tồn. (Christna là hóa thân thứ tám của Thần Vishnou)





Sau đó, Đức Phạm Hộ Pháp đến trấn Thần bốn con Kim Mao Hẩu ở hai nấc thang bên phải Đền Thánh. Rồi Đức Ngài vào Cửu Trùng Đài, sang qua bên tả trấn Thần bốn con Kim Mao Hẩu nữa, Đức Ngài nói: "Con Kim Mao Hẩu rất mạnh và khỏe, tượng trưng cái năng lực tinh thần con người nhờ nó mà qua được các từng Trời về cùng Thầy".

Kế tiếp, Đức Ngài vào cửa bên trái Cửu Trùng Đài, trấn Thần các Thiên Nhãn quanh Đền, lần lượt lên tới Bát Quái Đài, rồi sang bên phải, cả thảy là 23 Thiên Nhãn ngó ra ngoài. Vào trong, Ngài đến Cửu Trùng Đài bên phải, lên trấn Thần tượng Bát Tiên và sang bên tả trấn Thần tượng Thất Hiền. Rồi Đức Ngài trở xuống ngôi Hộ Pháp trấn Thần chữ Khí. Ngôi Hộ Pháp có rắn bảy đầu Thất Đầu Xà. Cái thân mình nó quấn dưới đôn Hộ Pháp, đưa lên trên 3 đầu (Hỉ, Lạc, Ái) và gục xuống 4 đầu (Ai, Cụ, Ố, Dục), choàn cái mình quấn dưới đôn Thượng Phẩm và cái đuôi dưới ngôi Thượng Sanh.

Đến ngày mồng 8 tháng Giêng năm Đinh Hợi, Lễ rước quả Càn Khôn từ Đền Phật Mẫu về an vị tại Đền Thánh. Đức Phạm Hộ Pháp đã thuyết giảng việc nầy như sau:

"Ngày nay đã dời quả Càn Khôn (không phải Trái Đất mà là Thiên Cầu thuộc Dương phối hợp với Địa Cầu thuộc Âm thành Đạo) về Đền Thánh. Đức Chí Tôn đã ngự nơi ngôi của Ngài. Chúng ta nên mừng cho nhơn loại được ảnh hưởng nơi Đền Thánh nầy mà tiến hóa.

Đền Thánh từ đây không còn ai xem nó là vôi, cát, xi măng nữa, mà là một khối Đức Tin của toàn con cái Đức Chí Tôn đã dựng nên hình vậy. Nhờ bàn tay khéo léo của mấy em, mấy con thợ hồ, thợ mộc đã chịu đói rách cực khổ hơn 10 năm trường mới tạo nên.

Từ đây, mọi sắc dân nào có đủ Đức Tin nơi Đức Chí Tôn là Chúa Tể vạn loại, dầu nơi phương trời nào, họ sẽ hướng về Đền Thánh mà cầu nguyện hàng ngày hàng giờ để mong hưởng phước lành của Ngài.

Đền Thánh làm xong, nền Đạo đã vững vàng, chúng ta sẽ đem

hạnh phúc lại cho thiên hạ trong buổi Chuyển thế nầy".

Vía Đức Chí Tôn đúng vào ngày mồng 9 tháng Giêng. Theo tục lệ cổ truyền Nam phong, ngày mồng 7 hạ Nêu để chấm dứt Tết Nguyên Đán, thì nhơn sanh mở ngay ngày Tết Khai Hạ. Theo Dịch Lý, ngày mồng 7 tháng Giêng ứng vào con ngựa trong Thập nhị Chi, ngày mồng 8 tháng Giêng ứng vào lúa, ngày mồng 9 tháng Giêng ứng vào Trời. Mặt khác, tháng Giêng do quẻ Thái chủ trì. Quẻ Thái (䷊) gồm quẻ Khôn (☷) trên, quẻ Càn (☰) dưới, gồm lại Khôn 6 hào cộng với Càn 3 hào là 9 hào, chỉ Đấng Cửu Thiên Khai Hóa tức Trời vậy.

Mặt khác, trong nền văn minh nông nghiệp thì mùa Xuân, tháng Giêng lễ Cha, tức vía Đức Chí Tôn; mùa Thu, tháng 8 lễ Mẹ, tức vía Đức Phật Mẫu.

Trong ba ngày Lễ vía Đức Chí Tôn, trừ đêm mồng 8 rạng ngày mồng 9 là chánh Lễ, các ngày còn lại là lễ Tạ Ơn Tiền Hiền, Tổ Tiên và tổ chức các cuộc vui. Đức Hộ Pháp dạy ban Nhà Thuyền làm Rồng Nhang để biểu tượng xe Rồng, chỗ ngự của Đức Chí Tôn.

Thân Rồng Nhang dài 36 thước, chia làm 18 khúc làm thành hình ống. Rồng Nhang phải trang trí sao cho thật đẹp với hai màu truyền thống vàng và đỏ. Các động tác múa bao gồm: xuất cung, đi vòng, uốn khúc, lượn sóng, Bát Quái chậm, Bát Quái nhanh, đi thẳng, lật nhanh 45^0 lật chậm 180^0, lật hình trôn ốc nhanh và chậm 360^0. Người múa Rồng Nhang phải là người có sức chịu đựng và đầy đủ kinh nghiệm về múa Long Mã.

Mặt khác, giữa Đại Đồng Xã, Đức Hộ Pháp cho dựng Văn Minh Điện, tức cái Đài hình lục giác, gồm tầng trệt và tầng cao để mọi người đứng xa đều nhìn thấy rõ người điều hành. Ban Tổ chức gồm: một Trưởng Ban cầm cái mõ và một ban Cổ nhạc. Phía trước Văn Minh Điện có một cái cầu thang để người dự lên lãnh thưởng, phía bên trên cao có đề 3 chữ "Văn Minh Điện", tức nhà Văn minh về Đạo đức, văn học, mỹ thuật. Cuộc vui gồm có Thai Đố, Thi thơ, Hát vè, Ngâm thơ. Ai đáp trúng





thì được thưởng Kinh sách có giá trị.[1]

Cũng nên biết thêm, Vía Đức Chí Tôn năm sau, Đức Hộ Pháp dạy chưng Cộ Bông. Đề tài bao gồm: Đức Tin nhơn loại, Tam Giáo, Tam Trấn, v.v.... phong trào chưng chế mỹ thuật bằng hoa lá bông trái phát triển từ đó, lan về các tỉnh vì người Đạo

1- Xem "Ngôi Thờ Đức Chí Tôn" cùng người viết.

tại Thánh Địa vốn là dân Lục Tỉnh.

Trong ngày Vía Đức Phật Mẫu năm Đinh Hợi, Đức Hộ Pháp xuống lịnh cho Cơ quan Phước Thiện chưng Cộ bày Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Chỉ có Đức Phật Mẫu là bông hình, còn 4 vị Nữ nhạc hầu Đức Phật Mẫu và cửu vị Tiên Nương mặc áo dài xanh đỏ là người thật do các Giáo Nhi, Đồng Nhi nữ hóa trang để thài 10 bài Kinh ca tụng công đức chư Phật có kỳ công khai nền Đại Đạo.[1] Nên biết, từ Mồng 1 tháng 2 năm Đinh Hợi, Ngôi Thờ Đức Phật Mẫu đặt thờ tạm tại Báo Ân Từ. Trong ngày Lễ an vị Đức Phật Mẫu và cửu vị Tiên Nương, Đức Phạm Hộ Pháp có giảng:

"Từ đây, chúng ta rất hân hạnh thờ Phật Mẫu tại Báo Ân Từ. Hồi mới mở Đạo, Bần Đạo biết công nghiệp của Đức Phật Mẫu như thế nào: Ngài và Cửu Vị Nữ Phật dìu dắt con cái của Đức Chí Tôn từ ban sơ đến ngày đem chúng ta giao lại cho Thầy. Ngày mở Đạo vì cái cảm tình ấy, các vị Đại Thiên Phong xin thờ Phật Mẫu ở Đền Thánh, Phật Mẫu cho biết quyền Chí Tôn là Chúa, còn Phật Mẫu là tôi, mà tôi thì làm sao ngang hàng với Chúa? Chúng ta thấy Phật Mẫu cung kính Chí Tôn đến dường ấy".

Đến 1952, Đức Hộ Pháp cho sửa Báo Ân Từ xây thành Đền Thờ Phật Mẫu như ngày nay.

IV. ĐỨC HỘ PHÁP THUYẾT VỀ QUYỀN NĂNG TÔN GIÁO

Từ đầu năm Mậu Tý (1948), Đức Hộ Pháp dành nhiều thời giờ để giảng về quyền năng của Tôn giáo.

Đạo là sự sống của Vạn loại. Nhứt là Thánh thể của Hội Thánh. Hội Thánh là hình ảnh Thiên lương của Đức Chí Tôn. Vì "Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự Thương Yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa Luân hồi".[2]

1- Xem "Công Đức Đức Phật Mẫu".
2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q. II, trang 43.

" . .Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!".[1]

Đức Hộ Pháp cũng giảng: "Bần Đạo chắc rằng toàn con cái của Ngài (Chí Tôn) đều ở trong lòng của Ngài, sanh ra đã có một tình yêu đối cùng nhau. Từ trong vật loại dĩ chí nhơn thân chúng ta đã có liên quan mật thiết nồng nàn, khối tình ái vô biên vô hạn". [2]

Hội Thánh trong Đạo Cao Đài tổ chức theo một đại gia đình, Anh Cả tức Giáo Tông, em nhỏ tức Chánh Trị Sự còn gọi là Giáo Tông em. Nói rộng ra, con cái trong một nhà phải thương yêu nhau là điều tất nhiên.

Đêm 28.06 năm Mậu Tý (dl.3.08.1948), Đức Hộ Pháp giảng rõ: "Hội Thánh là Thánh thể của Đức Chí Tôn đến đặng dìu dắt con cái Ngài từ bấy lâu nay bị sa ngã vào đường tội lỗi... Ngài giáng trần với sự đau khổ nhọc nhằn, nhưng vẫn cam chịu để tìm phương tận độ chúng sanh. Ngài đến gom hết con cái trong kỳ Ân Xá thứ ba nầy. Chúng ta không dè ngày nay được hưởng đặc ân của Ngài, được nắm quyền làm Thánh thể cho Ngài.
Hội Thánh là Thánh thể của Đức Chí Tôn, cho nên khi Ngài lập Pháp Chánh Truyền, Ngài định một người làm Anh Cả trông bầy con của Ngài. Người Anh Cả ấy phải làm Cha và làm Thầy. Ngặt một điều là mình không xứng đáng mà thôi, vì mình không đủ đức tánh thay thế cho Ngài.

Trong đám anh em chúng ta ngồi tại đây (trong Đàn cúng ngồi kiết tường), cùng sắp nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật, Tiên giáng thế, nhưng còn chờ chúng ta lập vị cho nó…".[3]

Vào thời Tý đêm mùng 1 tháng 5 năm Mậu Tý (5.8.1948), Đức Hộ Pháp giảng về Pháp Chánh Hiệp Thiên tức "Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh".

1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, sách đã dẫn, trang 69.
2-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II,, Tây Ninh 1973, trang 24.
3-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II, Tây Ninh 1973, trang 103.

Đức Ngài nói:

"Cây cờ cứu khổ của Đạo Cao Đài là Thương Yêu và Công Chánh. Phải thực hiện được hai điều ấy, thì hòa bình và hạnh phúc mới đến với chúng ta".

Từ thuở Tam Giáo có: Thích, Đạo, Nho. Luật Tam Giáo có hình, có Luật hình, gồm cả Tôn chỉ của Tam Giáo, có hai phần:

1. Pháp Chánh Hiệp Thiên.

2. Hình Luật Tam Giáo.

Tại sao Ngài giao cho Hiệp Thiên Đài ? Từ ngôi Giáo Tông đến ngôi Đầu Sư, giữa có các ngôi Chưởng Pháp, nếu không Pháp Chánh do Hiệp Thiên Đài nắm giữ là gì?... Pháp Chánh cốt yếu lập quyền cho con cái Đức Chí Tôn, có hàng phẩm, quyền hành, thứ tự, đẳng cấp, giao cho Hiệp Thiên Đài sắp đặt không cho loạn, nếu loạn hàng thất thứ thì Đạo bị tiêu diệt… Đạo Cao Đài không lấy nguyên chất của Tam Giáo mà chỉ lọc lượt Chơn truyền của các giáo mà tổng hợp lại…

Hình luật Tam Giáo để định án chăng? Con người chỉ quý cái Tâm và hạ sanh xuống đây ít nữa phải có căn duyên mà mình không biết đó thôi. Bần Đạo dám chắc, dầu cho một vị Phật đến tại thế gian nầy, mang thi hài xác thịt cũng quên hết, cửa Huệ quang bị bí lối, không tự biết mình, không tự hiểu phẩm vị mình vì mang xác phàm. Duy có Đấng toàn năng, toàn tri, toàn thiện, toàn Mỹ là Chí Tôn mới tránh khỏi chuyển kiếp luân hồi mà thôi. Ngoài ra không vị Phật nào tránh khỏi luân hồi cả.

Chí Tôn muốn cho con cái của Ngài nên Thánh, thì phải làm sao? Phải đem cả thảy vô Đạo, tắm rửa cho sạch sẽ, làm cho thiên hạ thích gần nhau, phải vì thương mến, kỉnh khen mà gần, vì tôn sùng yêu ái mà gần. Hình luật Tam Giáo là nước Cam Lồ tắm rửa linh hồn vậy.

Tội có quá nặng, nếu mình biết ăn năn tự hối, tự tu thân, tự giác tấm thân đặng rửa tội, mình tu một mình (Tu Chơn) dẫu Hội Thánh không biết tới, mình cũng vẫn tu có Đức Chí Tôn chứng giám, ngày kia về cõi Thiêng Liêng chư Thần, Thánh,

Tiên, Phật đẹp dạ, hả lòng tiếp rước trọng thể hơn nhiều. Danh vị lập được của kẻ bình thường đâu bằng của người biết ăn năn sám hối".[1]

Đêm 23.11 năm Mậu Tý (1948), Đức Hộ Pháp thuyết giảng về Bác Ái, Công Bình:

"Vì lòng Bác Ái Từ Bi, Chí Tôn đến ký Hòa Ước thứ ba, các Đấng Thiêng Liêng để dấu tượng Tam Thánh hiệu triệu nhơn loại tín ngưỡng: THIÊN THƯỢNG, THIÊN HẠ (Dieu et Humanité).

Về Luật có Bác Ái, Pháp có Công Bình.

Hội Thánh Cao Đài dìu dắt nhơn sanh, chỉ dẫn họ về một Luật tối cao là luật Bác Ái và về một nền Tư pháp tối trọng là pháp Công Bình. Luật Pháp của Đạo Cao Đài, ngoài luật Bác Ái và pháp Công Bình, tất cả luật điều khác đều là phương pháp giả tạo thành chơn mà thôi".[2]

Bần Đạo hỏi: "Đạo Cao Đài có thể đem hạnh phúc cho nhơn loại, tạo Hòa bình làm cho Đại Đồng Thiên hạ đặng chăng?" Chúng ta tin nơi Đức Chí Tôn. Ngài đến tạo nền tân giáo cốt yếu là ký Hòa Ước với nhơn sanh tạo hạnh phúc cho nhơn loại và làm cho Thiên hạ hưởng đặng thái bình. Chúng ta dám quả quyết và tin chắc rằng thế nào cũng thành tựu.

Chí Tôn đến ký Hòa Ước với nhơn sanh có hai khoản thôi:

1. Luật Thương Yêu.

2. Quyền Công Chánh

Từ thuở ta chưa thấy cái Hòa Ước nào đơn giản như thế mà nó oai quyền làm sao? Khó thể thực hiện đặng, nhưng với thời gian, Đạo Cao Đài làm thế nào (tìm cách) đem hạnh phúc đến cho nhơn loại, tạo hòa bình cho thiên hạ Đại Đồng Thế giới.

Đạo Cao Đài được hình tướng thương yêu vô tận. Nó có nét

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. II, Tây Ninh 1973, trang 106 - 108.

2-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q.II, Tây Ninh 1973, trang 162.

đẹp thiên nhiên là nhờ câu viết Thương Yêu. Quyền Đạo ngày nay do thương yêu mà thành tướng. Vậy Đạo đã do luật Thương Yêu thành tướng thì không có quyền năng nào tàn phá cho đặng. Nó nên hình bởi sự thương yêu, nó trưởng thành trong sự thương yêu, bởi hình chất của sự thương yêu, hễ càng lớn lên càng tráng kiện. Nó sẽ làm Chúa cả thù hận và quyền lực thù hằn không thể xâm lấn nó được". [1]

Đầu năm 1949, Chánh quyền Pháp mời Đức Ngài và một số nhơn sĩ để trao trả độc lập cho Việt Nam. Đức Ngài thuyết giảng về vấn đề nầy vào đêm 23.01 Kỷ Sửu như sau:

"Ngày mai nầy, Bần Đạo phải xuống Sài Thành đặng giải quyết chấm dứt đổ máu Pháp Việt. Chánh quyền Pháp lập ra một Hội nghị để bàn thảo về việc trao trả độc lập cho Việt Nam. Hội nghị ấy gồm có người Pháp và 48 nhơn viên Việt Nam".

Đức Ngài đánh giá về lời trao trả độc lập của Chánh quyền Pháp cho Việt Nam như sau:
"Pháp chỉ nhìn nhận độc lập thôi chứ người ta đâu có đưa cho mình. Độc lập hay chăng là do nơi toàn thể Quốc dân. Ngày nào chưa có Lục quân, Hải quân, Không quân đặng bảo thủ cả lãnh thổ của mình, thì nói tiếng độc lập là nói với con nít và ngủ gục mà thôi".

V. ĐỨC HỘ PHÁP ÂN XÁ CÁC CHI PHÁI

Trong năm 1949, còn một sự kiện quan trọng nữa là nhiều Chi Phái trở về xin làm việc với Tòa Thánh Tây Ninh.
Điều mà chưa Chi Phái nào được hãnh diện như Tòa Thánh Tây Ninh là những nhơn sĩ, những kẻ ưu thời mẫn thế đều tìm về với Tòa Thánh Tây Ninh, danh sách có thể kể hàng trang chưa hết như Phan Khắc Sửu, Trần văn Ân, Vũ Tam Anh, Võ văn Truyện, Phạm Xuân Thái, Trần văn Quế, v.v…Về tập thể có phái Tiên Thiên, do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo.

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q.II, Tây Ninh 1973, trang 168 - 170.

Thánh Huấn số 380 ngày 22 tháng 3 năm Kỷ Sửu (19.04.1949) có ghi về sự kiện nầy như sau:

"Bần Đạo đã ân xá cho toàn cả Chi Phái, bất cứ ai nếu nhập môn lại và vâng y Luật Pháp Tòa Thánh sẽ là Tín đồ chánh thức của Đạo Cao Đài".

Thánh Lịnh số 535 ngày 4 tháng 6 năm Kỷ Sửu (29.06.1949) chấp thuận phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo đưa về Tòa Thánh Tây Ninh. Tất cả Chức sắc đều tạm chức Hiền Tài (Ban Thế Đạo) để đợi quyền Thiêng Liêng định đoạt: như vẫn giữ các Thánh Thất và được tạm dùng Cơ bút tại tư gia để học hỏi riêng chớ không được phổ biến.

Theo Thánh Lịnh số 302 ngày 27.05 năm Canh Dần (11.07.1950), thì các Chức sắc phái Tiên Thiên có danh sách trong thông qui ngày 30 tháng 10 năm Kỷ Sửu được dâng lên Đức Lý Giáo Tông xem xét vào ngày mùng 3 tháng Giêng Canh Dần, được tạm phong vào hàng Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh như sau:

1. Phối Sư Thượng Tài Thanh tức Nguyễn Bửu Tài
2. Phối Sư Thượng Hiền Thanh tức Phan Lương Hiền
3. Giáo Sư Ngọc Dừng Thanh tức Đinh văn Dừng
4. Giáo Sư Ngọc Thiệu Thanh tức Phan Lương Thiệu
5. Giáo Sư Thượng Tấu Thanh tức Trần văn Tấu

Giáo Hữu gồm đủ ba phái tất cả 26 vị, Lễ Sanh 35 vị. Đức Hộ Pháp lại ký Thánh Lịnh số 13/TL phong thêm 5 vị Giáo Sư, 3 vị Giáo Hữu và 17 Lễ Sanh. Còn Trung Hòa Học Phái, lãnh đạo Trương Kế An được phong làm Bảo Y Quân về sau nầy (1972). Xem thế lúc nào Tòa Thánh Tây Ninh cũng mở rộng cửa để đón nhận các Chi Phái trở về gốc Đạo.

Xem danh sách ân phong trên toàn là Chức sắc cao cấp, người Tín hữu Thánh Địa sống giữa lòng Đạo còn chưa được vậy. Nhưng tại sao họ bỏ đi, không ở lại hành Đạo tại Tây Ninh? Với họ thì không thể trả lời tại "Bát Đạo Nghị Định", vì họ đã nhìn nhận Tòa Thánh Tây Ninh và đã được thọ phong Chức sắc rồi. Bát Đạo Nghị Định không hề ngăn trở sự trở về của bất cứ ai. Người ta trích điểm Đạo Nghị Định thứ tám và thứ năm.

Đạo Nghị Định thứ tám, điều thứ nhứt có ghi như vầy:
"Những Chi Phái nào do bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm gốc lập thành, mà không do nơi mạng lịnh Hội Thánh thì cả chúng sanh chẳng đặng nhìn nhận là của Chí Tôn và phải định quyết là Bàng Môn Tả Đạo".

Đàn Cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 17 tháng 10 năm Đinh Dậu (8.12.1957), Đức Lý Bạch có dạy:
"Chư Hiền hữu Hiệp Thiên Đài! về Đạo Nghị Định của Lão đối với Chi Phái là phương pháp lúc trước để Phổ độ nhơn sanh mà thôi. Hiện giờ cửa Đạo đã mở rộng thì Cơ qui nhứt thế nào cũng thực hiện được".

Thêm vào đó, đàn Cơ tại Giáo Tông Đường đêm mồng 10 tháng 04 năm Giáp Thìn (1964, vía Đức Phạm Hộ Pháp), có Đức Thượng Sanh, chư Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài hầu đàn, Đức Hộ Pháp giáng dạy có khoản như vầy:
"Ngày giờ đã đến, Bần Đạo để lời khuyên cả Chức sắc và toàn Đạo rán thế nào thống nhất nền Đạo cho được, mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc".

Theo lời dạy của Đức Lý và Đức Hộ Pháp thì Đạo Nghị Định thứ tám chỉ "là phương pháp lúc trước" có tính cách giai đoạn mà thôi.

Bình tâm mà xét, ai trong chúng ta cũng đều tin tưởng là Đạo chỉ có Một, cũng có nghĩa là Đạo chỉ có một Cung Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi. Một Cung Đạo là nơi duy nhứt cầu các Đấng giảng dạy Đạo, phải do các Đồng tử phò loan mà Đạo ta gọi là Thập Nhị Thời Quân và ba vị cầm đầu của ba Chi của Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh vậy.

Chính từ sự tự chuyên sửa đổi mới thêm nhiều Giáo Tông, nhiều Hộ Pháp. Từ đó đẻ ra nhiều Hội Thánh, Chức sắc thì nhiều mà Đạo hữu thì không có. Cái quan trọng của một Hội Thánh là có thực lực về Tín đồ hay không. Mang danh Hội Thánh mà chẳng nơi làm việc, gặp biến cố thì tan rã ngay, ai lo giữ thân nấy làm tuồng đàm tiếu cho thiên hạ, chưa kể làm sai luật Thiên Điều.

Đức Chí Tôn dạy: "Sau đời Giáo Tông thứ nhứt đến đời Giáo

Tông thứ hai, thì Tịch Đạo đổi ra Đạo Tâm". Thế mà Phối Sư Nguyễn Bửu Tài rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh đi lập Chi phái cũng tự tôn xưng Giáo Tông?

Những chặng đường Thống Nhứt



Xin nhắc lại Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ mới có duy nhứt Đức Lý Giáo Tông, sau khi Đức Ngô Minh Chiêu tu Vô vi. Còn Ngài Lê văn Trung chỉ là Quyền Giáo Tông về mặt hữu hình thế cho Đức Lý Giáo Tông Vô vi mà thôi.

Ngài Lê văn Trung chưa hề mặc đại phục Giáo Tông. Có điều làm các Tín hữu ở Thánh Địa thắc mắc: Tại sao các Chi Phái sau khi được ân phong rồi không ở lại tu hành mà lại ra đi? Đi tu tham thiền nhập định, tự nhiên cô tịch phải buồn. Thêm vào đó xa nhà, xa người thân lòng cảm thấy cô quạnh. Ngày hai buổi đi hành Đạo, đi cúng kiếng. . .

Việc hành Đạo chao ôi! không quyền thế sinh lợi lộc như quyền đời. Còn tình người nữa, các Chức sắc Tây Ninh đều có gia đình ở đây.

Đức Cao Thượng Phẩm đã dạy: "Đường tu được bền vững là nhờ đám khuê môn vẹn gót hài". Nghĩa là việc hành Đạo được

bền vững là nhờ vợ con lo vẹn vẽ ở gia đình, còn giúp lương thực cho chồng đi tu. Thầy buộc phải lo cho Nhơn Đạo là vì thế, nếu Nhơn Đạo chưa tròn thì khó thành Thiên Đạo.

Đạo Nghị Định thứ năm, điều thứ nhứt ghi như vầy: "Buộc cả Chức sắc đã thọ phong phải phế đời hành Đạo". Đó là đương nhiên thôi, Thiên Phong mà còn đi làm ăn riêng tư coi sao được. Hãy nhìn vị Linh Mục (đối phẩm Giáo Hữu) bên đạo Ki Tô, người ta bám chặt với giáo dân, lo cho giáo dân.

Đạo Nghị Định thứ năm phải có. Không thể nào về Tòa Thánh thọ phong Thiên phẩm rồi về gia đình sống với vợ con được. Đó là thực tế cuộc sống. Đó là chủ tánh hạnh người tu. Nếu đi tu mà còn ham muốn, chen lấn bụi hồng, vô tình làm Thiên tước bị rẻ rúng.

Vào Đạo là tự nguyện. Nhận lãnh Thiên phong là tự nguyện. Ta tự nguyện làm con vật hy sinh cho Vạn linh, thì phải nhận lấy khảo đảo để lột bỏ chất phàm. Nếu nhận Thiên Phong vì mũ cao áo rộng, có mưu lược ẩn bên trong, khi không thực hiện được thì thối chí ngã lòng là điều đương nhiên không tránh khỏi.

Tóm lại, Đạo Nghị Định thứ năm ràng buộc cá nhơn Chức sắc phải có hạnh người tu. Người Tín hữu Cao Đài nào cũng mong ước hàng lãnh đạo tôn giáo mình xứng đáng và vinh diệu.

VI. NHỮNG CHUYẾN ĐI THIỆN CHÍ

Qua năm 1950, Đức Phạm Hộ Pháp đi Đà lạt để gặp vua Bảo Đại bàn việc Quốc Gia trọng hệ. Sau đó Đức Ngài sang Campuchia để hành Đạo. Đêm 27 tháng 3 năm Canh Dần (1950), Đức Ngài thuật lại như sau:

"Từ thuở đến giờ, Bần Đạo chưa có buổi nào đặng hưởng hạnh phúc đại thắng lợi một cách mỹ mãn như khi Bần Đạo đi Cao Miên. Bần Đạo thấy từ Vua đến dân trước trường quan lại khéo giữ nền chánh trị của họ. Trí thức tinh thần của họ cương quyết biết tôn trọng cái quyền dân, quyền nước hơn lợi lộc. Từ Soài

Riêng tới Kinh Đô, Bần Đạo đã thấy cái tự do của nước người. Trong nước trương cờ Đạo dọc dài theo đường đặng nghinh tiếp một vị Giáo Chủ một cách tự do không ái ngại. Trong mấy ngày, Bần Đạo, Bảo Thế, Tiếp Đạo ở đó, nhứt là nhà binh Pháp canh chừng nghiêm nhặt. Sự cung kính đối đãi với Bần Đạo và các bạn lấy làm cảm kích vô hạn.

Kế tiếp, chúng tôi đến thăm nhà Vua. Vua dùng lễ Đế vương mà tiếp rước tại Tư dinh của Ngài. Nơi ấy là nơi để rước người thân yêu của nhà Vua mà rước chúng tôi làm cho chúng tôi ngạc nhiên. Sự đối đãi của nhà Vua rất long trọng không thể tưởng tượng. Khi đến trước đền Vua, nhạc trổi lên quân lính nghinh tiếp. Chúng tôi liền đến trước Quốc kỳ làm lễ. Ngài thấy chúng tôi đi bách bộ. Ngài chắp hai tay bái, Bần Đạo phải bái lại. Ngài mời Bần Đạo ngồi, Bần Đạo không ngồi, Bần Đạo nhường cho Ngài. Ngài nhất định nhường cho Bần Đạo.

Khi chúng tôi đã viếng Thủ Tướng rồi, ra khỏi điện nhà Vua, Vua Sãi mời đến nhà thờ Norodom. Khi đến nhà thờ thì đức Vua cũng tiếp rước như vị Giáo Chủ. Tiếp chuyện Đạo đức với nhau, tâm đầu ý hiệp về giáo lý.

Bần Đạo nói thật, Đạo của nước Tần và Vua của nước Việt Nam có thể liên hiệp cùng nhau. Nếu ơn Thiêng Liêng Đức Chí Tôn định thì Hội Thánh Cao Đài có thể hiệp nhứt với Đạo của nước Tần, đem giáo lý là con thuyền Bát Nhã đặng độ thiên hạ".

Ngày 18.10.1950, Đức Ngài đi Hà Nội để kêu gọi các Tôn giáo, các Đảng phái ngoài Bắc thống nhứt để làm sức mạnh đòi Chánh Phủ Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Đức Ngài đã tiếp xúc về phía Công giáo có Giám mục Lê Hữu Từ, về phía Phật Giáo có Thượng Tọa Thích Tâm Châu…

Trong dịp nầy Đức Ngài có làm bài thơ hàm súc nhiều ý như sau:

Bắc Du

Non nước hồn thiêng đã tĩnh dần,
Xuân Thu nay đổi lại Thu Xuân,

Nam phong đỡ vững xa thơ Hán,
Bắc tục xô nghiêng đảnh nghiệp Tần.
Bác Ái là đề thi tiến hóa,
Nghĩa nhơn ấy mục định Duy tân.
Thiên thời địa lợi đôi điều sẵn,
Chỉ thiếu hòa nhơn để hiệp quần.

Sau đó, Đức Ngài đến đảnh lễ Đức Chí Tôn tại Thánh Thất Thăng Long do bà Giáo Hữu Hương Dư làm Đầu Tỉnh Đạo. Bà đã trình lên Đức Hộ Pháp về buổi thuyết Đạo tại Nhà Hát lớn ở Hà Nội do Giáo Sư Khâm Mạng Tòa Thánh Trần văn Quế tổ chức. Lúc đó, Giáo Sư Quế đang dạy Đại học tại Hà Nội, nên ông vận động sinh viên các Khoa đến tham dự rất đông.

Diễn giả là Giáo Hữu Tý. Ông nầy học lực có hạn, khi bước lên diễn đàn đứng trước các cử tọa có học thức, mặt ông tái nhạt, đầu xây xẩm. Giáo Hữu Tý định thần, niệm danh Thầy một lần, hai lần, rồi ba lần, ông mới lấy lại bình tĩnh và diễn thuyết Đạo một cách trầm tĩnh và tự nhiên.

Ông được thính giả hoan nghinh nhiệt liệt. Giáo Sư Quế đến bắt tay ông và khen ngợi: "Nhờ Thầy hỗ trợ, ông diễn thuyết Đạo thật hay ngoài sức tưởng tượng của người nghe".
Thế mới biết mọi việc chi chi cũng có Thầy. "Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay".

Sau chuyến viếng thăm Hà Nội của Đức Hộ Pháp, số Tín đồ tăng lên nhanh, nhưng từ sau năm 1954, cơ Đạo ở đây gặp nhiều ngăn trở.

Nhắc lại việc truyền Đạo ra Bắc là do Đức Chí Tôn định từ ngày 21.10.1926:

"Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam Bắc cùng rồi ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta".

Đầu năm Quý Dậu (1933), Hội Thánh bổ Giáo Hữu Thượng Tuất Thanh, Thượng Chữ Thanh lập Thánh Thất đầu tiên ở Ga Hàng Cỏ, Lê Lợi. Đầu năm 1934, Hội Thánh bổ Giáo Hữu

Thượng Ngoạn Thanh, Lễ Sanh Thượng Điểm Thanh liên lạc với hội Nam Kỳ Tương Tế ở Hà Nội để mở mang việc truyền giáo. Đêm mồng 1 tháng 3 năm Giáp Tuất (14.04.1934), lễ Khai Đạo tại Bắc Việt ở Thánh Thất phố Harmand, sau dời về Quỳnh Lôi, vốn là nhà của Đạo hữu Phạm Đăng Chữ.

Cơ Đạo ngày càng phát triển là chỗ dựa cho nhơn sanh, nên đầu năm 1935, Hội Thánh bổ Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh và bà Lễ Sanh Hương Thân (phối ngẫu của ông Vĩnh) coi Tông Đạo Bắc Việt.

Năm sau, Đạo truyền tới Hải Phòng. Thánh Thất lần lượt lập ở Tam Giang, Cẩm Phả, Tây Tựu (Hà Đông), Chùa Vua ...

Năm 1936, Giáo Sư Thượng Bảy Thanh (Lê văn Bảy) về Nam, Thánh Thất Lê Lợi phải dời về phố Hàng Than (Rue du Charbon). Năm 1941, ảnh hưởng tình hình ở Tòa Thánh, cơ Đạo ở Bắc Việt gặp nhiều khó khăn.[1]

VII. ĐỨC HỘ PHÁP NHẬP TỊNH THẤT

Sau đó, Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh đôn đốc xây cất các Tịnh Thất. Ngày 15 tháng 12 năm Canh Dần, Đức Ngài làm lễ Trấn Thần Trí Huệ Cung, trong Thiên Hỉ Động là ngôi Tịnh Thất của Nữ phái. Đó là ngày lễ lớn, các Đạo hữu phải đi vòng xuống Thiên Thọ Lộ qua Đoạn Trần Kiều mới vào Trí Huệ Cung tham dự lễ.

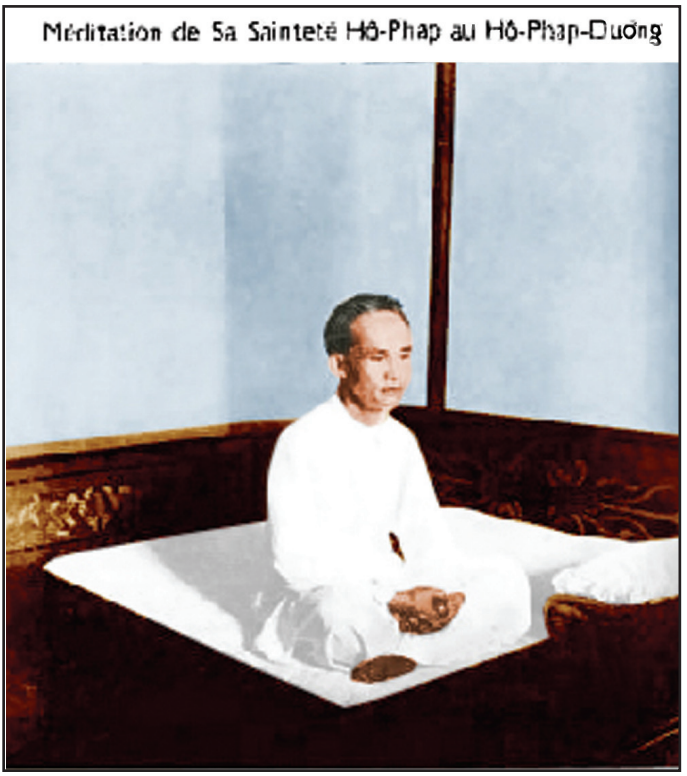
Đó là Bí Pháp phàm qui Thánh. Nhưng rủi thay, các thợ đắp Vân Trung Tử cỡi hạc bay về chợ Thiên Vương (tức chợ Trường Lưu) lại biểu tượng Thánh lâm Phàm!

Tịnh Thất của Nam phái là Vạn Pháp Cung trong có Nhơn Hòa Động tọa lạc ở Sơn Đình, Núi Bà.

Đức Hộ Pháp giảng về Trí Huệ Cung như sau:

"Trí Huệ Cung là Cơ quan tận độ chúng sanh. Nó không phải

1-Xem thêm Phần thứ 3b, Chương III, Mục 14 trong "Đại Đạo Sử Cương" cùng người viết.



của ta mà của toàn thể nhơn loại, bởi nó tượng trưng hình ảnh Chí Linh của Đức Chí Tôn tại thế. Nó không cho phép phân biệt đảng phái, tôn giáo hay nòi giống. Cửa Thiên Hỉ Động là cửa Thiêng Liêng Hằng Sống của toàn thể các Chơn linh".

"Bần Đạo cả tiếng kêu gọi con cái Đức Chí Tôn, nhứt là cửu nhị ức Nguyên Nhơn hãy tỉnh mộng, ngó lại Trí Huệ Cung, phải vào nơi cửa nầy (Tịnh Thất) mới đạt Đạo đặng mà thôi. Đạt cơ giải thoát mới nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống mà Đức Chí Tôn đã dựng riêng dành cho mỗi người".

Rõ ràng Đức Hộ Pháp chánh thức mở Cơ Vô vi Tịnh luyện từ đó. Ngài khẳng định "Phải vào cửa Tịnh luyện mới đạt Đạo đặng". Tại ta thiếu trí không theo được hành tàng của Đức Ngài mà thôi chớ đừng trách Sư Phụ chưa truyền phép Tu Chơn cho ta.

Câu liễn tại Trí Huệ Cung thể hiện lời giảng Đạo đó của Đức Ngài:

TRÍ định Thiên lương qui nhứt bổn,
HUỆ thông Đạo pháp độ quần sanh.

Đến ngày 16 tháng Giêng năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung tịnh luyện theo Tân Pháp Nội Giáo Tu Thiền mà Đức Chí Tôn đã chỉ dạy ngay từ đêm 14.01.1926.[1]
Khi nhập Tịnh Thất, Đức Ngài nói: "giải chức Hộ Pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi". [2]
Chính Đức Ngài đã đặt nền tảng Luyện Kỷ Tu Đơn cho mọi chúng ta đó.



Khi nhập Tịnh Thất Trí Huệ Cung, Đức Hộ Pháp nói: "giải chức Hộ Pháp, chỉ còn là bạn tu mà thôi", có nghĩa là muốn vào Tịnh Thất, nếu là Chức sắc phải gởi chức cho Hội Thánh trở thành Đạo hữu. Sau khi được chơn Sư Phụ chỉ dẫn rồi hành pháp tịnh luyện, tự tu, tự thành, biết được tánh giác hằng hữu là sắp có ấn chứng Thiêng Liêng.
Năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào Trí Huệ Cung vì Vạn

1-Xem lại Chương II, Mục 3.
2-Trí Huệ Cung, Tây Ninh 1973, trang 13.

Pháp Cung chưa xây. Sau khi ra khỏi nhà Tịnh, Đức Ngài đã thuyết Đạo tại Đền Thánh như vầy:

"Bần Đạo giải rõ hành tàng trong ba tháng mà Bần Đạo đã làm (trong nhà Tịnh). Cái hành tàng về mặt Đạo pháp giống như 40 ngày của Đức Chúa Jésus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho nhơn loại đặng đem cơ cứu thế của Ngài giao cho toàn xã hội nhơn quần được hưởng; giống như Đức Thích Ca vào vườn Bồ Đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát chúng sanh".

Khi Đức Ngài đến Trí Huệ Cung để nhập Tịnh Thất có nhiều người gởi thơ đến xin nhập tịnh một lượt với Đức Ngài, Đức Ngài trả lời:

"Nếu người nào không có Tam Lập thì không ở chung với ai được hết. Chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời (tức Thể Pháp) mà không ai có bằng cớ chi hết thì ai tin rằng có Bí Pháp đạt Đạo.

"**Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn**.

Con người khi sanh ra nơi mặt địa cầu nầy không có Tam Lập, thì không có chi hết. Tam Lập quyết định cho ra, ta mới sống chung với xã hội nhơn quần được".

Đức Ngài còn thuyết thêm về phương pháp Tịnh luyện như vầy: "Bần Đạo thuyết minh cái Bí Pháp Tịnh luyện và khuôn luật tấn hóa Tạo Đoan: Cơ huyền bí ấy Đức Chí Tôn đã đem đến cho chúng ta đặng cho đạt Cơ tấn hóa. Thật ra Đức Phật Tổ chỉ đạt được kiếp siêu thoát của Ngài mà thôi. Mấy người đã đạt được vị Phật đều ở trong cái huyền vi Tịnh luyện để làm cho chúng ta sống đời đời.

Sống lụng lại ba kiếp trước, rồi nhờ kiếp trước ta có thể biết luật Nhơn quả của ta. Nhờ kiếp nầy, có thể đem tương lai cho ta đạt Phật vị của ba kiếp trước. Đạt Bí Pháp ấy chúng ta mới có thể biết chúng ta là ai. Ta biết đường lối chúng ta đi như thế nào. Đạt Cơ siêu thoát là mở kiếp thông minh cho chúng ta đó vậy". [1]

1-Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 1- 4 - Quí Tỵ

VIII. VAI TRÒ CỦA ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP VỚI BÍ PHÁP

Trước hết, nghi lễ thọ phong Hộ Pháp khác thường, không lời tuyên thệ, lời nguyện, mà là một cuộc hành pháp trục Chơn Thần Phạm Công Tắc ra khỏi xác phàm để Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp giáng ngự nơi thân thể Ngài.

Từ đó, Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp Cao Đài. Đó là trường hợp giáng linh ngự thể như Chơn linh của Nguyễn Du nhập vào Victor Hugo. Ngài đã được Đức Chí Tôn giao trọng trách đứng đầu Hiệp Thiên Đài, thông công với các Đấng và chịu trách nhiệm về phần Chơn Thần của toàn thể Đạo hữu (chỉ chung cả Chức sắc), còn phẩm Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác mà thôi.

Năm 1929, Đức Phạm Hộ Pháp lập Khổ Hiền Trang, mở Phạm Môn tu luyện không áo mão với "Phương Luyện Kỷ" để đạt Cơ giải thoát. Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn đã dạy: "Hộ Pháp hằng đứng (nơi Vi Hộ) [1] mà gìn giữ Chơn linh các con khi luyện Đạo đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thần, đến Chơn Thần hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh".

Năm 1951, tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu cũng ban cho Đức Ngài **"Vẹn toàn Pháp môn"**:

> Hễ làm Mẹ quyền hành dạy trẻ,
> Con đừng lo mạng thế thi phàm.
> Huyền Linh mẹ chịu phần cam,
> Ban cho con trẻ vẹn toàn Pháp môn.

Vì thế, dù Đức Ngài còn ở thế hay qui Thiên, Đức Ngài sẽ diệu dụng quyền năng điển lực của Kim Quang Tiên trợ phần cho hành giả công phu tu luyện đạt thành Chánh quả.

Khi sinh tiền, ai đến xin luyện Đạo, Đức Ngài CÂN THẦN, đo mức độ khí trược trong người đó coi có đủ sức chịu nổi điển lực Thiêng Liêng không, nếu kém sức sẽ biến tướng thành Tả Đạo,

---

1-Cửa Mở Ác tức Thượng Đơn Điền.

thì không cho luyện Đạo. Các vị Thời Quân Chi Pháp cũng có truyền Bí Pháp cho Chức sắc, nhưng khả năng cân thần không bằng Đức Ngài.

Năm 1936, các vị Phạm Môn chuyển qua Phước Thiện, nhận lãnh Đầu Họ Đạo Phước Thiện tại các Tỉnh, Đức Hộ Pháp đã truyền các phép Bí Tích: Giải Oan, Tắm Thánh, Phép Xác và Hôn Phối cho các vị tân Đầu Họ tại Hộ Pháp Đường. Đức Ngài còn hành pháp trục Thần, khai khiếu và ban Pháp Bạch Đăng (cây đèn trắng) để khi hành Đạo tha phương gặp khó khăn, thắp đèn lên vào giờ Tý rồi thành tâm cầu nguyện Đức Ngài hiển linh chỉ giáo.

Nhiều Chức sắc như Chí Thiện Võ văn Đợi, Giáo Hữu Thượng Tý Thanh ... đã được dạy Đạo qua phương pháp nầy. Huyền diệu nhứt là việc Đầu Sư Thái Thơ Thanh được Đức Ngài trợ Thần khi tịnh luyện. Ngài Thái Đầu Sư rất kính phục và hủy bỏ sơ đồ xây dựng Nội ô Tòa Thánh theo ý phàm và giao việc xây cất Tòa Thánh lại cho Đức Hộ Pháp làm theo Thiên khải, mà trong chuyến xuất Thần vân du Ngài thấy được.

Xem thế, ngay buổi đầu, Đức Chí Tôn dạy người theo Đạo tu thân là: Công quả và Tịnh luyện. Tân Luật cũng xác nhận: Đạo gồm các Thánh Thất (Thể Pháp) và Tịnh Thất (Bí Pháp Thiền định).

Thể Pháp là hình tướng của Đạo, biểu tượng là Hội Thánh.

Bí Pháp là quyền năng của điển lực để người Đạo giải thoát, thuộc Hiệp Thiên Đài.

Thế nên, lúc mới khai Đạo, nặng về Phổ Độ để đưa người vào cửa Đạo, sinh hoạt đạo lý mà lập Công, lập Ngôn rồi lập Đức mà tiêu trừ nghiệp chướng.

Hai phần Phổ Độ và Vô vi nằm chung trong Chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Cao Đài thực hành trọn vẹn cả hai. **Bởi lẽ, trong Chơn truyền của Đức Chí Tôn không hề có sự phân chia hai phần:**

1. Phổ Độ là ngoại giáo Công truyền do Tòa Thánh Tây Ninh

đảm trách,

2. Vô vi Tịnh luyện là nội giáo Bí truyền do Chi Phái thực thi, như một ít người lầm tưởng.

Thể Pháp và Bí Pháp tương liên khắn khít với nhau như hình với bóng. Hễ có hình thì có bóng, có bóng tức có hình. Nói cách khác, cầu Kinh Tứ Thời là thể hình để người Đạo mỗi ngày một ít gom Thần định Trí và lý thanh cao tưởng đến Phật Trời. Còn cái bóng của Kinh kệ là trạng thái sống tinh thần của người Đạo đạt được khi vọng niệm.

Các âm ba hòa nhập vào điển lực của Trời Phật làm thức tỉnh Chơn Thần. Âm ba Kinh kệ là cái bóng, chữ nghĩa Kinh kệ là cái hình. Hình với bóng không thể xa nhau.

IX. NGƯỜI ƯƠM MẦM ĐẠO DỊCH

Vào mùa Xuân năm Nhâm Tý, tôi được Hiền Tài Võ Hiếu Nghĩa cho xem bản thảo về Dịch Lý. Ông kể:

"Vào mùa Xuân Canh Dần (1950), từ Biên Hòa về Đất Thánh viếng Sư Phụ (chỉ Đức Hộ Pháp). Trong cuộc hội kiến, Đức Hộ Pháp dạy:

"Các con nên lưu ý: Đền Thánh và các kiến trúc trong hay ngoài đều tiềm ẩn Dịch Lý. Các con đã thấy, Thầy lập ba Tịnh Thất: Thiên Hỉ Động (Trí Huệ Cung), Địa Linh Động (Trí Giác Cung) và Nhơn Hòa Động (Vạn Pháp Cung) hàm ý Tam Tài"[1].

"Ở ngoài miền Trung, chi Minh Sư của Đạo Sĩ Trần Cao Vân (1866 - 1916), trong Kinh Nhựt Tụng có hai câu:

Con cầu Phật Tổ Như Lai,
Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông.

Vì đó, ông nghiên cứu Trung Thiên dịch và viết bài "Vịnh Tam Tài" như sau:

"Trời Đất sinh ta có ý không?
Chưa sinh Trời Đất có ta trong.

1 Xem Phần Lý giải Quả Càn Khôn cùng người viết.



ĐỨC HỘ PHÁP ĐANG HÀNH PHÁP



ĐỨC HỘ PHÁP VÀ CÁC VỊ THỜI QUÂN CÚNG ĐẠI ĐÀN

Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất in ta một chữ đồng.
Trời nứt ra ta, Trời chuyển động,
Ta thay Trời mở đất mênh mông.
Trời che đất chở ta thong thả,
Trời Đất Ta đây đủ hóa công".

Đúng chín năm sau, Đức Chí Tôn giảng dạy về Bát Quái Cao Đài như sau:

"Thầy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế giái".[1]

Đức Chí Tôn dạy tiếp: "Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, mà biến hóa vô cùng".[2]

Rồi Thầy định phương vị Tòa Thánh đối với Bát Quái và Bát Phương như vầy: "Tòa Thánh day mặt hướng Tây (cung Đoài). Ấy là cung Đạo. Bên trái Thầy là cung Càn, tay mặt Thầy là cung Khôn (Từ trong Bát Quái Đài nhìn ra).[3] Do đó, các cao đồ vẽ Bát Quái Cao Đài như vầy:

Thứ tự các Quẻ Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, thì giống thứ tự các Quẻ Hậu Thiên Bát Quái, nhưng cách sắp xếp phương vị của Bát Quái và phương địa lý khác nhau vì Bát Quái Cao Đài vận hành theo chiều ngược kim đồng hồ (chiều Dương của Dịch Lý), còn Bát Quái Hậu Thiên bắt đầu bằng cung Chấn và vận hành ngược lại.[4]

Sở dĩ như vậy là vì:

1. Hậu Thiên làm cho Càn, Khôn thất vị nhiễm Trần.

2. Đạo Cao Đài thờ Con Mắt Trái mở rộng, nên phải đưa quẻ Ly (là con mắt) về hướng Bắc để vẽ con mắt lên cung Bắc Đẩu, trong khẩu truyền của chi Minh Sư:

CAO như Bắc Khuyết nhơn chiêm ngưỡng,
ĐÀI tại Nam phương Đạo thống truyền.

Trong khi đó, quẻ Ly của Hậu Thiên Bát Quái nằm ở phương Nam để quẻ Càn nằm ở Tây Bắc, chỉ vùng Kỳ Sơn, đất của Văn Vương, nơi ông dấy nghiệp vua (Càn).

Việc thờ Quả Càn Khôn được lý giải như vầy:

Càn (☰) là Trời, nhẹ nhàng nên ở trên, biểu tượng bằng Thiên

1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I, trang 48.

2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển II, trang 62.

3-Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris Gasnier 1952, trang 71.

4-Xem hình "Bát Quái Cao Đài".

Cầu, Khôn (☷☷) là Đất, trọng trược nên nằm dưới, biểu tượng bằng Địa cầu, lồng bên trong, tức Âm trong Dương.

Đó là quẻ Bỉ (䷋), biểu tượng thời Hạ Nguơn mạt Pháp, tương ứng với ý chưa sinh, chưa biến hóa. Song Đạo lập ra để cứu đời, nếu đối diện với Quả Càn Khôn là chữ KHÍ nơi Hiệp Thiên Đài (tức hiệp nhứt Thiên Nhơn trong Kinh Dịch), biểu tượng Âm Dương phải khí hóa.

Trong mỗi quẻ đều biểu tượng Tam Tài: Trời, Đất, Người; luôn luôn biến thiên khí Âm, khí Dương, đổi chỗ nhau, nhưng con người luôn nằm giữa. Nói cách khác, con người ở trạng thái quay của trái đất, lúc sáng (Dương), lúc tối (Âm). Điều đó giải thích tại sao Âm nặng nề, nằm dưới, mà có thể biến hóa chiếm chỗ chánh vị Dương. Nhờ đó, quẻ Bỉ (䷋) khí hóa mới trở thành quẻ Thái (䷊) (Âm lên trên Dương), là thông suốt an lạc mà tạo đời Thánh Đức.

Nhờ Âm Dương hợp nhứt sinh ra người (Âm Dương hợp nhứt vị nhân). Theo từ nguyên, chữ Nhân được hợp thành do nét trái chỉ Dương và nét phải chỉ Âm, nên trong mỗi con người đều có hai khí Âm Dương.

Cụ thể hơn, ta lấy Càn Khôn, tức quẻ Bỉ (䷋) để vẽ sơ đồ Bát Quái đã có trong Vũ Trụ:

Khi quẻ Càn di chuyển chồng lên quẻ Khôn thì Tốn cũng di chuyển chồng lên quẻ Cấn mà sinh ra quẻ Tiệm (䷴) [1]

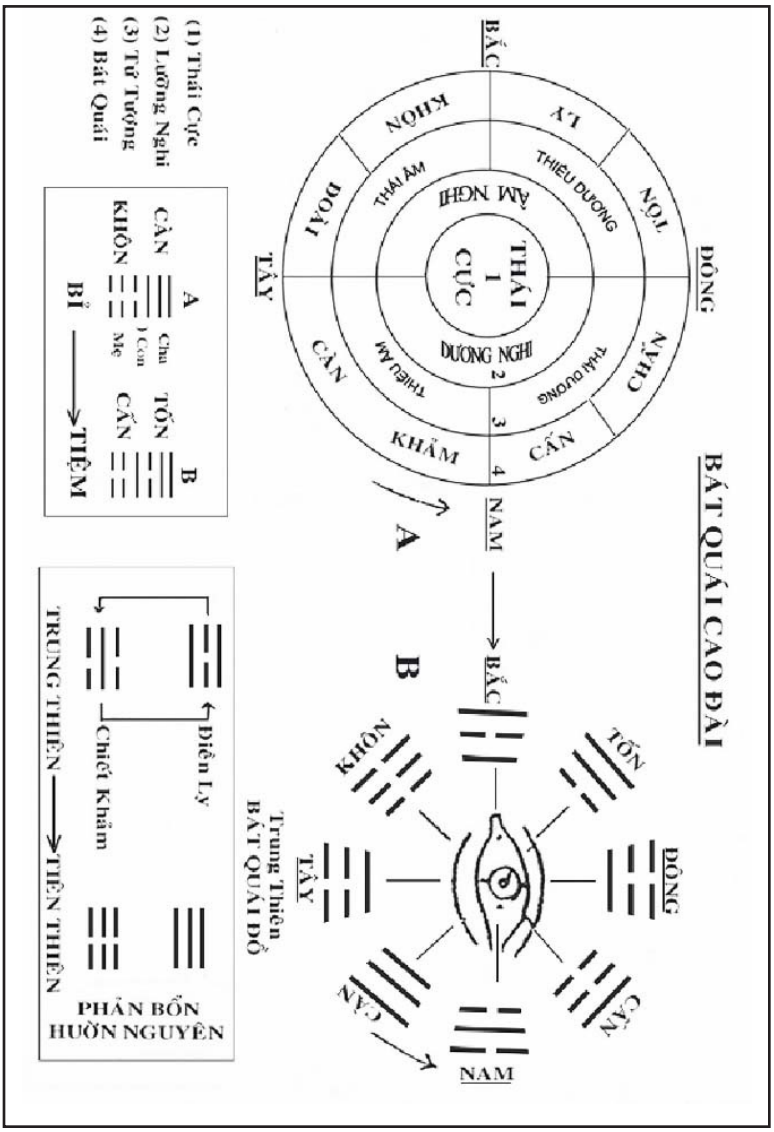
Theo Dịch Lý, Càn cầu ở Khôn thì sinh Nữ, Khôn cầu ở Càn thì sinh Nam. Càn Khôn sinh ra Tiệm, tức con người đứng giữa Trời Đất, giữ Đạo Trung Chánh.

Đức Chí Tôn đã dạy: "Đạo khai vào Rằm tháng 10 năm Bính Dần, vì Nhơn sanh ư Dần, lấy Bính Dần (1926) làm năm đầu lịch Đại Đạo.[2]

Thế nên Đạo Cao Đài lấy Nhơn Đạo làm nền tảng giáo lý. Nói

1-Xem hình BÁT QUÁI CAO ĐÀI.

2-Võ Vương đã lấy Bính Dần / 1134 trước Tây Lịch, làm năm đầu lịch Can Chi nhà Châu.



cách khác, Đạo Cao Đài đồng nghĩa với Chủ nghĩa Nhơn Đạo (Humanitarisme), với chủ thuyết Tâm Vật bình hành, không nghiêng Duy Tâm hay Duy Vật mà DUY NHÂN, vì Tâm và Vật đều do Âm Dương khí hóa mà thành, chỉ có con người tối quan trọng.

Nhắc lại việc Đức Phạm Hộ Pháp cho xây dựng ba Tịnh Thất như sau:

- Trí Huệ Cung trong Thiên Hỉ Động, ở về phía Nam cách Đền Thánh độ 5 Km. Thiên Hỉ Động là tòa nhà vuông (tứ tượng) có hai lầu, phía dưới đất có làm phòng ngầm, xây cầu thang đi xuống đó là nơi nhập đại tịnh của Đức Phạm Hộ Pháp.

Sau khi ra tịnh, trấn pháp Long Tu Phiến và Kim Tiên trên Thiên Hỉ Động, Đức Ngài thuyết rằng:

"Ngày mai trấn Pháp Thiên Hỉ Động Trí Huệ Cung, Bần Đạo lấy làm mừng đã làm tròn phận sự đặc biệt của Bần Đạo.
"Trước Bần Đạo đã gánh vác về Thể Pháp Cửu Trùng Đài … Ngày nay vui mừng là Bần Đạo có sức khỏe đầy đủ, cầm Bí Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bần Đạo vậy".

- **Trí Giác Cung** trong Địa Linh Động, nằm trên đường đi Qui Thiện, cách Đền Thánh độ 3 Km. Đây là nơi đầu tiên xây dựng Đền Thờ Đức Phật Mẫu.

- Vạn Pháp Cung trong Nhơn Hòa Động, định xây ở Sơn Đình, chân Núi Bà Đen, sau dời về Phận Đạo Thập Tam, cuối đường Bình Dương Đạo.

Chương nầy cho ta thấy vai trò của Đức Phạm Hộ Pháp trong Thể Pháp và Bí Pháp. Thể Pháp và Bí Pháp là hai mặt mà bất cứ Tôn giáo nào cũng phải có.

Thể Pháp của Đạo ai cũng thấy được. Đức Phạm Hộ Pháp lập ra những kiến trúc hình tượng rất đặc thù của tôn giáo Cao Đài: Thánh Thất, Tòa Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu, y phục toàn trắng. Bất cứ ai, bất cứ ở đâu, nhìn thấy những biểu tượng đó đều biết ngay là Đạo Cao Đài.

Từ lúc "Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà" thì Đức Phạm Hộ Pháp nắm cả quyền về Bí Pháp. Trong Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn đã dạy: "Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng Liêng mối Đạo".

"Quyền Thiêng Liêng" đó là Bí Pháp, là điển lực giải thoát

Chơn Thần con người thoát khỏi vòng tục lụy. Bí Pháp thuộc trách nhiệm nơi Hiệp Thiên Đài mà vị Chưởng Quản là Hộ Pháp. Hãy nghe Đức Ngài giảng việc này như sau:

"Khi Đức Chí Tôn chọn Bần Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bần Đạo phò loan chấp bút. Nhờ chấp bút mà Bần Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh, nhưng nhập tịnh không phải dễ.

"Chính Bần Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu bí trọng".[1]





Nhờ đó mà Đức Ngài truyền lại cho các Chức sắc hành pháp Giải Oan, Phép Xác, Hôn Phối…và luyện Cam Lồ Thủy, Ma Ha Thủy… Những Thể Pháp và những Bí Pháp mà Đức Ngài xây dựng và truyền giảng, các Chức sắc thừa hành cố giữ y nguyên trạng.

1-Lời Thuyết Đạo, đêm 13-8 Mậu Tý tức 16-9-1948 tại Đền Thánh.

CHƯƠNG VII
ĐẠO CAO ĐÀI RA MẶT QUỐC TẾ
(1951 - 1955)

1. Đức Hộ Pháp lập Long Hoa Thị.
2. Các Phủ Từ và Ngọc Xá Lợi.
3. Xây dựng nơi thờ Diêu Trì Cung.
4. Đức Hộ Pháp Âu Du.
5. Lễ Khánh Thành Tòa Thánh.

I. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP LẬP LONG HOA THỊ

Khi ra nhà Tịnh, Đức Ngài thấy chợ Ngã Năm (gần cửa số 4 Nội ô Tòa Thánh) chật chội và ẩm thấp, nên lấy 47 mẫu đất ở phía Nam Tòa Thánh lập chợ Long Hoa. Đến ngày 05.06.1951, chợ Long Hoa cơ bản thiết lập xong, Đức Ngài làm lễ Ban Phép Lành và Trấn Thần Long Hoa Thị và hiểu dụ:

"Bần Đạo cho lập gấp cái chợ nầy, tạo một nguồn sinh sống để dành cho nhơn sanh. Ngày giờ nầy tuy là cái chợ thô sơ, rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn. Chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ đến thế. Nhưng Bần Đạo quả quyết việc đó phải có và nhứt định có, vì cái chợ Chuyển thế và quyền Thiêng Liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy".

Sở dĩ Đức Ngài nhấn mạnh "phải có", vì lúc bấy giờ vùng chợ Long Hoa là khu rừng chồi, toàn gốc cây, gò mối, một vài đường truông sình lầy. Người ta khó tin nơi đây trở thành ngôi chợ sầm uất như ngày nay.

Khi Khánh thành Văn phòng Ban Quản Trị Long Hoa Thị (15-7 Quí Tỵ), Đức Ngài nói:

"Bần Đạo rất tin cậy với lòng nhiệt thành của toàn thể, hãy

giúp cho Ban Quản Trị và Hội Thánh lập chợ Long Hoa thiệt mau. Bần Đạo dám chắc rằng đời sống của mấy em sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu tươi đẹp. Ngôi nhà chung của chúng ta là một Tông đường để đào tạo đám thơ sinh tiếp tục làm Thánh Thể Đức Chí Tôn, thừa chí đưa hết năng lực tận tình đặng cứu khổ chúng sanh".

Chính Đức Ngài đôn đốc công cuộc khai phá rừng và hiểu dụ: "Sau hai năm, Qua còn nhớ, khi Qua ra khỏi nhà Tịnh Trí Huệ Cung về nơi đây, Qua ban phước lành chợ Long Hoa là tháng 7 năm Tân Mão cho đến tháng 7 nầy thật ra có hai năm mà thôi. Đức Tin con người, nếu mà nhơn loại tụ cả lại làm một khối, thì không có gì làm không đặng. Qua vẫn biết cái sự nghiệp kinh doanh do tinh thần hoạt bát của mấy em làm cho Qua được hưởng hạnh phúc.

Chợ Ngã Năm, mấy em đừng tưởng có phép huyền bí. Qua thấy chợ Ngã Năm rất sung túc, nhưng lại ẩm thấp, chật chội. Cái tinh thần của mấy em đi cao tiến mạnh. Vì cớ, Qua mới lấy khu rừng 47 mẫu (chưa có chợ nào đặng 47 mẫu), nhưng chừng vài năm nữa đây sẽ chật hết. Qua đã thấy chen chút với nhau rồi đó".

Thật vậy, chợ cũ Long Hoa không đủ chỗ buôn bán, nên ngày Mùng một tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1952), Đức Hộ Pháp cho khởi công đào móng xây Long Hoa Thị (chỗ buôn bán hiện nay).

Đức Ngài nói: "Bát Long dẫn thủy", thì mở tám con lộ Bát Quái. Trong nhà lồng xây dựng một hồ nước thật cao lấy nước rửa chợ; các tiệm, các phố đủ sức xài. Nhà lồng cất bốn cánh, có hai tầng lầu: tầng dưới bán thực phẩm, tầng trên bán mỹ phẩm.

Trên bồn nước giữa chợ, cất cái nhà nóc bằng để cho Thánh Vệ ở, luân phiên giữ gìn châu vi chợ và làm nơi ăn ở trên nhà gác. Còn bốn phía chợ, đúc cột làm hàng rào bằng song sắt thật đẹp, để trống cho bốn bề trông vào thấy chợ thong dong mát mẻ. Mỗi phía hàng rào, có một cái cổng. Bốn mặt như nhau, nhưng

mỗi cửa để chữ theo mỗi hướng, như: Đông Môn, Tây Môn, Nam Môn, Bắc Môn.

Đừng để mấy cái quán cốc che lấp cái vẻ đẹp của chợ. Mấy cái xép theo góc Bát Quái, cho Ban Kiến Trúc cất, đúc cột lên mấy từng lầu như phố vậy để làm Nhà Hàng hoặc bán các loại máy móc, radio, nhưng tầng dưới chừa hai thước vuông cho trạm Y tế, ở, cứu thương hoặc bịnh hoạn sẵn có thuốc. Nghe qua công cuộc từng câu chuyện, Đức Ngài trở lại cầm thước dây đo ngang 40 thước, từ mặt phố bên phải qua trái, khoảng trên con lộ 40 thước, ở giữa con lộ lớn có hai cái lề. Bên trong, sát mặt phố có hai con lộ nhỏ xe hơi chạy vào được.

Dài trên lộ, biểu Trưởng Tộc và nhân viên Chưởng Quản Phước Thiện cũng lo cất 20 cái Bar, cất trọn trên lề đừng vi phạm choán con lộ mất đẹp. Bar cất hai tầng, cách 40 thước, xa xa để chừa đường ra vào mặt phố. Nếu cất khít, choán chỗ, người ta rầy mà coi không đẹp. Cho bán đồ bazar hoặc các thứ đồ chơi hoặc bông hoa trái cây Đà lạt. Mỗi Bar đều có bốn mặt, cửa kiếng xinh đẹp. Cấm nấu nướng. Chỉ đến giờ, mở cửa bán cũng như Bar giữa lộ ở Đô Thành giống như Đại Lộ Charner, Sàigòn vậy.

Trong 20 cái Bar dành cho người nghèo không phương sanh sống hoặc đám nội trợ của Chức sắc nghèo cần có phương sống. Khi bớt khổ phải đền ơn, giao lại cho Hội Thánh cho người khác, cứ kế tiếp không ai có quyền làm chủ vĩnh viễn.

Hội Thánh biết kẻ nghèo cho ở chớ không thâu nạp đơn xin (bị lợi dụng), còn nền nhà hình, Thầy định cất tại đầu lề lộ, hai bên cất y một kiểu có hai từng. Bên Xuân Dung thì làm nghề ảnh đặc biệt riêng cho Thầy, dành lại số huê lợi đặng cho đám cô nhi có phương sống và mấy con nhiếp ảnh nên cố gắng truyền nghề cho chúng nó thành tài về nghề phim ảnh chiếu bóng.
Trong nhà hình, từng dưới chưng triển lãm các kiểu cổ kim hoặc các cuộc kỷ niệm, mỗi khi Thầy cần dùng thì có sẵn; từng trên để làm nghề. Sau nầy ngoại quốc họ vô xem Báo Quốc Từ, thì họ phải vào lấy hình ảnh, mấy con đủ nuôi đám cô nhi.

Còn bên kia giao cho mấy đứa thủ trinh. Công nghiệp tụi nó mà Thầy chưa ban đặc ân, vậy để cho chúng nó làm nhà cơm chay. Thầy làm ăn mót trên lề lộ mà có nghĩa giúp đám cô nhi và những người nghèo mà cũng là làm cho Long Hoa Thị ngày kia sung túc.

Long Hoa Thị sung túc rồi, tự nó sẽ làm chén cơm bát nước của Hội Thánh, của Chức sắc, của nhơn sanh chung hưởng đặc ân. Vậy nên cố gắng tạo cho thành".

Hồi mới xây dựng, Tòa Thánh có chợ Từ Bi (khoảng trước Tòa Nội Chánh), chợ Thương binh (vì phần đất nầy trước dành cho Thương Phế binh Cao Đài) nay là chợ Hiệp Lễ, Tân Dân Thị (tức chợ Qui Thiện), Thiên Vương Thị (tức chợ Trường Lưu), chợ Bến Kéo..v.v...

II. VIỆC LẬP CÁC PHỦ TỪ VÀ NGỌC XÁ LỢI

Khởi đầu từ năm 1952, Đức Phạm Hộ Pháp cho thiết lập các Phủ Từ trong vùng Thánh Địa nằm trong mục đích truyền Đạo mà phương tiện là Tông Đường. Phủ Từ hay Nhà Thờ Họ, như Lê Phủ Từ, Phạm Phủ Từ, Văn Phủ Từ,... thường tôn vinh một vị văn võ song toàn trong lịch sử và một vị có phẩm tước cao trong Đạo như Trần Phủ Từ có thể Đức Thánh Trần Hưng Đạo và Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Tất cả người trong họ có thể thờ tại Phủ Từ.

Đức Hộ Pháp phủ dụ về việc lập Tông Đường như sau:

"Từ trước đến giờ Đạo Cao Đài lấy Tông Đường làm nền móng. Từ đây sẽ càng mạnh mẽ hơn nữa, sẽ càng cao trọng hơn nữa. Nhờ Tông Đường mà ta tạo dựng, bá Tộc ngày kia không ai không Đạo. Mấy em tạo Phủ Thờ, công nghiệp nầy là mấy em lập công đối với Đạo Cao Đài một cách gián tiếp đó vậy".

Trong dịp đến hội ở Phạm Phủ Từ, Đức Ngài giảng dạy:
"Hôm nay Bần Đạo vào hội chẳng phải lấy danh thể Hộ Pháp



ĐHP Thỉnh Xá Lợi Của Phật Thích Ca

mà chỉ lấy danh thể Phạm Công Tắc mà thôi. Chữ hiếu là chữ đứng đầu hết. Không trọn hiếu thì không thể làm việc khác được. Chúng ta có một cơ nghiệp tận thiện, tận mỹ, vĩ đại, ta muốn danh thể ta bền bĩ lâu dài, đại nghiệp thiệt của chúng ta là đây.

Các bậc Tiền bối đã dạy rằng: "Lập thân hành Đạo, dương danh ư hậu thế". Ta có thể làm Đạo lập thân danh nhưng phải có hiếu trước đã.

Tạo Phạm Phủ Từ, chẳng phải cho riêng trong cửa Đạo hay nội trong nước Việt Nam mà thôi. Chúng ta ngó tới Bắc Việt, Trung Hoa… Tông Đường của ta ở mé biển nữa, thành một Cơ quan vĩ đại".

Xem đó, ta thấy quan niệm của Đức Ngài rất rộng rãi, rất lớn, lớn như nền Đạo Cao Đài.

Sang năm 1953, có nhiều biến cố quan trọng.

Khởi đầu Đức Ngài Narada Théra, Phó Giáo Tông Phật Giáo Tích Lan (nay là Srilanca) đem cho nước ta ba hạt Ngọc Xá Lợi: một cho Đại Thừa, một cho Tiểu Thừa Phật Giáo Việt

Nam, còn một cho Tiểu Thừa Phật Giáo Campuchia.

Vì Phái Đại Thừa chưa quyết định để hạt ngọc ở đâu, nên Đại Đức Narada Théra giao cho Hoàng Thái Hậu Từ Cung [1] để tặng nơi nào tùy ý. Kèm theo ba hạt ngọc, có ba cây Bồ Đề: một cây tặng Tiểu Thừa Việt Nam, một cây tặng Tiểu Thừa Campuchia và một cây tặng Tòa Thánh Tây Ninh trồng gần trụ phướn trước Đền Thánh.

Còn hạt Xá Lợi Phật thì đăng điện đêm 18.05 Quí Tỵ (1953), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng như sau:
"Hạt Xá Lợi đem về Tòa Thánh hôm nay là đặc biệt của Đại Đức Narada Théra, Phó Giáo Tông Phật Giáo Tích Lan, lấy của tư Ngài hiến cho Tòa Thánh. Chúng ta đã thấy sự khó khăn đem Ngọc Xá Lợi về Tòa Thánh, đều do công của Ngài Bảo Sanh Quân Hiệp Thiên Đài .[2]

"Phật Thích Ca, theo Đại Đức, là người như ta, có xác thân như ta, sống chết như ta, chớ không phải là người trong thần thoại. Nhưng cái cao siêu về tâm hồn của Ngài, về tiền căn Thiêng Liêng của Ngài đã lên tới Phật vị.
"Trước kia, Đức Thích Ca đã thành Phật đặng, chúng ta cũng thành Phật đặng. Bần Đạo mong cả con cái Đức Chí Tôn cố gắng học đòi như Ngài".
"Khi Thích Ca đắc Đạo, các Tông đồ của Ngài thiêu thi hài của Ngài. Các lóng xương chưa thiêu hủy được cất giữ coi như báu vật, người ta gọi là Xá Lợi Phật".

Ngày 18.08.1953 (10.07 Quí Tỵ) Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm mời Đức Hộ Pháp và một số môn sinh cũ của nhà giáo Trần văn Giảng để ban cho Thầy cũ Huân chương. Đức Hộ Pháp đề nghị tặng cụ danh hiệu Linh Sơn Phu Tử .[3] Các cựu môn sinh đều nhứt trí.

Ngày hôm đó tỉnh lỵ Tây Ninh trang hoàng rực rỡ biểu chương,

1-Bà được ân phong Phối Sư Tòa Thánh Tây Ninh.

2-Tức Bác sĩ Lê văn Hoạch.

3-Phu Tử đối phẩm Phối Sư, Chức sắc cao nhất trong Ban Thế Đạo.



Đức Hộ Pháp- Thầy Trần văn Giảng - Thủ Tướng Nguyễn văn Tâm

cờ xí treo khắp nơi. Tinh thần "Tôn Sư trọng Đạo" của các môn sinh được thể hiện cao độ.

Mười giờ, cuộc lễ khai mạc, có mặt các môn sinh đều hiển đạt như Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Tướng Nguyễn văn Hinh, Giáo Sư Võ Thành Cứ, Ông Phủ Trần văn Giáo và nhiều Bác sĩ, Kỹ sư.

Sau khi Thủ Tướng gắn Bảo Quốc Huân chương cho cụ giáo Trần văn Giảng (1875-1964), Đức Hộ Pháp trao lời cho Giáo Sư Cứ xưng tụng công nghiệp Tôn sư. Ông nói:

"Thầy lập công bằng trí não, bằng tâm can. Trót 40 năm Thầy chẳng lùi bước trước trở lực nào của nghề nghiệp thanh cao. Hôm nay Thầy hãnh diện trông thấy đám môn sinh thân mến của Thầy đây là Thủ Tướng, đây là Hộ Pháp, kia là Bác sĩ, Kỹ sư... Chúng con hết sức tự đắc là môn đồ của cụ giáo Trần văn Giảng, xứng đáng tôn vinh là bậc Linh Sơn Phu Tử .[1]

1-Huỳnh Minh, Tây Ninh Xưa và Nay, Sài Gòn 1972, trang 120-122.

III. XÂY DỰNG NƠI THỜ DIÊU TRÌ CUNG

Để kịp lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh (1955) vào tháng 3.1955, Đức Hộ Pháp ra lịnh sửa Báo Ân Từ thành Đền Thờ tạm Diêu Trì Cung. Vì Đức Phật Mẫu có công rất lớn trong việc mở Đạo, nên Bà Bát Nương giáng Cơ tại Kiêm Biên (Campuchia) viết ra. Đức Hộ Pháp giảng về việc tiếp nhận Kinh có đoạn như sau:

"Kinh Phật Mẫu cho tại Kiêm Biên, nơi Báo Ân Đường của Thừa sử Huỳnh Hữu Lợi. Bần Đạo đến nhằm lúc cúng vía Đức Phật Mẫu. Bà Bát Nương đến cầm Cơ viết, có nhiều người làm chứng. Các Đạo hữu và một người không biết Đạo, đó là ông Hiếu ngồi trước sân chơi. Họ thấy từ phía Đền có hào quang giáng hạ, xẹt xuống ngay Báo Ân Đường. Tới chừng trọn bài Kinh rồi cả thảy (người ngoài sân) đều nói không biết cái gì xẹt khi nảy, không dè trong nhà (Báo Ân Đường) đương chấp bút". Nhân dịp sửa chữa lại Báo Ân Từ, [1] Đức Phạm Hộ Pháp có chỉ cho các thợ hồ công quả đắp các pho tượng sau:

1. Trên hết đắp chân dung Đức Phật Mẫu cỡi thanh loan.
2. Dưới đắp 9 pho tượng của Cửu Vị Tiên Nương.
3. Liên tiếp đắp 04 vị Nữ nhạc hầu Đức Phật Mẫu là: Đổng Song Thành, Vương Tử Phá, Hứa Phi Yến, An Phát Trinh.
4. Tượng Đông Phương Sóc [2] quì nâng 04 quả đào Tiên.
5. Tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện Cổ Tự.

Đức Hộ Pháp chỉ dạy về việc đắp chơn dung như sau:

"Hình của Đức Phật Mẫu đắp theo hình chưng công bộ Cửu Nương lần đầu tiên vào tháng 8 năm Đinh Hợi. Thầy có chỉ cho Chí Thiện Trạch, Trần Phong Lưu và Tá lý Kia cất giữ, coi theo đó mà làm mẫu, theo sự tích đời Hán Võ Đế bên Tàu. Hồi đó mượn bức ảnh của bà Phối Sư Hương Hiếu. Bức họa nầy

---

1-Xem thêm Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật.
2-Nhà văn hóa đời Hán biết nghe tiếng chim.

dựa theo sách "Sơn Hải Kinh" nói Tây Vương Mẫu giống hình người.

"Đức Phật Mẫu có từ thuở khai Thiên do khí Âm Dương tạo thành, có quyền năng vô đối, vô biên, vô lượng cũng như Đức Chí Tôn, hữu hữu vô vô, nắm trọn bí quyết nhiệm mầu của Càn Khôn Vũ Trụ, chớ không phải Bí Pháp biến thành Thể Pháp do hiện tượng sự tích đời Hán Võ Đế, đó chỉ là mượn ý tạc hình, chớ Phật Mẫu vốn Vô vi".

Đức Phạm Hộ Pháp nói về việc cầu Phật Mẫu của Hán Võ Đế như sau:

"Vào tiết Trung Thu, 15 tháng 8 năm Ngọ, đầu giờ Tý, vua Võ Đế quì trước chùa thành tâm cầu khẩn. Đúng 12 giờ, thanh loan đáp trước sân Hoa Điện. Vua ra thỉnh Đức Phật Mẫu ngự tại Chánh Điện. Đức Phật Mẫu dạy bốn Nữ nhạc trao bốn quả đào Tiên cho Hán Võ Đế và Đông Phương Sóc quì rước lộc".

IV. ĐỨC HỘ PHÁP ÂU DU

Sang năm 1954, Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp làm Cố vấn Tối cao để hoạch định cho chương trình Hội nghị Génève. Đồng thời Đức Ngài sang Pháp để đáp lời mời của Chánh Phủ Pháp trước kia mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Ngày 17.04 Giáp Ngọ (19.05.1954) các cơ quan đưa tiễn Đức Ngài lên đường, Đức Ngài nói:

"Hôm nay Bần Đạo lấy sứ mạng Thiêng Liêng đem ngọn cờ Cứu khổ đến Châu Âu. Mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức Chí Tôn sẽ đem tình ưu ái vô biên của Ngài đặng an ủi tâm hồn các chủng tộc Châu Âu. Quyền năng vô tận của Đức Chí Tôn sẽ làm cho trường hỗn loạn trở nên thái bình.

Một điều trọng yếu nữa là cả thảy cầu nguyện thế nào cho ngọn cờ Từ Bi bao phủ trên mặt địa cầu nầy. Bần Đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ Phụ hơn điều đó".

Sáng hôm nay, Đức Ngài lên máy bay rời phi trường Tân Sơn





H.3 Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng chào cờ tại Đài Chiến sĩ vô danh Arc de Triomphe.

Nhất. Nhiều Chánh khách, Chức sắc, Chức Việc ra tiễn đưa Đức Ngài.

Khi máy bay đáp xuống phi trường Orly (Pháp) có rất đông quan khách đến đón Đức Ngài. Về phía Chánh Phủ Việt Nam, có Phó Thủ Tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng Trưởng Tài Chánh Dương Tấn Tài, Đại diện Cao Ủy Phủ Vương Hồng Chương và Đỗ Hùng, rất đông Việt kiều ra đón Đức Ngài.

Về phía Chánh Phủ Pháp, có ông Thị Trưởng thành Paris, ông Plas và Mattei đại diện Bộ Trưởng Bộ Liên Quốc.

Chiều ngày 21.05.1954, Đức Hộ Pháp mở cuộc họp báo tại nhà hàng George V. Trong lúc dự tiệc, các đại diện báo chí phỏng vấn Đức Ngài về đường lối chánh trị. Đức Ngài trả lời: "Bần Đạo sang Pháp với danh nghĩa Cố vấn Tối cao của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Bần Đạo sẽ gặp Đức Quốc Trưởng và sẽ thỉnh ý Ngài".

Báo chí hỏi Đức Ngài có chống Cộng không? Đức Ngài đáp:
"Chúng tôi là người Tôn giáo, thay mặt Thượng Đế cứu vớt tất cả con cái Ngài, dầu kẻ tội lỗi nào cũng cứu vớt".
Trưa hôm sau, Trung Tướng Nguyễn văn Xuân, cựu Thủ Tướng, đến mời Ngài dùng cơm tại tư gia.

Ngày 23.05.1954, Đức Ngài đến Canne rồi tới điện Thorène gặp Đức Quốc Trưởng. Đức Ngài tỏ vẻ hài lòng rồi trở về Paris cùng ngày, được Thủ Tướng Bửu Lộc và các chánh khách đưa ra tận ga Canne.

Trưa ngày 24.05.1954, ông Laniel, Thủ Tướng Pháp tiếp Đức Ngài tại điện Matignon. Cùng đi với Đức Ngài có ông Ngô Khai Minh, Ông Nguyễn văn Ba (em ông Xuân) và ông Hồ Bảo Đạo. Thủ Tướng Laniel tham khảo ý kiến riêng với Đức Ngài.

Trước khi Đức Hộ Pháp sang Paris, bản Hiệp Ước Génève đã được đăng tải trên các báo. Người ta phao tin đã ký rồi, nhưng thật ra chưa ai ký. Các chánh khách đều trông vào Đức Ngài.

Ngày 25.05.1954, ông Trần Vinh, Trưởng Ban Nghi Lễ Cao

Ủy Phủ Việt Nam sắp chương trình cho Đức Hộ Pháp đi viếng và làm lễ ở Chùa thờ chiến sĩ trận vong Việt Nam Nogent Sur Marne. Đến chiều tối, Đức Ngài đặt tràng hoa nơi mộ chiến sĩ trận vong Pháp ở Arc De Triomphe. Tướng Collion, Tổng Trấn Paris thay mặt Chánh Phủ Pháp và Quân Đội nghinh đón. Hai bên đài có đoàn Vệ quân bồng súng chào, giàn nhạc trổi Quốc thiều Việt Nam và Quốc thiều Pháp.

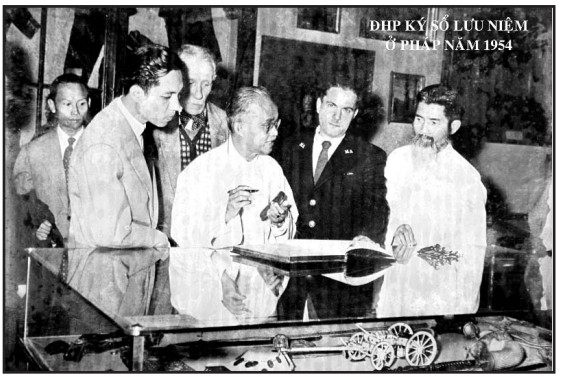
Sau khi đặt tràng hoa lên mộ chiến sĩ vô danh, Đức Hộ Pháp trở ra. Các quan khách đưa tận xe. Việc đón tiếp như vậy là long trọng lắm, vì Đoàn Vệ Quân (Garde Républicaine) và giàn nhạc thường chỉ để đón tiếp các Quốc Trưởng mà thôi.

Tờ mờ sáng ngày 27.05.1955, Đức Ngài cho ông Hồ Bảo Đạo hay: đêm qua Đức Ngài hội kiến với Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo). Đức Chưởng Đạo có dạy nhiều việc và cho một bài thi như sau:

Giờ điểm vinh quang đã khởi màu,
Giang sơn Đất Việt giá là bao?
Nền nhân Câu Tiễn vừa che bước,
Cửa ải Phù Tang đã mở vào.
Mong lịch duyệt, nay đà lịch duyệt,
Muốn thanh cao, đã đặng thanh cao.
Tiên Rồng sắp gặp hồi phong vũ,
Thay đổi Càn Khôn thử thế nào?

Tiếp đó, Đức Ngài đi viếng Điện Versailles. Nhân viên Điện đưa Ngài đi xem từng nơi. Điện xây cất từ thời vua Louis XIV (1668), đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Mấy bậc thang, cột và tường đều lát cẩm thạch có vân và bông tuyệt đẹp. Người hướng dẫn nói cẩm thạch nầy có 144 màu khác nhau. Trong phòng khác có chiếc đồng hồ từ máy đến võ đều bằng vàng chạy rất đúng giờ. Cái võ đồng tượng hình một đền Vua.

Vừa đúng 10 giờ, cửa Đền mở, vua Louis 14 trong Đền bước ra, có nhạc đánh chào. Cứ mỗi giờ đánh một bản khác nhau, bản nhạc cuối vừa dứt thì đồng hồ gõ 10 tiếng. Vua Louis 14 bước vô Đền, cửa tự động đóng lại. Những động tác đó do máy



ĐHP KÝ SỐ LƯU NIỆM Ở PHÁP NĂM 1954

tự động bên trong đồng hồ tự điều khiển.

Chiều hôm đó, Bộ Trưởng Mécheri thay mặt Tổng Thống Pháp René Coty đến viếng Đức Hộ Pháp. Trước khi ra về, ông Mécheri nói Tổng Thống Coty mời Đức Ngài sang viếng Điện Élysées.

Sau đó, Đức Ngài nhường thời giờ tiếp xúc các Đạo hữu ở Pháp. Ông Henri Regnault [1] thay mặt người Pháp có Đạo đến chào Đức Ngài.

Ngày 28.05.1954, Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng đến Điện Élysées được Tổng Thống René Coty đón chào tại cửa. Tổng Thống Pháp đưa Đức Ngài vào phòng khách đàm luận, sau đó dự tiệc rồi từ giã. Chủ khách rất quyến luyến nhau.

Hôm sau, Thủ Tướng Bửu Lộc mời Đức Ngài đến Hotel Raphael, Thủ Tướng rất vui mừng trước thành quả mà Đức Ngài ngoại giao đã đạt được và hứa sẽ mời Quốc Trưởng Bảo Đại lên Paris hội kiến với Đức Ngài.

Chiều hôm đó, Giáo Sư Gustave Meillon đến thăm Đức Hộ Pháp. Ông đang nghiên cứu về Đạo Cao Đài, viết luận án Tiến sĩ. Ông chăm chỉ lắng nghe từng câu từng chữ của Đức Hộ Pháp khi Ngài giải thích về Đạo.

Ngày 30.05.1954 là ngày Đức Hộ Pháp bận rộn nhứt, tiếp phái đoàn nầy, nhân vật nọ, xin ý kiến và thỉnh ý Đức Ngài. Từ ông Đỗ Hùng, Thư ký Hội Đồng Quốc Gia Liên Kết đến Giáo Sư Pierre Max và nhiều nhân vật chánh giới Pháp lắng nghe tiếng nói của Đức Ngài.

1-Người thay mặt Đạo Cao Đài dự nhiều Hội nghị Thần Linh Học thế giới .

Chiều ngày 31.05.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Panthéon. Điện nầy là một tòa nhà đồ sộ lộng lẫy, những bức vẽ hàng mấy trăm năm nay mà vẫn linh động. Giữa Đền có một bức vẽ trên trần màu sắc rực rỡ. Nhờ nóc Đền lợp bằng kiếng nên khi mặt trời xoay hướng thì bức vẽ đổi màu luôn. Trên tường có nhiều bích họa diễn tả lịch sử nữ Thánh Sainte Génèvière, tức Thánh bảo hộ thành Paris.



Một bức họa khác diễn tả quân Mông Cổ Attila xâm chiếm thành Paris, dân chúng kể như chết. Chính nữ Thánh đứng lên kêu gọi dân chúng vững tâm tổ chức phòng thủ và cầu nguyện Chúa cứu giúp. Nhờ đó mà vua Attila không vào thành được.
Một bức bích họa khác mô tả thành Paris bị nạn đói, chính nhờ nữ Thánh Génévière cầu nguyện Ơn Trên và kêu gọi các nơi tiếp tế mà thành Paris thoát nạn đói. Đến đời vua Napoléon dời tượng Bà thờ nơi khác và lấy Điện Panthéon làm Báo Ân Từ, chôn xác các danh nhơn dưới đường hầm.
Phái đoàn xuống hầm. Khi đến mộ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Phạm Hộ Pháp đốt nhang cầu nguyện.

Ngày 1.06.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Invalides. Ông Trần Vinh và Phó Giám Đốc Điện Invalides tiếp rước Đức Ngài. Giữa

Điện có ngôi mộ của Napoléon I, làm toàn bằng đá cẩm thạch chiếu lóng lánh. Điện nầy chứa các di tích đời vua Napoléon.

Ngày 2.06.1954, Đức Hộ Pháp viếng lâu đài Liên Quốc (Union des États Associés). Ông Mécheri, Tổng Thư ký Hội Liên Quốc tiếp Đức Ngài và nói: "Đây là Nhà chung của các Quốc Gia Liên Kết, có các cộng sự viên Việt, Miên, Lào... Bộ Quốc Gia Liên Kết không phải là Bộ Thuộc địa trước kia".

Ông Mécheri hứa với Đức Hộ Pháp rằng ông sẵn sàng giúp đỡ Ngài trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng ngang hàng và làm bạn với Pháp.

Ngày 4.06.1954, nhân sinh nhật mồng 5 tháng 5 năm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp, phái đoàn có tổ chức tiệc tại Hotel George V thết đãi quan khách Việt Pháp, Lãnh sự các nước và Việt kiều hải ngoại.

Giữa buổi tiệc, Đức Ngài được thông báo Thủ Tướng Laniel đã ký hai bản Hiệp Ước về Chủ quyền độc lập của Quốc Gia Việt Nam đúng ngày mồng 5 tháng 5 để làm món quà sinh nhật của Đức Ngài. Người ta thường nói người Pháp lịch sự và tế nhị quả không ngoa.

Trước khi Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam, ngày 6.07.1954, ông Chevaul, Trưởng phái đoàn Pháp tại Hội nghị Génève mời Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài dự buổi tiệc vào lúc 12 giờ. Lúc chia tay, Đức Hộ Pháp nhắc ông Chevaul một câu: "Ne mettez pas vos doigts dans le panier des crabes". (Xin ông đừng thọc tay vào giỏ đựng cua).

Trước bối cảnh đó, Đức Ngài viết bài thơ đáng lưu ý như sau:

ÂU DU 1954

Cỡi gió tung mây đến Pháp triều,
Đo lường vận nước được bao nhiêu?
Tương lai gởi phận tay tha chủng,
Mai mốt thương thân đám Việt kiều.
Cứu quốc khó trông mong gặp Thuấn,
An dân hết sở cậy nhờ Nghiêu.

Cho hay chánh nghĩa chưa cân đúng,
Máu mũ vì thương phải đánh liều.



Cặp luận cho ta thấy nội dung chủ yếu của hai Hiệp Ước trên. Nói một cách khác, nước ta sẽ không có hòa bình kiểu "Thời đại Nghiêu, Thuấn".

Ở Génève độ một tuần, cuộc vận động hòa bình của Đức Ngài không đem lại kết quả mong muốn nên phái đoàn trở về Paris

Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp đến diện kiến và yêu cầu Đức Hộ Pháp ủng hộ Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền Thủ Tướng Chánh Phủ Miền Nam thay Bửu Lộc.

Để vừa lòng Bảo Đại, Đức Ngài cho Sĩ Tải Bùi Quang Cao và Tướng Lê văn Tất trở về nước vận động đồng bào, đồng Đạo đón rước Ngô Đình Diệm.

Ngày 20.07.1954, Đức Hộ Pháp và phái đoàn trở về Việt Nam ngót hai tháng sang Pháp tìm cách giải quyết về nền hòa bình cho đất nước khỏi chia đôi bất thành.

Thời gian Đức Hộ Pháp ở Paris, có đến viếng xã giao vị Lãnh sự Trung Hoa Quốc Gia Đài Loan, nên về nước không bao lâu,

Đức Ngài được thơ mời của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch sang viếng Đài Loan. Phái đoàn gồm có Đức Hộ Pháp, Sĩ Tải Bùi quang Cao và một ít Chức sắc Đường Nhơn.

Ngày 20 tháng 7 năm Giáp Ngọ, phái đoàn lên đường. Trước các Cơ quan Đạo, Đức Ngài phủ dụ:

"Hôm nay, Bần Đạo lãnh một sứ mạng mới do ý muốn của Đức Chí Tôn. Bần Đạo vừa được Chánh Phủ Trung Hoa mời sang Đài Loan. Chủ đích của họ mời Bần Đạo chỉ vì Đạo mà thôi.

Bần Đạo được danh dự của Đại Từ Phụ ban cho cầm cây cờ Cứu khổ để giải khổ cho nhơn loại. Mình đã đau khổ mà lãnh sứ mạng Thiêng Liêng để an ủi đau khổ của thiên hạ. Điều ấy làm cho chúng ta suy ngẫm lắm đó".


TỔNG THỐNG TƯỞNG GIỚI THẠCH (ĐÀI LOAN)
TIẾP KIẾN ĐHP (1955)


TỔNG THỐNG LÝ THỪA VĂN TIẾP KIẾN ĐHP
TẠI TỔNG THỐNG PHỦ NAM HÀN (1955)

Sau khi viếng Đài Loan gặp riêng Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, Đức Ngài sang Đại Hàn thăm xã giao Tổng Thống Lý Thừa Vãng; sau đó Đức Ngài bay qua Nhật để rước tro cốt Kỳ Ngoại Hầu Cường Để [1] về nước.

Khi về đến Phi trường Tân Sơn Nhất, Đức Ngài tuyên bố:

"Đức Cường Để đã hy sinh cuộc đời nơi đất khách cốt theo đuổi một mục đích là làm thế nào để phục hồi vận mạng Tổ quốc, độc lập được thực hiện.

Ngài cũng như Bần Đạo, tâm hồn của Ngài phù hợp với tâm hồn Bần Đạo, là chẳng lúc nào Ngài phân biệt màu sắc chánh

1- Quí danh là Nguyễn Phước Vân, đích tôn của Đông Cung Thái Tử Cảnh.

trị, đảng phái, đoàn thể, tôn giáo...
Đau đớn thay ! trên 40 năm lưu vong nơi đất khách, Ngài theo đuổi một ước vọng mà Ngài không đạt đặng. Công chưa thành, danh chưa toại, Ngài thành người thiên cổ nơi đất khách quê người.

Hôm nay, di hài của Người đã được đưa về nước. Do đó, khối anh linh của Ngài sẽ cùng hòa hiệp với khối Quốc hồn của bốn nghìn năm lập quốc".

Ngày 20 tháng 9 năm Giáp Ngọ (1954), Đức Ngài về tới Tòa Thánh và tuyên bố trước toàn Đạo:

"Tiếp theo lời tuyên bố của Bần Đạo khi về đến Sài Thành, Bần Đạo không cần nhắc lại. Cả một đời sống hy sinh của Ngài mong tạo hạnh phúc cho Tổ quốc mà phải chịu biết bao nhiêu gian khổ cũng vì lòng ái quốc của Ngài.

"Cả thanh niên Việt Nam nên ghi nhớ những lời nhắn gởi của Ngài. Trước nửa giờ chết, Ngài còn rán ngồi dậy nhắn cho toàn thanh niên Việt Nam phải cương quyết quật cường cứu quốc".

V. LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH

Sang năm 1955, từ ngày 29.01 đến 8.02.1955 (mồng 6 đến 16. 01 năm Ất Mùi) là Lễ Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh. Đây là một cuộc Lễ có một thời gian dài nhứt 10 ngày. Số người từ các Tỉnh về tham dự Lễ lên đến hàng triệu và số người đến xem Lễ và đến quan sát trên hai triệu lượt người.

Vào mồng 8 tháng Giêng Ất Mùi, ngày chánh Lễ, Đại Đồng Xã bề ngang 40 thước, bề dài 80 thước, hai khán đài nam nữ mỗi cái chứa trên hai chục ngàn người đã chật nức.

Trên hàng ghế danh dự, ngoài Đức Hộ Pháp còn có Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, các Đại sứ các nước. Sân Đại Đồng Xã đã đầy người. Các Đạo hữu đến sau phải đứng tạm trong rừng Thiên nhiên sau hai khán đài chánh.

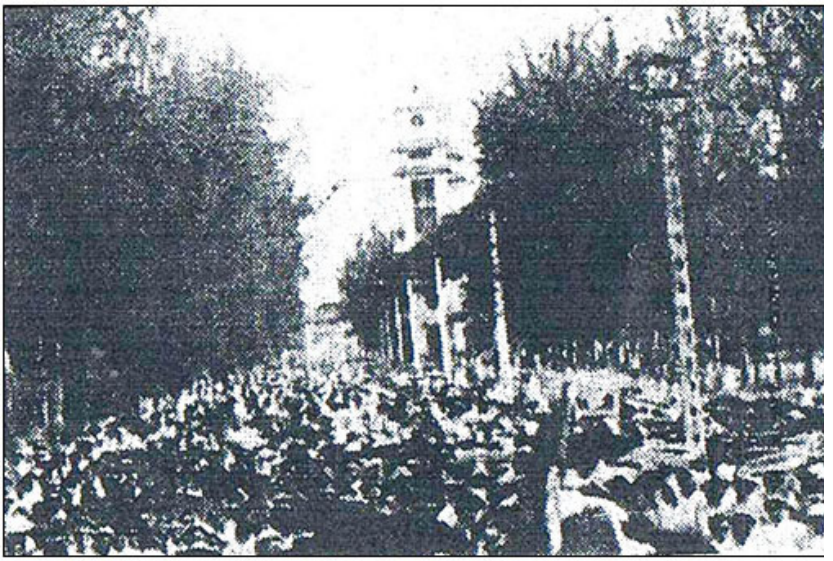
Thiếu bút mực để ghi chép các ngày lễ lớn đó!

Trong cuộc Lễ, Đức Phạm Hộ Pháp lên Thiên Hỉ Đài thuyết giảng:

"Hôm nay là ngày Kỷ niệm Đạo Cao Đài đã ra mặt Quốc Tế. Nó đã ra mặt Quốc Tế rồi thì ta cũng nên luận về tình hình đương thời của các liệt cường".

Giờ Tý đêm hôm đó, Hội Thánh rước Đức Hộ Pháp cắt băng Khánh Thành, pháo bông rực cháy hiện dòng chữ: "ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. LỄ KHÁNH THÀNH TÒA THÁNH" và khởi hành ngay Đại Lễ trong Chánh Điện.

Hôm sau, Lễ Khánh Thành Đền Thờ Phật Mẫu (tạm thờ tại Báo Ân Từ). Đến ngày 12 tháng Giêng Ất Mùi, Khánh thành các dinh thự như Giáo Tông Đường, Hộ Pháp Đường, Nữ Đầu Sư



Đường, Tòa Nội Chánh, Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện. Đức Ngài nói:

"Khởi đầu, Bần Đạo đi viếng các dinh thự: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Bần Đạo cho toàn Chức sắc đương quyền Hành Chánh Đạo được rõ mục đích của Hội Thánh Phước Thiện do đâu mà sản

xuất. Trong Pháp Chánh Truyền, Chí Tôn lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Trước khi Chí Tôn đến giao truyền mối Đạo là Thiên Điều đã định mở cửa Thập Nhị Khai Thiên đặng đem Cơ cứu khổ để lại mặt thế nầy mà cứu vớt toàn cả Cửu nhị ức Nguyên Nhơn. Đức Chí Tôn giao phó cho Hiệp Thiên Đài chỉ có 15 người gồm Thập Nhị Thời Quân với Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Bần Đạo. Trong số 15 vị chỉ có 4, 5 vị lãnh lịnh mà thôi.

Hội Thánh Cửu Trùng Đài của Giáo Tông, Hội Thánh Phước Thiện của Hộ Pháp.

Hội Thánh Phước Thiện thay thế cho Hiệp Thiên Đài lo cứu khổ, giải khổ cho nhơn loại mà Hiệp Thiên Đài chỉ lãnh lịnh có bốn, năm vị làm sao lập thành Cơ cứu khổ được.
Bần Đạo chỉ lấy bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà lập thành:

BÀI THI

Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhật độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi Chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc Chánh tôn.

Vì bài thi của Đức Chí Tôn dạy mà Bần Đạo mới lập ra Phạm Môn rồi sản xuất Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng vị".

Đến ngày Rằm tháng Giêng năm đó làm lễ thiêu xác các Thánh Tông đồ, vì theo Thánh Ngôn chư Chức sắc Đại Thiên Phong qui vị ba năm thì thiêu xác. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết minh về việc nầy như sau:

"Cả toàn thể Quốc dân của chúng ta, hạng đại Đức cũng nhiều, hạng học thức cũng đông; nam cũng thế, nữ cũng thế. Vì sao họ không dành chỗ cho ông Lê văn Trung, ông Cao Quỳnh Cư, bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Bá Trang (tên của Chư vị sắp thiêu xác)…

Ngọn lửa sẽ thiêu xác các Thánh ấy, nó sẽ biến thành ngọn lửa thiêng. Nó sẽ làm sáng chói Đạo Cao Đài đặng kêu gọi cả nhơn loại tìm một con đường giải thoát. Con đường cứu khổ của

họ mà cũng là ngọn lửa Thiêng Liêng dìu dẫn cả tâm hồn con cái Đức Chí Tôn, luôn cả Thánh thể của Ngài nữa".

Xen trong cuộc Lễ Khánh Thành còn có các cuộc vui như triển lãm, văn đàn, đánh cờ người, văn nghệ, lửa trại, hòa nhạc, đấu bóng, cộ bông, v.v... Cuộc lễ chấm dứt trong niềm hân hoan và tin vào tương lai rực sáng của toàn thể Tín hữu.

Khi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm từ giã ra về, Đức Hộ Pháp nhắc nhở Thủ Tướng nhớ sớm Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài. Thế nên, Chánh Phủ Ngô Đình Diệm đã ban hành lịnh Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài vào ngày 2.05.1955. Từ đó, Đức Hộ Pháp từ vị Thượng Tôn Quản Thế do Thánh Lịnh số 704/VPHP ngày 11.03 Ất Mùi vì Đạo không còn quân đội nữa.

Tóm lại, thời gian từ năm 1947-1955 là giai đoạn thanh bình thịnh trị của Đạo Cao Đài. Danh Đạo đã sáng chói trên hoàn cầu nhứt là những năm 1953-1954, chiến sự Điện Biên Phủ đang hồi quyết liệt. Tòa Thánh trở thành cái nôi "Bảo sanh" cho trí thức, thanh niên khỏi bị Pháp bắt đem nướng vào chiến trường miền Bắc.

Các chánh khách lũ lượt kéo về Thánh Địa như Trần văn Ân, Hồ Hữu Tường, Phan Khắc Sửu, Vũ Tam Anh... Đạo phải lập nhà Quốc Sự Vụ cho họ tá túc. Các khoa bảng như Trần văn Tuyên, Nhị Lang, Phạm Xuân Thái, Hồ Hán Sơn ... Các trí thức khác làm trong các Cơ quan Đạo hoặc dạy học như Chu văn Bình (tức Chu Tử), Trương Bảo Sơn (sau Chủ nhiệm Tạp chí Tân Phong), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn văn Quyết,….nhứt là các thanh niên trong tuổi lính. Họ về Thánh Địa núp dưới bóng Đạo Kỳ kéo theo sự di cư của gia đình về Tòa Thánh.

Vì đó, số Tín đồ tăng lên đột ngột. Thống kê của Lại Viện năm 1953 có 1.500.000 Tín đồ (không kể các Chi phái). Đến năm 1954 tăng lên 2.500.000. Đó là những người Đạo trên 18 tuổi phải nhập môn lập thệ, có "Sớ Cầu Đạo" hẳn hoi, chưa kể vị thành niên. Nếu tính bình quân mỗi gia đình có năm người thôi, trừ cha và mẹ đã nhập môn, còn lại 3. Vậy số dân Đạo lúc đó là: (2,500.000 x 3) / 2 = 3.750.000 người chia hai là tính cha mẹ

trong một gia đình.[1]

Đền Thánh, bất cứ thời nào, nhứt là thời Tý chật ních người, phải ngồi cả ngoài sân để cúng và nghe Đức Hộ Pháp thuyết Đạo. Các Tốc Ký viên đã ghi chép và sưu tập thành bộ năm quyển "Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp", dày trên một ngàn trang đã in cho cả năm quyển. Quí nhứt là quyển "Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bí Pháp". Đó là quyển Bí Pháp của Đạo.

Với trên ba triệu bảy trăm năm chục ngàn giáo dân là cái gai nhọn chỉa vào mắt Ngô Đình Diệm, người có tham vọng làm Tổng Thống sau nầy.

Chương nầy nổi bật nhất là việc Khánh Thành Tòa Thánh Tây Ninh. Một cuộc Lễ long trọng vô tiền khoáng hậu vẻ vang và hoành tráng nhứt trong lịch sử Đạo Cao Đài kéo dài hơn 10 ngày. Đức Phạm Hộ Pháp gọi đây là ngày "Đạo Cao Đài ra mặt Quốc Tế" vì trong ngày Khai mạc Lễ có đủ Ngoại giao đoàn các nước và đồng chủ tọa với Đức Phạm Hộ Pháp là Thủ Tướng Chính Phủ Miền Nam Việt Nam đương thời Ngô Đình Diệm.

Tưởng nên nhắc lại một chút quá trình xây cất Đền Thánh:

Tháng 3.1927, Hội Thánh phải dời Thánh Tượng, cốt Phật Tổ từ chùa Từ Lâm (tức chùa Gò Kén) về làng Long Thành. Để có nơi thờ tự, Đức Cao Thượng Phẩm cất Thánh Thất tạm bằng cây và tranh.

Đến cuối năm 1933, Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ) khởi công xây cất bằng bê tông cốt sắt. Công trình của ông còn lưu lại là chùa Cực Lạc Cảnh. Sau đó ông Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mướn Kỹ sư Phan Hiếu Kinh lãnh làm lầu Hiệp Thiên Đài rồi cũng dở dang.

Trước tình hình bế tắc đó, cuối năm 1936, Đức Phạm Hộ Pháp bắt tay vào việc với khẩu hiệu "Bắt gió nắn hình". (tay không

1- Lúc bấy giờ dân số miền Nam là 18 triệu (bổ sung của soạn giả).

làm nên hình Thánh Thất).

Đức Ngài kêu gọi Phạm Môn phát hồng thệ và thủ trinh chấp hành sự chỉ dẫn xây cất của Ngài. Không Kiến Trúc sư, không thợ lành nghề, làm tới đâu hỏi các Đấng chỉ tới đó. Trước, Đức Lý dạy xây lầu Hiệp Thiên Đài cao 36 mét, khi xây dựng xong chỉ có 27 mét là vì phải tiết giảm cho nền móng chỉ chịu nổi sức nặng cao ngần ấy thôi. Chiều dài, chiều ngang cũng tiết giảm, sau khi xây xong đo đạc mới thấy điều đó. Xây dựng tô vẽ, đắp tượng chỉ có mình Đức Ngài chỉ dẫn, có ai hỏi thì Đức Ngài bảo "các Đấng dạy", mà không nhận sự tài giỏi của mình.

Ta tự hỏi: tại sao các vị trước đây nhiệt tình như Đức Cao Thượng Phẩm; lắm tiền nhiều của như ông Huyện Thơ; đầy đủ học vấn như Kỹ sư Kinh lại xây không thành? Chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp "bắt gió nắn hình" xây nên một Đền Thánh độc đáo với hình "Long Mã bái sư".

Bao nhiêu đó cũng đủ xứng đáng tôn vinh Đức Ngài lên ngai Hộ Pháp mà không có ai dám mạo xưng hay tiếm vị Hộ Pháp của Đức Ngài. Khác hơn ngôi Giáo Tông, lắm người ham muốn, khiến cho nhà Đạo chia chi rẽ phái.

Đi xa trở về, mỗi lần nhìn lại Tòa Thánh bạn nghĩ gì? Thấy gì? và định làm gì để không hổ thẹn với người xưa?



Tòa Thánh Tây Ninh Ngày Nay







LỄ KHỞI CÔNG XÂY CẤT TÒA THÁNH

CHƯƠNG VIII
NHỮNG HOẠT ĐỘNG CUỐI ĐỜI
(1955 - 1959)

1. Một chuyến đi.
2. Những hoạt động cuối đời.
3. Triều Thiên trên đất Chùa Tháp.
4. Bát Thiên tính.

I. MỘT CHUYẾN ĐI

Nhờ viện trợ Mỹ, Ngô Đình Diệm vận động phá vỡ "Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia", bằng cách mua chuộc và chia rẽ các lực lượng Giáo phái. Phòng Nhì của Diệm đã bỏ ra một trăm triệu để mua chuộc Nguyễn Thành Phương (chưa nhập môn theo Đạo) và Năm Lửa.[1]

Cố vấn Ngô Đình Nhu ra lịnh cho Nguyễn Thành Phương kéo quân lên Tòa Thánh để thanh trừng những phần tử Cao Đài chống đối chế độ độc tài gia đình trị.

Trong khi Nguyễn Thành Phương bao vây Hộ Pháp Đường không cho Đức Hộ Pháp trốn thoát, một số cựu quân nhơn do Đại Tá Huỳnh Thanh Mừng [2] chỉ huy binh sĩ chống lại hành động của Tướng Phương chiếm đóng vùng chợ Long Hoa đến Cửa Số 6.

Đại Tá Mừng cho đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa Viện, nhứt quyết một còn một mất với Tướng Phương. Nhưng chẳng may Đại Tá Mừng bị bộ hạ của Tướng Phương phục kích bắn gãy một cánh tay, khiến cuộc tranh chấp đôi bên quyết liệt hơn.

Nhóm thứ ba do Thiếu Tá Nguyễn văn Đờn và Nguyễn văn Mạnh chỉ huy, kéo quân vào đóng trong Nội ô Tòa Thánh tuyên bố là sẽ ngăn chặn hai nhóm kia hầu tránh cảnh lưu huyết vô

1-Donald Lancaster, The emancipation of French Indochina, London, 1963.
2-Sau trận nầy ông đi theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

lối.

Để tránh viễn cảnh máu đổ giữa đồng Đạo và làm cớ cho cường quyền Ngô Đình Diệm chiếm Tòa Thánh, Đức Ngài ra "Bản Tuyên Ngôn" có câu: "Cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển, Bần Đạo khuyên cả con cái Đức Chí Tôn bình tĩnh, sáng suốt chờ Hội Thánh giải quyết".

Đức Ngài cũng nói với các cấp chỉ huy quân đội: "Các con là lửa Tam Muội. Lửa dữ trừ được Ma Vương mà cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa Thánh". Vì thế Đức Ngài phải ép lòng ra đi để làm cho các phe phái đối lập không còn lý do gì tranh chấp với nhau. Dự kiến nầy được giữ kín ít ai biết.

Thế mà nhóm Mừng, Đờn, Mạnh cũng đoán được nên họ đề nghị dọn đường rừng đưa Đức Hộ Pháp đi để tránh sự săn đuổi của Tướng Phương. Đức Ngài lặng lẽ và làm theo kế hoạch của riêng mình.

Trong ngày mồng 4 tháng Giêng năm Bính Thân, Đức Hộ Pháp cho sắp xếp mọi hành trang vào xe Chevrolet, nhưng khi hỏi lại giấy xe thì kiếm không ra khiến cho tài xế xe Hồ Tấn Lực bị quở. Chừng lên tới Nam Vang mới hay là cô Tư (Phạm Hương Tranh) lấy đem đi Nam Vang trước.

"Đến 5 giờ chiều, Đức Hộ Pháp mới cho tôi (tức Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa) hay việc nầy. Tôi lật đật ra Tây Ninh kiếm thế làm Tờ cớ mất giấy xe để tạm dùng đi đường nhưng vô hiệu quả vì đã hết giờ làm việc".

Lúc trở về thì trời đã tối. Đức Hộ Pháp dạy dọn đồ vật qua xe của Bà Tám (tức Phối Sư Hương Nhiều) để đi vì xe nầy có giấy tờ đủ.

"Đồng thời nhóm Huỳnh Thanh Mừng từ trong núi đi xe Jeep ra định rước Đức Hộ Pháp đi ngã đường rừng, vì họ đã dọn đường và cho phục kích rồi, nhưng xe của họ chạy đến cầu Kỹ Nghệ thì chết máy mà sửa hoài không chạy được, buộc lòng cho người ra xin tôi gởi xe vô rước họ. Trời khiến lúc đó không có chiếc xe nào ở nhà, nên họ đành chờ sáng mới ra đặng thì Đức Hộ Pháp đã đi hồi khuya rồi ...

“Bên chiếc xe của Đức Hộ Pháp có bảy người. Ở ghế trước có Giáo Hữu Của (tức Phạm Kim Của, từng ở Nam Vang) làm tài xế, kế bên là cô Hai Đạm, em Ba Hiệu theo để hầu Đức Hộ Pháp. Ở phía sau, Đức Hộ Pháp ngồi giữa, bên trái là tôi (ông Bảo Đạo), bên mặt là Trung Tá Lê văn Thoại (hiện là Hữu Phan Quân) và con cả của tôi là Bạch (tức Hồ Thái Bạch) ngồi trên gói đồ. Đức Hộ Pháp và tôi thì mặc Đạo phục, ông Thoại mặc áo dài trắng, em Bạch mặc đồ Hướng Đạo, còn Giáo Hữu Của, cô Đạm, em Hiệu thì mặc thường phục.

“Theo sau xe có chiếc xe của Chức sắc Phước Thiện trong đó có ông Trưởng Tộc Phạm văn Út và vài vị khác tôi không nhớ, họ đưa Đức Hộ Pháp lên đường. Bà Tám ở lại một mình rất bùi ngùi.

Trước khi ra đi, tôi có bạch với Đức Hộ Pháp có cần để lịnh gì dạy Hội Thánh hay không. Đức Ngài nói không và dạy tôi viết vắn tắt vài hàng báo tin rằng: “Đức Hộ Pháp đã đi Nam Vang rồi ..”

Vào lối hai giờ khuya, xe ra cửa hông bên tay trái Hộ Pháp Đường. Xe Đức Hộ Pháp ra trước, xe Chức sắc Phước Thiện ra sau, vẫn mở đèn sáng. Nhưng không hiểu sao tốp lính của Nguyễn Thành Phương đứng gác nơi bót trước Hộ Pháp Đường (bót nầy nay là vùng Bá Huê Viên) ngủ say không hay gì hết.

Xe đi theo đường Bình Dương (nay là Đại lộ Phạm Hộ Pháp) ra cửa Hòa Viện. Khi xe đến cửa Hòa Viện, có hai em Bảo Thể gác đêm ra mở cửa cho xe đi, rồi đóng cửa lại.

Xe ra cửa thì rẽ tay trái đến ngã ba quẹo qua đường Nhàn Du Khách Sạn (tức đường Ca Bảo Đạo) tới Cửa Số 4, thì quẹo tay mặt ra Cửa Số 7, rồi đi luôn tới Mít Một.

Khi ngang Cửa Số 7, bót gác nơi đó gạn hỏi, Trung Tá Thoại trả lời là xe của Ông Hồ Bảo Đạo đi Sài gòn rồi chạy luôn.

Khi xe chạy qua Tổng Hành Dinh (ở Cẩm Giang) thấy có lính đứng gác cửa nhưng xe vẫn mở đèn pha chạy luôn. Xe của ông Trưởng Tộc Út chạy theo sau cũng qua êm ái.

Qua khỏi Tổng Hành Dinh rồi, không khí trong xe có vẻ nhẹ nhàng. Từ đó xuống Gò Dầu thì đường yên tịnh nhưng vẫn còn e ngại người theo dõi.

Đến Gò Dầu, ban đêm lính gác cổng không cho xe qua cầu. Giáo Hữu Của đậu xe lại bên đường rồi nhảy xuống nhanh nhẹn đến chào người lính gác, to nhỏ một hồi rồi bắt tay thân mật. Người lính gác đến gần xe bật đèn piles rọi trong xe để khám xét. Lúc đó, Đức Hộ Pháp giả bộ quay qua phía Trung Tá Thoại nói chuyện, còn tôi ngồi trân trân, đưa bộ râu cho người gác rọi đèn coi.

Qua cầu bên kia lại gặp cổng đóng nữa, nên Giáo Hữu Của cũng lanh lẹn nhảy xuống bắt tay anh lính gác nên anh nầy mở cửa cho đi liền vì đầu cầu bên kia đã xét rồi.

Xe qua khỏi cầu Gò Dầu thì mọi người đều nhẹ thở. Xe cứ tiến về phía ranh giới Cao Miên. Một chập sau thấy đèn xe của ông Trưởng Tộc Út theo sau. Ai nấy đều an tâm.

Xe đến biên giới lối 5 giờ khuya. Trời còn tối nhưng cũng có vài người gánh đồ đi bán qua lại cổng.

Tại biên giới, bên Quốc Gia lúc ấy chưa có đóng bót, chỉ bên Miên có bót gác khóa cổng chưa cho xe qua lại. Đến đó xe ngừng. Ai nấy xuống xe xả hơi và được thở nhẹ nhàng như vừa thoát khỏi cảnh ngục trần gian, mong sẽ đặng sống trong cảnh tự do.

Vì Giáo Hữu Của lo giấy tờ tạm chỉ được cho Đức Hộ Pháp, tôi và cô Hai Đạm mà thôi; còn ba cậu thanh niên thì không có. Thừa dịp lính trong bót còn ngủ, Giáo Hữu Của nói với ba cậu (Thoại, Bạch, Hiệu): "qua cổng đi bộ trước, rồi xe sẽ theo rước".

Ông Xếp bót vì còn say ngủ không ra xét xe, nên Giáo Hữu Của quen thuộc việc "phải quấy" vào bót gọi ông Xếp dậy, đưa giấy tờ cho ông ta xét và ghi sổ xong xuôi rồi tự mình ra mở cổng cho xe qua.

Khi ấy xe ông Trưởng Tộc Út cũng theo tới. Hai đàng phải tạm

biệt nhau, lòng quyến luyến bùi ngùi nhưng rồi cũng phải chia tay kẻ đi người ở lại; nửa vui thoát vòng hắc ám, nửa buồn vì cảnh chia ly.

Xe Đức Hộ Pháp qua cổng rồi, Ông Trưởng Tộc Út quày xe trở về báo tin cho Bà Tám và mọi người hay rằng Đức Hộ Pháp đã qua biên giới bình yên. Đến sáng ngày xe đến Soài Riêng, ghé lại vệ đường đổ xăng, thấy thiên hạ buôn bán tấp nập dập dìu, thừa dịp ta mua bắp nấu và bánh trái ăn đỡ lòng rồi lên đường không có ghé Thánh Thất.

Lối 10 giờ trưa đến Hố Lương (tức Neak Luong), xe đậu lối 15 phút mới qua "bắc" được. Nơi bến "bắc" nầy người ở cũng đông đúc. Phố xá cũng nhiều, buôn bán coi mòi sung túc lắm.

Khi xe qua bên kia bờ sông thì có ông Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi ngồi xe hơi xuống chờ đón rước. Mừng rỡ nhau, ông Giám Đạo cho xe chạy trước dẫn đường, xe Đức Hộ Pháp theo sau. Lối 11 giờ tới Nam Vang, ghé Đền Thờ Phật Mẫu (Báo Ân Đường) có Chức sắc, Chức việc và Đạo hữu đông đảo đón tiếp chào mừng. Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng lên đãnh lễ Đức Chí Tôn và Phật Mẫu xong, bà Đạo Nhơn Võ Hương Nhâm sắp đặt chỗ nghỉ ngơi cho Đức Hộ Pháp và mọi người trong đoàn.

Qua ngày sau, Đức Hộ Pháp viết thơ cho Quốc Vương Norodom Sihanouk hay tin và xin hưởng chế độ "lánh nạn chánh trị". Tin ấy làm cho Chánh quyền Cao Miên xôn xao không ít. Vì họ không biết Đức Hộ Pháp lên Nam Vang hồi nào và đi đường nào mà cả cơ quan an ninh, công an, cảnh sát của họ không ai biết. Báo hại, khi rõ Đức Hộ Pháp qua biên giới ngã Soài Riêng thì toàn bót gác ở biên giới đều bị phạt đổi đi hết.

Âu cũng là một "Chuyến đi Lịch sử". Lạ lùng làm sao cho nhiều người bàn tán như là chuyện thần thoại ly kỳ".[1]

Tóm lại, vào đầu tháng 8 năm Ất Mùi, vị cựu Tổng Tư Lịnh Quân Đội Cao Đài (Nguyễn Thành Phương) sau khi được Quốc

1-Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa, "Một Chuyến Đi Lịch Sử, Tây Ninh, Thông Tin số 21, trang 12-14 và số 22 trang 11,12,13 ra ngày 25-01- Tân Hợi (20-02-1971).

Gia hóa ra lịnh lập Ban Thanh Trừng bắt nhiều Đạo hữu giam cầm. Một số thiếu nữ trong Đạo cũng bị câu lưu mấy tháng và ép buộc phải khai nhiều điều khiếm nhã cho Đức Ngài.
"Còn chính Đức Ngài cũng bị cầm lỏng tại Hộ Pháp Đường, xung quanh có quân đội võ trang canh phòng từ 20.08 Ất Mùi (1955) đến mùng 5 tháng Giêng năm Bính Thân (1956)" [1]

Ban Thanh Trừng của Tướng Nguyễn Thành Phương bị toàn Đạo lên án nặng nề. Nguyễn Thành Danh, vừa là anh ruột, vừa là Cố vấn chánh trị cho Nguyễn Thành Phương đưa ra thuyết lý "khổ nhục kế", để biện hộ hành động nông nỗi của nhóm họ.

Khổ nhục kế là gì? Trong "Tam Quốc Chí", chuyện khổ nhục kế nổi nhứt là lão tướng Huỳnh Cái xin Chu Du đánh đòn nặng mình để ông qua đầu Tào Tháo, rồi sau đó dùng lửa đốt quân Tào Tháo trên sông Xích Bích. Vậy chuyện ở đây, ai đóng vai Chu Du? Ai đóng vai Huỳnh Cái?
Giải thích khổ nhục kế mà Nguyễn Thành Danh nói, như thế nào cho hợp lý đây? Chỉ có một câu nói cho vừa tầm vóc với hành động tố khổ Sư Phụ của Nguyễn Thành Phương: "Đây là cuộc thanh trừng nội bộ lớn nhứt trong lịch sử Đạo Cao Đài".

Trước kia, Tư Mắt Nguyễn Phát Trước tố khổ Đức Cao Thượng Phẩm cho tới chết. Nguyễn Phan Long (sau làm Thủ Tướng) tố khổ Đức Quyền Giáo Tông phải thất chí mà qui Tiên.

Nay thì Nguyễn Thành Phương xuyên tạc, bôi bác Đức Hộ Pháp phải phẩn chí buồn lòng mà qua đời. Những tội lỗi đó được gọi là khổ nhục kế được sao? Khổ nhục kế để Đức Hộ Pháp phải ra đi ư? Đó là trúng kế Ngô Đình Diệm để Đạo mất đầu, sau đó họ đàn áp Đạo suốt chín năm trời (1955-1963), cớ sao gọi là khổ nhục kế?

Giả thử Ngô Đình Diệm cho Mật vụ ám sát Đức Hộ Pháp hoặc bắt Đức Ngài bỏ tù, thì Cố vấn chánh trị Ngô Đình Nhu có để cho Ngô Đình Diệm làm như thế không? Ngô Đình Nhu không bao giờ muốn chọc tay vào tổ ong có mạng lưới khắp cả Miền

---

1-Diễn Văn của Đức Cao Thượng Sanh đọc nhân Lễ Kỷ niệm Triều Thiên của Đức Hộ Pháp năm 1964.

Nam như tôn giáo Cao Đài.

Ngô Đình Nhu cũng không muốn đổ thêm dầu vào lửa, vì tình hình giữa Chánh Phủ và Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia đã đổ vỡ. Không cách nào hơn, Ngô Đình Nhu dùng mẹo "ném đá dấu tay" mà người thi hành kế là Nguyễn Thành Phương được Nhu hứa hẹn cho nhiều quyền lợi mà chịu "nối giáo cho giặc Đạo". Người Đạo nào lúc ấy lại không biết chuyện đó, biện minh mà chi?!

Hậu quả của cuộc Thanh Trừng rất lớn. Ngày 20.03 Bính Thân, trên đất Cao Miên, Đức Phạm Hộ Pháp đưa ra "Bản Tuyên Ngôn" xác nhận rõ việc lập Quân đội Cao Đài như sau:

"Sau 5 năm 2 tháng bị đồ lưu nơi hải ngoại, Bần Đạo để hết sức lực và tâm não đặng nghiên cứu và thi hành các phương pháp bảo vệ phong trào cách mạng và giải ách lệ thuộc giống nòi, lại tìm phương hay bảo thủ tinh thần Dân tộc hầu đủ phương thống nhứt hoàng đồ, tránh nạn Nam Bắc phân tranh, nồi da xáo thịt…

"Khi Đức Bảo Đại về nước, chính Bần Đạo giao trọn quyền sử dụng quân đội Cao Đài cho Đức Ngài điều khiển trong hàng ngũ quân lực Quốc Gia. Khi Đức Ngài đi Pháp, tạm giao quân lực ấy lại cho Bần Đạo. Trong lúc vắng mặt Đức Ngài, Bần Đạo đã ra lịnh cho hai Chánh Phủ Nguyễn văn Tâm và Bửu Lộc thi hành hợp pháp Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài. Nhưng sự thi hành ấy vẫn kéo dài cho tới Chánh Phủ Ngô Đình Diệm thọ phong toàn quyền cũng chưa quyết định. Bần Đạo phải nhắc nhở và yêu cầu Chánh Phủ Ngô Đình Diệm Quốc Gia hóa quân đội Cao Đài một cách hợp pháp.[1]

"Bần Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận mạng nước nhà với quân lực mà chỉ dùng phương pháp Đạo đức đặng đem hòa bình hạnh phúc cho giống nòi".

Đức Phạm Hộ Pháp giáng Cơ ngày 10.03.1971, nói lên nỗi đau của tình huynh đệ bị cấu xé: "Cái đau đớn nhứt của tình cốt

1-Chính phủ Ngô Đình Diệm đã quốc gia hóa Quân Đội Cao Đài vào ngày 02-05-1955.

nhục là tự cắt tay nhau cho thành người tàn phế".

Cái hậu quả bao vây Tòa Thánh bằng vũ lực của anh em quân đội rất trầm trọng làm cho quân đội trong nhà phải đối đầu nhau. Nguyễn Thành Phương chiếm đóng vùng chợ Long Hoa đến Cửa Số 6. Đại Tá Huỳnh Thanh Mừng đóng quân từ Núi Bà đến cửa Hòa Viện quyết sống mái với Tướng Phương. Còn Thiếu tá Nguyễn văn Đờn kéo quân vào đóng trong Nội ô Tòa Thánh với chiêu bài ngăn chận hai nhóm kia.

Những hành động đó cho ta thấy quân đội đã rệu rã phân hóa đến cùng tột. Sau đó, bản thân Nguyễn Thành Phương cũng không được Ngô Đình Diệm đền ơn đáp nghĩa gì mà còn phải ra Tòa về tội tàng trữ vũ khí trái phép.

Nguyễn Thành Phương cố thử uy tín của mình lần cuối bằng cách ra ứng cử Phó Tổng Thống liên danh với Nguyễn Đình Quát. Tại Tỉnh Tây Ninh, Phương đã thua phiếu xa liên danh Trương Đình Du, chủ trương nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ngày tàn của Phương, linh cửu không được đi qua Hộ Pháp Đường để chào Sư Phụ lần cuối và cũng không được đến Đền Thánh để hành lễ Đức Chí Tôn.

Ai tai! Đối với dân Đạo, cuộc Thanh Trừng làm xáo trộn nếp sống sinh hoạt hàng ngày và đời sống kinh tế của nhiều người. Vì Ban Thanh Trừng bắt bớ bất cứ ai chống báng hoặc họ nghi ngờ trung thành với Đức Hộ Pháp, đối với dân Đạo trước 1945. Còn đối với dân Đạo từ 1952 đến 1954, họ hăm dọa răn đe cho hồi cư về quê cũ. Nhóm trí thức đến giúp Đạo trong thời kỳ này bỏ đi. Các cơ sở trường học thiếu thầy giáo trầm trọng kéo theo học sinh phải bỏ trường tản lạc khắp nơi, liu chiu lít chít như bầy gà lạc mẹ. Hậu quả tang thương, đau buồn thái quá như thế mà bảo là "khổ nhục kế" sao?

Tờ Thế Đạo tháng 5.1970 lên án nhóm Thanh Trừng gắt gao hơn cả. Điển hình là bài:

Vết cũ đừng loang

Ngày ấy Ất Mùi hai mươi tháng tám,
Đội lốt người, một bầy chồn cáo săn.

Ăn cơm Đạo bợn còn dính kẻ răng,
Quay cắn ngược bất cần ai chủ tớ.
Nhưng tất cả vẫn phẳng lì không ngạo nghễ,
Nhìn cáo chồn cùng đồng bọn cuồng điên.
Say nhăng nhố với bã lợi mồi tiền,
Làm tất cả để được lòng chủ mới.
Qua bao cuộc phế hưng dời đổi,
Bọn phản Thầy ăn dãi được bao?
Hay nhớ lại chỉ nuốt lệ nghẹn ngào!
Mới thấm bài: "Vắt chanh bỏ vỏ".
Đấy, đã rõ ràng thế đó,
Thiệt hư ranh giới đã chia bờ,
Đừng dại khờ bước vào dấu xe đã đổ,
Vết cũ đừng loang để Sử Đạo không nhơ!

II. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CUỐI ĐỜI

Với tấm lòng thương đời mến Đạo cố hữu, Đức Ngài dù sống tạm yên nơi Báo Ân Đường (Nam Vang), vẫn cho tiến hành hai phương án: một nhóm do Sĩ Tải Bùi Quang Cao, Thiếu Tá Thoại, Cả Bạch lập bản dự thảo Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống. Nhóm thứ hai do Giám Đạo Huỳnh Hữu Lợi và các Chức sắc thuộc Hội Thánh Ngoại Giáo lo vật liệu xây cất Báo Ân Đường vì phần đất Báo Ân Đường cũ bị nhà cầm quyền Cao Miên trưng thu vào lợi ích công cộng. Không mấy tháng, nhờ công thợ Tòa Thánh sang, ngôi Đền Thờ đã xây xong về cơ bản, chỉ còn đổ la phông và nóc là hoàn tất.

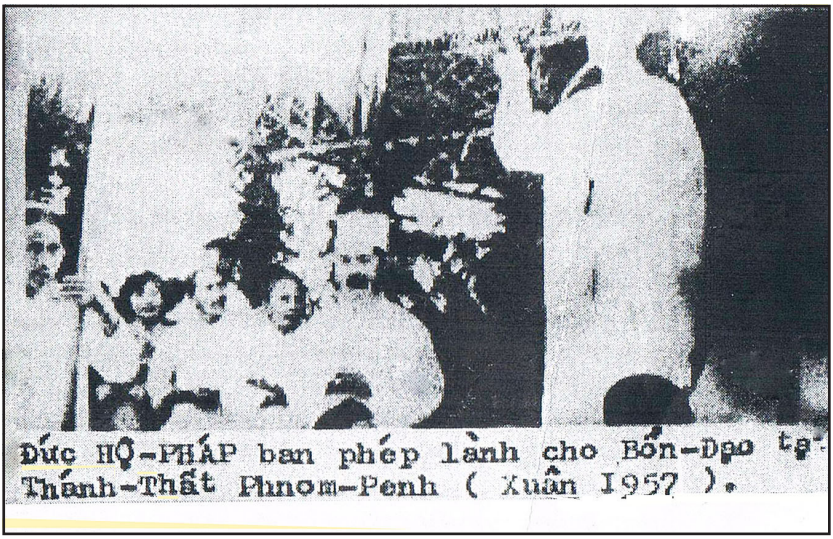
Ngày 26.03.1956, Đức Hộ Pháp ban hành "**CHÁNH SÁCH HÒA BÌNH CHUNG SỐNG: DO DÂN, PHỤC VỤ DÂN, LẬP QUYỀN DÂN".**

Cương Lĩnh gồm ba điểm chánh yếu:
1. Thống nhất lãnh thổ và khối Dân tộc Việt Nam với phương pháp ôn hòa.
2. Tránh mọi cách xâm phạm nội quyền Việt Nam.
3. Xây dựng Hòa bình, Hạnh phúc và Tự do Dân chủ cho toàn

dân.

Chánh Sách nầy không làm ngăn trở một Chánh quyền nào mà cũng không tranh lấy Chánh quyền, không chống báng Chánh quyền, cốt chỉ để cứu nhơn loại khỏi vòng tội lỗi giết hại lẫn nhau đúng với tiêu chuẩn Nhơn Nghĩa của một Tôn giáo.

Sở dĩ Đức Phạm Hộ Pháp tuyên ngôn "Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống" (ngày 26-3-1956) là vì hai khối Cộng Sản và Tư Bản đấu tranh càng quyết liệt.



Đức HỘ-PHÁP ban phép lành cho Bổn-Đạo tại Thánh-Thất Phnom-Penh (Xuân 1957).

Trong nước, Chánh quyền Ngô Đình Diệm ra sức phá hoại Hiệp Định Genève, từ chối hiệp thương với Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa về việc Tổng Tuyển Cử tự do trong cả nước để thống nhất Việt Nam nhằm phân chia lâu dài là một thiệt thòi lớn cho con Hồng cháu Lạc.

Để thực hiện Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống, Ban Túc Trực Bến Hải được thành lập. Ngày 17-4 năm Bính Thân (1956), vị Trưởng Phái đoàn Lê Văn Thoại đã cắm được cờ Nhan Uyên [1] trên nhịp thứ hai cầu Hiền Lương thuộc sông Bến Hải. Ông Thoại bị Mật vụ Ngô Đình Cẩn bắt ngay tại Quảng Trị và ba

1-Nhan Uyên kỳ là cờ trắng của Thầy Nhan Hồi dùng để khi nòi giống xô xác thì trương lên giải hòa.

người khác là Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi và Nguyễn Quốc Đại cũng bị cảnh sát bắt tại bến xe tỉnh này. Tất cả nhóm 4 người đều bị giam tại Lao xá Thừa Thiên trên 3 năm mới được trả tự do.

Cảnh sát Thừa Thiên còn bắt Giáo Sư Thượng Cao Thanh (Mã Tăng Cao), Khâm Trấn Đạo Cao Đài Thừa Thiên vì bị tình nghi chứa chấp và đưa đường Ban Túc Trực tới Bến Hải. Ông chết trong ngục tại Huế.

Chánh sách này hoạt động âm ĩ trong giáo phái Cao Đài Tây Ninh. Vào ngày 23-10-1961, Sĩ Tải Phạm Duy Nhung thừa ủy nhiệm của Đức Hộ Pháp họp báo tại nhà hàng Soái Kình Lâm (Chợ Lớn) trước Báo chí, Đài phát thanh trong và ngoài nước, ông công bố các bức thư gởi cho các cường quốc Anh, Pháp, Mỹ có đoạn viết: "Chúng tôi tin tưởng vào sự chân thành của Quí quốc với đại danh là liệt cường luôn luôn có ý chí giúp đỡ Dân tộc chúng tôi mà không vụ lợi".

Ông bị Chánh quyền Ngô Đình Diệm bắt và tra tấn đến chết. Phong trào Thánh Xa Thơ ngày càng lên mạnh. Các ông Chơn Nhơn Trịnh Phong Cương, Thừa Sử Phan Hữu Phước... đều bị bắt tù đày và đều bỏ mạng trong tù.

Tính sổ, có trên hai ngàn Chức sắc, Chức việc và Tín đồ trên toàn quốc bị bắt giam cầm. Đức Hộ Pháp có lập danh sách gởi đến Hội Nhân Quyền nhờ can thiệp mà không kết quả.

Để bù lại, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc và các cường quốc nhiệt tình hoan nghinh Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống. Có thể liệt các văn thư, phúc thư dưới đây:

-21.04.1956: International Commission for Supervision and Control Cambodia do ông S.C. ấn ký.
-24.04.1956: Président du Conseil Guy Mollet, đó là tên của Thủ Tướng Pháp ấn ký.

-26.04.1956: Pierre Mendès France, Quốc Vụ Khanh Pháp ấn ký.

-02.05.1956: United Nations, New York (Chef de Section

Département des Affaires Politiques et du Conseil de Sécurité) ấn ký.

-03.05.1956: Haut Commissariat de la République Francaise du Cambodge do ông Pierre Gorce ấn ký.

-14.05.1956: United Nations (Liên Hiệp Quốc), New York, do ông Pedro L. Yap ấn ký.

-16.05.1956: Norodom Sihanouk Upayuvareach do Quốc Trưởng Norodom Sihanouk ấn ký.

-19.05.1956: Office of the President of the Philippines do ông Fort Unato de Léon ấn ký.

-04.01.1958: Cụ Tôn Đức Thắng, Chủ Tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam mời Đức Hộ Pháp ghé thăm Hà Nội vào xuân Mậu Tuất.

Trước tình hình đó, Ngô Đình Diệm ra lịnh cho Tỉnh Trưởng Tây Ninh tổ chức Lễ chào mừng tiếp nhận "Hiệp Ước Bính Thân" mà Bảo Thế Lê Thiện Phước đã ký với Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ vào ngày 17-1-Bính Thân (28-2-1956) xác nhận tách rời chánh trị ra khỏi Đạo Cao Đài. Thực chất là để phô trương thanh thế Chánh quyền nhằm thị uy, đàn áp tinh thần giáo dân Cao Đài.

Giáo dân bị bắt buộc tham gia mít tinh bất mãn tỏ thái độ bất kính, nên Ngô Đình Diệm bực mình khiển trách hai viên Tỉnh Trưởng và Trưởng Ty Cảnh Sát rồi về Sài Gòn. Nhân đó giáo dân thừa thế tấn công các phóng viên quay phim lấy cớ họ xâm phạm chỗ tôn nghiêm, thật ra chiếm lấy các cuộn phim quay cuộc Lễ.

Vì đó, Ngô Đình Diệm ra lịnh thẳng tay đàn áp bắt bớ các Tín đồ Cao Đài. Đến ngày 17-9-1956, Diệm cho mở chiến dịch Trương Tấn Bửu gồm chín bước, kéo dài trong 150 ngày đêm, nói là "Tố Cộng". Nhưng thực chất là diệt Đạo Cao Đài. Đầu tiên làm thí điểm ở xã Phước Vinh (Hảo Đước), Mật vụ của Diệm bắt 4 người lính Cao Đài cũ nói là Việt Cộng nằm vùng. Giáo dân Cao Đài phản đối kịch liệt họ phải thả bốn người này.

Nhàn Du Khách Sạn bị Mật vụ Diệm chiếm đóng không ngày nào họ không bắt người tra khảo xem coi có liên lạc gì với Đức Phạm Hộ Pháp. Chiến dịch kết thúc mà không đạt ý muốn vì người tín đồ ngậm miệng chịu tra tấn tù đày để giữ vẹn niềm tin.

" Mặc dù bị đàn áp gắt gao, khí thế của giáo phái Cao Đài vẫn mạnh mẽ khiến đầu năm 1957, anh em họ Ngô phái Đại diện đi Nam Vang gặp Giáo Chủ Phạm Công Tắc thương thuyết, mời về hợp tác.

Vị Giáo Chủ Đạo Cao Đài đưa điều kiện đòi Diệm phải thả hết những người Cao Đài bị giam giữ, chấm dứt chiến dịch gọi là Tố Cộng để bắt bớ các Tín đồ tôn giáo, ngưng hẳn đàn áp các giáo phái, ban hành các tự do dân chủ và thành lập Chánh quyền liên hiệp quốc gia.

Không mua chuộc, dụ dỗ được Giáo Chủ Phạm Công Tắc, anh em Diệm tiếp tục chánh sách kỳ thị tôn giáo".[1]

Nhân ngày vía Đức Chí Tôn năm Đinh Dậu (1957), Ngô Đình Diệm đưa tiền mua chuộc một số người kêu gọi giáo dân mít tinh, trưng hình Đức Hộ Pháp và các biểu ngữ: "Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan" và "Đạo không đời không sức, Đời không Đạo không quyền".

Một số người nhẹ dạ nghe lời tuyên truyền của cán bộ thông tin "Ngô Tổng Thống đã chấp thuận Đạo Cao Đài là Quốc Đạo". v.v… Nhưng nhóm Hòa Bình Chung Sống đã hay tin sự từ khước trở về Việt Nam của Đức Hộ Pháp, nên họ phản tuyên truyền, biến cuộc mít tinh "Yêu cầu Đức Hộ Pháp hồi loan" thành cuộc biểu tình đòi dân sinh dân chủ, chống bọn phản Thầy phản Đạo theo Diệm.

Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Vàng đành đấu dịu rồi giải tán cuộc mít tinh. Sau đó họ tìm bắt các người chủ trương chống kế hoạch làm cho cuộc mít tinh bị phá vỡ.

Ngô Đình Diệm còn cử phái đoàn Phó Tổng Thống Nguyễn

1-Hoàng Trọng Miên, Đệ Nhất Phu Nhân, Tập I.

Ngọc Thơ lên Tòa Thánh áp lực Hội Thánh lấy tro Đức Cường Để tại Báo Quốc Từ. Một số Chức sắc buộc phải làm biên nhận việc lấy tro cốt, mượn danh nghĩa là đưa về Huế thờ, thật sự là đào tận rễ không để chút di tích chánh trị nào giữa nhà Nguyễn và Hội Thánh Cao Đài.

Đồng thời Ngô Đình Diệm cho chiếm luôn Nhàn Du Khách Sạn (vốn của Đạo) trước cửa Chánh môn Tòa Thánh, tăng cường thêm Mật vụ để dò la các Tín đồ Cao Đài thường tới lui cúng kiếng. Mọi việc diễn biến ở Tòa Thánh đều được báo cáo đầy đủ lên Đức Phạm Hộ Pháp ở Nam Vang.

Trong thời gian lưu vong, Đức Ngài ban hành nhiều văn bản như sau:

1. Thư gửi Chủ Tịch Liên Hiệp Quốc và Thủ Tướng Chánh Phủ và các cường quốc đề ngày 20.03.1956.

2. Gởi cho toàn Đạo, Chức sắc Thiên Phong, Hội Thánh Nam nữ Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện và Phạm Môn, cùng cả con cái Đức Chí Tôn Nam nữ lưỡng phái đề Kiêm Biên ngày 23.03.1956.

3. Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống đề ngày 26. 03.1956.

4. Bản Tuyên Ngôn ngày 30.04.1956, trong đó nói rõ lý do lập quân đội Cao Đài và từ đấy bất kỳ quân lực nào mượn danh Đức Ngài đều giả dối.

5.Thư gởi chư Đại Đức toàn thể các Tôn giáo đề ngày 03.11.1956.

6. Thư gửi cho cụ Hồ Chí Minh, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và cụ Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, ngày 28.03.1956 và một Bức thư khác đề ngày 26.04.1956.

Để phúc đáp, cụ Hồ Chí Minh, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa từ Hà Nội gởi điện văn cho Đức Phạm Hộ Pháp, nội dung bức điện tín như sau:

Kính gởi:
Hộ Pháp Phạm Công Tắc
Phnom Penh

Tôi trân trọng cám ơn bức điện Cụ gửi tôi ngày 26.04.1956 và thành thật hoan nghênh Cụ đã tỏ ý mong muốn nước Việt Nam ta được hòa bình thống nhứt.

Chánh Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, toàn dân ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước đều đang cương quyết và bền bĩ đấu tranh để thực hiện nguyện vọng tha thiết của Dân tộc là làm cho Việt Nam ta được Hòa bình, Thống nhứt, Độc lập, Dân chủ và giàu mạnh.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phải khó khăn và phức tạp song toàn dân đoàn kết một lòng, cương quyết phấn đấu, cho nên nhứt định sẽ thắng lợi.

Tôi xin gửi Cụ lời chào trân trọng.

Hà Nội, ngày 21.06.1956
Hồ Chi Minh
Chủ Tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa..

Đến ngày 04.01.1958, Chủ Tịch Tôn Đức Thắng gởi thơ mời Đức Hộ Pháp ra thăm Hà Nội. Nội dung như sau:

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ban Trung Ương
Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam

Kính gởi:
Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc
Phnom Penh

Chúng tôi vui mừng được biết ý định của Ngài muốn đến Hà Nội thăm đồng bào và Tín đồ Cao Đài ở miền Bắc.

Vậy chúng tôi, Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam và cá nhân tôi, trân trọng mời Ngài đến Hà Nội nhân dịp Tết Nguyên Đán Mậu Tuất.

Xin gởi đến Ngài lời chào thân ái, đoàn kết.

Kính chúc Ngài và đồng bào Cao Đài luôn luôn mạnh khỏe.

Hà Nội, ngày 04.01.1956
T.M. Ủy Ban Trung Ương
Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam
Chủ Tịch Đoàn
Tôn Đức Thắng
(ấn ký)

III. TRIỀU THIÊN TRÊN XỨ CHÙA THÁP

Biết mình sắp qui Thiên, tuy đang nằm Bệnh viện Calmette, Đức Ngài gọi các Chức sắc dặn từng người, từng trách nhiệm riêng rẽ. Đức Ngài dạy lập Bản Di Ngôn và gởi lên Quốc Trưởng Norodom Sihanouk theo hệ thống Hành Chánh.

Dù vậy, Đức Ngài vẫn gọi Thái Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh, Khâm Trấn Đạo Tần Quốc, dạy rằng: "Ngày thứ bảy là ngày Hoàng Thượng Norodom Suramarit tiếp kiến thần dân Cao Miên theo lệ thường. Vậy hiền đệ và Giáo Hữu Thái Đổng Thanh hãy vào Hoàng Cung bái kiến Hoàng Thượng dâng Bức Di Ngôn của Bần Đạo".

Khi Hoàng Thượng Suramarit đến sân chầu, thấy trong đám quần thần có hai vị Chức sắc của Cao Đài mặc sắc phục trắng, Hoàng Thượng liền đến gặp hai vị Chức sắc nhận Bức Di Ngôn và nói:

"Về thưa lại với Đức Hộ Pháp, Hoàng Thượng đã nhận Bức Di Ngôn và chấp thuận những lời yêu cầu".

Nhị vị Chánh Phối Sư Thái Khí Thanh và Giáo Hữu Thái Đổng Thanh bái lễ Hoàng Thượng Suramarit rồi về thẳng Bệnh viện Calmette trình lên Đức Hộ Pháp tường tri.

Nguyên văn Bức Di Ngôn viết bằng tiếng Pháp được dịch lại như sau:

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC
Bề Trên Đạo Cao Đài

Kính gởi:
Hoàng Thân Norodom Sihanouk
SAMDACH UPAYUVAREACH

Thưa Điện Hạ,
Bần Đạo gởi những dòng chữ nầy đến Điện Hạ trên giường bệnh của Bần Đạo (Bệnh viện Calmette), sức khỏe của Bần Đạo nghĩ không còn sống được bao lâu nữa.

Vậy Bần Đạo gởi lần cuối cùng đến Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia Cao Miên, tất cả lời cảm tạ chân thành về sự đối đãi rộng rãi của Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia dành cho Bần Đạo với đoàn tùy tùng và cho cả Tín đồ của Bần Đạo.

Bần Đạo thành tâm cầu nguyện Thượng Đế Cao Đài và Phật Tổ ban hồng ân che chở Vương Quốc Cao Miên và cho Điện Hạ để chóng thực hiện và thành công vẻ vang Chánh Sách Hòa Bình Trung Lập và Chung Sống Hòa Bình, là chánh sách đặc biệt ưu ái của Bần Đạo, vì nó Bần Đạo chịu hao mòn sức khoẻ của cả cuộc đời mà Bần Đạo không thể thực hiện được.

Bần Đạo thành tâm ước mong rằng: Tổ quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam có thể đeo đuổi theo chánh sách ấy trong một ngày gần đây, tay bắt tay đi với nước Cao Miên trong đường lối Thương Yêu và hòa hợp giữa các sắc dân và nhất là giữa hai dân tộc Việt Miên.

Bần Đạo sẽ hoàn toàn sung sướng được yết kiến lần cuối cùng với Điện Hạ để tỏ bày tất cả những lời cảm tạ của Bần Đạo. Không biết sức khỏe Bần Đạo còn chờ được hay không ngày về của Điện Hạ.

Dầu sao tình thân hữu thâm niên của chúng ta, nhơn danh tình thương yêu và tình huynh đệ giữa hai dân tộc Cao Miên và Việt Nam, nhất là nhân danh tương lai bất khả phân ly của hai nước chúng ta: Cao Miên và Việt Nam.

Bần Đạo cung kính xin Điện Hạ như một ân huệ đặc biệt và cuối cùng cho Thánh Thất chúng tôi khỏi chịu dưới lịnh phá hủy, để giữ kỷ niệm độc nhất của Bần Đạo trên đất Miên.

Để giúp Điện Hạ có một ý niệm đúng đắn về tình hình, Bần Đạo trân trọng gởi đến Điện Hạ một bản sao thơ khẩn cầu của Bần Đạo vừa chuyển đến Hoàng Thượng.

Bần Đạo giải thoát kiếp sống nơi đây. Bần Đạo xin thỉnh cầu Điện Hạ cho phép Bần Đạo tạm gởi thi hài ở nơi đất Miên, dưới sự bảo vệ tối cao của Hoàng Gia Cao Miên. Ngày nào Tổ quốc thân yêu của Bần Đạo là nước Việt Nam đã thống nhất sẽ theo Chánh Sách Hòa Bình Trung lập, mục phiêu đời sống của Bần Đạo, Tín đồ của Bần Đạo sẽ di thi hài về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bần Đạo khẩn cầu Điện Hạ và Chánh Phủ Hoàng Gia sau khi Bần Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và cả thiện nam tín nữ của Bần Đạo sự khoản đãi rộng rãi và các sự dễ dãi như trước để tu hành theo tôn giáo.

Biết rằng Điện Hạ sẽ chiếu cố đến đơn Thỉnh cầu nầy, Bần Đạo sẽ thanh thản nhắm mắt đem theo cái kỷ niệm dịu dàng nhất trong đời của Bần Đạo.
Cung kính xin Điện Hạ chấp thuận lòng tri ơn vĩnh viễn của Bần Đạo.

Nam Vang, ngày 14 tháng 5 năm 1959

HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Mỗi ngày thấy sức khỏe mình càng yếu, Đức Ngài nói với một ít Tông đồ:

"Bần Đạo đã lớn tuổi, không thể lột da để sống đời đặng! Tương lai của Đạo đều do ở các con, là đoàn hậu tấn nối tiếp. Bần Đạo chỉ là người tiền phong khai sáng mối Đạo. Đó là bước đầu hy sinh lót đường mà thôi. Mối Đạo sau nầy thuộc về quyền của đoàn hậu tấn tô điểm cho thiên hạ. Sứ mạng của đoàn hậu tấn là vậy".

Hai việc lớn ảnh hưởng đến sức khỏe Đức Ngài là:

1. Việc xây Thánh Thất bị chính Thái Tử Norodom Sihanouk ngăn chận vì Ngô Trọng Hiếu, Đại diện Chánh Phủ Miền Nam Việt Nam bên cạnh Chánh Phủ Cao Miên, sau khi thương thảo sự trở về của Đức Hộ Pháp không thành, họ cho rằng việc xây Đền Thờ chỉ là bình phong che đậy âm mưu giục loạn ở Cao Miên.

Để giữ tình giao hảo với Chánh Phủ miền Nam, Norodom Sihanouk ra lịnh trục xuất tất cả các công thợ về miền Nam. Những người nầy về nước đều bị cảnh sát Ngô Đình Diệm bỏ tù.

2. Thêm vào đó Phong trào Hòa bình Chung Sống bị đàn áp và bị bắt giam vô số kể. Mặc dầu Đức Ngài có lập danh sách những người bị bắt gởi qua Hội Nhân Quyền và Liên Hiệp Quốc mà không thấy kết quả gì.

Trong tình thế ấy, Ông Hồ Bảo Đạo được lịnh xin một lá xăm như vầy:

Bao năm chìm đắm biển công danh,
Chí muốn bay cao dạ chẳng thành.
Đêm thấy Thần Nhơn về báo mộng,
Ban lời Ngọc chỉ của Thiên Đình.

Thật vậy, một sáng vào tháng tám năm Bính Thân (1956), Đức Hộ Pháp gọi ông Hồ Bảo Đạo cho biết Ngài đã thấy chữ APOTHÉOSE (hiển Thánh) trong đêm rồi.

Chữ nầy có hai nghĩa:

1. Vua Chúa, Đại Thần chết được đăng Tiên.
2. Thành công rực rỡ theo chí hướng của mình.

Điều nầy phù hợp với lá xăm và cuộc đời hoạt động Đạo đời không ngừng nghỉ của Đức Ngài. Bây giờ, Đức Ngài được Ngọc chỉ APOTHÉOSE về chầu Thượng Đế.

Một sáng, Đức Ngài thức dậy định bước xuống giường mà lực bất tòng tâm, choáng váng ngã ngữa lên giường, nửa trên, nửa dưới. Đồng Đạo lo thuốc thang chạy chữa cho Đức Ngài khỏe lại. Ngày 20 tháng 2 năm Đinh Dậu (27.03.1957), Đức Cao

Thượng Phẩm về Cơ khuyên Ngài đi bịnh viện vì lúc ấy Đức Ngài đi đứng đã khó khăn lắm.

Đến đầu tháng tư năm Kỷ Hợi (1959), viên Cò Cảnh sát Cao Miên thay vì báo tin cho Khâm Trấn Đạo Kiêm Biên, lại đem giấy báo triệt hạ Đền Thờ mới xây vào thẳng bịnh viện Générale, gần Chợ Mới cho Đức Ngài. Tin sét đánh đã góp phần cho sự khổ tâm cùng cực của Đức Ngài.

Đức Ngài đòi về Báo Ân Đường, nhưng đồng Đạo và cô Ba, cô Tư nhất trí đưa thẳng Đức Ngài đến bịnh viện Calmette, bịnh viện lớn nhất của Pháp tại Nam Vang. Nộp tiền phòng 10 ngày, nhưng mới 8 ngày Đức Hộ Pháp đã qui Thiên sau một cơn mệt vào khoảng 12 giờ ngày Chủ nhật, nhằm lễ Ascension, 17.05.1959 (Mồng 10.04 Kỷ Hợi), thọ 70 tuổi.

Thánh Thể được đưa về Thánh Thất Toul-Sway-Prey

Đêm đó, Ngài Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Bùi Quang Cao phò loan, lúc thi thể chưa liệm, Đức Ngài cho bài thi:

Ba năm xa cách để chờ may,
Vạn sự do Thiên đã sắp bày.
Chí muốn cao bay trong một kiếp,
Giờ đây nhờ cậy các anh tài.
Đã đành cam phận còn xa thẳm,
Nhưng đấng mày râu chẳng mảy may.
Một kiếp vì đời, tua gắng trả,
Cho rồi nợ thế khỏi ai hoài.

Đêm 13.04 Kỷ Hợi, Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Bùi Quang Cao lại phò loan, Đức Ngài cho bài thi khác:

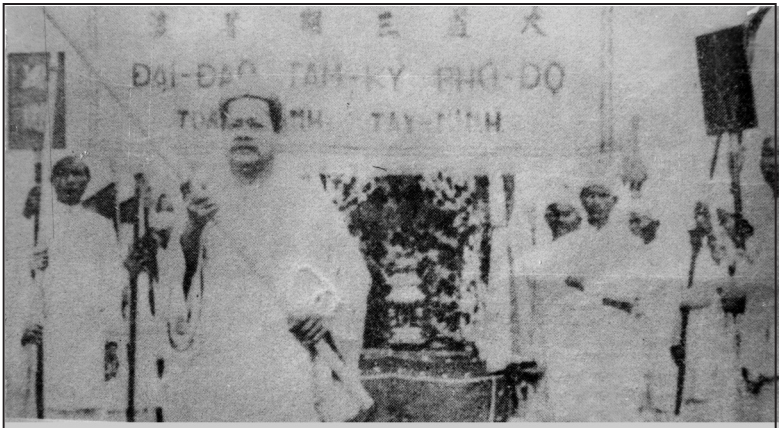
Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chỏi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.



Sĩ Tải Bùi Quang Cao cho tôi biết, tuy cầu hai lần mà Đức Phạm Hộ Pháp không vui lòng nên dạy: "Bảo Đạo yếu Thần, tạm dùng bài này, sau sẽ chọn bài khác thay".

Sự trở về của Đức Ngài không bình lặng như của nhơn sanh, mà sự trở về của Đức Ngài là một biến cố lớn cho toàn nhơn loại, vị Giáo Chủ Hoàn Cầu của Đạo Cao Đài (The World Leader of Caodaism) như tuần báo Le Lien des Cercles d'Études gọi danh.





Nghi Lễ Hội Thánh Cao Đài Tần Quốc tiễn đưa
Liên Đài cố Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC
nhập Bửu Tháp tại Phnom-Penh (26-5-1959)

Đức Ngài hiện xuống vào Tết Đoan Ngọ, giữa khổ đau nhục nhằn của Dân tộc dưới hai tầng áp bức Phong kiến và Thực dân. Đức Ngài san sẻ niềm đau đó bằng cách mang đến cho niềm tin vào Đấng Trọn Lành. Đấng ấy sẽ giúp nước họ được tự do dân chủ, thoát vòng nô lệ.

Đức Ngài kêu gọi Tình Thương và Công Lý, mong hai điều nầy bao phủ toàn thể thế giới. Nhưng khốn thay, chính bọn lừa Thầy phản bạn, vì chút lợi danh dẫm đạp lên tình thương cao cả của Đức Ngài.

Đức Ngài Từ Bi tha thứ cho kẻ dại hối lỗi ăn năn. Ngài tự lưu đày bên xứ Chùa Tháp mà không lúc nào không hướng về Thánh Địa, nơi còn nhiều nặng nề trong bể khổ cường quyền, gia đình trị đàn áp.

Đức Ngài trở về với Cha Lành trong bao tham lam tội lỗi của bọn lừa Thầy phản bạn. Đức Ngài hiện xuống và trở về đều vì nhơn loại và chúng sanh được hằng sống.

Hiện xuống từ mùa Hạ,
Trở về từ mùa Hạ.
Thế giới mộng ứng linh,
Ngài ban tình thương cao cả!

Thể theo Thánh ý của Đức Hộ Pháp, đồng thời tránh sự trích điểm của các nhà thơ, nhà tư tưởng, chúng tôi mạo muội đan cử bài "Tân niên khai bút" của Đức Ngài viết vào ngày mùng 4 tháng Giêng năm Bính Thân (1956), tức trước khi Đức Ngài lưu vong không bao lâu.

Bài nầy không những tóm tắt chân dung về đời, Đạo của Đức Ngài mà còn thể hiện văn phong của Đức Ngài nữa:

Tân Niên Khai Bút

Vẫn gánh non sông đến tuổi già,
Đòn tâm làm mạnh thế tài ba.
Đôi phen kiên nhẫn dìu Hồn nước,
Lắm lúc truân chuyên giữ Đạo nhà.
Tính đức cổ truyền trừ giặc loạn,
Nghĩa nhân pháp bửu dẹp can qua.
Hồng ân đã sẵn làm thao lược,
Ích quốc an dân dụng chữ Hòa!

Được tin Đức Hộ Pháp triều Thiên, toàn Đạo trong nước vô cùng thương tiếc. Từ miền Trung đến Lục Tỉnh kéo về Tòa

Thánh làm lễ truy điệu Đức Hộ Pháp.

Mật vụ của Ngô Đình Diệm hay tin đến giải tán. Tấm lòng của người Đạo đối với Đức Ngài quá to lớn, nên họ phân tán từng nhóm nhỏ vượt biên giới sang Nam Vang. Những tổ chức trong nước cũng phân tán mỏng như Hòa Bình Chung Sống, Thánh Xa Thơ, Phạm Môn, Phạm Nghiệp…

Mỗi nhóm đều tổ chức tưởng niệm Đức Ngài trong nội bộ của mình để che mắt Mật vụ và Cần lao Nhân vị.

Tại Nam Vang, năm mươi ngàn Tín hữu Cao Đài khắp nơi lũ lượt đưa nhau về Thủ đô Phnom Penh thọ tang suốt mười ngày đêm túc trực bên Liên Đài của Đức Ngài. Đại diện các Tôn giáo trong nước Cam Bốt từ các Tỉnh xa như Xiêm Rệp, Battambang, Kratié, Kompong Cham, Kompong Speu, Kompong Xom, Sway Riêng, Mimot đều đến chia buồn phúng điếu với Hội Thánh Ngoại Giáo.

Một số lớn Ngoại giao đoàn tại Thủ đô Phnom Penh cũng đến đặt vòng hoa. Thủ Tướng Pen Nouth Đại Diện Chính phủ Hoàng Gia Cao Miên đến chiêm ngưỡng và đặt vòng hoa trước Liên Đài.

Khi Quốc Trưởng Norodom Sihanouk công du hải ngoại trở về, trong buổi họp báo Norodom Sihanouk nói: "Khi trở về nước, rất tiếc tôi không được hội kiến với Đức Hộ Pháp lần cuối. Tôi hoàn toàn chấp nhận những lời đề nghị của Đức Hộ Pháp".

Phái đoàn Phật Giáo, Đại diện Vua Sãi đến trì Kinh và tiễn đưa Liên Đài của Đức Hộ Pháp đến Bửu Tháp.

Tại miền Bắc Việt Nam, nữ Giáo Sư Hương Dư, Đại diện Hội Thánh Cao Đài toàn miền Bắc thiết Lễ Truy Điệu rất trọng thể tại Thánh Thất Thăng Long. Trong khi ở miền Nam, Mật vụ Ngô Đình Diệm ngăn chận bất cứ cuộc Lễ tưởng niệm nào.

Ít hôm sau, Đức Ngài dùng huyền diệu ứng linh cho nữ Đồng tử Sarah Barthel tại Paris. Đến đầu tháng 6 năm 1959, tuần báo Le Lien des Cercles d'Etudes của Hội Nghiên Cứu Thần Linh Học bên Pháp có đăng tin nữ Đồng tử Sarah Barthel tiếp nhận

những tin từ cõi vô hình do Giáo Chủ Cao Đài Phạm Công Tắc khải ngộ.

Sau khi đọc tin trên báo Le Lien, Hội Thánh Ngoại Giáo có viết bài trả lời trên báo, bày tỏ quyền năng của Đức Phạm Hộ Pháp, về Liên Đài, về cách liệm ngồi và Bức Di Ngôn của Đức Ngài gởi cho Sihanouk. Sau đó, các báo ngoại quốc tiếp tục nghiên cứu về huyền diệu linh ứng của Đức Ngài.



Theo thư của ông Olion và Thánh Giáo tiếp được, Bà Sarah Barthel cho biết ngày rước chư Thánh có đủ các Phật, Tiên, Thánh ngự, trong đó có ông mặc đồ đẹp, sắc phục có khôi giáp về đồng ngự. Chư Phật, Thánh, Tiên đến chực đón mừng Chơn linh ấy. Chơn linh ấy là Đức Hộ Pháp ở xứ Việt Nam tên là Phạm Công Tắc. Sau khi hồn xuất ngoại thể xác, Ngài ngồi

trong cái hòm tám góc, ngữa hai bàn tay ban Phép Lành cho các sắc dân vàng, xanh, đỏ, trắng. Mỗi sắc dân đều linh hiển khác nhau. Các Tín đồ của vị Phật ấy toàn các sắc dân ấy, đều hưởng được diệu pháp của vị Phật Hộ Pháp.

Theo thư của ông Placren và Thánh Giáo của Bà Sarah Barthel



Ngài Bảo Đạo HỒ TẤN KHOA, Trưởng Phái Đoàn Cao Đài Lưu vong tại Phnom-Penh Lễ bái Liên Đài cố Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC (19-5-1959)



đã đăng trên tuần báo Le Lien số 5 tháng 7 và 8 năm 1959, thì có nhiều người phỏng vấn Đức Hộ Pháp giữa không trung. Ngài đã dùng huyền diệu thuyết giảng Đạo đức uyên thâm để giác



Bà SARAH BARTEL, Đồng Tử (20, Rue Albert, PARIS) nhìn thấy ảnh cố Hộ Pháp PHẠM-CÔNG-TẮC ngày 27-5-1959 (tường thuật trên báo LE LIEN số 4, tháng 6-1959 đầu đủ chi tiết).



LỄ ĐỨC HỘ PHÁP TRIỀU THIÊN
TẠI TÒA THÁNH TÂY NINH

Tín-đồ đông đảo xung quanh Đền Thánh, với đức-tin sắt đá, lại vùng lên, thiên niên vạn đại.

ngộ nước Việt Nam phải biết tôn trọng Đấng Thượng Đế và Ngài cho biết Ngài còn phải trở lại một lần nữa, chưa hề định đến nơi nào để kịp kỳ Chuyển thế tạo dựng hoàn cầu.

Trên đây là cơ quan đồng tử nước ngoài, các báo nước ngoài xác nhận ông Phạm Công Tắc là một vị Phật Hộ Pháp ở thượng giới chớ không riêng gì các Tín đồ người Việt Nam của Đức Ngài đã từng sùng kính suy tôn vị Giáo Chủ của mình như vậy. Những ai chưa có Đức Tin vô đối về vị lãnh đạo tinh thần của Đạo Cao Đài, nên đọc kỹ lại các bài của nữ đồng tử Sarah Barthel trên báo "Le Lien des Cercles d'Etudes".

Tóm lại, không Tín hữu Cao Đài nào phủ nhận công đức của Đức Ngài. Đức Ngài là một vị Phật, không phải từ chữ Giáo Chủ mà cốt ở cái đức độ, tài năng của Đức Ngài khiến cho bất cứ ai, dù không sống trong 18 Phận Đạo vùng Thánh Địa cũng kính phục phẩm giá cao quý đó.

Thế nên người đời dù có tán dương hay "bốc thơm" thêm bớt một điều gì về sự nghiệp của Đức Ngài đã làm trong khi còn hóa dân ở trần thế thì cái Đức của Ngài không vì thế mà nhòe đi hay thăng trầm được.

Hoài Niệm Tôn Sư

Giáng sanh trùng ngũ hạnh thanh tao,
Sư Phụ độ đời đạt vị cao.
Ngự Mã Thiên Quân danh Hộ Pháp,
Tây Sơn Đạo giả bậc thi hào.
Linh Tiêu Chánh Pháp nâng gươm huệ,
Trần thế Nghĩa Nhân tỏa ánh sao.
Đắc Đạo Thầy về Kinh Bạch Ngọc,
Ngàn thu thương tiếc lệ dâng trào.

VÂN ĐẰNG


Bửu Tháp
ĐỨC HỘ PHÁP

IV. BÁT THIÊN TÍNH CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Đọc đến đây, ta thấy được phần nào những nét cơ bản của "Chân Dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc". Từ đó toát lên những đức tính siêu phàm của một bậc Giáo Chủ mà chúng ta tạm gọi là Bát Thiên Tính. Xin trình bày như dưới đây:

Thánh Ngôn thuở khai Đạo, Đức Chí Tôn có lần hỏi Đức Phạm Hộ Pháp rằng: "Tắc, Thầy lấy đức tính của con mà lập Đạo được chăng?".

Xem vậy, đức tính của Đức Ngài thật quan trọng, có tác dụng lớn trong nền tân Tôn giáo. Mỗi Thánh nhân giáng trần giáo Đạo có hai tính đức: một là Nhân tính, hai là Thánh tính. Nhân tính là tính làm người ở thế gian vì còn chịu mang thi phàm xác thịt. Thánh tính là tính Trời định cho Chơn linh ấy khi lâm phàm.

Vì Đức Ki Tô cũng phải mang hai đức tính đó, nên Ngài đã ba lần bị quỉ Satan thử thách mới đạt Đạo. Trường hợp Đức Phạm Hộ Pháp cũng vậy, vì mang thi phàm mà phải chịu bao nhiêu thử thách để xứng đáng trở về ngôi xưa cảnh cũ.

Nhân tính của Đức Ngài phảng phất nhiều hương vị hiền triết của Thích Ca, Chúa Ki Tô, Khổng Tử, Gandhi, Nguyễn Bỉnh Khiêm..., bởi Đức Ngài đã từng nghiên cứu về cuộc đời của các bậc siêu nhân thế giới nầy. Bằng chứng là lúc còn sanh tiền, ngoài lịch kỷ niệm trong Đạo, Ngài còn cho thiết Lễ kỷ niệm các nhân vật trên.

Do đó vô hình trung con người của Đức Ngài được hun đúc qua các Thánh chất đó, trở thành (08) Bát Tính sau:

1- Hy sinh thân thế và chịu đựng tù đày mưu tìm hạnh phúc cho nhơn sanh:

Đức tính đầu tiên của Đức Phạm Hộ Pháp là hy sinh và chịu đựng một mình để cứu vớt muôn sanh linh. Đó là gương hy sinh chịu đựng của bậc Thánh nhân. Về các điểm nầy, tính đức của Đức Ngài phảng phất tư chất của Gandhi (1869-1946) và Chúa Kitô.

Thánh Cam Địa sinh ra đời thì nước Ấn chịu dưới sự đô hộ của người Anh. Tuy đỗ Tiến sĩ Luật Khoa ở Anh nhưng ông chống lại sự áp bức của người Anh. Trong thế chiến thứ nhứt, trước lời hứa hẹn của Chính phủ Anh, Gandhi kêu gọi đồng bào đầu quân giúp chính quốc. Khi chiến tranh kết thúc, Anh quên lời hứa. Thế nên Gandhi lập Đảng Quốc Đại dùng chánh sách bất bạo động chống Anh, dân chúng hưởng ứng nhiệt liệt. Chánh quyền phải bắt giam ông. Khi ra tù ông vẫn tiếp tục tranh đấu rồi bị người đồng bào quá khích ám sát chết.

Đức Phạm Hộ Pháp cũng sanh dưới chế độ thuộc địa Pháp. Khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, theo lời hứa của Chánh Phủ Pháp, Đức Ngài kêu gọi toàn Đạo đầu quân giúp Pháp và cũng bị Pháp cầm tù ở Sơn La, rồi Mã Đảo (1941-1946). Được tự do, Đức Ngài tiếp tục tìm phương giành lấy độc lập trong tay người Pháp. Cuối cùng Đức Ngài tự lưu đày do chính các đệ tử của Ngài làm áp lực và bỏ xác nơi xứ người.

Điều khác thường là cả hai vị, không ai giữ địa vị cao trọng nào trong Chính phủ và cũng không là chính khách nắm vận mạng Quốc Gia.

Trên 5 năm chịu đựng ở Mã Đảo, mấy tháng bị bọn phản Thầy lừa Đạo thanh trừng tại Hộ Pháp Đường, nếu không là bậc Thánh nhân hoặc vì sự liêm sĩ nhất thời không tìm phương gỡ rối thế tình, không cách nào hơn để giữ tình Sư đệ là phản tỉnh ra đi.

Chánh sách về quốc gia của Mahatma Gandhi cũng giống như Chánh Sách Hòa Bình Chung Sống của Đức Hộ Pháp. Chủ nghĩa quốc gia của chúng ta không làm hại quốc gia khác, cũng như chúng ta không phá hoại nước nào.

2- Hành động tích cực và tận tâm:

Thiên tính của Đức Phạm Hộ Pháp là hành động tích cực và quả quyết. Đề xướng một việc gì nhất định sẽ đi đến kết quả tốt và nhất định vận dụng mọi kế hoạch để thực hiện cho kỳ được. Tìm việc chớ không đợi việc. Nếu không có đức tính tích cực thì kỳ chắc Tòa Thánh xây dựng không xong. Không tiền,

không nguyên vật liệu, chỉ "bắt gió nắn hình" (Ngài nói) mà công thợ phải trường trai tuyệt dục, thì thử hỏi không tận tâm và hết sức làm việc, Tổ Đình đồ sộ kia làm sao hoàn thành?

Với thái độ tích cực nầy, giống như Tổng Thống Hoa Kỳ Théodore Roosevelt (1858-1969), người đã hành Pháp tại Kiêm Biên giúp Đạo. Théodore Roosevelt là một người tích cực, hoạt động không ngừng, có ý kiến trong hầu hết các vấn đề trên mọi địa hạt và diễn tả với khí phách như thác lũ. Đức Phạm Hộ Pháp cũng vậy, Ngài phê kiến và giải quyết mọi vấn đề.

Ai có đọc tập "Lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp" thì rõ. Từ việc nhỏ như đắp đường đến nền Chánh Trị Đạo to lớn, nơi nào cũng có mắt của Đức Ngài. Từ sau khi ở Mã Đảo về, Đức Ngài đã ban hành nhiều Thánh Lịnh và Thánh Huấn. Théodore Roosevelt cũng vậy, chỉ trong hai tháng đầu nắm quyền Tổng Thống, các công văn do ông ký có thể nối liền từ Mỹ quốc đến Việt Nam.

3- Óc sáng tạo huyền bí:

Một Tôn giáo bao gồm Thể Pháp và Bí Pháp. Thể Pháp là cái hình ảnh bên ngoài ai cũng có thấy và biết được. Bí Pháp là huyền nhiệm hư hư thực thực bên trong. Thiếu một trong hai Pháp đó thì không còn là Tôn giáo.

Đức Chí Tôn lập Đạo căn cứ trên Thiên tính của Đức Hộ Pháp thì Ngài cũng giao Bí Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nơi tay Hộ Pháp. Vào năm 1948, Đức Ngài đã để ra thời gian dài giảng về Bí Pháp của Đạo, được các tốc ký viên ghi chép và in thành tập. Các Đạo hữu truyền miệng nhau những lời tiên tri của Ngài. Chẳng hạn như khi Thiên Phong nhiều cho phái Tiên Thiên, nhiều Đạo hữu suy bì theo ý phàm tục, Đức Ngài nói:

"Các em đừng lo, rồi đây áo mão máng đầy rừng Thiên nhiên. Có ai đem đi đâu mà sợ".

Thật vậy, chẳng bao lâu, mấy trăm Chức sắc phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài lãnh đạo "cuốn tượng" về quê cũ. Danh từ "cuốn tượng" rất thịnh hành trong vùng Thánh Địa ám chỉ những kẻ chối Đạo bỏ Thầy. Hiện tượng nầy xảy ra nhiều

lần khi bị cường quyền áp chế, những Đạo hữu nhát nhúa, thiếu Đức Tin "cuốn tượng", dẹp tran thờ Thầy (tức Đức Chí Tôn). Từ "cuốn tượng" ngày nay đã bình dân hóa, ám chỉ những kẻ thua rút chạy.

Chuyện Đức Ngài giải phép ếm Long Tuyền Kiếm ở Phú Mỹ, Mỹ Tho; chuyện tiếp Kinh Phật Mẫu ở Kiêm Biên, v.v... không thể kể hết được.

Khi còn nhỏ quạt hầu Đức Ngài ở Hộ Pháp Đường, tôi mê xem hát "Con Bạch Tuột" ở rạp "Dân Tiến" sát Cửa số 6 mà vào muộn, Đức Ngài rầy nhẹ: "Sắp nhỏ mê xem hát quá hé! Thời gian nữa gánh hát sẽ đến hát tận nhà. Lúc đó không thèm coi mới lạ kỳ chớ!". Bây giờ tôi mới biết Đức Ngài muốn ám chỉ về truyền hình hay vidéo. Chao ôi! Ngài nhìn xa, xa quá…

Ngoài ra, Đức Ngài còn tuyên bố nhiều yếu ngôn quan trọng về nền Đạo, chính trị nước nhà và thế giới. Những lời nói đó có thể sưu tập và in thành sách chẳng thua gì "Sấm Trạng Trình" của Thanh Sơn Đạo Sĩ.

Đức Ngài nắm giữ Bí Pháp các kiến trúc xây cất Đền Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ... Những Chi phái chấp nhận giáo lý Đạo qua Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Pháp Chánh Truyền, thì không thể phủ nhận các công trình kiến trúc. Mặt khác Đạo Cao Đài được phổ quát và truyền bá trong dân chúng là do cặp Cơ Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đã phong Thánh cho tất cả Tướng súy, những Tông đồ đầu tiên của nền Đại Đạo.

Rồi từ đó, vì lý do này nọ, các Chức sắc bỏ Tòa Thánh đi lập Hội Thánh riêng nhưng vẫn giữ theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền. Có những kẻ đi xa hơn, chối bỏ Hộ Pháp Phạm Công Tắc mà lại giữ những Thánh Ngôn buổi đầu do cặp Cơ Cư - Tắc viết ra.

Sao có hiện tượng kỳ lạ vậy: vừa là Hộ Pháp, vừa không là Hộ Pháp? Nếu bất kính Hộ Pháp Phạm Công Tắc thì nên dẹp bỏ luôn những gì do ông viết ra mà lập một Đạo khác, làm như thế mới hợp với lẽ hằng.

Chỉ có một cách giải thích lý luận bất nhất đó là: "Ông Hộ

Pháp Phạm Công Tắc không được độc quyền Cơ bút, mà để họ tự quay Cơ ban tặng các chức: Giáo Tông, Hộ Pháp, Đầu Sư, v.v... cho một ít người hám danh .[1]

Đức Chí Tôn đã dạy: "Thà là một Tín đồ mà làm tròn nhiệm vụ còn hơn mũ cao áo rộng mà phạm Luật Thiên Điều".

4- Chịu nỗi thống khổ và oan nghiệt của một con người:

Vì còn mang thi phàm xác thịt thì còn chịu bao nhiêu thử thách, khổ ải của một kiếp người. Chẳng hạn Đức Kitô bị quỉ Satan khai chiến ba lần.

Lần thứ nhất Satan vấn nạn: "Nếu ông là con Thiên Chúa, hãy truyền cho những hòn đá này trở thành bánh đi". Ngài đáp rằng: "Người ta không sống bằng bánh, nhưng bằng mọi lời bởi Chúa phán ra".

Satan mở cuộc tấn công thứ hai: "Nếu ông là con Thiên Chúa, hãy gieo mình xuống sông". Chúa Kitô đáp: "Người chớ thử Chúa là Chúa của ngươi".

Và lần thứ ba, nó đem Ngài lên một ngọn núi rất cao, cho xem tất cả các nước trên thế gian với những vinh quang của trần thế và bảo Ngài rằng: "Tất cả những vinh quang phú quí đó ta sẽ cho ông, nếu ông quì xuống mà lạy ta".

Đức Jésus Christ: "Hỡi Satan cút đi, vì có lời chép rằng: ngươi sẽ thờ phượng Chúa là Thiên Chúa của ngươi". Kết quả là ác quỉ bỏ Ngài và Thiên Thần hiện đến hầu hạ Ngài.

Đấng Kitô chỉ chịu đựng và truyền Đạo trong ba năm, còn Đức Phạm Hộ Pháp phải chịu lắm nỗi nhọc nhằn từ năm 1926 đến năm 1959.

Đức Ngài không bị Kim Quang Sứ (ngang với Satan) khảo đảo mà bị cường quyền Pháp đàn áp lưu đày. Đức Ngài nói: "Khi

---

1-Khi nhóm Nguyễn Bửu Tài về Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp cho tự do lập đàn Cơ ở chùa Thiên Linh Tự để học hỏi. Đồng tử đi quá đà phong cho ông Đốc Nguyễn Bửu Tài là Chưởng Quản Cửu Trùng Đài, và Bs Cao Sĩ Tấn làm Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài.

vâng lịnh Đức Chí Tôn đến Gò Kén mở Đạo, Bần Đạo có xin phép nghỉ sáu tháng (vì là Công chức). Đến chừng trở lại làm việc, người ta không cho Bần Đạo làm ở Nam Việt nữa mà chuyển lên Kiêm Biên…Từ khi lập Đạo chịu khổ hạnh truân chuyên, chịu nhục nhã, chịu mọi điều thống khổ".

Ngài chịu sự đàn áp của 6 đời Toàn Quyền Pháp ở Đông Dương. Năm 1941, Đức Ngài bị Chánh quyền Pháp bắt đi an trí ở Di Linh rồi Sơn La. Viên cai tù nói với Đức Ngài "Nếu ông do Trời sai xuống hãy phá tù mà ra".

Đức Ngài trả lời: "Thân phàm ta ở trong tù, chớ Chơn linh ta ở Thượng giới".

Sau đó Đức Ngài bị đày đi Mã Đảo (Phi Châu) suốt 5 năm 2 tháng 3 ngày. Một sĩ quan Pháp nói: "Ông là Giáo Chủ Đạo Cao Đài hả, hãy nhảy xuống biển mà lội về Việt Nam".
Ngài mạnh dạn đọc bài thơ của Đấng Vô Danh vừa cho Ngài tại Madagascar:

Hòn đảo này đây trước nhốt tù,
Mà nay làm khám nhốt thầy tu.
Quả như oan nghiệt vay rồi trả,
Thì lũ Tây Man, Nhật Bổn trừ.

Chúng cho là giả điên nên cười rồi bỏ đi. Bởi lẽ, chúng cũng không hiểu Đức Ngài ngâm nga nói gì.

Gần cuối năm 1955, Nguyễn Thành Phương, nguyên Tổng Tư Lệnh Quân đội Cao Đài [1], sau khi được Quốc Gia hóa, vì miếng đỉnh chung, nghe lời Ngô Đình Diệm lập "Ban Thanh Trừng" bao vây Hộ Pháp Đường và bắt nhiều thiếu nữ, ép buộc phải khai gian dối nhiều điều khiếm nhã cho Đức Ngài mà toàn thể các Tín hữu ai cũng biết là Ban Thanh Trừng vu khống.

Anh của Nguyễn Thành Phương là Nguyễn Thành Danh nói với chúng tôi: đó là khổ nhục kế. Khổ nhục kế gì mà kẻ chủ mưu vênh cao mặt, được nhiều lợi lộc, còn người chịu nhục bị

1- Lúc ấy ông Nguyễn Thành Phương vẫn chưa nhập môn theo Đạo (?). Khi chết, đám tang ông không được làm Phép xác.

tơi tả suốt bao năm trời không hề thấy mặt kẻ phản bội nào nhận lỗi.

Việc trên đây, chẳng khác nào việc Juda bán Đức Chúa Jésus Christ cho bọn Giáo Trưởng Caiphe. Một lãnh tụ tôn giáo mà bị chính kẻ mình lập lên bêu xấu, thì thử hỏi đứng ở địa vị phàm nhân, thiếu độ lượng có lẽ sẽ xảy ra điều gì khác hơn là tấm lòng đại độ phản tỉnh ra đi? Một đòn tâm lý hết sức cao nhã.

Nếu những ai còn chút lương tri, còn chút hương vị Đạo đức trong lòng, chắc chắn không khỏi bị Tòa án lương tâm xét xử. Càng được sống lâu, thì càng ray rứt nhiều, càng tiếc một hành động vội vàng, vị kỷ, quên hẳn nghiệp Đạo chung, quên hẳn vị Đại diện Tối cao của một tôn giáo với bao nhiêu Tín hữu đang thờ kính. Kính Đạo phải trọng Thầy, không Thầy thì ai giữ Đạo cho ta kính.

5- Người của bình dân:

Điều nầy quá hiển nhiên, vì "Ngày nay Thầy đã khai Đạo nơi Đông Dương là cực Đông của Á Châu, mà lại khai nơi xứ Nam Kỳ là xứ thuộc địa. Ấy là do nơi Thiên Cơ tiền định cả muôn năm để thưởng cái lòng tín ngưỡng của người Nam từ thư" [1].

Đức Chí Tôn đã chọn hạng bình dân Việt Nam để dạy Đạo trước tiên và chọn hạng trung lưu để lãnh đạo. Hạng bình dân lắm lòng trong sạch, cơ hàn đáng được đặc ân.

Đức Phạm Hộ Pháp tuy xuất thân trong giới trung lưu, nhưng lại đứng về phía bình dân. Đức Ngài thường nói: "Không cần người giỏi, chỉ cần biết làm và chịu làm là được".

Sở dĩ Đức Chí Tôn thay vì chọn bậc Bác học thông thái để giáo Đạo lại chọn hạng trung lưu và bình dân mà dạy Đạo là để cho thế gian nầy thấy rõ quyền năng của Đức Chí Tôn; bằng không, đời sau với tật sùng bái cá nhân sẽ cho rằng Đạo Cao Đài do các bậc thông thái bày ra, chớ không phải do Trời lập.

Đức Ngài coi các thợ hồ, nông dân là con của Thượng Đế.

Trong một lời phê năm Tân Sửu, Đức Ngài viết:

1-Lời thuyết giáo của Đức Quyền Giáo Tông, 1933.

"Qua đã biết trước thế nào trong mấy em cũng có đứa ngồi ngục. Gấm bị trước vì Phối Thánh Thoại (vốn thợ hồ đắp vẽ) muốn cho nó trả quả đối với Phối Thánh lúc còn ở phàm; đáng kiếp Gấm đụng đầu xe lửa, cũng như mẹ con Út Giáp đụng đầu xe lửa của Màng (cũng thợ hồ, ân phong Phối Thánh) buổi trước vậy. Mấy em rán cẩn thận, đừng ăn hiếp mấy ông Thánh ẩn thân bất ngờ, phải ngồi cửa Phong Đô mà khóc đa nghe".

Việc nầy, trùng hợp với việc Thánh Gandhi nâng đỡ tập cấp (caste) Paria, cùng đinh của xã hội Ấn, hết lòng thương họ vì họ bị ghét bỏ cho là cặn bã của xã hội. Thánh Gandhi cho họ là con của "Thượng Đế".

Đức Hộ Pháp, trong câu văn ngắn, đã nhắc lại hai lần "đụng đầu xe lửa". Nhất là quí ông Bùi Ái Thoại và Phạm văn Màng, họ là những người như chiếc xe định hướng, chỉ đi về một hướng, chỉ đi về một phía Đạo đức. Ai có đàn áp, chưởi mắng thế nào, họ vẫn một lòng làm công quả.

Khi qua đời, nhị vị hiển Thánh. Đức Phạm Hộ Pháp mới cảnh giác cho những ai lấy quyền thế khôn ngoan khinh khi kẻ nghèo hèn bình dân, rồi thế nào cũng bị trả quả nhãn tiền.

6- Có hấp lực mãnh liệt:

Đức Ngài có một nhân điện mãnh liệt, nhờ luyện Đạo đến chỗ đạt Pháp và sức nói lôi cuốn trong khi thuyết Đạo. Ngoài cái khẩu khí của bậc Thánh lâm phàm, Ngài còn am tường thủ thuật nói trước công chúng và "Phương pháp Socrate" là đặt những câu hỏi làm thế nào cho khách bàng quang chỉ có thể đáp có mà thôi.

Chính nhờ vậy, đến ngày nay chưa thấy ai phản đối hành động của Đức Ngài, chỉ trừ biến cố thiếu suy nghĩ của lũ môn đồ Juda cuối năm 1955.

Nhờ có giọng nói ôn tồn mà Đức Ngài thuyết Đạo ròng rã hằng tháng về "Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống" và "Bí Pháp" vào ban đêm. Đêm nào cũng đông chật tín hữu, giờ mà mọi người ngoại Đạo đang yên giấc.

Nếu không có một mãnh lực hấp dẫn lôi cuốn được người nghe, mấy ai có thể theo dõi được những đêm triền miên thuyết giảng đó.

Nhân điện của Đức Ngài mạnh đến nỗi kẻ đối diện, đừng nói đến chư Tín đồ ít dám nhìn thẳng tạng mặt. Lúc Ngài ban Phép Lành tuy đứng xa hàng 10 đến 20 mét mà trong người nghe nhân điện chạy rờn rợn.



Lời Ngài phán là răm rắp tuân theo dù là Chức sắc Thiên Phong đương quyền. Tất cả vì kính mà hành theo không ai dám cãi sửa điều gì. Còn nếu vì sợ mà làm theo, thì khi Ngài triều Thiên chắc có người sẽ bươi móc và chối bỏ những di sản của Đức Ngài. Sự kính trọng ấy đã đóng thành khối và trở thành ấn tượng trong đầu mỗi Tín hữu, coi lời Đức Ngài nói là một định đề hằng đúng.

Đức Ngài đã tiên liệu: "Qua nói rằng mỗi vị Tín đồ đều có cái mão Giáo Tông và Hộ Pháp, không lấy là lỗi tại mấy em, chẳng lẽ chỉ có một người mà người đó chết rồi thì diệt tiêu Đạo?.

"Ngày kia không có gì vui cho Qua hơn, khi thấy xuất hiện trong mấy em, ở dưới bước lên ngồi địa vị cao trọng trong Đạo" [1].

7- Công Bình và Chính Trực:

Đọc tập "Những Lời Phê của Đức Hộ Pháp" về việc Đạo, ta thấy rõ hai Đạo Công Bình và Chính Trực. Hai đức tính nầy ảnh hưởng nơi Nho Giáo, cách hành xử đối với các Tông đồ của Đức Khổng Phu Tử.

Ngày 17.03 Nhâm Thìn, Đức Ngài phê về việc đánh lộn như sau: "Xem rõ vụ đánh lộn đã nêu gương xấu cho đám trẻ nơi Long Hoa Thị, do một vị Lễ Sanh và một Giáo viên trường Đạo Đức. Hai người như thế mà làm gương như thế…

Lễ Sanh Hoàng đã dạy đàn em đánh lộn: Võ sĩ chớ không phải là một vị Lễ Sanh của Hội Thánh! Hoàng không nên phận đàn anh, có đâu làm Chức sắc.

"Giáo viên Thới là một Giáo viên, dạy dỗ đoàn thiếu sinh trong trường Đạo Đức mà thô lỗ, không lễ nghi khiêm tốn, hỏi dạy sắp nhỏ học cái gì?

Bần Đạo định án:

"Ngưng chức Lễ Sanh trong sáu tháng và buộc phải cầu khẩn một vị Thiên Phong cho phục vụ và bảo lãnh giáo Đạo cho Hoàng, trong sáu tháng mà không thuần nết thì sa thải xuống hàng Tín đồ. Giáo viên Thới thì không cho dạy ở trường Đạo Đức nữa và nếu từ nay còn sanh sự với ai thì đuổi ra khỏi Thánh Địa".

Đức Ngài lại phê về việc xin chế giảm phẩm Thính Thiện và Hành Thiện thuộc Cơ quan Phước Thiện:

"Đạo Luật Chơn pháp của Đức Chí Tôn đã dạy, không được phép chế sửa. Nam phái thật hành Chơn pháp, đúng lý ra Nữ phái cũng phải tùng Nam phái mà thật hành y Luật định. Nghĩ lúc ban sơ, nếu thi hành y Luật thì phải thất phận, nên Bần Đạo chế giảm cho Nữ phái mà thôi".

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, quyển II, Tây Ninh 1973, trang 122-123.

Đức Ngài đã áp dụng đúng câu: "Tư vô tà" của Đạo Nho, lấy Công Bình chính trực mà trị an thiên hạ.

8- Từ Bi, khoan hồng và đại độ:

Nói đến khoan hồng và Từ bi là nói đến tấm lòng, nói đến cái Tâm của nhà Phật. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Chơn linh là Hộ Pháp Vi Đà. Gặp kỳ ba Phổ Độ, Ngài hạ mình mà dìu dẫn toàn chư Môn đệ.

Đối với Chức sắc Đại Thiên Phong như Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Ngài gọi là Giáo Chủ; Đức Quyền Giáo Tông, Đức Ngài gọi là Anh Cả; Đức Cao Thượng Phẩm, thì một cũng Anh Tư hai cũng Anh Tư.

Đối với huynh đệ và người cộng sự, tuy Đức Ngài nắm chi Pháp, nên phải dùng Pháp trị: Công Bình Chánh trực, nhưng về tình người lúc nào cũng khoan dung thân thiện. Nhất là trong hàng Thập Nhị Thời Quân, những người lỡ phạm lỗi, Đức Ngài quên quá khứ chống báng của họ. Đức Ngài cho lập Thánh Xa Thơ tìm rước hài cốt các chiến sĩ vị quốc vong thân (Nay Ngài dùng huyền diệu cho các đồng tử dân gian tầm xác các liệt sĩ) và cả Chức sắc bỏ mình ngoài Thánh Địa.

Nhờ thế, cốt của Đại huynh Nguyễn Bảo Pháp mới được cải táng về phần đất của Thập Nhị Thời Quân. Còn Trần Khai Pháp có lời quá đáng đối với Đức Ngài khi ở Mã Đảo, Đức Ngài không nhớ và vẫn dùng công quả của Trần Khai Pháp. Khi qui vị, đám tang của Trần Khai Pháp, Đức Ngài cho làm rất lớn, không thua gì đám tang của Đức Thượng Sanh.

Năm 1946 khi tái thủ quyền hành, Đức Ngài ân xá cho những người lầm đường. Nhờ vậy Cao Bảo Văn (Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu), Sĩ Tải Phạm văn Ngọ (được phong là Bảo Đạo ở Ban Chỉnh Đạo), rời phái Bến Tre trở về Tây Ninh. Cao Bảo Văn, sau khi qui vị được xây tháp và táng trước Tòa Thánh, còn Sĩ Tải Phạm văn Ngọ được thăng lên Truyền Trạng.

Những sự kiện đó cho đồng Đạo thấy tấm lòng khoan dung và đại độ của Đức Ngài.

Đức Phạm Hộ Pháp còn ban tặng cho những nhân tài, những Đạo tâm phẩm Hiền Tài, như Hiền Tài Mã Nguyên Lương (Tướng Trung Hoa), Hiền Tài Hồ Tấn Khoa (Đốc Phủ Sứ) và các vị Lễ Sanh Nagafuchi (Nhựt Bổn), Serge Vanony (Pháp), Ngọc Ba Thanh, Ngọc Hòa Thanh…

Các Lễ Sanh do Ngài ứng phong này đều tạm dùng phái Ngọc, để mở rộng Cơ Tận độ và đáp ứng sự phát triển của nền Đạo. Đức Ngài còn cho lớp Hiền Tài cầu phong vào hàng Thánh thể thay lớp Chức sắc cũ ít học.

Năm 1955, quí Ngài Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối Sư cầu xin Đức Hộ Pháp truy phong tướng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Thế Đạo. Đức Ngài phê như sau: "Truy thăng Trình Minh Thế vào hàng phẩm Quốc Sĩ và đặng thờ nơi Báo Quốc Từ cùng Đức Thành Thái và Đức Kỳ Ngoại Hầu Cường Để".

Xem vậy, không những truy tặng phẩm Quốc sĩ đầu tiên Ban Thế Đạo mà còn đặc ân cho thờ chung với các vì Vương, thì đủ rõ lòng yêu mến người chiến sĩ của Đức Ngài như thế nào!

Khi Hội Thánh Phước Thiện trình về việc ông Giáo Thọ Nguyễn văn Tường, đại diện ông Đạo Nằm, Phật Giáo Thiền Lâm (Long Xuyên) xin về hiệp nhất vào Phước Thiện, Đức Ngài phê:

"Cửa Từ Bi Phước Thiện vẫn mở rộng…Bần Đạo lấy làm vui đẹp và hân hạnh mà tiếp đón họ, chỉ khuyên họ đừng quá mê tín mà thôi".

Do phúc trình số 329/PT, ngày 7.11.1952, dâng lên Đức Hộ Pháp về việc Thiếu Tá Khanh xin nhường chức Lễ Sanh cho thân phụ là cựu Chánh Trị Sự Đỗ văn Cầm, 73 tuổi, Đức Ngài phê:

"Phê y và tư cho Quyền Ngọc Chánh Phối Sư lập Thánh lịnh ân phong cho cụ Đỗ văn Cầm vào hàng Lễ Sanh phái Ngọc (Hàm phong). Còn Thiếu Tá Khanh chỉ là một Tín đồ mà thôi.

Bần Đạo để lời khen lòng hiếu thảo của Khanh, đáng ghi vào Đạo Sử".



Sau nầy, Đức Ngài giáng Cơ phong cho ông Khanh làm Hộ Đàn Pháp Quân.

Đại Đạo không phải là nơi nhường tước phẩm Thiêng Liêng. Đây là trường hợp biệt lệ:

Thứ nhất, cụ Cầm đã là cựu Chánh Trị Sự, tức đủ điều kiện lên Lễ Sanh.

Thứ hai, cụ đã 73 tuổi, không biết thăng Thiên lúc nào, có thể không đợi Hội Nhơn sanh phán xét kịp. Đây chỉ có "Phụ từ, tử hiếu", lòng hiếu động thấu đến lòng Trời mà thôi.

Bát Tính của Đức Ngài xin tóm lược bằng câu: "Tâm vô quái ngại, đại Hùng, đại Lực, đại Từ Bi".

Với tám Chương xây dựng nên Bát Tính của Đức Phạm Hộ Pháp. Còn về hoạt động giúp đời, giúp nước của Đức Ngài, xin để lịch sử phán xét.

Về sự nghiệp Đạo, tác giả chỉ nêu được những nét chính, còn biết bao nhiêu điều khác nữa, nên khó tóm tắt trong vài hàng. Có điều chắc chắn, theo các Đạo Sử của Bà Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu và của Ngài Trương Hiến Pháp là "Không có Đức Ngài thì không có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì khi Đức Chí Tôn đến với Đức Ngô Minh Chiêu, chỉ xưng là Thầy và ban hồng danh Cao Đài Tiên Ông".

Thế nên, hình thể của Đạo Cao Đài, danh từ "Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ" là do cặp Cơ Cư - Tắc viết ra trong Pháp Chánh Truyền trích từ Thánh Ngôn của các Đấng chớ không phải nơi nào khác. Ngay cả hình thể hữu vi Đền Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu, Thánh Thất đều do Đức Ngài chấp bút vẽ nên.

Vì thế, bất cứ ai theo Đạo Cao Đài cũng đều cần tìm hiểu về các hoạt động tôn giáo của Đức Ngài. Đó là mục đích của quyển sách nầy.

CHƯƠNG IX
GIẢN LƯỢC CHÂN DUNG PHẠM HỘ PHÁP (1890 - 1959)

1. Nguơn Linh của Phạm Hộ Pháp.
2. Văn thi Ái Dân.
3. Lược sử Chân dung Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

I. NGUƠN LINH CỦA PHẠM HỘ PHÁP.

• Ngự Mã Thiên Quân.

Vị Thiên Quân đánh xe ngựa cho Thượng Đế đi tuần du bốn

phương trong Vũ Trụ, nên tôn Ngài là Chuyển Luân Vương (Tchakravartin), dùng Pháp Chánh mà trị an nhơn sanh.
Khi tức vị, Ngài có đủ 7 Bửu bối, về Thể Pháp tượng trưng Thất Tình: Hỉ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Cụ; về Bí Pháp tượng trưng Thất Bảo:

1. Luân bảo (xe báu)
2. Tượng bảo (voi báu)
3. Mã bảo (ngựa báu),
4. Ma ni châu (châu báu)
5. Nữ bảo (Ngọc Nữ)
6. Chủ Tàng Thần (vị Thần giữ kho tàng)
7. Chủ Binh Thần (vị Thần coi binh).



Ngai rắn bảy đầu bao hàm cả hai mặt đó.

Ngài ngự trên bánh xe vàng, thì thống trị cả bốn Đại Châu.

Ngài ngự trên bánh xe bạc, thì cai trị ba Châu: Đông, Tây, Nam.

Ngài ngự trên bánh xe đồng, thì cai trị hai Châu: Đông, Nam.

Ngài ngự trên bánh xe sắt, thì cai trị châu phương Nam.

Bánh xe Pháp (Luân Bảo) lăn đến đâu, thì nơi đó dứt lầm lạc, người người ngộ Đạo, nên Đức Phạm Hộ Pháp giáng trần thức tỉnh Tâm mê muội của nhơn sanh.

Mừng Ngự Mã Thiên Quân

Đào nguyên lại trổ trái hai lần,
Ai ngỡ Việt Thường đã thấy lân.
Cung Đẩu vít xa gươm xích quỷ,
Thiềm Cung mở rộng cửa Hà Ngân.
Xuân Thu định vững ngôi Lương tể,
Phất Chủ quét tan lũ nịnh thần.
Thổi khí vĩnh sanh lau xã tắc,
Mở đường quốc thể định phong vân.

BÁT NƯƠNG (1946)

• Nam Bình Vương Phật.

Nam Bình Vương Phật hay đọc tắt là Nam Phật (Ratna Sambhava), một Đức Phật trong bốn vị Phật cai trị ở phương Nam tức Châu Thiệm Bộ hay Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvipa), một Châu trong biển ở về Phía Nam núi Tu Di, tức là Châu mà nhân loại đang ở.

Đức Phạm Hộ Pháp dạy rằng khi nào Đền Thờ Phật Mẫu xây dựng thì đối diện với ngôi Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật là tượng của Nam Bình Vương Phật (Nam Phật) tức tượng Đức Hộ Pháp mặc tiểu phục, trong Kỳ Ba Phổ Độ này.

• Shiva cưỡi rắn bảy đầu.

Trên chót vót Bát Quái Đài của Đền Thánh, Tòa Thánh Tây Ninh có tạc hình Tam Thế Phật, biểu tượng cho ba thời kỳ khai Đạo.

Phật BRAHMA day mặt về phía Tây, giáng trần vào Ngươn Thánh đức, cưỡi chim Huyền Nga bay khắp Càn Khôn.

Phật SHIVA hay CIVA giáng trần trong Ngươn Tranh đấu, cưỡi rắn bảy đầu diệt thất tình. Phật Civa day mặt về phương Bắc để cầu khẩn Đức Chí Tôn đại xá tội cho toàn nhơn loại.

Chính vị Phật nầy là Ngươn linh khởi thủy của Đức Phạm Hộ Pháp. Thần Civa còn giữ vai trò của Dharmapala tức là Hộ Pháp giữ các Đền Thờ.Phật CHRISTNA hay KRISHNA là hóa thân thứ tám của vị Thần Tối cao Vichnou hay Vishnou giáng

trần vào Hạ Nguơn tức Nguơn Bảo Tồn. Phật Krisna day mặt về phương Nam, cưỡi con Giao Long.[1]

• Hộ Pháp - Dharmapala.

Hộ Pháp Đàm-ma-pa-la là một vị Bồ Tát ở Thế kỷ thứ VI giáng trần ở Ấn Độ, viên tịch năm 560. Ngài soạn bộ "Thành Duy Thức Luận", truyền Đạo cho Giái Hiền. Giái Hiền truyền lại cho sư Huyền Trang, cao tăng nhà Đường.

Khi Ngài lâm chung, trên không có tiếng nói: "Đó là Đức Phật trong một ngàn Đức Phật ở hiện kiếp nầy".[2]

• Vi Đà Hộ Pháp.

Ở cửa bên trong các Chùa có vị Hộ Pháp mặc đồ nhà Tướng cầm cây Kim Cang. Đó là Ngài Vi Đà (tức Vi Hộ), một vị Thiên Đại Tướng Quân trong Tứ Thiên Vương, hộ trì Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

Đàn đêm 22 rạng 23.04.1926, Đức Chí Tôn dạy lập bàn Vi Hộ Pháp như sau:

"Cư, nghe dặn: con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón ...

Cười ...

Đáng lẽ nó phải sắm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy chín tấc vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch, con viết một lá phù "Gián Ma Xử" đưa cho nó cầm…

Cả thảy Môn đệ phân làm ba ban, đều quì xuống, biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôi đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất

---

1-Nghiêm Thẩm, Tôn giáo của người Chàm tại Việt Nam. Sài gòn, Đại Học Văn Khoa 1972, trang 18.

2-Đoàn Trung Còn, Phật Học Tự Điển, Tập II, Sài gòn 1967, trang 44.

Chơn Thần nó ra. Nhớ biểu Hậu, Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ ...".

Đức Chí Tôn đã dạy rõ: trục xuất Chơn Thần phàm nhơn của ông Phạm Công Tắc ra để Chơn Thần Vi Đà nhập vào. Điều đó cho ta biết Ngài là Nguơn linh của Phật Vi Đà.

Trong Kinh Đại Tường có câu:

> Giáng linh Hộ Pháp Vi Đà,
> Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trục tinh.

Câu trên chỉnh lại chính tả, Đức Chí Tôn viết "Vi Hộ Pháp" mà ta nhầm lẫn viết Di Đà, tiếng gọi tắt A-Di-Đà Phật, là vị Phật Chưởng Quản cõi Cực lạc. Vi Đà như trên đã giải là một vị trong Tứ Thiên Vương, viết bằng chữ V (chữ Việt đầu thế kỷ 20 chưa chuẩn).

Đức Phạm Hộ Pháp cũng dạy: Cây Gián Ma Xử để trấn giữ Thiên Môn. Bửu bối Đức Ngài cầm là cây Kim Tiên để nhặt giữ Đạo Pháp.

"Kim Tiên là gì? Là biểu tượng của điển lực điều khiển Càn Khôn Vũ Trụ mà chính đó là sanh lực của Vạn vật. Nhờ nó mới có thể mở Đệ Bát Khiếu và còn có một khiếu vô hình là Huệ Quang Khiếu. Con người có ngũ quan, hữu tướng và lục quan vô tướng, đều phải nhờ cây Kim Tiên ấy mới có đủ quyền lực mở lục quan của mình đặng".[1]

Câu liễn ở Hộ Pháp Đường khởi đầu bằng hai chữ Phạm Môn (cửa Phật), rất khác câu liễn ở Giáo Tông Đường, khởi đầu bằng hai chữ Giáo Tông.

> **PHẠM** giáo tùy Nguơn, cứu thế độ nhơn hành Chánh Pháp,
> **MÔN** quyền định hội, trừ Tà diệt mị hộ Chơn Truyền.

Qua câu liễn trên ở Hộ Pháp Đường, các Đấng đã xác nhận Đức Ngài là một vị Phật, nên nơi Ngài ở gọi là cửa Phật (Phạm Môn).

Câu 1: Phật dạy tùy Nguơn mà giáng trần cứu đời, độ người

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp đêm 14-12 Canh Dần, 1950.

hành Đạo đúng theo Pháp Chánh Truyền.

Câu 2: Cửa quyền định hội mà trừ tà, diệt mê, bảo hộ đúng Chơn Truyền Đạo Pháp.

Câu liễn trên phản ảnh đúng theo Pháp Chánh Truyền: "Hộ Pháp là người nắm cơ mầu nhiệm của Đạo, nắm luật của Đời, xử đoán chư Chức sắc Thiên Phong và cả Tín đồ, cùng xin ban thưởng: công thưởng, tội trừng nơi thế nầy... Người dùng hình phạt phàm cho giảm tội Thiêng Liêng, nắm cơ mầu nhiệm Công Bình mà đưa các chơn hồn vào Bát Quái Đài hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.[1]

II. VĂN THI CỦA ÁI DÂN PHẠM CÔNG TẮC

A- VĂN:

• PHƯƠNG TU ĐẠI ĐẠO:

Tác giả Ái Dân viết năm 1928. In lần thứ nhất 1969 do Hội Thánh Phước Thiện. In lần thứ hai cùng năm 1969 phân làm hai quyển.

- Quyển thứ nhứt: Phần Phát Đoan có viết: "Ai ai đã mang mảnh xác phàm nầy thì cũng tùng theo ba cái Luật Thiên nhiên là: Luật Đời, Luật Đạo và Luật Trời. Ba Luật tương tự, cũng phù hợp với Luật điều Tam Giáo".
- Luật Đời (Đời của Đạo) gồm có: phận anh, phận chị, phận em trai, phận làm cha.

Mỗi quyển chỉ có 32 trang.

• BÀI THUYẾT ĐẠO:

Gồm những Bài Thuyết Đạo từ năm 1946 đến 1955 của Đức Phạm Hộ Pháp do Ban Tốc Ký ghi chép và quay Ronéo:

- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp (Quyển I) In năm Canh Tuất (1970) gồm 134 trang.

Lời tựa của Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, kiêm Trưởng Ban Đạo Sử như sau: "Những lời Thuyết Đạo trong quyển sách

1-Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris, Gasnier 1952, trang 91.

nầy là lời vàng tiếng ngọc của Đức Hộ Pháp, một vị Giáo Chủ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một bậc vĩ nhân của thế hệ, nên Ủy Ban sưu tầm và biên tập được thành lập có Đức Thượng Sanh chấp thuận. Nay cuộc sưu tầm và biên tập đã có kết quả mỹ mãn, nên Ủy Ban đem ra ấn tống cho toàn Đạo thưởng thức".

- Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp (Quyển II), Ban Đạo Sử in năm 1973, gồm 175 trang, chủ yếu thuyết về "Quốc Đạo kim triêu thành Đại Đạo. Nam Phong thử nhựt biến Nhơn Phong".

- Quyển III, quyển IV/ 1974, quyển V: đều đã in xong.

• **NAM PHONG QUỐC ĐẠO** do nhóm Phụng Sự Đại Đạo ở Kiến Phong sưu tập trong những lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948, gồm 9 bài, 64 trang, in năm 1971.

• **BÍ PHÁP, CON ĐƯỜNG THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG** hai quyển nầy cũng nằm trong Chương Trình Thuyết Đạo 10 năm (1946-1955) của Đức Hộ Pháp.

Riêng quyển **"Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống"** gát những bài không phù hợp chuyên đề, còn lại 29 bài, dưới các Tiểu mục có chủ đề như sau:

1. Từ Hiệp Thiên Đài đến Cung Đạo.
2. Cung Thể Thiên Hành hóa.
3. Cung Thể Thiên Hành hóa (tiếp theo).
4. Bát Quái Đài.
5. Cung Tạo Hóa Thiên.
6. Diêu Trì Cung (Bát hồn).
7. Ngọc Hư Cung.
8. Hoa Hội.
9. Triết lý về tứ khổ.
10. Tôn giáo làm nhơn tâm bất nhứt.
11. Vấn nạn tín ngưỡng.
12. Luật Thương yêu, Quyền Công chánh.
13. Hiệp Thiên Hành Hóa, Bác ái Công Bình.
14. Tông đồ các Tôn Giáo.
15. Cung Diêu Trì, tiền kiếp Đức Phật Mẫu.

16. Người đẹp và con thú.
17. Ngọc Hư Cung – Nam Tào Bắc Đẩu.
18. Hiệp Thiên Hành Hóa, các Tông Đường.
19. Cung Phục Linh.
20. Cung Phục Linh, các Ngươn Đạo.
21. Cung Phục Linh, cơ Giải thoát.
22. Linh Tiêu Điện.
23. Linh Tiêu Điện (tiếp).
24. Cực Lạc Thế giới, Niết Bàn.
25. Cửu Thiên khai hóa.
26. Cõi Niết Bàn.
27. Giám khảo Kim Quan Sứ.
28. Cung Thượng Thiên Hỗn Ngươn.
29. Lôi Âm Tự, Bạch Ngọc Kinh.

• **TRÍ HUỆ CUNG**: do Phạm Môn in năm 1973, có 32 trang chủ yếu bài "Phương Luyện Kỷ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo" do Đức Hộ Pháp ký ban hành ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947) và 6 bài thuyết Đạo dạy về phép Tu Chơn.

B- THI:

• **THIÊN THAI KIẾN DIỆN**: do Đức Hộ Pháp viết từ năm 1927, bằng thể Thất ngôn Đường Luật, gồm 77 bài.
Nhà sách Minh Tâm xuất bản và phát hành năm 1964, có 24 trang. Sách gồm 2 phần:
- Thiên Thai kiến diện có 7 bài.
- Tam Thập lục Thiên ký bút có 70 bài mà bài thứ 74 như sau:

Bài 74

Dời ra hướng Bắc đặng xem qua,
Mới rõ Chánh kia chẳng nệ Tà.
Tà Chánh thế gian không biện biệt,
Chánh Tà tâm nội có đâu xa.
Khử Tà thân Chánh, Tà kiên Chánh,
Phụ Chánh cận Tà, Chánh biến Tà.
Người có chơn hồn, hồn ấy mất,
Muốn xem hí mắt ngó sao xa.

• THI TUYỂN:

Ai Điếu Ca Bảo Đạo.

Cõi Hạc anh đà tách cõi Tây,
Từ nhau oẳn oại gánh tình nầy.
Muôn lằn sóng thảm nơi trần tục,
Ngàn dặm bước nhàn tách gió mây.
Cõi thọ anh nương theo huệ bóng,
Thân phàm em trẻ chịu chia bầy.
Vui buồn sớt thảm ơn xưa tạc,
Càng nhớ càng sầu khó giải khuây.
19.10 Mậu Thìn (1927)

Dạo Đàn Cảm Tác.

(Của Bà Bát Nương, Ái Dân họa vận)
Năm âm mượn bực tỏ tơ lòng,
Đờn "bắc" ra "ai" oán đội song.
Tiếng thảm làm cơm tràn quá chén,
Hơi sầu dồn gối chất nên chồng.
Tranh Tần ghẹo khóc người Cung Lãnh,
Tỳ Hớn khêu đau khách ải đồng.
Nhạn lạc lìa cung đành lỗi nhịp,
Cậy lằn phong nguyệt nhắc duyên nồng.
(21.02.1929)

Người Tu Hành

Chẳng ham danh lợi chẳng mê trần,
Thạch động thanh nhàn thêm độ thân.
Biển Bắc mặc dầu con sóng bủa,
Non Nam chi quản đám mây vần.
Ngày ăn hai bữa nuôi Tinh huyết,
Đêm ngủ ba canh dưỡng Khí Thần.
Quyết đoán công phu thân vận động,
Đường Tiên, cửa Phật mới mong gần.
(1935).

Nhắn Bạn Quyền Giáo Tông.

Hồ lô anh để ở nơi đâu?

Ái quốc Việt Nam nghĩ bể đầu.
Cứu thế hồng ân chưa rãi khắp,
Nâng thuyền lòng nước vốn còn sâu.
Nhân tài nảy nở tuy trăm bụng,
Dân trí biến sanh bởi một đầu.
Ví nhướng mắt Tiên xem rõ trận,
Cuộc cờ thắng bại tận phao câu.
11.09 Bính Tuất (1946).

Thần Lý Ngưng Dương Du Nam.

Bầu linh gậy sắt quảy du Nam,
Nương bóng Từ bi đến cõi phàm.
Độ thế so đồng vầng nhật nguyệt,
Phục sinh đổ trọn giỏ hoa lam.
Nẻo Tiên lối cũ thân dầu toại,
Bợn tục đường xưa bước đã nhàn.
Bảy bạn ai còn nơi cõi thế,
Đông Du xin nhắc vụ ông Lam (Thể Hòa).
Đêm 12.10 Kỷ Sửu (1949).

Cảm Tác Vía Đức Quyền Giáo Tông

Nguyện vọng như anh đã thỏa rồi,
Cố tâm kế chí có thằng tôi.
Bầu linh gậy sắt ông an thế,
Chày Gián Xử Ma tớ giúp đời.
Vững tiến xa thơ già gắng đẩy,
Xuôi chèo Bát Nhã trẻ đua bơi.
Khuôn hồng trước thấy trời quang đãng,
Kế nghiệp mai sau vẫn có người.
(18.11.1954)

C- KINH:

Ngoài văn thi, Đức Phạm Hộ Pháp còn viết Kinh. Mười bài Kinh song thất lục bát in trong phần Kinh Thế Đạo, giọng Nam Xuân là: Kinh Thuyết Pháp, Kinh Nhập Hội, Kinh Xuất Hội, Kinh đi ra đường, Kinh khi đi về, Kinh khi đi ngủ, Kinh khi thức dậy, Kinh vào học, Kinh vào ăn cơm, Kinh khi ăn cơm rồi.

Tất cả mười bài đều làm theo thể song thất lục bát, chỉ có bài Kinh Nhập Hội là 6 vế, hầu hết đều 4 vế; chỉ trừ hai bài Kinh ăn cơm là hai vế mà thôi.
Mười bài đều xen nhiều chữ Hán và điển tích, đã được Hiền Tài Đặng Mỹ Lệ soạn thảo dưới nhan đề: "Giải nghĩa Kinh Thế Đạo".

D- VĂN TẾ:

Tiểu Tường Đức Quyền Giáo Tông
(Ngày 16.10 Ất Hợi)

Đoái Nam đãnh mây giăng,
Lượn Long Giang sóng bủa.
Hồn Linh điện đeo sầu trang Chí sĩ,
Tòa Cao Đài chưa lụy mặt anh hùng.
Nước Việt Thường ghi tạc mặt tài danh,
Nòi Hồng Lạc rọi truyền gương tiết nghĩa.
Phương độ thế dầu lỡ làng chưa mãn địa,
Phép hóa thân cũng mai mỉa đủ kinh Thiên.
Ba mươi năm lăn lộn cửa quyền,
Hay quan tiền vũ hậu,
Để tài tình ích nước lợi dân.
Trọn một đời người vinh diệu đai cân.
Thường suy cổ nghiệm kim,
Đủ trí thức an bang tế thế.
Sanh gặp lúc ruộng dâu hóa bể,
Phong di tục diệt,
Nhìn nước non tha thiết tấm trung thành.
Ở phải hồi đĩ Lữ diệt Đinh,
Hiền vong ác thạnh.
Tìm không môn, xa lánh cửa công khanh,

Nhưng mà:
Toan cỡi lao ẩn dật chốn non xanh.
Thương chủng tộc lao đao vòng tử xích,
Chuông cảnh tỉnh rán khua đêm tịch mịch,
Trống chiều già gượng khích bóng trời mơi.

Trút bầu linh đổ Cam Lồ rưới nơi nơi,
Đưa gậy sắt dẹp sầu than cùng chốn chốn.
Qui tâm lý đem nhơn sanh về một bổn,
Lấy Thiên lương làm thiên hạ hiệp trăm nhà.
Cầm cờ Tang *(Nhan Uyên Kỳ)* cầu Vạn Quốc dẹp can qua.
Đưa gươm huệ khuyên giống nòi thôi loạn lạc.
Mang Thiên mạng Chí Tôn phú thác.
Độ quần linh giải thoát trầm luân.
Bố hồng oai Hội Thánh gội nhuần,
Dắt nhơn loại lánh thân ác Đạo.
Thuyền Bát Nhã chở đầy khổ não,
Liền trở lui Bồng Đảo bến xưa.
Chử Thiền lâm im tịnh mây mưa,
Vội rào chặt Tây phương nẽo cũ.

Anh Cả ơi !
Này sự nghiệp nhà Nam đầy nghĩa vụ,
Anh lòng nào bỏ phú cho đám em khờ?
Kìa giang san đất Việt những cơ đồ,
Anh sao nỡ nấy giao cho đàn em dại?
Nhìn dấu bước ưu chơn nơi hồ hải,
Giục nhớ người nặng quảy gánh đồ thơ.
Nghe chày kình khua tiếng chốn Đền Thờ,
Giục nhớ khách dõi khai đường Tận độ.
Ngôi còn đó, vị còn đó, Đạo còn đó, đời còn đó,
Nhà ở đây, vợ ở đây, con ở đây, bạn ở đây,
Anh sao nỡ vui miền Cực lạc!
Hay là giận nhơn tình tráo chác?
Bến Ngân Hà tắm mát tâm hồn.
Hay là hờn thế sự dại khôn,
Vào Bát Quái bảo tồn tri giác.
Vài tuần rượu lạt,
Ít chén cơm chay.
Hỡi ơi! Thương thay!
Linh thiêng chứng chiếu.

(Đức Hộ Pháp đọc tại Đại Đồng Xã)

* ĐỨC HỘ PHÁP GIÁNG CƠ

Đạo Nghị Định thứ tám của Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp lập vào ngày 15.07 Giáp Tuất (1934) có nói về Chi Phái. Năm 1957, đàn Cơ tại Cung Đạo đêm 17.10 Đinh Dậu, Đức Lý Giáo Tông giáng dạy:

"Chư Hiền hữu Hiệp Thiên Đài! Về Đạo Nghị Định của Lão đối với Chi phái là phương pháp lúc trước để Phổ Độ nhơn sanh mà thôi. Hiện giờ cửa Đạo đã mở rộng, thì cơ qui nhất thế nào cũng sẽ thực hiện được".



Mặt khác, Đàn Cơ tại Giáo Tông Đường đêm 10 tháng 4 năm Giáp Thìn (1964), Đức Hộ Pháp giáng dạy:

"Ngày giờ gần đến, nên Bần Đạo để lời khuyên cả Chức sắc và toàn Đạo rán thế nào thống nhứt Đạo cho được, mới có đủ sức mạnh để làm gương cho vạn quốc".

Đêm mùng 4 tháng 7 Kỷ Dậu (16.08.1969). tại Giáo Tông

Đường có đủ mặt Đức Thượng Sanh và các Chức sắc cao cấp, Đức Hộ Pháp giáng dạy:

Kính chào Hiền Tỷ Đầu Sư, bạn Thượng Sanh, chư Hiền hữu Hiến Pháp, Hiến Đạo, Khai Đạo và các em Hiệp Thiên, Cửu Trùng.

"Bần Đạo rất vui mừng về việc hội ngộ hôm nay của chúng ta. Bần Đạo tin rằng các bạn có việc gì hay muốn tỏ bày. Vậy bạn Thượng Sanh khá cho biết..."
" Cười! Cũng là việc hữu hình nữa, nếu các bạn đã để trọn tâm chí vào việc ấy (Quy Điều Ban Thế Đạo) mà tu chỉnh thì hay thêm, chớ có sao. Vậy Bần Đạo chấp thuận…"
"Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bần Đạo về việc tuyển chọn Chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài, thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo. Đức Lý sẽ đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự cho có hiệu lực hơn".

Đêm 10 tháng 03 năm 1971, tại Thánh Thất Nam Thành (Sài gòn), Đức Hộ Pháp giáng Cơ dạy Đạo:
"Hoa mai nào không trổ vào mùa Đông? Người sứ mạng ưu thế nào không trổ mặt lúc thế sự loạn ly, nhơn tâm tán loạn?."

"Cái đau đớn nhất của tình cốt nhục là tự cắt tay nhau cho thành người tàn phế. Đạo có sáng chói nơi mọi người, thì xã hội đời mới an."

"Sống dưới Thánh Đường uy nghiêm, đọc thuộc làu từ câu văn Đạo Luật, Thánh Ngôn, cũng chưa chắc hiểu trọn vẹn Cao Đài chủ nghĩa. Câu văn chỉ là hình thức, phương tiện vẽ nên chơn lý Đạo Pháp, chớ không là Đạo Pháp. Thánh Đường ngoại thể đã huy hoàng, thì Thánh Đường nội tâm sẽ sáng chói."

"Thế cuộc đã mở màn. Cơ Trời đang vận chuyển. Bần Đạo muốn nói với chư Hiền là đừng nghĩ tới, đừng bàn tới cái gì về phân hóa, cái gì về thống nhất, duy nhất hay hiệp nhất nữa, mà phải chấp nhận tất cả. Bao nhiêu kinh nghiệm đã thấy rồi. Hãy siết chặt tay nhau, tìm những giải pháp để làm chung một lối về cho tất cả các con cái của Đức Chí Tôn…".

III. LƯỢC SỬ CHÂN DUNG ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

A. PHẦN ĐỜI:

1)- Thời Thanh Thiếu Niên.

- Phạm Công Tắc (1890-1959), tự Ái Dân, sanh vào tiết Đoan Ngọ năm Canh Dần, tại làng Bình Lập (Long An).
- Học chữ Quốc ngữ, chữ Nho, rồi vào Trường Chasseloup Laubat (Sàigòn).

2)- Đường Đời.

- 1916: làm Thơ Ký sở Thương Chánh, rồi đổi đi Cái Nhum (Hậu Giang).
- 1917: lập gia đình với Bà Nguyễn thị Nhiều, sinh được ba người con: 1 trai, 2 gái.

3)- Tám Đức Tính:

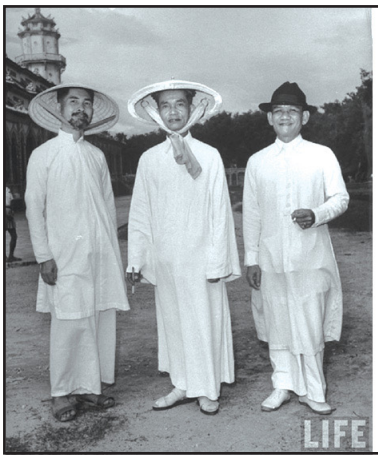
1. Hy sinh thân thế và chịu đựng tù đày mưu tìm hạnh phúc cho nhơn sanh.
2. Hành động tích cực và tận tâm.
3. Óc sáng tạo huyền bí.
4. Chịu nỗi thống khổ và oan nghiệt của một con người.
5. Người của bình dân.
6. Có hấp lực mãnh liệt.
7. Công Bình và chính trực.
8. Từ Bi, khoan hồng và đại độ.

B. PHẦN ĐẠO:

1)- Tiền Khai Đạo.

Ất Sửu:

- Ngày 5.06 Ất Sửu (25.07.1925): Ông Phạm Công Tắc Xây Bàn lần đầu tiên tại nhà ông Cao Hoài Sang, cạnh Chợ Thái bình (Sàigòn) với ông Cao Quỳnh Cư.
- Ngày 10.06 Ất Sửu (30.07.1925): Nhóm Cao Phạm gặp tiếp xúc Đấng A, Ă, Â tức Đức Chí Tôn, dạy Đạo.
- Ngày 15.08 Ất Sửu (02.10.1925): Hội Yến Diêu Trì Cung lần





đầu tiên tại nhà ông Cao Quỳnh Cư. Bắt đầu dùng Đại Ngọc Cơ lần thứ nhứt.

- Ngày 03.09 Ất Sửu (20.10.1925): nhóm Cao Phạm được Bà Cửu Thiên Huyền Nữ dạy tu Tâm dưỡng Tánh.
- Ngày 30.10 Ất Sửu (15.12.1925): Đức A, Ă, Â dạy tam vị vọng Thiên Cầu Đạo vào ngày mùng 1 tháng sau.
- Ngày 1.11 Ất Sửu (16.12.1925): Tam vị Thiên Sứ Cầu Đạo.
- Ngày 16.11 Ất Sửu (31.12.1925): Đức Cao Đài xác nhận chính Ngài đã Tá danh A, Ă, Â.
- Ngày 19 tháng 11 Ất Sửu (03.01.1926): Đức Cao Đài dạy thủ Cơ chấp bút, triết lý Thiên Nhơn Hợp Nhứt trong Cơ bút.
- Ngày 01.12 Ất Sửu (14.01.1926): Đức Cao Đài dạy cặp Cơ Cư Tắc về Nội Giáo Tâm Truyền (Tu Tịnh).
- Ngày 05.12. Ất Sửu (18.01.1926): Cặp Cơ Cư Tắc được lịnh Đức Cao Đài lập Đàn tại nhà ông Lê văn Trung.
- Ngày 18.12 Ất Sửu (31.01.1926), Đức Cao Đài dạy ông Phạm Công Tắc hãy ngừng việc đời ngoài xã hội để lo việc Đạo.
- Ngày 20.12 Ất Sửu (02.02.1926): Cặp Cơ Cư Tắc độ Chủ Quận Cần Giuộc Nguyễn Ngọc Tương.
- Ngày 30.12 Ất Sửu (12.02.1926): Nhân đêm Giao Thừa, cặp Cơ Cư Tắc đi với ông Ngô văn Chiêu đến nhà bạn Đạo chúc Xuân. Mỗi nhà đều được Đức Cao Đài ban cho bốn câu thơ.

Bính Dần:

- Ngày 08.01 Bính Dần (20.02.1926): Đức Chí Tôn dạy: "Thầy là các con, các con là Thầy".
- Ngày 09.01 Bính Dần (21.02.1926): Lễ Vía Đức Chí Tôn lần đầu tiên tại nhà ông Vương Quan Kỳ và 13 vị Môn đệ đầu tiên được điểm danh.
- Ngày 13.01 Bính Dần (25.02.1926): Đức Chí Tôn giải thích việc thờ Thiên Nhãn, cách niệm danh Cao Đài Tiên Ông, cách bắt ấn Tý, cách lạy và cách dâng Tam Bửu tại nhà ông Cao Quỳnh Cư.
- Ngày 26.02 Bính Dần (08.04.1926): Đức Chí Tôn giải nghĩa tuyên ngữ Tam Kỳ Phổ Độ, kêu ông Lê văn Lịch đem Bửu Pháp ra cứu chúng sanh, tức không được dấu kín Thiền định trong nghĩa "Đại Ẩn Xá".
- Ngày 11.03 Bính Dần (22.04.1926): Đức Chí Tôn dạy sắp xếp bốn ghế dành cho Giáo Tông và ba vị Đầu Sư tại nhà ông Lê văn Trung. Lập bàn Ngũ Lôi để Chức sắc lập thệ khi lãnh sứ mạng và Tín đồ lập thệ khi Nhập môn vào Đạo.
- Ngày 13.03 Bính Dần (24.04.1926): Đức Chí Tôn dạy về Ngũ Chi Đại Đạo và việc Qui Nguyên Phục Nhứt - Ông Ngô văn Chiêu tách rời khỏi nhóm Cao Phạm.
- Ngày 14.03 Bính Dần (25.04.1926): Đức Chí Tôn dạy lập Bàn thờ Vi Hộ Pháp để các Chức sắc lập thệ.
- Ngày 15.03 Bính Dần (26.04.1926): Lễ Thiên Phong đầu tiên gồm có Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, Thượng Sanh Cao Hoài Sang. Vì ông Ngô văn Chiêu tách rời khỏi nhóm Phổ Độ, nên Đức Chí Tôn chưa hề phong ông làm Giáo Tông. Ai gọi ông Chiêu là Giáo Tông, thứ nhứt là sai về Chơn Truyền Vô vi và Giáo luật.
- Ngày 08.06 Bính Dần (17.07.1926): Đức Chí Tôn dạy tổ chức Nữ phái, dạy về Tân Pháp trường trai, thập trai, hiệp Tinh Khí Thần.
- Ngày 13.06 Bính Dần (22.07.1926): Đức Cao Đài dạy về Khí Hư Vô và Đạo: "Khí Hư vô sanh có mình Thầy "….". Nếu

không Thầy, thì không có chi trong Càn Khôn Thế giới" và Đạo sanh ra Phật, Tiên, Thánh.
- Ngày 02.07 Bính Dần (09.08.1926): Đức Chí Tôn khai Tịch Đạo Nam phái "Thanh Đạo tam khai thất ức niên".
- Ngày 01.08 Bính Dần (07.09.1926): Đức Cao Đài dạy đất Tây Ninh là Thánh Địa, phải lập Tòa Thánh ở Tây Ninh, lo Phổ Độ Nam Kỳ trước rồi ra Trung và Bắc.
- Ngày 12.08 Bính Dần (18.09.1926): Đức Chí Tôn cho biết Đạo Cao Đài sẽ là Quốc Đạo.
- Ngày 16.08 Bính Dần (22.09.1926): Đức Chí Tôn giao việc lập TÂN LUẬT cho ba vị Chưởng Pháp: Nguyễn văn Tương, Như Nhãn Nguyễn văn Tường và Lão Sư Trần văn Thụ.
- Ngày 21.08 Bính Dần (27.09.1926): Tại Thánh Thất Từ Lâm (Gò Kén) Thầy dạy: "Nhạc Lễ là phép nhà Nam. Thầy muốn giữ sao cho trọn vẹn".
- Ngày 28.08 Bính Dần (04.10.1926): Đức Chí Tôn chọn trong Kỳ Ba Phổ Độ này: "Nhứt Phật, tam Tiên, tam thập lục Thánh, thất thập nhị Hiền và tam thiên Đồ đệ".
- Ngày 01.09 Bính Dần (07.10.1926): Ngày khai Tịch Đạo với Chánh Phủ Thuộc địa, đơn gởi đến Thống Đốc Nam Kỳ, Le Fol.

2)- Thời Kỳ Khai Nguyên Đạo.

- Ngày 15.10 Bính Dần (18.11.1926): Chánh thức Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm (Gò Kén - Tây Ninh). Đức Chí Tôn cho hai câu liễn trước các Thánh Thất, lập Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, tuyển phong Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, lập Tịch Đạo Nữ phái.
- Ngày 20.02 Đinh Mão (23.03.1927): Dời Thánh Tượng về Chùa mới ở làng Long Thành tức khuôn viên Tòa Thánh ngày nay vì Hòa Thượng Như Nhãn đòi chùa Từ Lâm lại.
- Tháng 04 Đinh Mão (tháng 05.1927): Thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo ở Nam Vang. Thiên Phong đầu tiên cho Hội Thánh Ngoại Giáo vào đêm 27.07.1927 mà Tiếp Đạo Cao Đức Trọng được phong trong Đàn nầy.
- Ngày 16.10 Mậu Thìn (17.11.1928): Bà Bát Nương chỉ cách

phá phép ếm Long Tuyền Kiếm cho Đức Hộ Pháp.

3)- Thời Kỳ Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài.

- Ngày 03.10 Canh Ngọ (22.11.1930): Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp lập 06 Đạo Nghị Định và ban hành ngày 15.10 năm Canh Ngọ.
- Ngày 15.07 Giáp Tuất (25.08.1934): Ban hành thêm hai Đạo Nghị Định gọi chung là Bát Đạo Nghị Định.
- Ngày 21.01 Nhâm Thân (17.02.1932): Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp ban hành Ba Hội Lập Quyền Vạn linh gồm có: Thượng Hội, Hội Thánh và Hội Nhơn sanh.
- Ngày 23.07 đến ngày 04.08 năm Ất Hợi (21 đến 31.08.1935): Các Đấng giáng cho Tân Kinh.

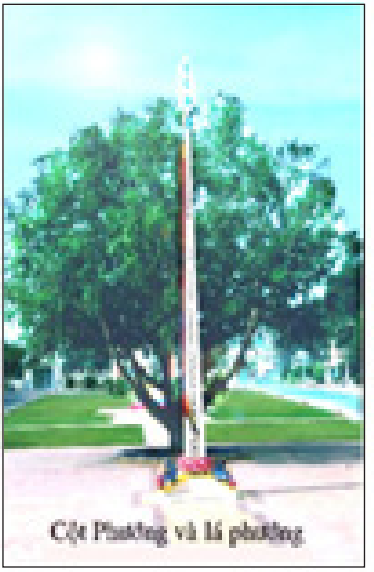
4)- Thời Kỳ Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.

- Ngày 17.10 Ất Hợi (08.11.1935): Hội Nhơn sanh biểu quyết như vầy: "Đồng lòng bỏ thăm tín nhiệm chính sách độc tài của Đức Hộ Pháp".
- Ngày 18.10 Ất Hợi (09.11.1935): Hội Thánh Cao Đài cũng biểu quyết như trên. Từ đó Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.
- Ngày 01.11 Bính Tý (14.12.1936): Đức Hộ Pháp tái khởi công xây dựng Đền Thánh và Khánh Thành từ ngày 06 đến 16 tháng Giêng năm Ất Mùi (29.01 đến 08.02.1955).
- Tháng 11.1937, Đức Hộ Pháp trả lời chất vấn của Chủ Tịch Ủy Ban Điều Tra các Thuộc địa Hải ngoại.
- Ngày 04.06 Tân Tỵ (1941), lính Mật thám Pháp vào Hộ Pháp Đường bắt Đức Hộ Pháp đưa đi an trí tại Di Linh (Lâm Đồng), Sơn La (Bắc Việt) rồi đưa về Sàigòn.
- Ngày 03.07 Tân Tỵ (27.07.1941), Đức Hộ Pháp và 05 vị Chức sắc bị đưa xuống tàu Compiège ở cảng Nhà Rồng sang cảng Diego Suarez, miền Bắc đảo Madagascar.
- Ngày 30.08.1946 (mùng 04 tháng 08 Bính Tuất) Đức Hộ Pháp được trả tự do về Tòa Thánh Tây Ninh, sau 05 năm 02 tháng bị tù đày.
- Ngày 14.01 Đinh Hợi (1947), Đức Hộ Pháp ban hành Đạo

Lịnh 209, chỉ dẫn về "Phương Luyện Kỷ đặng vào con đường thứ ba Đại Đạo".
- Ngày 27.05 Canh Dần (11.07.1950) theo Thánh Lịnh số 302, chư Chức sắc phái Tiên Thiên được phong vào hàng Chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh gồm 02 Phối Sư, 06 Giáo Sư, 26 Giáo Hữu và 53 Lễ Sanh.
- Ngày 18.10.1950, Đức Hộ Pháp đi Hà Nội kêu gọi các Tôn giáo, Đảng phái đoàn kết và thăm đồng bào Cao Đài miền Bắc.
- Ngày 10 tháng 07 Quí Tỵ (18.08.1953), Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm trao Huân chương cho Thầy Trần văn Giảng. Đức Hộ Pháp cũng tặng Thầy cũ danh hiệu "Linh Sơn Phu Tử".
- Ngày 17.04 Giáp Ngọ (19.05.1954), đáp lời mời của Quốc Trưởng Bảo Đại, Đức Hộ Pháp sang Pháp Cố vấn hoạch định chương trình Hội nghị Génève.
- Ngày 20.07 Giáp Ngọ (18.08.1954), Đức Hộ Pháp thăm xã giao các Tổng Thống Tưởng Giới Thạch (Đài Loan), Lý Thừa Vãn (Đại Hàn) và sang Nhật rước di cốt Kỳ Ngoại Hầu Cường Để.

5)- Triều Thiên Trên Đất Chùa Tháp (Nam Vang).

- Ngày 20.08 Ất Mùi (1955), Ban Thanh Trừng của Nguyễn Thành Phương bao vây Hộ Pháp Đường đến ngày 05.01 Bính Thân.
- Ngày 05.01 Bính Thân (1956), Đức Hộ Pháp tự lưu vong sang Cao Miên.
- Ngày 26.03.1956, Đức Hộ Pháp ban hành "CHÁNH SÁCH HÒA BÌNH CHUNG SỐNG: Do dân, Phục vụ dân, Lập quyền Dân".
- Ngày 28.03.1956, Đức Hộ Pháp gởi thư cho Lãnh đạo hai Miền Nam Bắc Việt Nam.
- Ngày 14.04.1959, Đức Hộ Pháp lập Bản Di Ngôn gởi Hoàng Thân Norodom Sihanook.
- Ngày 15-05-1959 (10-04 Kỷ Hợi) Đức Hộ Pháp Triều Thiên tại Thánh Thát Toul-Swey-Prey, Thủ đô Nam Vang, Cao Miên.



Cột Phướng và lá phướng



THƯ MỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Arschot Ph. - Le Caodaisme, Message d'Extrême Orient. Năm thứ hai, 1972, số 6 (trang 419 -430), số 8 (603-609), số 9 (715-718).

2. Bernadini P. - Le Caodaisme au Cambodge (Luận án Tiến sĩ đệ Tam cấp). Đại Học Paris VII, 1974, 451 trang.

3. Bửu Chơn - Cao Đài đối với người cầm vận mệnh Dân tộc. Sàigòn, Đại Đạo Nguyệt San số 10 (06.1965).

4. Cao Hoài Sang - Lễ Kỷ niệm Đức Hộ Pháp. Sàigòn ĐĐNS số 54, 1964.

5. Castella Y. - Le Spiritisme (Le Caodaisme trang 78-83), Paris, que sais je? 1959, 128 trang.

6. Cendrieux J. - Une Jérusalem Nouvelle. Qu'est ce qu'au juste le Caodaisme, quatrième Religion indochinoise. Extrême Asie (Revue Indochinoise) số 25 (07.1928), trang 33-37.

7. Chiếu Minh - Đại Thừa Chơn giáo. Gia Định, Trước Tiết Tàng Thơ 1956.

8. Cồ Việt Tử - Tại sao Hộ Pháp Phạm Công Tắc bị Pháp đày? Cao Đài có làm chính trị không? Sàigòn Đại Chúng, số 117-120 (14.01 đến 24.01.1961).

9. Gobron G. - Histoire et Philosophie du Caodaisme, Paris, Dervy 1949. Histoire and Philosophy of Caidaism. Phạm Xuân Thái dịch, Sàigòn Tứ Hải 1950, 188 trang.

10. Gobron Marg Gab - Le Caodaisme en images. Paris, Dervy 1949 - Gouvernement de l'Indochine Francais, quyển VII, Le Caodaisme, Hà Nội 1934.

11. Hà Bá Sanh - Nam Bộ trong cuộc thử thách đầu tiên. Sàigòn Điện Báo, Bộ mới, Năm thứ 2, số ngày 12.08.1948 trở đi.

12. Hành Sơn - Tôn giáo Cao Đài và Chính trị. Sàigòn, Nhân ngày 04.07.1946 - Gương xuất xử của Đạo Trưởng Cao Triều

Phát, Sàigòn. Cao Đài Giáo Lý số 81 (1973), trang 33-39.
13. Hồ Tấn Khoa - Chuyến đi Lịch sử, Tây Ninh, Thông tin số 21, 22 và 23 năm 1971.
14. Hồ Tấn Khoa - Cuộc Âu Du của Đức Hộ Pháp, Tây Ninh, Thế Đạo 1971.
15. Hội Thánh Bến Tre - Tiểu sử Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương. Bến Tre 1958 - Châu Tri chỉnh Đạo (1934-1936) - Châu Tri hành Đạo ở Tây Ninh (1927-1934).
16. Hội Thánh Tây Ninh - Ba Hội lập quyền Vạn Linh. Tây Ninh 1960.
17. Hội Thánh Tây Ninh - Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài 1932. Tây Ninh, 1972.
18. Hội Thánh Tây Ninh - Kinh Lễ. Paris. Gasnier, 1952.
19. Hội Thánh Tây Ninh - Le Caodaisme. Tây Ninh, Troupes Caodaistes 1940. La Constitution religieuse du Caodaisme, Paris Dervy, 1953.
20. Hội Thánh Tây Ninh - Lễ giao lãnh Đền Thờ Đức Chí Tôn. Tây Ninh 1971.
21. Hội Thánh Tây Ninh - Tân Luật, Pháp Chánh Truyền. Paris, Gasnier 1952, 176 trang.
22. Hội Thánh Tây Ninh - Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tây Ninh quyển I, (1964), quyển II (1966).
23. Hội Thánh Tây Ninh - Tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Tây Ninh 1954.
24. Hồng Lĩnh - Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Sàigòn, Phương Đông số 479 - 481 (10.1973).
25. Hoài Nhân - Bốn mươi năm Lịch sử Cao Đài (1926-1966). Biên Hòa 1966.
26. Huỳnh Minh - Tây Ninh xưa và nay. Saigòn 1972.
27. J.J. - Un mouvement religieux au Vietnam "Le Caodaisme". Saigon, Sud - Est, số 11 (05.1950) trang 21-27.
28. La Lauriette et Vilmont - Le Caodaisme, Rapport du Service des Affaires Politiques et Administratives de Cochinchine, Saigon 1933.

29. Lê Thiện Phước - Tìm hiểu hiện tình Tòa Thánh Tây Ninh. Saigon. Ngày Mới, số 36-40 (06.12.1961 đến 10.01.1962).
30. Lê văn Trung - Caodaisme, Boudhisme rénové. Sàigòn, Thái Hòa, 1931.
31. Lương văn Bồi - Tu thành, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Saigon 1961, 99 trang.
32. Meillon Gustave - Le Caodaisme (In trong Les Messages Spirites). Tây Ninh 1962.
33. Minh Chơn Đạo - Lịch sử Quan Phủ Ngô văn Chiêu. Sàigòn 1962.
34. Minh Hiền - Sự nghiệp của Đức Hộ Pháp. Tây Ninh, Hòa Bình số 5, 1969
35. Minh Lý Đạo - Kinh Nhựt Tụng, Sàigòn, Tam Tông Miếu 1927, 85 trang.
36. Nguyễn Long Thành - Danh hiệu và Tiêu chuẩn Lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Khảo Cứu Vụ 1974.
37. Nguyễn Long Thành - Đức Hộ Pháp và đường lối chính trị. Tây Ninh, Thế Đạo Xuân 1973.
38. Nguyễn Long Thành - The Path of a Caodai Disciple, Tây Ninh 1970.
39. Nguyễn Lương Hưng - Vài nhận định về Cao Đài Giáo. Sàigòn, ĐĐNS số 3-1964.
40. Nguyễn Đăng Thục - Cao Đài Giáo với ý thức hệ Dân Tộc. Sàigòn. Nguyệt San Đặc Biệt 1964.
41. Nguyễn Đăng Thục - Thiền Tông học với vấn đề đồng nguyên Tam Giáo. Sàigòn số 9-1965.
42. Nguyễn Đăng Thục - Triết lý Bình dân với xã hội nông nghiệp. Sàigòn, Nhân Sinh số 1, 2, 3 năm 1964.
43. Nguyễn Đăng Thục - Ý thức hệ cho Xã hội khai phóng. Sàigòn, ĐĐNS số 3, 1964.
44. Nguyễn Thành Phương - Diễn văn Quốc Gia hóa Quân đội Cao Đài, Sàigòn Thắng, năm thứ VIII, Bộ Mới, số 12 (30.04.1955) trang 2, 9, 16.
45. Nguyễn Thế Phương - Trạng sư Trịnh Đình Thảo bày tỏ

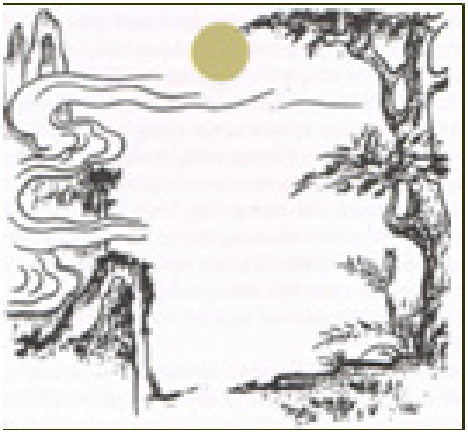
Tôn chỉ Đạo Cao Đài, Sàigòn, Đại Đạo số 01 ngày 01.08.1945, trang 19-26.
46. Nguyễn Thị Hiếu - Đạo Sử Xây Bàn. Tây Ninh 1967. Đạo Sử I, II năm 1968.
47. Nguyễn Trần Huân - Histoire d'une secte religieuse au Vietnam. Paris ed. Anthropos, 1971, 194 trang.
48. Nguyễn Trung Hậu - Đại Đạo Căn Nguyên, Sàigòn 1930. A short history of Caodaism. Tourane 1956.
49. Nguyễn Trung Ngôn - Vía Đức Hộ Pháp. Saigon. Tiếng Việt số 147-1969.
50. Nguyễn văn Sâm - Tín ngưỡng Việt Nam (Cận đại và hiện đại) giảng khóa. Sàigòn, Đại học Văn Khoa 1973.
51. Nguyễn văn Tâm- Le Caodaisme et les Hòa Hảo, confe'-rences d'information sur l'Indochine, 14.11.1945. Sàigòn. 1949.
52. Nguyễn văn Trương - Đại Đồng Tôn giáo là gì? Sàigòn, ĐĐNS số 04.05.1964.
53. Đồng Tân - Lịch sử Đạo Cao Đài (quyển II). Sàigòn, Cao Hiên 1972.
54. Phạm Công Tắc - Con đường Hoà Bình Chơn thực. Sàigòn 1966.
55. Phạm Công Tắc - Lời thuyết Đạo năm 1946, 1947, 1948. Tây Ninh 1970-1973.
56. Phạm Công Tắc - Lời thuyết Đạo năm 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955. Tây Ninh, Ronéo 1966.
57. Phạm Công Tắc - Nam Phong Quốc Đạo. Kiến Phong 1971.
58. Phan Khoang - Tinh thần chung của Dân tộc Việt Nam. Sàigòn Nguyệt San số 05-1964.
59. Phan Trường Mạnh - Qu'est ce que le Caodaisme? Saigon, éd. Phan Trường 1949.
60. Phan văn Tân - Lịch sử Cơ bút Đạo Cao Đài. Sàigòn, Hồn Quê 1967, 58 trang.
61. Phan xuân Hòa - Lịch sử Việt Nam hiện kim (1954-1956). Sàigòn 1957, 317 trang.

62. Pononti J.C. - Nhận xét về Đạo Cao Đài. Sàigòn. Nguyễn Lộc Thọ dịch. Tây Ninh, Hòa Bình số 07-1970, trang 28-30.
63. Regnault Henri - Caodaisme et réincarnation, Paris 1951.
64. Regnault Henri - Comment réaliser l'universallisme religieux, Paris 1951.
65. Raymond G. - Cảnh u buồn của Tòa Thánh Vatican Việt Nam. Tạp chí Illustration số 4748 (3.03.1934).
66. Sainteny Jean - Histoire une paix manquée. Paris, Amiot Dumont, 1953.
67. Smith R.B. - An introduction to Caodaism: I - Origins and early history (trang 335-349) quyển XXXIII, tập 2, 1970; II - Beliefs and organisations (trang 573-589), quyển XXXIII, tập 3, 1970. Bulletin of the School of Oriental and Affrican Studies University of London.
68. Sơn Nam - Thiên Địa Hội và Cuộc Minh Tân. Sàigòn, Phù Sa 1971, 297 trang.
69. Tạ Chí Đại Trường - Vị trí của Đại Việt trong lịch sử Việt Nam. Sàigòn, Quỳnh Lâm 1972.
70. Thái Chân - Thử tìm một Triết học Cao Đài. Sàigòn Nguyệt San số 2, 1964 và kế tiếp.
71. Thái Nguyên - Phan Bội Châu. Sàigòn, Tân Việt 1956.
72. Thái Nguyên - Phan Chu Trinh. Sàigòn, Tân Việt 1956.
73. Thái văn Kiểm - Đất Việt trời Nam. Sàigòn, Nguồn Sống 1960.
74. Thiền Giang - Lược Thuật Tòa Thánh Tây Ninh. Tây Ninh, Minh Tâm 1963.
75. Toan Ánh - Tôn giáo Việt Nam. Sàigòn, Hoa Đăng 1964.
76. Trần Duy Nghĩa - Nền Tảng Chánh Trị Đạo. Tây Ninh, Hiển Trung 1948.
77. Trần Quang Thuận - Tư tưởng Chính Trị trong Triết học Khổng Giáo. Sàigòn, Thư Lâm ấn quán 1961, 28 trang.
78. Trần Quang Vinh - Lịch sử Đạo Cao Đài (1926-1940), Tây Ninh 1972.

79. Trần Quang Vinh - Lịch sử Đạo Cao Đài thời kỳ Phục quốc (1941-1946), Tây Ninh 1967.
80. Trần Tấn Quốc - Hòa bình 1954. Sàigòn Điện Tín từ số 900-960 (tháng 7 và 9 năm 1974).
81. Trần Trọng Kim - Việt Nam Sử Lược. Sàigòn, Tân Việt 1968 - Nho Giáo. Sàigòn, Tân Việt 1958.
82. Trần văn Quế - Cao Đài Sơ Giải. Sàigòn, Thanh Hương 1963.
83. Trần văn Quế - Lý do bành trướng mau lẹ của Cao Đài. Sàigòn, ĐĐNS số 4-1964.
84. Trần văn Quế - Đạo Cao Đài trong đời sống Quốc Gia. Sàigòn, Nguyệt San số 3 năm 1964.
85. Trần văn Quế - Vai trò của các Tôn giáo trước sự khủng hoảng tinh thần hiện nay của toàn cầu. Sàigòn, ĐĐNS số-1964.
86. Trần văn Rạng - Đại Đạo Danh Nhân, 1971.
87. Trần văn Rạng - Đại Đạo Sử Cương I, II, III năm 1970-1972.
88. Trần văn Rạng - Cao Đài Giáo trong Quốc Sử. Tiểu Luận Cao học Sử, Đại Học Văn Khoa Sàigòn 1974.
89. Trần văn Rạng - Tam Giáo Triết Học Sử Yếu Lược. Tây Ninh, 1970.
90. Trần văn Rạng - Tam Thánh Bạch Vân Động, 1972.
91. Trần văn Rạng - Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, 1973.
92. Trần văn Tuyên - Hội nghị Genève 1954 (Hồi Ký). Sàigòn. Chim Đàn 1964, 143 trang.
93. Tráng Liệt - Cuộc đời Cách mạng của Cường Để. Sàigòn 1957.
94. Vô Danh - Âm mưu của Diệm để đàn áp Cao Đài. Sàigòn Buổi Sáng, số 1555, ngày 20.11.1963.
95. Vô Danh - Cao Đài Influence in Tây Ninh has been great (trong bài Garden of the Elephant). Hurricane, số 6 (April 1968) trang 18-21.
96. Vô Danh - Cao Đài sẽ đóng vai chính trị. Sàigòn, Báo chí số 497, ngày 18.11.1963.

97. Vô Danh - Caodaisme ou Boudhisme Rénové. Sàigòn, Imp Bảo Tồn, 1949, 52 trang.
98. Vô Danh - Diệm ra lệnh triệt hạ Quả Càn Khôn. Sàigòn. Thời Báo số 3, ngày 21.11.1963.
99. Vô Danh - Histoire sommaire du Caodaisme. Đà Nẳng, Trung Hưng Bửu Tòa, 1956, 106 trang.
100. Vô Danh - Lý do ông Cao Hoài Sang thay thế ông Phạm Công Tắc. Sàigòn. Báo Mới, số 498, ngày 19.11.1963.
101. Vô Danh - Đạo Cao Đài với nền văn hóa Việt Nam. Sàigòn Hành Đạo, số 6, tháng 05-1963.
102. Vô Danh - Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc với những thăng trầm của Lịch sử. Sàigòn. Hoà Bình, số 127, ngày 21.02.1967.
103. Vô Danh - Thánh Mẫu Fatimat đồng hóa với Phật Mẫu Cao Đài. Sàigòn Trắng Đen, năm thứ 7, số 2024, ngày 04.02.1974.
104. Vô Danh - Tìm hiểu Cao Đài Giáo. Minh Tân số 27.

HẾT



PHỤ CHÚ

*** KÍNH CÁO:**

Quyển sách "**Chân Dung Đức Hộ Pháp**" được tái bản theo nguyên tác được Hội Thánh kiểm duyệt năm 1974. Về sau nầy, tác giả có sưu tầm bổ cứu thêm và chỉnh sửa một số đoạn văn do sai sót khi đánh máy hoặc do kỹ thuật in ấn…
Xét thấy một số nội dung bổ sung có ý nghĩa và có giá trị về mặt Đạo sử, có thể giúp đọc giả hiểu thêm về công đức vô lượng của Đức Ngài nên chúng tôi mạo muội đưa vào Phần Phụ Chú nầy để xin tùy nghi tham khảo.

I- Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài.
(Bổ sung Chương VI: Vai Trò Đức Hộ Pháp trong Thể Pháp và Bí Pháp)

Cuối năm 1949, do ảnh hưởng chiến tranh, nhiều gia đình di cư về Tòa Thánh đem theo con cái vô nghề rỗi công. Trước hoàn cảnh khó khăn đó, Giáo sư Hồ Thái Bạch (Hiền Tài) được Đức Hộ Pháp cho lập ra Bá Nghệ Đoàn, mở lớp dạy nghề.
Bá Nghệ Đoàn dạy cho thanh niên nhiều nghề như mộc, hồ, đan, thêu, khắc mộc gỗ . .Trong đó chỉ có hai nghề đan mây tre lá phổ cập và khắc mộc gỗ cho Chơn Truyền Ấn Quán có nhiều người theo học và phát triển nhứt. Số thanh thiếu niên tụ tập ngày càng đông.

Giáo sư Bạch quyết hợp thức hóa Đoàn bằng cách gởi lên Văn Phòng Hộ Pháp xin thành lập Đoàn Hướng Đạo sinh Cao Đài.
Ngày mùng 5 tháng 5 năm Nhâm Thìn (1952), Đức Hộ Pháp ký Thánh Lịnh 18/TL cho phép Đoàn Hướng Đạo Sinh Cao Đài được phép hoạt động với lời hứa:

"1- Làm tròn bổn phận với Tôn giáo và Tổ Quốc.
2- Giúp ích mọi người bất cứ lúc nào…"

Đoàn đã chiêu mộ giáo viên và lập ra hai trường Minh Đức, Tân Dân cho con em Đạo vào học miễn phí và được ăn cơm Trai Đường. Giáo viên được 5 năm thì được cầu phong vào

hàng phẩm Lễ Sanh.

Nhiều Chức sắc Đạo hiện nay xuất thân từ hai ngôi trường nầy.

II- Người Ươm Mầm Đạo Dịch.
(Bổ sung Chương VI, Mục IX)

….Đức Chí Tôn dạy tiếp: "Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, mà biến hóa vô cùng" (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển II, trang 62).
Rồi Thầy định phương vị Tòa Thánh đối với Bát Quái và Bát Phương như vầy: "Tòa Thánh day mặt hướng Tây (cung Đoài). Ấy là cung Đạo. Bên trái Thầy là cung Càn, tay mặt Thầy là cung Khôn (Từ trong Bát Quái Đài nhìn ra) (Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Paris Gasnier 1952, trang 71).

Bát Quái phát sinh từ tương tác Âm Dương mà ra:

1. Hư Vô: Động sinh ra Dương trong Hoàng cực.
2. Hoàng Cực: Động sinh ra Dương trong Thái cực, tĩnh sinh ra Âm trong Thái cực.
3. Thái Cực: Động sinh ra Lão dương, tĩnh sinh ra Lão âm.
4. Lão Dương: Động sinh ra Thái dương, tĩnh sinh ra Thái âm.
5. Thái Dương: Động sinh ra Càn
   Thái Âm: Tĩnh sinh ra Khôn.
6. Thái Dương: Trong tĩnh sinh ra Đoài.
   Thái Âm: Trong động sinh ra Cấn.
7. Thiếu Dương: Trong tĩnh sinh ra Khảm.
   Thiếu Âm: Trong động sinh ra Ly.
8. Thiếu Dương: Trong động sinh ra Chấn.
   Thiếu Âm: Trong tĩnh sinh ra Tốn.

Những tương tác Động-Tĩnh, Âm-Dương tạo ra Bát Quái từ cõi Hư Vô (gọi là Đạo)

Bát Quái và Ngũ Hành sinh ra vạn vật là một quá trình vận động, biến hóa không ngừng. Ngũ hành dù tương sinh, tương khắc, nhưng cuối cùng cũng về với Đạo.

III- Lập Báo Quốc Từ.
(Bổ sung Chương VII: Đạo Cao Đài Ra Mặt Quốc Tế)

Đến ngày 01-10-1955, Đức Hộ Pháp cho thành lập Báo Quốc Từ cách cửa chợ Long Hoa về phía Bắc hai ngã tư. Một ngôi Đền trang nghiêm lộng lẫy nằm trên con lộ mang tên Báo Quốc Từ.

Hàng năm vào ngày 10 tháng 03 Âm Lịch, Hội Thánh thiết Lễ giỗ Tổ Hùng Vương rất trân trọng tại nơi đây.

Trước Từ Đường trên hai cột trụ giữa có câu liễn:

BẢO THỦ CƠ ĐỒ ANH HÙNG DƯƠNG KHÍ PHÁCH
HỘ TRÌ QUỐC VẬN CHÍ SĨ HIỂN OAI LINH

Chính giữa Đền Thờ trần thiết một bàn thờ cao lớn, sơn son thếp vàng, từ khí bằng đồng, hai bên có lộng vàng tàng đỏ, lỗ bộ kim cang; ngay sau phong bàn thờ có 8 chữ Hán to:

CỨU QUỐC CÔNG THẦN - CHIẾN SĨ TRẬN VONG

Dưới 8 chữ ấy có 4 Bài vị sơn son thép vàng là: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, Cường Để.

Đức Hộ Pháp giải thích (18-08-Ất Mùi): "Đừng tưởng lầm rằng Đạo đã xu hướng bảo Hoàng, kỳ thật các Đấng ấy chỉ biết vào hàng ái quốc như các chiến sĩ "khác". [1]

IV- Báo Ân Từ.
(Bổ sung Chương VII, Mục III: Xây Dựng Nơi Thờ Diêu Trì Cung).

Báo Ân Từ trong ngày lễ cũng như ngày thường là ngôi Đền kiến trúc đẹp đẽ chỉ đứng sau Tòa Thánh.

Báo Ân Từ có vẻ đẹp nhẹ nhàng, giản dị mà thanh thoát tạo nên bởi sự phối hợp các khối hình của tường bao, cột chạm và mái nhà cong, khiến khách thập phương có ấn tượng ấm áp và gần gũi.

Toàn bộ ngôi Đền cấu trúc như một ngôi nhà dài mà phần chính xây theo kiểu nhà 3 nhịp dài 36m rộng 12m với 14 gian.

1- Đức Ngài ám chỉ Quốc Sĩ Trình Minh Thế